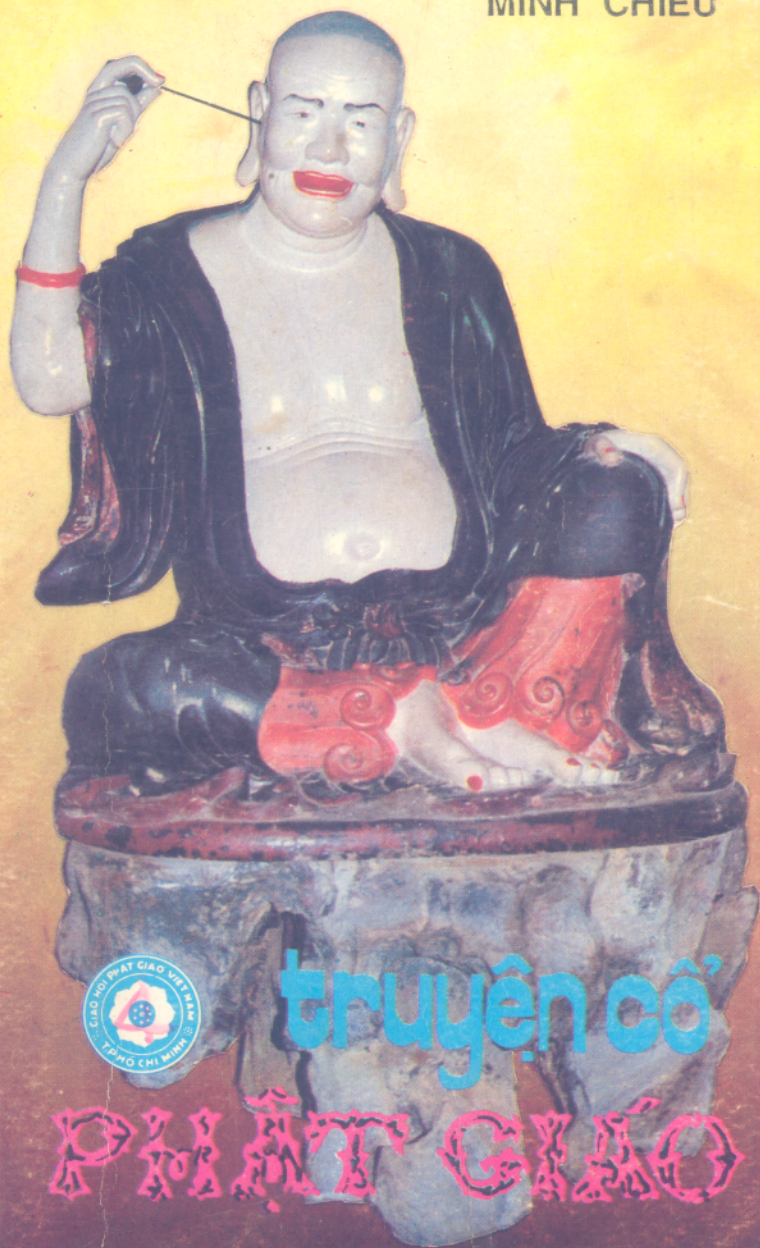


MINH CHIỀU



PIAT GLO

Truyện cổ Phật giáo

Bìa trước : **TƯỢNG LA-HÁN**

Thờ ở Chùa Tây Phương

Chụp ảnh : **ĐỒNG BÓN**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

MINH CHIẾU

Sưu tập

Truyện cổ
PHẬT GIÁO

TẬP 4



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2536 — 1992.

Tám gương đạo hạnh muôn đời còn ghi

Khu rừng phía Nam kinh thành bỗng xáo động hẳn lên. Chim chóc gọi nhau lẫn trốn, thiêm thiếp lo sợ trong các cành cây kẽ lá. Từ hươu nai cho đến hổ báo đều loan truyền một tin hung dữ : Nhà vua đi săn.

Ca Lợi Vương đi săn. Khác hẳn với các cuộc đi săn thường, lần này nhà vua tổ chức một cuộc săn quy mô trong suốt tuần lễ. Vì nhiều lễ, và trong đó có một lễ là để trừ khử uy tín của một đạo sĩ về tu hành trong khu rừng phía Nam này.

Đoàn người đi săn đã đến tại mé rừng. Thật như là một binh đoàn đi chiến trận. Có đủ cung tên gươm giáo, có ban tiếp vận lương thực, có hệ thống truyền tin liên lạc. Họ dựng lều trại và sửa soạn chỗ cho vua tá túc. Ca Lợi Vương cỡi một con bạch mã, bận nhung phục gọn ghẽ, dẫn đầu toán lính săn. Bản chất mạo hiểm của ngài thường thấy

bộc lộ trong những trường hợp như thế này. Đoàn người tiến sâu vào rừng. Mỗi lần nhà vua bắn hạ được một con thú thì cả đoàn hoan hô vang dậy và sẽ có một bọn sắp sẵn để mang con vật xấu số đến trước mặt ngài.

- Muôn tâu Hoàng thượng ! Con thú bị mũi tên thần bắn trúng vào chính giữa đầu.

- Muôn tâu Hoàng thượng ! Hoàng thượng vừa hạ một con hươu đẹp đế nhất trong loài hươu.

- Muôn tâu Hoàng thượng !...

Và Hoàng thượng kiêu hãnh mỉm cười, truyền lệnh khao thưởng quân sĩ.

Đến trưa, cuộc đi săn tạm nghỉ. Vua ngã người trên chiếc võng và an mình trong giấc điệp. Khi ngài thức dậy thì ngài ngạc nhiên thấy quân lính thiếu mặt rất nhiều. Bọn chúng đi đâu ? Ngài đang bắn khoăn thì bỗng đội liên lạc về phi báo là bọn quân lính đã tề tựu ở dưới một gốc cây Bồ Đề để nghe một đạo sĩ thuyết pháp.

Hãy tưởng tượng Ca Lợi Vương giận dữ đến bực nào ! Trước đây, dư luận đã xôn xao về tin này, người ta đã cho nhà vua hay là có một vài người trong hoàng tộc cũng lên lút đến nghe đạo sĩ thuyết pháp. Và chính bởi lẽ đó mà vua tổ chức

cuộc đi săn này để tìm hiểu thực hư. Vậy mà giờ đây, tên đạo sĩ lại cả gan khuyến dụ cả quân lính nhà vua.

Lệnh tập hợp cấp tốc được lan truyền. Số vắng mặt vẫn chưa thấy trở về. Vua định ninh rằng kẻ tu hành đã đánh lừa mê để cầm giữ một cách phi pháp lính của ngài. Ngài nhảy lên ngựa và đích thân đến nơi. Quan quân lục tục kéo đi theo ngài.

Gần đến nơi rồi. Một vài cận thần thân tín thúc ngựa lên trước. Họ quát tháo ầm ỹ. Quân lính đang vây quanh vị đạo sĩ sực nhớ lại nhiệm vụ của họ đối với Hoàng thượng, nên vội nói rộng vòng và cúi đầu chịu hình phạt. Họ vừa nghe một bài dạy về hạnh từ bi, họ cảm thấy tội lỗi của họ trong cuộc đi săn đây sát khí, và giờ đây họ ước muốn nhà vua đuổi cổ họ về, hơn là họ tiếp tục cuộc chém giết.

Nhà vua đã xuống ngựa. Ngài định tiến đến trước mặt nhà đạo sĩ, nhưng những cận thần đã vội ngăn cản :

- Muôn tâu Hoàng thượng, việc trục xuất tên Sa môn này đâu phải nhọc đến thánh thể, xin cho phép để hạ thần ra tay.

Vừa tâu xong, họ xông đến. Họ dùng bao nhiêu lời thô bỉ để lăng mạ, để chửi rủa như trong giây

phút họ sẽ phanh thấy đạo sĩ thành trăm mảnh. Nhưng "chớ vẩn sủa mà lạc đà vẫn đi qua", đạo sĩ vẫn không nói lại một lời, không sắc giận, điềm nhiên như không.

Cảnh tượng ấy làm vua Ca Lợi Vương khá ngạc nhiên. Từ trước đến giờ, kẻ nào thấy vua cũng phải phủ phục dưới chân để tung hô hoàng đế vạn tuế, thế mà hôm nay lại có một kẻ tu hành trước mặt ngài vẫn cứ ngồi lì như chết. Ngài bước tới, truyền lệnh cho các cận thần lui ra và đóng cửa hỏi :

- Này tên Sa môn ương ngạnh kia ! Nhà ngươi ngồi tại đây để làm gì ?

Đạo sĩ trả lời :

- Kẻ này tu hạnh nhẫn nhục.

- Hạnh nhẫn nhục là thế nào ?

Đạo sĩ điềm tĩnh trình bày, giọng từ hòa như giọng đã thuyết pháp cho các người lính săn bắn này :

- Tâu Hoàng thượng ! Tu hạnh nhẫn nhục là giữ tâm khiêm nhường với tất cả mọi người, là trừ bỏ những hành vi tự đắc, kiêu mạn, là dùng lời nói êm dịu để khuyến hóa chúng sanh. Tâu Hoàng thượng...

Nhà vua không nén được giận dữ nữa. Những lời đáp của đạo sĩ thì chân thật mà vua tưởng là cố ý xoi bói công kích sự ồn ạt nóng nảy của mình. Hoàng thượng thét, cắt ngay lời đạo sĩ :

- Im, im ngay.

Vua quay lại, như muốn hạ lệnh cho vệ sĩ của ngài ra tay tức khắc. Bỗng vua nẩy ra sáng kiến gì, vua lại hướng về phía đạo sĩ, rồi dịu giọng hỏi :

- Nhưng mà, ta hỏi thêm nhà ngươi câu này. Tại sao khi này, cận thần của ta hết lời mắng chửi nhục mạ nhà ngươi mà nhà ngươi vẫn làm thính ?

- Tâu Hoàng thượng ! Kẻ này suy nghiệm rằng : Nếu như những lời chửi mắng của người khác là đúng thì phải sanh lòng hổ thẹn để mà hối cải, còn nếu như những lời chửi mắng nhằm lẫn thì xem như là những tiếng vang như gió thoảng ngoài tai mà thôi. Tuyệt nhiên không khi nào sanh tâm oán hận.

Câu trả lời có một phản ứng mạnh. Quân lính thì thâm thán phục, các cận thần trở mặt kinh ngạc. Còn nhà vua, ngài cảm thấy tự ái của ngài xúc động. Để phục hồi uy tín của ngài, ngài rút mạnh thanh kiếm, và bảo :

- Đây là những lời xảo trá và vô lễ !

Rồi ngài hạ tay cắt đứt đôi vành tai của đạo sĩ. Giòng máu đỏ rì rả thấm ướt đầm cả đôi má. Mọi người nín lặng. Tuy nhiên, đạo sĩ vẫn tĩnh tọa sắc mặt vẫn thản nhiên. Không chút gì tỏ vẻ đau đớn và oán thán.

Nhà vua không ngờ có một sức chịu đựng lạ lùng. Hay đây là một tên phù thủy có nhiều pháp thuật ? Dầu sao, vua không thể lùi bước được. Ngài vùng kiểm chặt đứt thêm hai bàn tay đạo sĩ đang chấp trước ngực :

- Hãy xem tên thầy pháp này nhấn nhục đến nước nào ?

Máu đào tuôn ra, thấm quanh chỗ ngồi của vị tu hành. Tuy thế đạo sĩ vẫn không thốt lên một tiếng kêu than. Vết thương như làm cho thần trí của người thêm sáng suốt và đông mãnh. Gương mặt người trông từ bi lạ lùng.

Thật là một giòng nước mát rười lên lửa hận thù của nhà vua hung bạo. Vua lặng thinh. Bây giờ ngài hiểu rằng kẻ đương ngồi trước mặt ngài không phải là một kẻ tầm thường. Ngài gương cất tiếng giữa sự im lặng nặng nề của quân binh :

- Hồi Đạo sĩ, tại sao người bị hành hạ thân xác mà người không chút gì sắc giận ?

Đạo sĩ thông thả trả lời :

- Tâu ngài, nếu như tôi có lỗi mà bị hành hạ thì tôi phải nhận thọ như uống được nước cam lồ và sinh lòng cung kính với người. Còn gặp trường hợp không phân biệt phải trái mà người xúc phạm đến tôi, thì tôi suy nghĩ rằng ngày nay tôi vô tội, nhưng biết đâu không phải do ác nghiệp ngày trước mà nay phải chịu. Vả lại, thân này là sự cấu hợp giả tạm thì cũng không nên lấy gì làm luyến tiếc.

Ca Lợi Vương bấy giờ đã hối hận về tội ác của mình. Nhưng vì tập tánh chủ quan chỉ biết hạch lỗi kẻ khác lâu nay, vua gan hỏi thêm một lần nữa :

- Hay lắm ! Nghĩ được như thế thì hết sức tốt đẹp. Nhưng làm thế nào cho ta tin rằng nhà người thật tình nghĩ như thế. Làm thế nào cho ta tin rằng nhà người không oán hận ta, không oán hận những cận thần của ta đã sỉ nhục nhà người ?

Đạo sĩ giơ hai cánh tay cắt, mắt sáng lên một cách lạ thường. Người phát thệ :

- Tôi thề rằng tâm tôi không có một chút oán hận nào. Những người gây đau thương cho tôi chỉ

vì bị mê mờ che lấp đáng thương mà thôi. Nếu như lời tôi không chân thành với tâm tôi thì những vết thương của tôi trở thành lở loét ghê gớm, bằng như trái lại, tâm tôi hoàn toàn không oán hận thì những vết thương của tôi sẽ lành lặn.

Trời đất bỗng nhiên rung chuyển. Hương thơm tỏa ra ngào ngạt. Ca Lợi Vương và mọi người nín lặng chờ đợi. Họ trông thấy, ôi kinh ngạc biết bao ! Họ trông thấy thân thể đạo sĩ lành lặn như xưa. Người ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Bồ Đề, gương mặt từ bi, chói lọi hào quang.

Cái kiêu hãnh trước đây tạm thời cung cấp cho nhà vua một sức mạnh ồ ạt, mong manh, bây giờ vỡ tan ra bọt nước. Và hạnh nhân nhục của đạo sĩ quả là một năng lực bền bỉ, trường cửu và bất khả chiến thắng. Nhà vua quý sụp xuống bên đạo sĩ và xin sám hối bao nhiêu tội lỗi. Vua còn nguyện ghi nhớ gương sáng hạnh nhân nhục này để thực hiện trong đời sống cá nhân, trong việc trị quốc của mình và đời đời kiếp kiếp xin tận tâm phụng sự Chánh Pháp.

Đạo sĩ khiêm tốn đờ Ca Lợi Vương dậy và hiến đệu bảo :

- Lời phát tâm tốt đẹp của người tự nó đã xóa bỏ được lỗi lầm do chính người gây ra. Và ta hứa với

người rằng, trong tương lai khi ta thành đạo, ta sẽ nhận người làm đệ tử đầu tiên của ta.

*

Vị đạo sĩ đáng kính trên đây là tiên thân Đức Phật Thích Ca và Ca Lợi Vương là tiền kiếp của ngài Kiều Trần Như.

Và đúng như lời đã hứa, sau khi thành Phật, mở đầu cho lịch trình truyền đạo 49 năm trời, Đức Thế Tôn đã thuyết pháp lần đầu tiên tại Khu vườn Lộc Uyển cho năm vị đệ tử, trong số đó có ông Kiều Trần Như.

QUẢNG HUỆ

"Kẻ nào bị người khác làm nhục mà trong lòng không sinh mối ác cảm, kẻ ấy đã thắng một trận về vàng"

Hương Trinh công chúa

Hoàng đế Đại Lâm nhìn ra sân, màn sương còn dày đặc : Ủa, Vô hộ giá sao chưa thấy ? Thì tiếng nhạc ngựa vừa đến. Một thanh niên bước xuống, chàng nai nịt gọn gàng trong bộ đồ săn thú trông oai phong nhưng không kém vẻ hào hoa.

Lá Tiên Đình vô hộ giá của Hoàng đế Đại Lâm, chàng đã đẹp trai lại có vẻ tiên phong đạo cốt. Tuy được vua trọng dụng, Tiên Đình vẫn gây nhiều thiện cảm với quần chúng. Nhất là chàng đã khuyên vua bỏ nhiều tội ác. Vì thế Tiên Đình rất được lòng dân, các bạn đồng liêu đều kính mến và thường gọi chơi là "bạch diện thư sinh".

Lịch sử của chàng như một giấc mơ. Người ta không biết Tiên Đình con cái nhà ai ? Chỉ nghe đồn miệng : cách 10 năm về trước, trong ban nhạc của nhà vua có một em bé mặt đẹp mà ca hay, nên một hôm sau buổi tấu nhạc Hoàng hậu cho tuyển em vào hầu cận ở hoàng cung. Tiên Đình thông minh ý tứ nên hai vua đều thương cả.

Giữa lúc đang được cung sủng thì bỗng đâu tai bay họa gió đến với em. Một chuỗi ngọc châu quý của Hoàng hậu khi không, không cánh mà bay.

Hôm ấy sau buổi dạ yến, Hoàng hậu vừa trở về phòng vừa cởi ra thì không biết vì sao chuỗi mất biến. Trong phòng riêng của Hoàng hậu trừ hai vua thì chỉ có một Tiên Đình ra vào. Vì vậy em bị bắt.

Quan tư pháp bộ hình để riêng một phiên xử vụ Tiên Đình. Khi chủ ngục dẫn em ra, thoát nhìn, quan bộ Hình cũng phải yêu. Ngài ôn tồn : "Theo tuổi con thì chưa có luật (em mới 12 tuổi). Vậy con có lấy chơi bỏ đâu thì khai ra ta sẽ tâu vua tha tội cho. Nếu không khai chắc bị tra tấn con làm sao chịu được những hình phạt nặng nề, vậy con cứ khai đi ta sẽ châm chước cho.

Em cúi đầu lặng, vẻ mặt bình tĩnh có dáng suy nghiệm nhiều, lúc lâu em thưa :

- Thưa ngài, về vụ này một mình con không thể lấy lọt được nên trong đây có bốn người tòng phạm.

Mọi người đều nín lặng, nhất là quan bộ Hình chăm chỉ nghe. Ông đỡ :

- Ủ, ai còn cứ khai ra ta sẽ xử phân minh.

- Thưa ngài, nếu con đã khai thì ngài phải mời cả bốn người chứ đừng vị tình chi cả.

- Ừ được rồi, con nói đi !

Giao hẹn xong, em khai trong vụ này có Hoàng tử Mạnh Đan, đại thần Trí Tuệ, phú ông Đức Trí và cô ca kỹ Dạ Lý Hương.

- Ừ sao bốn nhân vật em khai lại toàn những danh nhân trong nước cả. Thái tử Mạnh Đan là diện hạ của đương kim Hoàng đế, đại thần Trí Tuệ là tể tướng đầu triều, phú ông Đức Trí oai quyền sang trọng địch quốc, Dạ Lý Hương một danh ca tài sắc đương thời.

Từ cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác, bốn nhân vật em khai sao không dính dáng gì đến nhau cả. Nhưng không lừa sao có khối ? Không lẽ thằng bé này dám khai dựng đứng ? Coi bộ nó nói chắc chắn lắm mà... năm sáu dấu hỏi trong lòng mọi người, nhất là rắc rối cho quan tư pháp. Vì thế vụ xử đành đình lại, và dĩ nhiên quan tư pháp tâu lên chúa thượng.

Vua và Hoàng hậu rất lấy làm lạ. Cho hỏi Đông cung cũng tức cười rồi vì tính hiếu kỳ ngài muốn đi cho biết.

Đại phạm việc gì vừa vừa thì người ta mới tức

bực chớ những cái không ngờ mà xảy ra thì họ tức cười hơn. Nhất là trong vụ này lại có nàng Dạ Lý Hương. Cái nhan sắc khuynh thành của cô ca kỹ đã làm ba ngài quên đi cái bực mình. Thái tử, Đại thần, Phú ông ngồi nhìn sững Dạ Lý Hương nét mặt buồn của người đẹp càng đẹp lạ, các ngài đồng nghĩ : Không biết thằng bé này vô tâm hay hữu ý, mà nó khai kèm Dạ Lý Hương vào đây thật diệu kế. Thật thế nếu không có cô Dạ Lý Hương ngồi đó thì em bé phải biết tay ba ngài. Nhưng nhờ vậy, Hoàng tử khoan hồng hỏi Tiên Đình : con có đại lý chơi thì trả lại ta sẽ tâu Hoàng hậu tha tội cho, chứ sao con dám khai cho ta hử ? Trước mặt người đẹp dù sao Phú ông cũng không lẽ hung hăng, ông nhìn Tiên đình : Này em, em ngó lại qua đây có khi nào vào Hoàng cung đâu, huống chi chỗ phòng riêng của Hoàng hậu sao em lại khai rắc rối cho qua thế ? - Dạ Lý Hương e lệ trước quý ngài nàng cũng dịu dàng : này em coi có bao giờ chị gặp em đâu, mà em lại đi khai lụng lụng cho chị tội quá !

Trí Tuệ đại thần ngồi yên lặng, ông đang suy nghĩ : Lạ thật, không biết ai bày mà nó lại khai ta với ba người này thật vô lý quá, ông có ý tức nhưng khi nhìn thấy Tiên Đình thì ý tức giận của ông tiêu ngay. Mặt nó thông minh thế kia, xinh quá ai mà không yêu ! Nó khai rắc rối cho người

ta rồi ngồi tự nhiên tự tại. Ừ, sao nó không khai cho bọn cung nữ lính tráng trong cung, lại lựa bốn người nhất hạng trong nước mà khai ? Lại thật ! Vậy để ta bình tĩnh suy nghiệm kỹ may ra manh mối chẳng ?

Từ khi nghe Thái tử bị liên quan vào việc này, tuy Hoàng hậu không nghi nhưng rất buồn, Ngài truyền nhiều lính Ngự lâm đi khắp nơi dò hỏi. Máy chục cung nhân giả dạng thường dân cũng phân đi các ngã dò xét.

Phú ông khi có lệnh quan mời, Phú bà rất lo sợ, một mặt sai gia nhân đi kiểm và bỏ tiền thuê người rải tán mọi ngã, đón đường để hỏi tìm.

Dạ Lý Hương một danh ca được nhiều vương hầu bá tước để ý, nhưng nàng còn chưa ghé mắt xanh. Nay nghe Dạ Hương bị bắt, các ngài bết bát cười ngựa rong xe thân hành lùng khắp tất cả, từ thành nội thành ngoại, các thôn quê, những ngã đường, hiệu cầm đồ, nhà bán ngọc v.v... ai cũng tâm niệm cho mình tìm ra thì được người đẹp để ý.

Suốt mấy hôm Trí Tuệ đại thần không nhắm mắt, ông suy nghiệm mãi, rồi đến một hôm cách ba ngày sau ông tin cho quan bộ Hình biết là : xử vụ này phải mời cả Chúa thượng, Hoàng hậu cùng tất cả bá quan chứng kiến.

Hôm sau khi công chúng tề tựu đông đủ, Đại thần đứng lên đóng dặc hỏi : Tâu Thánh thượng, trong phòng Hoàng hậu trừ Tiên Đình ra, ngài có nuôi con vật nào không ? Câu hỏi của Đại Thần như một tiếng trống dội mạnh, cả hai vua đều thốt : "À hay Lệ Nô ? Có lẽ Lệ Nô". Thế là một toán Ngự lâm vội vàng chạy vào hậu cung... thì trên một cây nhãn cành lá sum sê, dầy, gia đình của Lệ Nô, quả nhiên chuỗi ngọc treo tòn ten trên cành cao. Lệ Nô là một con khỉ cái rất tinh khôn cũng được hai vua thương lắm. Thái giám dâng chuỗi ngọc ra, đức vua đưa lên cao cho mọi người xem. Ai cũng khen tài của quan Đại thần. Nhưng người ta không khỏi ngạc nhiên cái việc em bé khai, nhất là quan Đại thần Trí Tuệ. Ông liền xoay lại hỏi em vì lý do chi em khai như vậy ?

Tiên Đình đứng lên hùng dũng thưa :

- "Thân con thơ dại tứ cố vô thân, may được vua thương cho vào hầu cận, rui mất ngọc, Hoàng hậu nghi con cũng phải, vì cung ngài chỉ một mình con được ra vào. Đã bị nghi, nếu con nói quanh quẩn chắc các Ngài nổi xung thế nào cũng bị tra tấn, con bé bỏng làm sao chịu được cực hình ? E phải chết oan ! Con nghĩ : Nếu khai mào cho Thái tử thì Hoàng hậu đủ uy thế, cung nga thế nữ nhiều, ngài sẽ cho đi tìm ngọc. Phú ông giàu sang dịch

quốc, nếu khai ông dính dáng vào vụ này thì Phú bà phải thuê người dò xét. Cô Dạ Lý Hương bị bắt thì các công tử nóng ruột thì nhau đi tìm giùm. Còn đại thần Trí Tuệ là quan công minh xưa nay, may nhờ trí sáng của ngài xét nghiệm có thể ra manh mối...

Mọi người đều ngạc nhiên và khâm phục trí thông minh của em. Có người cảm động đến rơi nước mắt.

Sau vụ tìm ra ngọc, hai vua càng thương quý, cho em theo học hành và dĩ nhiên Tiên Đình học rất thông minh, đến năm 20 tuổi thì văn võ toàn tài, hiện nay tức Là Tiên Đình võ hộ giá của Hoàng đế Đại Lâm.

Cuộc lạc du(*) hôm nay do Tiên Đình tổ chức đơn sơ vì chàng đã tâu trước với đức vua nhận việc săn bắn ở Mã Lạp Sơn sẽ bàn nhiều quốc sự.

Săn bắn là thú thích của ông vua gian hùng hiếu sắc ấy. Nhưng đã mấy năm nay Tiên Đình lên giúp vua chàng thường can vua, không để vua chơi những trò hung bạo.

Thế mà hôm nay chàng lại tổ chức đi săn khiến vua ta rất bằng lòng. Mãn sương còn đọng, bạc cả

* Đi săn bắn

ngàn cây. Hai con bạch mã song song trên đường thiên lý, hướng về Mã Lạp Sơn.

Vua mặc thường phục, theo sau vài tên Ngự Lâm không xuất sắc.

Tiên Đình đêm chiều nhìn khoảng đường khúc khúc quanh co, đã đợi ba phen chàng trả lời bằng quơ không ăn khớp câu hỏi của Chúa thượng. Nhưng bạo chúa làm sao đọc được những ý niệm tế nhị trong đôi mắt của vị thiếu niên anh tuấn ấy ??? Rồi không hiểu sao ? Hay chàng đã thấy gì ? Bỗng nhiên Tiên Đình quát ngựa chạy, chạy mau, vua cũng chạy theo, ngựa chẳng cứ như phi lên, ngựa vua cũng thế, hai anh Ngự lâm bắt giắc cũng chạy theo nhưng không kịp nữa. Con đường đến núi quanh co nhiều ngã quá, họ trông theo dấu bụi để tìm nhưng vẫn chịu tìm không thấy. Hai anh ngự ngác nhìn nhau, được cái họ tin ở tài quan Vô hộ giá chắc không để Chúa thượng phải lâm nguy.

Hai chúa tòi này giờ cứ loanh quanh mãi tìm đường, nhưng càng tìm bịnh như lại càng đi sâu vào núi. Có lẽ xa lắm rồi, nơi đây không có dấu chân người. Vua hơi chột dạ, nhưng được Tiên Đình bình tĩnh nên ngài đỡ lo.

Không biết đã mấy giờ ? Con nắng lên cao lắm, xuyên qua những cảnh cổ thụ. Trên nét mặt Tiên

Đinh nổi lên nhiều đường gân, môi chàng tím lại... Vua mệt nhiều, mồ hôi ướt như tắm, ngựa cũng uể oải vì nắng gắt. Tiên Đình tâu vua xin dừng ngựa nơi đây cho định thần và đỡ mệt. Vua nằm dài trên tảng đá dưới cây cao rồi ngủ mê như chết. Chàng vén tay áo lên trong đôi mắt cháy đỏ vì hận thù... Phải chăng chàng đã thấy gì trong cánh tay nõn nà như ngọc chuốt ấy ? - Hai cái sẹo to nổi lên hai chữ "phục thù"... Rồi cả một khung cảnh diễn lại tuy mơ hồ từ ngày chàng còn bé... nhưng càng theo tuổi lớn lên lại rõ thêm.

Ngày ấy, khi vua cha bị Hoàng đế Đại Lâm chiếm ngôi, mẹ con chàng được một vị trung thần phò đi lánh nạn. Năm ấy Tiên Đình mới lên sáu, chàng còn nhớ câu nói đầy uất hận của phụ vương : "Than ôi ! Nếu Hương Trinh là trai thì thù này mong báo được, ta vô phúc sinh Hương Trinh, thôi còn nói gì nữa !?. Tuy mới 6 tuổi, Hương Trinh cũng biết tủi mình trước lời Phụ hoàng than. Không chịu nhục và bắt đầu nuôi chí nguyện, nàng khắc ngay hai chữ "phục thù" vào cánh tay để nhớ mãi.

Trong những ngày mẹ con lánh nạn, Hương Trinh nhớ rõ lắm. Nhớ những khi mẩu hậu cầm tay dẫn con qua hơi buồn thảm : "Con ơi ! Bốn năm trước khi Phụ hoàng bị cực hình, cha con có than : "Không con trai để phục thù" nhưng

giờ đây mẹ lại mừng vì con là gái. Mẹ là Phật tử, được tắm trong bể cả từ bi của Phật, vì thế không bao giờ muốn con nuôi chí ấy. Lâu nay mẹ chờ con đủ trí khôn mẹ mới nói : Con ạ ! Lấy ân trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán, oán kết thêm nhiều, và lại mẹ khuyên con nên thấy cảnh gia đình mình tan nát, thì đừng gieo rắc sự tan nát cho kẻ khác, mẹ chỉ khuyên con như thế... rồi vì không chịu được sơn lam chướng khí, Hoàng hậu đã băng hà trong núi sâu giữa đêm mưa gió toi bời. Cự thần an táng Hoàng hậu xong, rồi không lâu, tuổi già cũng đưa con người trung thần ấy về nơi cõi chết. Những tấm màn đen dày đặc phủ lớp này lớp khác lên đời công chúa thơ ngây, mất hẳn hết những tình thương yêu. Một mình Hương Trinh sống bơ vơ giữa núi rừng hoang vu. Trong huyết quản của Công chúa trộn lẫn hai dòng : Mẹ là Phật tử phụng sự từ bi, cha thuộc Bà La Môn giáo, tính cương quyết và hiếu chiến. Cương quyết của Công Chúa giống cha. Hương Trinh cải trang (giả trai) rồi lăn về đồng nội. Nhờ mặt đẹp ca hay đã tiến cử em sung vào ban nhạc kịch đồng ấu của tân quân. Rồi mỗi thù cũng như tuổi tác mỗi ngày lớn lên. Hương Trinh chờ cơ hội. Và nàng đã sắp đặt cơ hội trong cuộc lập du hôm nay.

14 năm nuôi chí nguyện, sống trong lo sợ hãi
hợp, chịu nhiều oan trái... cơ hội chỉ đến trong giờ
phút này. Hương Trinh run lên, khi hình tượng
tiêu tụy của Phụ Hoàng nhìn mẹ con lần cuối
cùng. Nàng nóng bừng đôi má vì câu than của
Tiên vương... Kẻ thù làm tan nát gia đình, tan nát
hạnh phúc của nàng nằm sờ sờ trước mặt. Hương
Trinh vận hết sức lực tuốt kiếm ra... Linh hồn
Tiên Vương đang mỉm cười sung sướng vì thấy
nàng không kém con trai.

Nhưng than ôi ! Lưỡi kiếm sáng vừa ra khỏi vỏ
thì bóng mẫu hậu hiển hiện ra... "Mẹ là Phật
tử được tắm lòng trong bể cả từ bi mẹ không muốn
con nuôi chí phục thù..." nghe cha thì bỏ mẹ, nghe
mẹ thì phụ cha, hai chí hướng trái ngược của mẹ
và cha dằng co trong lòng người con hiếu. Tay bủn
rùn, nàng cảm thấy thanh kiếm nặng nề cảm
không muốn nổi. Nhưng hình ảnh Tiên Vương lại
hiện ra, hai cánh tay người cha yêu quý bị kẻ thù
trói chặt, nàng còn bé, nắm áo mẹ đứng xa xa, Mẫu
Hậu vì khóc to đã bị lính nạt nộ. Nét mặt Phụ
Hoàng tiêu tụy, tiếng than đầy uất hận : "Ta vô
phước sanh Hương Trinh ! Thì còn mong gì ?".

Mặt nàng nóng rần, khi hận xung lên, hiếu tâm
kích phát dữ dội trong lòng. Hương Trinh rít lên :
"Không thể dụ dụ hèn yếu nữa, 14 năm trời ta chỉ

trông có một chút này. Đại Lâm, người phải đền tội. Người đã giết Phụ Hoàng ta, ta phải giết người, người đã làm cho gia đình ta tan nát ta phải làm gia đình người tan nát lại. Nghe chưa Đại Lâm ! "Lưỡi kiếm Hương Trinh vừa chém mạnh xuống... thì ôi ! Bàn tay hiền mầu lại dịu dàng đưa ra : ... Con ạ, hãy lấy ân trả oán thì oán mới tiêu, đem oán trả oán thì oán kết thêm nhiều... Mẹ không muốn con gieo rắc nỗi đau khổ cho kẻ khác...".

Hương Trinh tưởng tượng khi Đại Lâm chết, một nhóm cựu thần sẽ thời cơ khởi nghĩa giam Hoàng Hậu, hại Đông Cung v.v... gia đình tan nát... thêm vào đấy muôn dân đồ khổ điều linh vì chiến tranh... ba, bốn năm nay từ ngày nàng giúp tay với kẻ thù để trị nước, mục đích nàng chỉ muốn trăm họ được an, nay nếu vì thù riêng, sẽ không khỏi xáo trộn cuộc sống thanh bình của quần chúng. Rồi vô số gia đình cũng tan nát theo... điều mà Mẫu Hậu không muốn, đã tha thiết khuyên nàng.

Hương Trinh nhắm lại : "Người đã giết cha ta, ta phải giết người, người đã làm gia đình ta tan nát, ta phải làm cho gia đình người tan nát lại... Ô sao mà hèn quá, ta nuôi chí nguyện 14 năm để làm cái việc hèn ấy ư".

Giọt nước Từ bi của Phật đã làm dịu ngọn lửa hận thù, tâm trí nàng lần lần bình tĩnh. Hương Trinh nhìn lại Đại Lâm, một ông già gần 60 tuổi, chòm râu để vương điểm hoa râu tuy hãnh diện vênh lên, nhưng giấc ngủ vô minh đã làm con người thành thầy chết. Nàng nghĩ : nếu ta hại người thất thế thật không phải khí tượng anh hùng. Và lại ngại vàng đá dày vò tâm trí kẻ gian hùng không ít, mà thời gian cũng tàn phá sức lực ông đã nhiều rồi, đợi gì ta phải giúp thời gian kết liễu đời ông ? Thôi ta tha cho.

Giấc ngủ nặng nề vì nặng nhọc nặng bức, Đại Lâm nằm như, mồ hôi nhễ nhại, ông ú ớ trong mơ... Hương Trinh tra kiếm vào vỏ. Thúc vua dậy : Tâu Chúa Thượng đường về hạ thần đã tìm ra.

Vua bàng hoàng mở mắt : Ồ may quá ! Quả nhân vừa thoát cơn ác mộng. Vua quệt mồ hôi, tiếp : quả nhân mơ thấy con gái cụ Hoàng vác kiếm đuổi trộm.

Lá Tiên Đình buông mắt nhìn xa, trong nét thu ba của vị anh hùng căng quắt (*) đượm một vẻ buồn khó tả.

Chàng nhìn vua : Oai danh bệ hạ lưng lẩy bốn phương, một người con gái đuổi bệ hạ sợ chạy sao ?

* con gái

Vua vuốt râu chưa thẹn : Ủ mộng寐 nhiều khi biến tướng(*)).

Là Tiên Đình nghiêm nét mặt : Nhưng giá như thật, Công Chúa tính chuyện phục thù thì Chúa Thượng nghĩ sao ?

Linh tính đế vương cũng có một phần nào trong con người ấy. Đại Lâm ngỡ vực nhìn Là Tiên Đình, thấy vua thất sắc, chàng thương hại, rồi như một nhà hùng biện, Tiên Đình đứng lên kể hết sự tình...

Vua hoảng hốt kinh ngạc và cảm động trước cử chỉ cao thượng của Hương Trinh và đức độ từ bi của cựu Hoàng hậu... thần lương tâm đã trở về với con người tham vọng. Đại Lâm như một tội nhân, ông quỳ xuống : Quả nhân còn biết nói sao cho hết sự ăn năn của tội ác, thôi giờ đây trăm xin giao lại đất nước để công chúa...

Tiên Đình vội đỡ vua dậy : Bệ hạ yên tâm, tôi sẽ đưa đường ngài về để phục vụ muôn dân, còn đất nước là của chung, Ngài làm cũng như tôi. Nhưng tôi chỉ khuyên Ngài : muốn củng cố giang sơn phải triệt để thực hành phước thiện. Thưa Ngài : lấy nhân ái để giữ gìn đất nước là khí tượng của Thánh quân, lấy bạo tàn duy trì ngôi báu là hành động của bạo chúa.

* không thật, thấy lớn hóa nhỏ nhỏ hóa lớn v.v...

Đại Lâm cúi đầu ngượng ngạo ông thở dài, Tiên Đình tiếp : Bệ hạ đừng ngại, trong Khế Kinh dạy : có hai hạng người được Như Lai tán thán : 1 - Là người biết sợ tội phước tin nhân quả nên không bao giờ dám gây tội ác. 2 - Là người trót làm tội ác, rồi biết sợ nhân quả mà ăn năn, nguyện chừa bỏ mà lấy công chuộc tội, thi ân cứu khổ cho mọi người v.v... cả hai đều được gọi là "đại trượng phu". Hồi hận, hổ thẹn, cảm động, kính phục... xáo trộn trong lòng. Đại Lâm bỡ ngỡ ngẩn nhìn Lã Tiên Đình với tấm lòng tri ân.

Trên đường về, lại song song hai ngựa, nhưng chúa tôi hai dòng tư tưởng khác nhau.

Buổi thiết triều hôm nay sao mà buồn bã thế ? Quân vương băng khuâng như mất đi một vật gì quý giá. Mọi người cũng đều mặc cảm như thiếu một cái gì quen biết lâu nay.

Nhưng khi câu chuyện Lã Tiên Đình là công chúa Hương Trinh đã công khai khi Hoàng đế Đại Lâm kể lại, thì bá quan đều chưng hửng cũng như sự kinh ngạc và cảm động kính phục chí khí đức độ của vị nữ anh hùng.

Đại Lâm tiếp : Thật thế, chỉ có lấy ân mà trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán thì oán kết thêm nhiều. Nếu công chúa chiêu binh đem về

phục thù thì trăm không bao giờ chịu thua. Nhưng cừu Hoàng hậu đã dặn con : "Lấy nước từ bi dội lên lửa hận" thì quả nhân há không bằng một phụ nưon sao ? Vậy trăm cũng nhờ giọt nước từ bi rửa sạch lòng tham vọng... Thôi giang sơn trả về cho công chúa. Phien các khanh ra dinh quan võ hộ giá thỉnh người vào đây.

Bá quan nôn nả ra đi. Nhưng đến nơi thì cửa văn phòng đóng chặt thanh bảo kiếm Tiên Đình thường mang, đã treo sẵn trước cửa, là câu trả lời dứt khoát việc không có mặt của nàng.

Phải chăng Hương Trinh biết trước nên nàng đã yên lặng giả từ ngai vàng để đi tìm một cái gì cao đẹp hơn ?

THÍCH NỮ THIẾ QUÁN

"Lấy oán thù đáp oán thù

Oán thù không dứt, niềm từ lại tiêu.

Lấy tình yêu, gọi tình yêu

Sống lên một gọn, thủy triều liền dâng."

Tôn giả Bạt Đà Lợi

Không phải lúc nào thuyết pháp Đức Phật cũng được mọi người hoan hỷ tín thọ phụng hành. Đôi khi Ngài phải đương đầu với những kích bác của ngoại đạo, và ngay trong chúng Tỳ kheo đệ tử đương thời của Ngài, cũng có nhiều vị không hoan hỷ, nhất là khi Ngài đưa ra những học thuyết hay giới luật họ khó thật hành, vì còn nhiều ngã ái. Nhưng chính trong những dịp này, chúng ta mới được thấy rõ đức bình tĩnh của đấng Thiên Nhân Sư. Ngài không bao giờ tỏ ra mất kiên nhẫn, đối với những kẻ cứng đầu.

Một thời khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên tịnh xá, Ngài gọi các Tỳ Kheo bảo :

- Nay các Tỳ kheo, hãy ăn chỉ một bữa trong ngày, chỉ ngồi ăn một lần rồi thôi. Nhờ ta chỉ ăn một bữa trong ngày, ngồi ăn một lần, ta cảm thấy ít bệnh ít náo, nhẹ nhàng có sức và yên vui. Do vậy, nay các Tỳ kheo, các người chỉ nên ăn một

lần, thì sẽ cảm thấy ít bình ít náo, nhẹ nhàng có sức và an vui.

Khi nghe vậy Tôn giả Bạt Đà Lợi bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, con không thể chỉ ăn một bữa, ngồi ăn một lần, ăn như vậy con sẽ thấy nhiều phiền não, hối tiếc, ăn hận, mất sức và buồn rầu.

- Vậy này Bạt Đà Lợi, khi nào ai mời ăn người hãy ăn tại chỗ một ít còn một ít đem về để ăn sau. Người có thể ăn như vậy mà sống qua ngày được không ?

- Bạch Thế Tôn, con cũng không thể làm được. Bạch Thế Tôn, ăn như thế con cũng cảm thấy nuôi tiếc, ăn hận.

Trong mùa an cư ấy, Tôn giả Bạt Đà Lợi luôn luôn lánh mặt Phật, vì đã không chấp hành học giới Đức Đạo Sư chế định cho chúng Tỳ kheo. Khi giải hạ, Tôn giả đi đến chúng Tỳ kheo để thăm viếng. Những vị này đang ngồi may một tấm y Tăng Già Lê cho Đức Thế Tôn. Khi thấy Tôn giả Bạt Đà lợi, chúng Tỳ kheo nói :

- Tấm y này đang làm cho Đức Thế Tôn, sau khi làm y xong, Thế Tôn sẽ du hành. Hiền giả hãy suy nghĩ lại về trường hợp vi phạm học giới của hiền giả để đến sám hối với Đức Đạo Sư, chớ để về sau lại càng khó khăn cho hiền giả.

- Thừa vâng, chư hiền.

Tôn giả Bạt Đà Lợi vâng lời chúng Tỳ kheo đi đến Đức Đạo sư, đánh lễ và bạch rằng :

- Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, con thật ngu ngốc, thật si mê, thật bất thiện. Trong khi chúng Tỳ kheo tuân hành học giới đã được Thế Tôn chế định, thì con lại tuyên bố mình bất lực. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn ngừa trong tương lai.

- Nay Bạt Đà Lợi, đúng như vậy, một lỗi lầm đã chiếm đoạt người, ông thật ngu ngốc si mê, bất thiện khi tuyên bố sự bất lực của ông đối với học giới đã chế. Nay Bạt Đà Lợi, trong thời gian ấy, ông đã không ý thức được rằng, bậc Đạo sư đã biết ta là bậc Tỳ kheo không thực hành học giới trọn vẹn. Ông không ý thức rằng một số đông Tỳ kheo đến an cư tại Xá Vệ, sẽ biết mình là một Tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới. Ông không ý thức rằng, một số đông Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ biết đến một thượng tọa Tỳ kheo là Bạt Đà Lợi, là đệ tử của Sa môn Gotama, không thực hành trọn vẹn học giới .

- Bạch Thế Tôn, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt con. Mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn ngừa trong tương lai.

- Này Bạt Đà Lợi, khi một vị Tỳ kheo đã chứng câu phần giải thoát hay Tuệ giải thoát, hay Thân chứng, hay Kiến đạo, hay Tín thắng giải, hay Tùy pháp hành, hay Tùy tín hành, khi một vị đã chứng một trong bảy địa vị ấy, được ta bảo rằng, hãy lấy thân mình làm cầu trái cho ta đi qua đám bùn, vị ấy có vâng lời hay tránh né, bảo "Không".

- Bạch Thế Tôn, vị ấy vâng lời.

- Này Bạt Đà Lợi, vậy ông là gì trong thời gian ấy mà cãi lời ta ? Ông đã chứng Câu phần giải thoát hay Tuệ giải thoát, hay Thân chứng, hay Kiến đạo, hay Tín thắng giải, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

- Bạch Thế Tôn, không.

- Vậy có phải ông là kẻ rỗng tuếch, mà lại ương ngạnh không ?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để ngăn chừa về sau.

- Này Bạt Đà Lợi, vì ông thấy rõ lỗi lầm, và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho ông. Vì rằng, này Bạt Đà Lợi, như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật bậc thánh, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy rõ lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và ngăn chừa trong tương lai.

Này Bạt Đà Lợi, khi một vị Tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư, thì dù vị ấy sống trong rừng núi hoang vu với hy vọng chứng được pháp môn hơn người, vị ấy cũng không chứng được, vì bị Đạo Sư quở trách, các vị đồng phạm hạnh có trí quở trách, bị chư thiên quở trách, và tự mình cũng quở trách mình.

Nhưng này Bạt Đà Lợi, nếu vị Tỳ kheo nào thực hành trọn vẹn giới luật trong giới pháp của bậc Đạo sư, thì vị ấy có thể chứng được các pháp thượng nhân, vì vị ấy không bị Đạo sư quở trách, không bị chư thiên quở trách, và không bị chính mình quở trách. Vị ấy có thể ứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, cho đến tứ thiên, và với tâm định tĩnh, thuần tịnh vô nhiễm, vô phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vị ấy hướng tâm đến túc mạng minh, nhớ được nhiều đời trước của chúng sanh, biết người hạ liệt, kẻ cao sang đều do hạnh nghiệp của chúng. Vị ấy có thể hướng tâm đến lậu tận trí, trừ được dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nhờ đã thực hành trọn vẹn các học giới trong giới Pháp bậc Đạo sư.

- Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì, có người được chúng Tăng giải tội một cách mau chóng, có người lại không ?

- Nay Bạt Đà Lợi, nếu một vị Tỳ kheo thường phạm giới tội, khi bị cử tội lại tỏ ra bất phục, không có thiện chí sửa đổi, vị ấy không được giải tội mau chóng.

Nếu vị Tỳ kheo ít khi phạm giới tội, nhưng khi phạm và bị chúng Tăng cử tội, lại tỏ ra phẫn nộ, bất mãn, thì chúng Tăng cũng không giải tội mau chóng.

Nếu vị Tỳ kheo thường phạm giới tội, khi bị cử tội tỏ ra ăn năn lỗi lầm, vị ấy được giải tội mau chóng.

Nếu vị Tỳ kheo ít khi lỗi lầm, nhưng khi bị cử tội, lại ăn năn chưa bỏ, thì chúng Tăng giải tội người đó mau chóng.

Nhưng khi một vị Tỳ kheo chỉ còn sống trong Tăng chúng với chút ít lòng thương, chút ít lòng tin, thì Tăng chúng không kết tội người ấy, vì không muốn mất chút ít lòng thương còn lại nơi vị ấy. Nay Bạt Đà Lợi, cũng như người chỉ còn một con mắt, thân bằng quyến thuộc của người ấy sẽ lo bảo vệ con mắt còn lại của người ấy, không để cho nó bị đoạn diệt. Tăng chúng đối xử với Tỳ kheo chỉ còn chút ít lòng tin cũng thế. Do nhân duyên ấy, có khi chúng Tăng giải tội mau chóng, và có trường hợp chúng Tăng không kết tội một

vị Tỳ kheo, khi vị ấy chỉ còn một ít tình thương đối với chúng Tăng.

- Bạch Thế Tôn, vì sao ngày xưa, học giới ít mà có nhiều Tỳ kheo ngộ nhập chánh trí, còn ngày nay học giới nhiều, mà Tỳ kheo nhập chánh trí rất ít ?

- Nay Bạt Đà Lợi, khi diệu pháp sắp diệt thì học giới nhiều mà Tỳ kheo ngộ nhập thì ít. Khi hữu lậu pháp chưa sanh khởi trong Tăng chúng thì bậc Đạo sư không chế giới làm gì. Chỉ khi hữu lậu pháp sanh khởi, bậc Đạo sư mới chế giới luật để đối trị.

Khi nào thì hữu lậu sanh khởi ? Ấy là khi Tăng đoàn lớn mạnh, đông người, khi Tăng chúng có nhiều quyền lợi, khi Tăng chúng bắt đầu có danh tiếng, khi Tăng chúng bắt đầu đạt đến địa vị kỳ cựu. Khi ấy bậc Đạo sư mới chế định giới luật để đối trị các pháp hữu lậu ấy. Nay Bạt Đà Lợi, khi các người còn số ít, ta đã giảng thí dụ con ngựa tốt, người có nhớ không ?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Nay Bạt Đà Lợi, tại sao vậy ?

- Bạch Thế Tôn, bởi vì trong một thời gian dài con đã không thực hành trọn vẹn các học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.

- Bạt Đà Lợi, không những chỉ có vì như vậy mà thôi, còn vì lý do này nữa : là trong khi ta thuyết pháp người không có để tâm, chú ý, không nghe pháp với cả hai lỗ tai của người. Vậy ta sẽ giảng lại cho người, hãy nghe và suy nghiệm kỹ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nay Bạt Đà Lợi, như người luyện một con ngựa tốt, trước hết phải tập cho nó quen với dây cương. Khi nó đã thuần thục với dây cương lại tập cho nó quen với yên ngựa, kể đó quen với sự diễn hành, rồi tập đi vòng quanh đi bằng đầu móng chân, phi nước đại, chơi các trò vương giả, vương lực, tốc lực tối thượng và cuối cùng trang sức đẹp để cho nó. Con lương mã trở thành một báu vật của vua chúa.

Cũng vậy, nay Bạt Đà Lợi, một tỳ kheo thành tựu mười pháp thì trở thành người đáng cung kính cúng dường : ấy là thành tựu vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Nay Bạt Đà Lợi ! Một vị Tỳ kheo thành tựu mười pháp này sẽ là phước điền vô thượng của thế gian.

Sau khi Đức Thế Tôn thuyết giảng, Tôn giả Bạt Đà Lợi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Chút phước mọn hôm nay gần bóng Phật
Con nghe như dịu dịu một mùi hương
Và, phảng phất một tình thương êm ấm
Qua huyết quản rộn ràng dâng mạch sống
Con tự nhủ qua rồi cơn ác mộng
Và theo Ngài vượt khỏi bến trầm luân
Xin cho con một niềm lạc tinh thần
Để vững thảng giữa trần ai phiến nào."

Mở mắt chiêm bao

Thuở xưa, có một chú Sa Di tên là Tăng Hộ. Tăng Hộ xuất gia cùng vị Thầy tế độ - Một vị A La Hán nguyên là cậu ruột của chú.

Hôm nọ, Tăng Hộ được thí chủ dâng cúng cho hai xấp vải thật đẹp. Chú mừng lắm, định đem về dâng Thầy để tỏ lòng biết ơn và kính mộ của mình. Ngờ đâu khi mới mở lời, ông Thầy của chú đã gạt phắt đi.

- Thôi ta đã đủ ba y rồi. Con hãy giữ lấy mà xài hoặc dâng cúng vị nào còn thiếu. Chú Tăng Hộ năn nỉ đến ba lần nhưng Thầy chú vẫn một mực từ chối. Tăng Hộ đâm ra buồn rầu, bực bội, vừa đứng quạt hầu cho Thầy, chú vừa để dòng tư tưởng trôi lan man... "Mình tứ cố vô thân chẳng có ai để nương tựa... chỉ có cậu mình là người thân nhất trên đời. Vậy mà cậu cũng không thương ta... Vậy ta còn sống ở đây làm chi cho bận lòng ông. Ta đã năn nỉ ông đến ba

lần mà ông cứ lạnh lùng từ chối... Thôi ta đi khuất mắt cho rồi. Nhưng ta đi đâu bây giờ ? Lấy gì mình sinh sống ? Ồ ! Phải rồi ! Mình sẽ bán hai xấp vải lấy tiền mua một con bê... để nuôi. Hàng ngày mình dắt bê đi ăn cỏ bên vệ đường vừa thanh nhàn, vừa ít tốn kém. Loài thú này sinh sản rất mau nên chừng vài năm là mình đã có cả một bầy gia súc. Mình sẽ bán bớt đi để tậu nhà cửa, ruộng đất giồng chông... đồ đạc trong nhà cho khang trang và đến lúc trưởng thành mình sẽ cưới một cô vợ. Khi đưa con đầu lòng chào đời mình sẽ bế nó đến quy y với cậu mình... Ồ ! Thằng bé mới kháu khỉnh làm sao... Đường xa trời nắng, ngó bộ mụ vợ đã mõi tay ta bảo :

- Đưa thằng cu anh bế cho. Nhưng nó không nghe, cứ giành ẵm trên tay, bất chợt.. mụ vợ vấp một rễ cây, thằng bé rớt xuống đất... giận quá... ta với lấy một cành cây, gõ cho mụ vợ một cái nên thân :

- Đã bảo đưa ta bế cho mà cứ không nghe cái thứ đàn bà hư... chỉ biết có cái lời...

Dòng suy tư của chú Sa Di còn đang tiếp tục trôi chảy như thế thì bỗng nhiên chú nghe tiếng nói diêm dăm của Thầy chú vị La Hán cất lên :

- Này chú ! Chú đánh không trúng cái mục vợ hư thân ấy đâu , mà lại trúng ngay cái đầu trọc của ta, kêu cái "trọc" đây này.

Tăng Hộ bừng tỉnh cơn mơ chú hốt hoảng co giò chạy vừa ngấm nghĩ :

- Chết rồi ta nghĩ gì trong bụng ông biết hết trọi... phải chạy cho lẹ mới được.

Thấy chú khi không bỏ chạy như ma đuổi, các bạn chú vội vã rượt theo bắt lại được. Đường sự được dẫn đến gặp Đức Phật.

Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện. Ngài an ủi chú Tiểu :

- Này chú ! Cái tâm của phàm phu thường hay lên lút đi chơi như thế, nó thường đi rất xa, vô hình vô dạng... Người thiện trí nên khéo léo như gã mục đồng dùng dây xô mũi con trâu hoang, dẫn nó về chuồng cũ, chặn dắt đến lúc nào buông lơ dây giàn mà nó không lên đi rong nữa mới tạm yên..

- Được lời dạy dỗ của Đức Thế Tôn, chú Tăng Hộ bình tĩnh ở lại Tu Viện và tu cho đến ngày đắc quả A La Hán.

Tuy lâu lâu chú vẫn bị lâm vào cảnh "mờ mắt chiêm bao" nhưng không khi nào chú trở cán quật

gõ vào đầu Sư phụ như lần trước, vì chú đã biết cách chặn trâu và cột trâu rồi.

"Loay hoay đã nửa kiếp người
Thu bay trên những nụ cười xanh xao.
Rõ ràng mở mắt chiêm bao
Biết như mộng huyền vẫn đau xé lòng".

Đại bố thí

Tại nước Tỳ Xá Ly trong vườn cây Sa La, Đức Thế-Tôn hỏi A-Nan :

- Đối với những người đã chứng đắc tứ thần túc, thì mạng sống được một kiếp, còn như Ta đã chứng đắc tứ thần túc, còn phải hành trì giới đức, vậy thì A-Nan có biết rằng Như Lai sẽ sống được bao nhiêu chăng ? Thế-Tôn hỏi luôn ba lần như vậy, nhưng khi ấy A-Nan bị ma ba tuần che kín tuệ căn nên vẫn ngồi im lìm, chẳng trả lời cho Phật.

- Nay A-Nan, thầy hãy đi vào rừng, nơi thanh vắng, tịch tịnh mà tư duy thiền định.

Sau khi A-Nan đi rồi, ma ba tuần liền hấp tấp vô ngay, đứng trước Phật bạch với Đức Thế Tôn :

- Ngài xuất hiện ở đời đã lâu rồi, hóa độ vô lượng chúng sanh, làm lợi ích cho Chư thiên và nhân loại nhiều như cát sông Hằng, nay tuổi già yếu rồi Ngài còn luyến tiếc gì nữa, hãy vào niết bàn cho

yên tĩnh thân tâm, khỏi phiền lụy cho lũ chúng tôi nhờ. Di Ngài, Ngài hãy vào niết bàn đi.

Nghe ma ba tuần nói vậy, Thế-Tôn bèn cạy chút đất để trên đầu móng tay, hỏi Ba tuần rằng :

- Đất trên đầu móng tay của ta nhiều, hay đất trên đại địa này nhiều ?

- Dĩ nhiên đất trên đại địa này nhiều hơn đất trên đầu móng tay của Thế-Tôn rồi. !

- Cũng vậy, ba tuần, chúng sanh vô lượng, hằng hà sa, chẳng thể tính toán còn trôi lăn trong ba đường sáu nẻo nhiều như đại địa kia, còn đối với chúng sanh mà Ta đã hóa độ thì thương thay rất ít ỏi, như đất trên đầu móng tay này. Nhưng nay cơ duyên hóa độ đã mãn, giáo pháp Ta đã truyền xong, Ta sẽ vào niết bàn trong vòng ba tháng nữa. Người đừng lo.

Ba tuần nghe Phật đã hứa, mừng rỡ rồi lui ra.

Khi ấy, A-Nan vào rừng sâu, nơi tịch tĩnh, nhập thiền định nhưng cũng bị loạn động. Chợt thấy một thân cây to lớn, che rợp cả hư không, cành nhánh xanh um, trái hoa tươi tốt, điều thiện ích của cây vi diệu vô cùng. Bỗng nhiên, từ đâu thổi đến một trận cuồng phong mãnh liệt, đánh tan tác những chiếc lá xanh tươi, cành nhánh gãy rụng rơi bởi, những

dóa hoa rơi tả, những chiếc quả vỡ đôi lẫn lóc, làm
chấn động tinh thần A-Nan, A-Nan bừng tỉnh.
Trống ngực hấy còn đồn dập, toàn thân nổi da gà,
sùng sốt bàng hoàng. A-Nan thầm nghĩ : "Cây đại
thọ tỏa rợp bóng mát xanh tươi kia đã xoa dịu nỗi
nặng gió cho mọi người, làm mát cơn nắng hè gay
gắt, rồi tại sao lại bị một trận cuồng phong ác liệt
đánh rơi tả như vậy ? Như Đức Thế-Tôn là đấng Đạo
sư của Trời, Người làm lợi ích cho chúng sanh, một
lòng thương tưởng cho đời, cũng giống như đại thọ,
nay phải chăng Đức Thế-Tôn sắp vào niết bàn nên
đất trời chấn động ? A-Nan liền đi thẳng vào tịnh
xá, bạch Phật :

- Kính bạch Thế-Tôn ! Con vừa mơ thấy một ác
mộng : trong khu rừng kia có một đại thọ sum suê
hoa lá, là nơi trú ngụ của muôn chim, chốn nhà
cửa của muôn loài, vậy mà từ đâu một trận gió thổi
tới làm rơi rụng tiêu điều có phải chăng là điềm
Thế-Tôn sắp vào niết bàn ?

- Thật vậy, này A-Nan, sau ba tháng nữa Ta sẽ
vào niết bàn, vì hồi nầy Ta đã nói với Thầy là
người đã chứng tứ thần túc rồi có thể duy trì tuổi
thọ một kiếp còn Ta do đức lực tu hành và đã
chứng tứ thần túc vậy tuổi thọ được bao nhiêu ?
Ta đã hỏi ba lần như vậy, nhưng thầy vẫn im lặng,
nên ma ba-tuần đã thỉnh Ta vào niết bàn.

Như sét đánh ngang tai, A-Nan choáng váng quá lo sợ, quá buồn khổ. Giờ đây Thế-Tôn vào niết bàn, chúng sanh biết nương dựa vào đâu ? Con mắt thế gian sắp mất rồi.

Tín Phật sắp nhập niết bàn được truyền ra, hàng đệ tử vị nào cũng buồn bã, lo âu. Thấy vậy Thế-Tôn bảo :

- Tất cả mọi vật trên thế gian này đều bị luật vô thường chi phối, nay còn mai mất, có cái sự gì là bất biến, nhất định đâu. Ta vì chúng sanh mà thị hiện ra đời, nay sự hóa hiện đó đã mãn thì Ta vào nơi tịch mặc, có gì mà các thầy phải khóc lóc, lo buồn. Điều Ta cần lưu ý các thầy, là phải chăm lo tu niệm để tự mình giải thoát vòng luân hồi sanh tử.

Lúc ấy Tôn-giả Xá Lợi-Phất than rằng :
"Than ôi ! Con mắt của thế gian đã đến ngày diệt tận, bóng tối tăm lại bao trùm nhân thế. Như-Lai sắp vào niết bàn, thật thảm thương cho chúng sanh hết chỗ cậy trông". Rồi quỳ xuống bạch Thế Tôn :

- Kính lạy đức Đạo sư chí kính, con không nỡ lòng nào để nhìn thấy sự ra đi của Thế Tôn vào nơi tịch mặc vĩnh viễn. Vậy cúi mong Thế Tôn hoan hỷ cho con được vào niết bàn trước.

- Nay vị thầy Trí Tuệ, thầy hãy làm việc gì mà thầy nghĩ là đúng thời. Nhưng thầy biết tất cả các bậc hiền thánh rồi cũng đều tịch diệt.

Nghe Thế Tôn nói xong, Xá Lợi Phất đi quanh Phật ba vòng, cúi lạy sát đất lấy chân Phật để lên đầu ba lượt mà bạch rằng :

- Kính lạy đức Đạo sư của trời người, hôm nay là lần cuối cùng con xin từ biệt Thế Tôn. Xin Thế Tôn hãy khoan vào niết bàn, vì lòng thương tưởng chúng sanh. Nói rồi cúi đầu cung kính lui ra. Xá Lợi Phất trở về La Duyệt Kỳ nơi sinh quán, Sa di Quân Đề tin cho Vua và các thân tín đều biết.

Khi ấy, Vua A Xà Thế biết Tôn giả Xá Lợi Phất sắp vào niết bàn, tự thốt lên rằng : "Tôn giả Xá Lợi Phất là một kiện tướng trong Phật Pháp, than ôi ! Ngài nhập niết bàn sao mà sớm vậy ? Giờ biết lấy ai chấn chỉnh tà ma ?

Mọi người từ Vua quan đến dân chúng ai cũng đều biết và kéo đến vây quanh Ngài và nói rằng :

- Kính lạy Tôn giả, xin Tôn giả hãy thương xót chúng con, Ngài vào niết bàn rồi lũ chúng con đây bơ vơ như con mất cha, như gà mất mẹ chịu chút ngóng trông, chẳng chốn nương thân, không bề trông cậy. Tôn giả hãy đoái thương.

- Các Phật tử, Ta thương các người lắm chứ, nhưng đến lúc Ta phải vào niết bàn, các người chớ buồn, tất cả muôn vật trên thế gian này đều ở trong định luật vô thường, đều phải tan rã. Vậy các người hãy gieo căn lành, trồng điều thiện lợi để nhờ duyên lành đó mà sanh ra đời được gặp Phật tại thế, để chăm tu phước nghiệp cầu giải thoát sanh tử luân hồi.

Tùy theo căn cơ quần chúng, Tôn giả đi từ thấp lên cao mà giảng giải thuyết nghĩa an vui, lợi ích, khiến cho họ có kẻ đắc sơ quả, có người chứng A La Hán, thân tâm vắng lặng, an hòa, lễ tạ rồi lui.

Giờ này đã quá nửa đêm, Tôn giả đang tỉnh tọa vào thiên định : nhập Sơ thiên, rồi từ Sơ thiên lên Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên, từ cõi Tứ thiên hướng đến Vô lượng Không xứ, rồi từ Vô lượng Không xứ hướng đến Vô lượng Thức xứ, từ Vô lượng Thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, từ Vô sở Hữu xứ hướng đến Phi hữu tướng, Phi Vô tướng xứ rồi nhập vào định Diệt tận và Bát niết bàn.

Sau khi Xả Lợi Phất xả báo thân, trời đất rung động, chư thiên Đế Thích, quyến thuộc hàng trời, mang hương, dâng hoa cúng dường. Đế Thích nhìn thấy báo thân Tôn giả mà bùi ngùi : "Tôn giả trí tuệ rộng sâu như trời cao, như biển rộng biện

luận ứng cơ mau như chớp loáng, âm thanh như nước chảy, giới định tuệ hoàn toàn là một đồng tướng trong Phật pháp, thay Phật để chuyển pháp luân, nhưng giờ này Ngài đã bát niết bàn rồi, kể từ đây nhân thiên lại tăm tối".

Rồi từ thành thị đến thôn quê, người người đông như mở hội, hoa hương tràng phan, bảo cái rợp đường, nhưng có điều rõ nhất là trên đôi mắt người nào cũng đầm lệ, trong lòng âm thầm thương tiếc một bậc Tôn túc tuyệt luân đã vào nơi vắng lặng.

Phạm Thiên Vương và Tỳ Thủ Yết La cỡi xe trời bay xuống, theo sau là sáu bộ chúng. Đế Thích sai quý Dạ Xoa ra biển lấy gỗ chiên đàn, gỗ ngưu đầu về chắt thành một đồng, đổ dầu Tô, phóng hỏa thiêu báo thân Tôn giả. Ngọn lửa rực lên, như một làn bùng sáng rồi phụt tắt.

Đốt xong, mọi người đều bái tạ lui về. Chờ cho ngọn lửa nguôi, Sa di Quân Đề khâu tóm Xá Lợi của Thầy và y bát đem về bạch Phật.

- Kính lay Đức Thế Tôn, Thầy con là Xá Lợi Phất đã nhập niết bàn, và đây là Xá Lợi, y bát, xin Thế Tôn chứng minh.

Khi ấy A Nan đứng hầu Phật thấy cảm động quá, liền quỳ xuống bạch Thế Tôn :

- Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thượng tôn trưởng lão, ấy mà Ngài đã vào Niết bàn rồi, mai này Thế Tôn lại tiếp tục xả báo thân nữa thì chúng con còn lại biết nhờ ai ?

- Tuy Xá Lợi Phất nhập niết bàn nhưng pháp thân vẫn thường hiển hiện, vì Xá Lợi Phất không muốn thấy Ta niết bàn nên đi trước Ta. Nay A Nan, không phải chỉ đời này là như vậy, mà ở đời quá khứ cũng vậy.



Thuở xưa, đã lâu lắm rồi, cũng tại Diêm Phù Đề này, có vua tên là Chiên Đàn Bà La Tỳ, thống lãnh tám vạn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám muôn ức tụ lạc. Ông có hai muôn phu nhân và Thế nữ, bà thứ nhất tên là Tu Ma Đàn, một vạn quan đại thần, quan lớn nhất tên là Ma Chiên Đà, năm trăm Thái tử, người thứ nhất tên là Thi La Bạt Đà.

Thành này chu vi ngang dọc bốn trăm do tuần, làm thuần bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, đầy đủ mọi vật báu, trong nước an cư lạc nghiệp, dân chúng vui mừng, sung túc.

Một hôm vua ngồi trên bảo điện, chợt nghĩ như vậy : "Người ta ở trên đời được tôn vinh phú

quí, chắc do quả báo tu nhưn tích đức ở đời trước lưu lại. Cũng như kẻ làm ruộng, mùa Xuân phải mất công cày bừa, gieo mạ cấy lúa, tới mùa Hạ, mùa Thu gặt hái được thóc gạo đem về ăn uống. Nếu mùa Xuân chẳng lo cấy cày, thì kết quả mùa Hạ, mùa Thu chẳng có lúa đâu thu hoạch. Cũng vậy, Ta đời trước có tu phước lành, nên đời này hưởng quả tốt đẹp, nếu bây giờ Ta lại không tiếp tục tu phước bố thí nữa thì đời sau lấy chi thọ hưởng". Nghĩ vậy, liền sắc quan mở kho đem tiền bạc, lụa là bố thí cho toàn dân và vua cũng ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn vua kia cũng mở kho chẩn bần, bố thí.

Mệnh lệnh được truyền đi khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, hay hang cùng ngõ hẻm nào cũng biết vào ngày ấy vua xuất kho bố thí, nên mọi người kéo đến kinh thành đông như kiến cỏ. Người mạnh công kẻ yếu, người sáng dốt kẻ mù, lần lượt nhà vua phân cấp tiền gạo, áo quần đầy đủ. Từ đó muôn dân được an nhàn hỷ hả. Danh đức nhà vua lừng lẫy, tiếng khen đồn khắp bốn phương.

Thì cũng thời đó, có một ông vua nước nhỏ ở bên cạnh tên là Tỳ Ma Tư Na thấy nhân dân ca tụng và cảm phục oai đức Vua Chiên Đà Bà La Tỳ, sanh lòng ganh ghét, ngày quên ăn đêm quên ngủ, ông thăm

nghĩ mưu toan sát hại : "Nếu ta không tiêu diệt được lão vua kia, oai danh vang lừng trời đất, như vậy ta làm sao hiển danh trời đất, như vậy ta làm sao hiển đạt cho được". Nghĩ xong, ông liền thi hành ngay độc kế, ra lệnh triệu tập hết thầy các thầy Bà La Môn trong nước, nhà vua kính trọng cúng dường lễ bái. Sau rồi Vua trình bày :

- Thưa các thầy Bà La Môn, tôi có một việc đáng lo, đến nỗi ngày quên ăn, đêm quên ngủ, quý ngài có kế chi để giải quyết cho chăng ?

- Tâu bệ hạ, có việc chi xin cứ nói, nếu giúp được, chúng tôi sẽ giúp.

- Thưa các ngài, hiện nay vua Chiên Đàn Bà La Tỳ được muôn phương mến phục, phúc đức lớn lao, đó là điều đáng ngại cho tôi về sau này, vậy các ngài có phép chi cứu giúp giùm tôi để trừ khử ông vua ấy.

- Tâu bệ hạ, vua Đàn Bà La Tỳ là người có đức lớn, thương dân như thương con, dân coi vua như bậc cha mẹ, chúng tôi nỡ lòng nào mưu tâm sát hại, thà chịu chết chứ không bao giờ giết người hiền lương. Nói xong tất cả người Bà La Môn đều kéo nhau về.

Vua Tỳ Ma La cảm thấy bức mình, vì công việc chẳng như ý, liền hạ chiếu cho toàn nước biết :

- Ai có khả năng lấy đầu vua Đàn Bà La Tỳ mang về đây, vua sẽ gả con gái và phân nửa nước cho cai trị.

Thời đó có một người Bà La Môn tên là Lao Độ Sai, tu luyện ở núi nghe vua rao truyền như vậy, bèn đi đến ra mắt vua, và xin đi lấy đầu vua Đàn Bà La Tỳ. Nghe nói vậy, vua hớn hở, vui mừng.

- Nếu khanh làm việc tốt, sứ mệnh hoàn thành, ta sẽ giữ đúng lời hứa. Vậy khi nào khanh đi, xin cho biết.

- Hẹn bệ hạ bảy ngày nữa. Nói xong từ tạ về rừng, quyết tâm liên tiếp bảy ngày, trì chú hộ thân.

Qua bảy ngày, ông lại đến cung vua, và được cung cấp lương thực, tiền lộ phí để lên đường. Trước khi đi ông còn ngoảnh lại nói rằng :

- Bệ hạ an lòng, tôi thề : "Nếu không lấy được đầu vua, quyết chẳng trở lại nơi này".

Khi đó, trong nước vua Đàn Bà La Tỳ, có những điềm chẳng lành xuất hiện : như động đất, chớp giạt, sao băng, sấm động, ban ngày sương khói mờ mịt kéo giăng, sao chổi mọc, mưa đá, sét đánh tứ tung, các loài chim kêu thảm thiết trên không, và tự nhỏ lông rơi đầy mặt đất. Hồ báo, sài lang tự

đám mình xuống hố, kêu gào thảm thiết. Tám vạn bốn ngàn ông vua nước nhỏ đều nằm mộng thấy cánh phướn vàng của nhà vua bị gãy, trống vàng bị thủng. Còn chính tự thân vua Đàn Bà La Tỳ mơ thấy ác quỷ cướp mũ vàng của mình mang đi. Trên nét mặt mọi người cảm thấy lo âu, chẳng hiểu vì sao lại có những điềm bất tường xuất hiện như vậy.

Khi ấy thần coi thành biết ý định của Lao Độ Sai đến xin đầu vua, nên thần hóa phép làm tâm trí Lao Độ Sai cuồng loạn, không biết lối vào cung, cứ lẩn quẩn bên ngoài thành mà thôi.

Thấy vậy, các vị trời ở Tịnh Cư Thiên báo cho vua hay :

- Bệ hạ phát tâm bố thí, nên hiện giờ có người đến xin, nhưng ở bên ngoài thành không vào được.

Nhà vua thức dậy, ngạc nhiên hỏi cận thần :

- Ai ngăn cản dân chúng đến xin đồ cấp phát, ông hãy ra ngoài xem sao.

Ra cổng thành, nhìn bốn phía ngơ ngác, quan cận thần chẳng thấy ai đến, mà cũng chẳng có quân lính nào cản ngăn. Khi đó, thần giữ thành hiện lên thưa rằng :

- Thưa quan lớn, hiện có người dòng Bà La Môn

ở nước khác muốn xin đầu vua của chúng ta, nên tôi không cho nó vào.

- Nếu quả thật như vậy thì đây là một tai họa lớn cho chúng ta, nhưng vua đã ra lệnh, chúng ta đâu dám trái ý, khi ấy quan cận thần Ma Chiên Đà tự nghĩ : "Nếu kẻ này quyết chí xin đầu vua thì ta hãy bày ra một kế, lấy năm trăm cái đầu bằng thất bảo để đổi cho nó".

Sau cơn mê Lao Độ Sai bước vào cửa cung và lớn tiếng nói :

- Tôi là kẻ phương xa, biết được vua rủ lòng bố thí, chần bần cho muôn phương, ai muốn xin gì cũng được. Vì vậy, nay tôi tới đây muốn xin một việc.

- Ngài muốn xin gì cứ nói, dù khó khăn đến đâu, nếu có thể, tôi cũng xin làm vừa lòng ngài.

- Vua bố thí tài vật, tiền của cho mọi người có phước báo nhưng chưa bằng bố thí những vật trong thân vua, phước báo càng lớn hơn. Vậy tôi xin cái đầu của vua. Vua nghĩ sao ? Cho hay không ?

- Thành thực, ngài cứ lấy.

- Bây giờ hay khi nào ?

- Đạo sĩ xin cho khất lại bảy ngày.

Liên khi đó, quan cận thần Ma Chiên Đà liền mang năm trăm cái đầu bằng thất bảo đến trước Lao Độ Sai và nói rằng :

- Đầu vua bằng xương thịt, máu mủ tanh hôi, là đồ bất tịnh chẳng quý giá gì vật ấy, ông xin làm gì cho nhờ nhớt. Và đây là những cái đầu làm bằng thất bảo quý hóa tuyệt luân, ông hãy mang đầu này về mà được giàu sang, phú quý suốt đời.

- Tôi chẳng cần thứ đó, chỉ cần đầu vua thôi.

Trước thái độ ương ngạnh của Lao Độ Sai, Ma Chiên Đà chẳng biết làm sao, bằng xuống giọng êm dịu, năn nỉ, nói ngọt ngào mong thay đổi ý định, nhưng cuối cùng Lao Độ Sai cũng chẳng thèm nghe, bỏ đi chỗ khác.

Ma Chiên Đà phần uất quá tìm vỡ thành bảy mảnh chết ngay trước mặt vua.

Trên từ vua, xuống cho tới bá quan văn võ ai nấy đều rơi lệ tiếc thương cho một bậc trung thần, chánh khí. Vua sai thâu hài an táng đúng nghi lễ của một quan đại thần. Đám tang vừa xong, vua cho quan quân cỡi voi đi khắp nước thông báo cho dân chúng biết ngày vua bố thí đầu.

Được tin này, ai nấy đều rơi lệ, tám vạn bốn ngàn nước nhỏ liền đến tâu vua :

- Tâu bệ hạ, tất cả Diêm Phù Đề này đều nhờ đức độ của bệ hạ mà mưa thuận gió hòa, an cư lạc nghiệp, cây cỏ muôn màu, mùa màng sung túc, khoãi lạc an khương, sống trong cảnh thái bình thịnh trị. Vậy tại sao bệ hạ lại vì một người mà bỏ muôn dân ?

Khi ấy các quần thần đồng thanh nói :

- Xin bệ hạ hãy bỏ ý định bố thí đầu, một sự việc quá quái lạ chưa từng thấy, bệ hạ nghe lời một kẻ khốn nạn, cùng dinh, sống trong núi rừng như dã thú, để rồi bỏ chúng tôi bơ vơ hay sao ?

Hai muôn phu nhân và năm trăm thái tử vật mình xuống đất khóc lóc :

- Tâu bệ hạ, hãy xót thương vợ con của bệ hạ, rồi đây sẽ ngơ ngáo, vợ xa chồng, con chẳng có cha, sống đời mồ côi mồ cút. Hãy nghĩ lại bệ hạ ôi !

Thật một cảnh bi đát, đáng thương tâm diễn ra trước mặt vua, nhưng vua với nét mặt hiền hòa, bình tĩnh an ủi :

- Xin các vương hầu khanh tướng, hãy bình tâm nghe tôi nói, con người vì kết buộc nhau trong tình ân ái từ kiếp lâu xa, nên chịu ách sanh tử bức bách, ta chưa thấy ai thực hành để bỏ, nhất là quý chuộng bản thân. Ta nghĩ rằng từ

thời vô thi âm u trở lại đây, sống chết đã bao đời
đâu kể xiết, lúc ở trong địa ngục, bỏ thân một
ngày không biết bao nhiêu lần, chết trong nước
phân tro, nằm trên giường sắt đốt, ôm cột đồng
nóng, ngâm mình trong vạc dầu sôi, hay ngồi trên
xe lửa, nằm ở hố than. Thật cái khổ nơi địa ngục
biết kể sao cho cùng như vậy, thân này chết đây
rồi sanh kia, trải qua vô số kiếp mà chẳng có chút
ích lợi hay phước báo gì. Khi làm loài súc sanh thì
bị người ta chém giết, thân thể bị phân thây, máu
rơi xương rã. Còn khi làm loài quỷ đói, thì lửa
trong mình phát ra hoặc vòng đao lửa bay tới
chém thân chặt đầu, chết đi sống lại bao lần thì
cũng chẳng có phước báo gì. Rồi khi ở nhân gian,
làm người thì sanh lòng tham lam, giết hại lẫn
nhau, cũng do tài sắc ràng buộc, cũng vì ân ái kéo
lôi toàn là những việc xuôi theo nhân thế. Còn
như hiện tại thân ta, đây cũng chỉ là một khối
nhơ bẩn, máu tanh huyết nồng, rồi một ngày nào
đó cũng sẽ rã tan, có gì luyến tiếc với cái đầu ô uế
ấy mà chẳng dám xả bỏ, để tu lấy pháp thân
thường hằng vĩnh tịch. Hơn nữa, ta còn có thể
dem lại sự ích lợi cho muôn dân ở đời vị lai, phải
nhìn xa thấy rộng, đừng vì tình thương luyến ái
hạn hẹp trong một lúc này. Vậy thì các khanh
khuyến ta làm gì. Ta bỏ cái đầu này để cầu đạo
giải thoát, sau khi thành đạo, ta sẽ hóa độ các

người vượt khỏi nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết được niềm an lạc của đạo tâm. Vậy các khanh hãy hiểu việc làm của ta không phải vô dụng. Các khanh cứ yên tâm lo toan việc nước.

Ai nấy nghe vua giảng giải đều làm thính chẳng biết phải nói năng sao nữa. Đã yên lòng trước sự an tâm của quần thần, vua kêu Lao Độ Sai bảo :

- Giờ đã đến lúc người tự do lấy đầu ta.

- Tâu bệ hạ, hiện đây tôi chỉ một mình, lực yếu thế cô, còn chung quanh vua, bá quan văn võ quá nhiều, nhớ khi tôi lấy đầu vua họ thấy thương tâm mà giết tôi thì sao ? Vậy nếu vua cho thì hãy ra sau vườn, nơi vắng vẻ, chỉ riêng mình tôi và vua, thì tôi mới dám.

Vua nói với quần thần :

- Các khanh thương ta, kính ta thì chớ hại Lao Độ Sai.

Nói xong, vua nắm tay Lao Độ Sai cùng ra hậu viên.

- Sức vua hùng tráng khỏe mạnh, khi bị cắt đầu đau đớn mà hối tiếc rồi đánh tôi thì sao ? Vậy vua hãy cột đầu vào cành cây để tôi cắt cho dễ.

Ngồi dưới gốc cây to, vua túm lấy tóc cột vào cây rồi nói :

- Khi cắt đầu xong, hãy để trên tay ta, để ta dâng cho ông.

Rồi vua chấp tay phát đại nguyện rằng :

- "Kính lạy thập phương tam thế chư Phật, nguyện nhờ công đức bố thí này, con không cầu làm Phạm Vương, Ma Vương, Đế Thích, Chuyển luân Thánh vương để được hưởng khoái lạc, mà duy chỉ một lòng cầu làm Phật, độ chúng sanh, hết thấy muôn loài đồng vào ngôi Chánh giác".

Lúc ấy Lao Độ Sai vừa đưa dao lên chém, thì trên cây có ông thần, lấy ngón tay chỉ vào đầu làm cho Lao Độ Sai bủn rùn tay chân, vứt dao xuống đất ngã ngửa.

Vua xoay lại bảo thần cây :

- Thần cây nên hiểu rằng, từ đời quá khứ tới nay, dưới gốc cây này ta đã bố thí 999 cái đầu rồi, vậy hôm nay một lần nữa là đủ số. Đối với nguyện bố thí của ta sắp hoàn mãn, ông đừng rắc rối, cản ngăn, làm suy thối đạo tâm của ta.

Nghe vậy thần cây thu hồi thần lực, Lao Độ Sai tỉnh lại, xách dao chém một phát, đầu rơi xuống tay vua, dâng cho Lao Độ Sai.

Ngay giờ phút đầu vua lìa khỏi cổ, đất trời chấn động, các cung điện trên thiên cung đều nghiêng ngả, các thiên tử, Phạm thiên chẳng biết điềm gì, bèn ngó xuống trần gian, thấy vị Bồ Tát vì chúng sanh mà bố thí thân mạng tất cả đều bay xuống tung hoa trời muôn màu, hòa lẫn với những dòng nước mắt của chư thiên rớt cả hư không.

- Kính lạy Bồ Tát, Ngài làm hạnh bố thí xuất tục siêu phàm, chưa ai dám bố thí như vậy, vô cùng tận chúng sanh đều phải tán phục sự thực hành, vô ngã tướng bố thí này.

Khi ấy tại nước mình, vua Tỳ Ma Tư Na, hay tên Lao Độ Sai đã lấy được đầu vua Đàn Bà La Tỳ, đang trên đường trở về nước, ông vui mừng vô hạn, nhảy nhót, la hét thỏa chí, bất ngờ ông quay lẩn ra chết tại chỗ, vì tim bị kích thích quá mạnh, nên vỡ tung từng mảnh trong lồng ngực ông.

Lao Độ Sai xách đầu ra về, vua quan, dân chúng, phu nhân, thái tử nhìn thấy lẩn đường ra đất gào thét. Có người cảm động quá hộc máu mà chết, có người nằm ngay đơ chết giắc, các phu nhân xé áo quần, vô tóc tai, ngắt xiêu tại chỗ, các thái tử cào mặt máu chảy đầm đìa, lăn lộn dưới đất. Một thảm trạng đang diễn ra.

Mấy ngày đường đi về bốn quốc, Lao Độ Sai xách đầu vua đi thấy hơi thối quá chừng, bèn vất xuống đường, đạp lên mà đi. Dân chúng thấy vậy, họ nguyên rủa : "Ông là kẻ bất lương, là phường lang sói ác độc, không dùng thì xin làm chi, giờ lại vất bỏ". Rồi họ nói với nhau, không giúp đỡ đồ ăn, nước uống chi cho hắn.

Nhìn đói những ngày qua đã ngắt xiu, nửa đường gặp được người quen, Lao Độ Sai hỏi thăm vua Tỳ Ma Tư Na như thế nào, người ấy đáp :

- Nghe tin ông xin được đầu vua, nên mừng quá mà vỡ tim chết rồi.

Một nỗi buồn vô hạn, bức đầu rút tóc, vì sẽ không được vợ và mất ngôi vị vua, tức quá nên ông ta cũng vỡ tim chết luôn. Gieo ác gặp ác. Cả hai vua tôi đều phải gánh lấy quả báo hiện tiền và rơi vào địa ngục A Tỳ.

Đến đây, Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng :

- Nay A Nan, chính vua Đản Bà La Tỳ thuở ấy là tiền thân của Ta. Vua Tỳ Ma Tư Na nay chính là Ma Ba Tuần. Lao Độ Sai là ông Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) bây giờ. Thần cây là Mục Kiền Liên. Và quan đại thần Ma Chiên Đà chính là Xá Lợi Phất. Thuở ấy Xá Lợi Phất còn không nỡ thấy Ta chết

mất đầu, nên ông cũng tự mình chết trước, hưởng nửa là bây giờ Xá Lợi Phất đã chứng đắc A La Hán, trí tuệ cao siêu.

GIỚI ĐỨC

"Ở đời ai nghèo đến nỗi không cố thân. Thấy người làm việc thiện, tự mình giúp, như vậy cũng gọi là thí chủ, cũng được phước đức."

Người làm mặt nạ

Ngày xưa tại kinh thành có người dân ông sanh sống bằng nghề chế tạo mặt nạ. Nhà ông bày la liệt những hình vẽ, những khuôn mặt bằng giấy cứng đủ loại tướng mạo màu sắc lờ lợt, lúc nào sơn mực cũng bừa bãi khắp phòng.

Lúc ấy ông đang nhận làm một mặt nạ ác quỷ Dracula cho một ban kịch lớn. Suốt mấy ngày đêm hì hục tô vẽ, cố gắng làm nổi bật những nét danh ác, ma quái cho khuôn mặt quỷ. Tình cờ một người bạn đến thăm, nói chuyện quanh co một hồi. Người bạn ngạc nhiên thấy vẽ mặt chủ nhân có chiều bực bội hắc ám, liền hỏi :

- Đạo này tôi thấy khí sắc anh hơi sút kém, hay anh có việc gì bực mình ?

- Không có gì cả.

Người bạn không tin hỏi lại :

- Có thật không anh ?

Cuộc nói chuyện mất hẳn hứng thú, nên một lát sau người bạn đứng lên cáo từ.

Bảng đi một thời gian khoảng nửa năm, người bạn lại đến thăm người làm mặt nạ. Vừa trông thấy chủ nhân, người bạn reo lên mừng rỡ :

-Ồ ! Lúc này trông anh hồng hào tốt tướng hơn trước nhiều, chắc hẳn anh đã được nhiều điều may mắn phải không ?

Chủ nhân vẫn tỉnh bơ đáp :

- Không có gì lạ bạn ơi.

Chủ nhân thật không hiểu được vì sao người bạn có nhận xét lạ lùng như vậy. Dần dần, ông mới vỡ lẽ ra rằng : Vì nửa năm trước làm mặt nạ quý, suốt ngày cứ tưởng tượng hình ảnh nhe nanh, trợn mắt, thè lưỡi, các tướng mạo hung ác dữ dằn để làm mặt quý cho thật giống, vì thế vẻ mặt ông cũng biểu hiện những nét sân giận, dữ tợn, người nhút nhát trông thấy đến phát sợ. Sau đó nửa năm, ông nhận làm mặt nạ một vị công thần chánh trực và đức độ. Ông miệt mài tìm những nét thanh cao, khả ái để thể hiện những đức tính đặc biệt này, vẽ làm sao để ánh mắt đầy nhân từ và công chính, tô khéo đến mức nào để có đôi môi hiền hòa nhưng cương nghị, nụ cười độ lượng mà vẫn uy nghiêm. Ngày đêm chỉ liên tưởng

đến đề tài sáng tạo này nên tự nhiên bên ngoài nó thoát ra từ thái nhu hòa, khuôn mặt chủ nhân có nét thỏa ái, dễ chịu. Đến lúc khám phá ra điều này, người làm mặt nạ thầm công nhận : những điều tâm ta nghĩ ngợi, tư duy đều được biểu lộ ra ngoài dung mạo.

Kinh Phật đã nói đến động lực của Tâm trong câu nói hàm xúc : "Tâm như hoạ sư, khéo vẽ muôn hình tượng".

THÍCH NỮ NHƯ THỦY - NHƯ ĐỨC

**"Lòng buồn thì mặt cũng buồn
Lòng buồn thì mặt có vui bao giờ"**

Người chăn bò Nanda

Khi còn tại gia Tôn giả Nanda là một thanh niên chăn bò mướn. Ngày ngày, Nanda dẫn bò đến ăn cỏ bên bờ sông Hằng thuộc địa phận xứ Kosambi. Lúc ấy gặp dịp Đức Thế Tôn trú ở Kosambi, cùng với chúng Tỷ kheo 1250 vị.

Một hôm Thế Tôn cùng các Tỷ kheo du hành dọc bờ sông. Ngài thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước và chỉ cho các Tỷ kheo :

- Nay các Tỷ kheo, các con có thấy khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước kia không ?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Tỷ kheo, nếu khúc gỗ ấy không đâm vào bờ này, không đâm vào bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên đất nổi, không bị người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào xoáy nước, không bị mục nát bên trong... thì nó sẽ hướng về biển, xuôi theo biển, nhập vào biển. Vì có sao, nay các Tỷ kheo, vì dòng sông này

hướng về biển, xuôi theo biển. Cũng vậy, hỡi các Tỳ kheo, nếu các con không đắm vào bờ này, bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn, không bị người nhặt lấy, không lọt vào xoáy nước, không mục nát bên trong... thì các con sẽ hướng về, sẽ xuôi theo niết bàn, sẽ nhập vào dòng niết bàn. Vì sao, này các Tỳ kheo, chính vì pháp của Như Lai, giảng nói xu hướng của niết bàn, xuôi theo niết bàn, nhập vào niết bàn.

Khi được nghe nói vậy, một tỳ kheo bạch :

- Bạch Thế Tôn, bờ này là gì ? Bờ kia là gì ? Thế nào là chìm giữa dòng ? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi ? Thế nào là bị người nhặt ? Phi nhân nhặt ? Thế nào là lọt vào xoáy nước ? Thế nào là mục nát bên trong.

- Các Tỳ kheo, bờ này ám chỉ sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ bên kia chỉ cho sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. "Bị chìm giữa dòng" dụ cho hi và tham (khoái thích, ham muốn). Mắc cạn trên đất nổi đồng nghĩa với ngã mạn. "Bị người nhặt" là dụ cho vị Tỳ kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui chung buồn, an lạc khi chúng an lạc, đau khổ khi chúng đau khổ, trói buộc mình trong các công việc, chúng xướng xuất. Đó gọi là vì Tỳ kheo bị loài người nhặt lấy. Và này các Tỳ kheo, "Bị phi nhân nhặt lấy có nghĩa là vì Tỳ kheo

tu phạm hạnh với mơ ước được sanh lên cõi trời, hưởng phước báo chư thiên. "Bị lọt vào xoáy nước" là đồng nghĩa với năm dục trường dưỡng : tài lợi sắc đẹp, danh tiếng, ăn và ngủ. "Bị mục nát bên trong" ám chỉ vị Tỳ kheo theo các ác pháp có những hành động khả nghi, không giữ giới mà hiện tướng thanh tịnh, nội tâm hủ bại, đầy dục vọng, đó gọi là bị mục nát bên trong."

Khi ấy người chăn bò Nanda đứng cách Thế Tôn không xa. Chàng tiến lại bạch :

- Bạch Thế Tôn, con không đắm vào bờ này, con không đắm vào kia, con không chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên đất nổi, con không bị loài người nhặt lấy, con không bị phi nhân nhặt lấy, con không lọt vào xoáy nước, con không mục nát bên trong. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới.

- Này Nanda, hãy đem trả bò cho chủ của con đã.

- Bạch Thế Tôn, chúng sẽ tự trở về. Các bò mẹ đang mong gặp lại chúng.

- Tuy vậy này Nanda, con hãy trả lui các con bò ấy cho những người chủ.

Nanda vâng lời dắt bò về trả cho chủ rồi trở lại bên Phật :

- Bạch Thế Tôn, con đã trả lại những con bò. Hãy cho con được xuất gia với Thế Tôn. Hãy cho con thọ đại giới.

Rồi Nanda, người chăn bò, được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Sau khi thọ giới không lâu, Tôn giả Nanda sống một mình an tịnh thân cảm được lạc thọ mà các thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình đã hướng đến. Vị ấy biết "sinh tử đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã được làm xong, không còn phải trở lại đời này nữa" Tôn giả Nanda trở thành một vị A La Hán.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Trải lòng bi mẫn Tâm đồng Phật
Dứt hết vô minh Phật tức Tâm
Phật Phật Tâm Tâm đồng thể tánh
Phật Tâm cũng diệt đến viên thành".

Chồn và sư tử

Trong thời quá khứ, lúc dòng vua Bra-ma-na trị vì xứ Ba Ra Na Thi, có một gia đình Sư tử gồm cha, mẹ và hai con, một trai, một gái. Cậu trai tên là Mê Năn. Chẳng bao lâu cậu lớn lên lấy vợ. Gia đình từ đấy thêm một miệng ăn. Mỗi ngày, Mê Năn phải ra khỏi hang, đi đông đi tây, săn thú đem về nuôi dưỡng song thân vợ và em.

Một hôm, trong khi tìm miếng ăn hàng ngày, Mê Năn gặp một con chồn nằm sát trên cỏ, đầu cúi rất lễ phép. Bộ hàm hừ, thét như sấm nổ, chàng hỏi :

- Chồn làm gì ở đây ?

- Bẩm Chúa Công, chồn khép nép thua, chúng con biết hôm nay có Chúa Công đi ngang đây, nên quỳ đón từ sáng sớm đến giờ để chào mừng.

Bẩm tánh kiêu hãnh, Mê Năn nghe mấy lời tung bọ của Chồn, lấy làm đắc ý.

- Thế là Chồn biết bốn phận con dân, Chúa Công khen cho đó. Thôi đứng dậy về cùng ta. Chồn vâng vâng dạ dạ, khúm núm đứng dậy và trở bước theo sau Sư tử.

Nhưng cha chàng, vừa thoáng thấy người khách lạ vào hang là tỏ ý không bằng lòng ngay :

- Mê Năn con, Chồn là giống quý quýệt, xảo trá khôn lường, bất nghĩa bất tín, con nên đề phòng mà đừng thân cận. Hãy đuổi quách nó đi cho cha an dạ.

Mê Năn không trả lời, nhưng không đổi ý. Chàng giữ Chồn ở lại làm bạn tác sớm chiều.

Một hôm, Chồn ngọt dịu bảo Mê Năn là Chồn thềm thịt ngựa, Mê Năn hỏi :

- Ở đâu có ngựa ?

- Dạ, ở bờ sông Ba Ra Thi, Chồn đáp.

- Người hãy dẫn đường ta đi.

Không đợi bảo hai lần, Chồn hối hả làm hướng đạo.

Băng rừng vượt núi, chẳng bao lâu cả hai đến bờ sông, một bầy ngựa nồn nà, lớn có nhỏ có, đang trằm mình dưới nước, hí hú nô đùa. Lẹ như chớp nhoáng, Sư tử phóng mình vồ một con ngựa con rồi lao mình trở lên bờ sông, một mạch chạy về

hang, phía sau có Chồn nỗ lực đuổi theo, nét sung sướng lộ trên gương mặt.

Ông lão Sư tử nghiêm nghị :

- Con đã sanh sự rồi đó, Mê Năn. Ai đời lại dám bắt ngựa của vua mà ăn. Coi chừng, một ngày kia, vua nổi trận lôi đình, sẽ truyền cho lính nã tên thì mười mạng con cũng không còn. Sư tử mà ăn thịt ngựa thì sống lâu bao giờ ! Hãy nghe ba, từ nay đừng sanh tâm bắt ngựa nữa.

Mê Năn không trả lời. Quá tin ở tài nhảy cao chạy lẹ của mình, phần một bên Chồn cứ nịnh hót, chàng bất kể lời huấn từ, hể đôi ba hôm là cùng Chồn đi đánh cắp một con ngựa về làm tiệc.

Chẳng bao lâu, Vua hay tin, dạy đem ngựa vào nhốt trong vòng thành không cho ra bờ sông nữa. Thế mà Mê Năn và chú quân sư Chồn vẫn lập thế bắt tha được vài con.

Vua dạy làm chuồng nhốt, song cài cửa khóa. Vô ích. Năm mươi hôm là có tin ngựa mất.

Vua giận quá, hỏi kể trừ gian ở các quan. Một vị đại thần tiến cử một tay thiện xạ, có tài giết thú dữ. Vua cho đòi vào và phán hỏi. Nhà thiện xạ quả quyết, nếu Sư Tử còn trở lại, thì trong một phút

chàng sẽ hạ mãnh thú, đem xác về nạp vua. Hoan hỷ, nhà vua hứa trọng thưởng.

Đến đêm, nai nịch hần hời, bèn đeo cung, bèn vắt tên, nhà thiện xạ ẩn mình trong bóng tối, sau một trụ đá. Tiếng trống trên vọng đài vừa sang canh ba, chàng nghe có tiếng sột sạt. Sư tử tới, phía sau có chú Chồn. Nhưng là tay xảo quyết, Chồn không tiến bước mà núp lại phía sau.

Sư Tử phóng mình một cách nhẹ nhàng lên đầu tường, nhảy xuống đất, chạy bay lại chuồng ngựa. Chàng thiện xạ tự bảo : "Sư Tử lẹ lắm, bắt ngay lúc này, e hạ nó không được. Chỉ bằng đợi nó công ngựa chạy ra sẽ hay". Chàng vừa suy nghĩ xong là Mè Năn đã trở lại mé tường, trên vai nặng trĩu một con ngựa. Chuyển hết thần lực, chàng thiện xạ buông tên.

Rống lên một tiếng, Sư Tử té bật qua một bên, rồi góp sức tàn, nhảy vượt lên mặt thành, bỏ ngựa, miệng kêu : "Ta bị thương rồi".

Chồn nghe tiếng la của bạn và hơi gió tên bay, biết chuyện chẳng lành. "Thế là hỏng ! Thôi đành tiên báo kỳ thân. Ai có số nấy, ta phải lo phận ta". Nói xong, Chồn quặp đuôi chạy một mạch về hang mình, không đoái hoài gì đến Mè Năn.

Tuy máu ra rất nhiều, Mè Năn vẫn cố gắng la

lết về với gia đình, nhưng vừa thấy mặt cha, mẹ, vợ, em là chàng ngã ra tắt thở.

Thấy con mình mấy đăm máu, cha mẹ Mê Năn biết chàng đã bị bắn trọng thương và chú Chồn gian xảo kia là nguyên nhân của tai nạn thảm khốc. Tức tưởi, mẹ chàng kể lể : "Mê Năn con ơi ! Như thế này cho con biết để trước không nghe lời cha mẹ dạy. Hễ chơi với kẻ ác thì không toàn thân là vậy. Nếu con không nghe lời xúi biếu của Chồn thì nay đâu ra nông nỗi này."

Cha chàng cũng cảm động : "Cha đã nói mà ! Kết bạn với kẻ xấu thì cái chung cuộc bao giờ cũng không hay. Con nghe chi đứa nịnh bợ để cho thân thể phải đầm đìa những giọt máu đào của mẹ con đã chan sớt cho con ?

Em gái chàng, sụt sùi : "Anh Mê Năn ơi ! Anh thấy chưa, trước kia nếu anh nghe lời cha dạy, thì ngày nay anh em ta đâu có chia lìa như thế này. Anh có ăn năn chẳng, hỡi anh ? Không bỏ vào tai những lời minh chánh, là tự mình làm cho mình mù quáng, người xưa quả nói không sai".

Vợ Mê Năn cũng khóc : "Tại mình không khéo kết bạn, nên mới chết oan uổng. Ai đời lại hạ mình thân cận với kẻ lòng dạ bắn thiêu, để cùng với nó bị đời khinh nhạo, chê bai".

Trên đây là một câu truyện chính Đức Phật đã thuật lại để giáo hóa một Sa di thường hay lai vãng với những bạn bè không tốt.

Phật thuyết vừa xong, vị Sa Di liền tỏ ngộ, đoạn tuyệt với những bạn xưa và đắc quả Tu đà hoàn.

THIỆN TÂM

"Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người dèm pha, nghe câu khen ngợi mà mừng là làm mồi cho người nịnh hót".

Chim bồ câu và chàng đặt bẫy

- "Thuở xưa, lúc nhà vua giòng Bra-ma-na ngự trị tại Ba-ra-na-thi, Như Lai là một con bồ câu sống an vui với cha mẹ, họ hàng trong một cánh rừng nhiều trái ngon nước ngọt. Mỗi ngày, đồng thời với vừng thái dương lộ dạng, toàn họ bồ câu đều thức giấc ra khỏi ổ ấm, sè cánh rĩa lông, líu lằng ca hát, rồi chia nhau từng đoàn đi kiếm ăn. Đến trưa, trời nóng bức, kẻ chui vào những lùm lá tươi mát mẽ ẩn mình, người xuống suối nô đùa trong giòng nước lạnh. Chiều đến, trước sau, các đoàn lần lượt trở về ổ, chờ đêm đến là gác mở lên cửa thường ngoạn những hột ngọc lóng lánh trên nền trời xanh.

Nhưng bất hạnh thay cho giống bồ câu ! Trong xứ có một anh chàng chuyên nghề đặt bẫy chim. Anh ta trét lên cành cây có trái chín một chất

nhựa quái quăm. Chim nào dẫm lên đấy là dõ chân hết lên, cố đập đến gãy đôi cánh cũng không thể nào thoát nạn. Hồn hờ, anh chàng ác độc leo lên bắt từng con đem về nhà, bỏ vào lồng sơn vẽ rất đẹp, nuôi dưỡng như con cưng, đợi đến khi thân tròn thịt béo, anh mang ra chợ bán với một giá rất đắt.

Họ hàng bồ câu nhà ta rất biết cái mảnh khỏe bất lương của chàng đặt bẫy, thường bảo nhau phải cẩn thận trong khi vào rừng kiếm trái. Nhưng một hôm, quá mê chơi đuổi bắt, ta lại dẫm lên chất nhựa giết chim. Vừa cảm nhận cái rít của nhựa, ta biết nguy, thọc chân trái xuống để lấy chân mặt lên, không dè đôi chân bị giữ ghì lại. Thôi rồi ! Còn đâu cánh đoàn tụ, còn đâu cuộc đời êm ấm trong thanh thoát tự do. Ta cất tiếng thăm sâu kêu to. Cha mẹ, họ hàng vừa bay đến là bóng chàng đặt bẫy lù lù hiện ra dưới gốc cây. Vù một cái, bao nhiêu người thân yêu đều tứ tán, để mình ta trong tuyệt vọng và sợ hãi. Anh chàng thợ bẫy từ từ leo lên, gỡ ta ra khỏi nhựa, ta vùng vẫy muốn bay, nhưng than ôi ! Sức con bồ câu non đâu đương với bàn tay lực sĩ. Thôi đành cho số kiếp ! Ta được bỏ vào một cái lồng tre, trong đó đã có đôi bà con xa đồng phận.

Chàng thợ bẫy, thấy trời đã gần trưa, quảy lồng ra về. Đến nhà, anh bốc từng chú cá, bỏ vào một cái lồng lưới lớn. Quả như lời ta đã nghe kể lại trước khi ngộ nạn : trong chốn ngục tù, không thiếu một thức ăn uống nào, lại còn cửa sơn, phòng rộng, kể ra phong lưu không biết gấp mấy lần những cái ổ tranh chốn quê nhà. Nhưng ta biết rồi, tham lấy những cái của này là có ngày đem ra chợ bán. Lập tâm tuyệt thực cho mình gầy vóc héo, ta không động đến những hạt thóc no tròn của chủ nhà đặt cạnh bên ta.

Một hôm, hai hôm, ba hôm ta vẫn nén lòng chịu đói. Đến sáng ngày thứ tư, anh chàng đến thăm. Thấy ta tiêu tụy, anh có vẻ lấy làm lạ. Nhẹ mở cửa lồng, anh bắt ta ra và nhẹ nhàng đặt ta lên lòng bàn tay, đưa lên ngang mắt để xem coi vì có nào mà ta xanh xao vàng úa. Thấy ta gật gờ, chàng không còn nghi kỵ như lúc đầu, để ta đứng thông thả trên đôi chân run run. Chàng biết đâu rằng ta chỉ đợi chờ phút này. Chàng vừa quay đầu vì có tiếng động sau lưng, ta góp hết tàn lực tung đôi cánh vọt lên cành cao, rồi từ cành này sang cành nọ, ta trở về với núi rừng bao la, để lại tất cả những sung sướng đầy nguy cơ cho anh chàng ác độc".

Nói đến đây, Đức Phật thổ lộ : "Chàng đặt bấy
kia, chính là Đê Bà Đạt Đa ngày nay vậy".

THIỆN TÂM

+
"Kẻ thù đối đãi kẻ thù
Oan gia đối đãi oan gia
Người nuôi dưỡng tâm ác
Còn tự làm hại mình
Hơn là kẻ thù đối kẻ thù,
Oan gia đối oan gia."

Quả cam oan nghiệt

Dưới triều chúa Định Vương, tại thành Qui Nhơn có người tàu Quảng Đông, tục gọi Tàu Dư, cứ mỗi năm đến tháng chạp, chở hàng hóa lên thôn Vĩnh Thanh, huyện Tuy Viễn, bán cho người địa phương. Hiểu rõ tâm lý người dân Việt Nam và hoàn cảnh chốn thôn quê lúc gần Tết, Tàu Dư bán hàng chịu, kẻ đáng nhiều thì nhiều, kẻ đáng ít thì ít, rồi đến mùa gặt lúa tháng ba sang năm, mới trở lại thu tiền. Nhờ vậy hàng chú không bao giờ ế, và người địa phương đối với chú rất có cảm tình.

Ở Vĩnh Thanh có người bán bánh bèo tên là Phan Phiên. Nhà cửa tuy nhỏ nhưng rất ngăn nắp, lại có vườn rộng và quán bánh ở bên đàng. Vì tiện lợi cho sự buôn bán nên mỗi khi đến Vĩnh Thanh thì Tàu Dư đến ở đậu nhà Phan Phiên. Hai bên rất tương đắc.

Năm năm lui tới yên vui, Tàu Dư bỗng mất tích. Lúc bấy giờ nhằm lúc nhà Tây Sơn khởi nghĩa

binh đánh lấy thành Quy Nhơn. Người thì đoán rằng Tàu Dư sợ giặc giả đi lánh cư nơi khác. Người thì cho rằng chú đã gặp rủi ro trong chốn ba quân. Kê bàn người tán, xôn xao trong ít lâu, rồi công ăn việc làm xóa mờ dần dĩ vãng.

Rồi noi dấu Tàu Dư, Phan Phiên đi Quy Nhơn mua hàng về bán Tết. Và mỗi năm đi buôn chỉ một lần, mà chưa đầy năm năm, trong nhà đã dư ăn dư để. Chàng dẹp lò bánh bèo, mua trên vài chục mẫu ruộng tốt cho làm rẫy, dỡ bỏ mấy căn nhà cặp nhỏ hẹp, cất lại một tòa nhà mái ba gian, có hồ sen có non bộ, nghiêm nhiên thành một người giàu sang nhất vùng. Ai nấy đều cho rằng nhờ Thần tài phù hộ.

Để tạ ơn trên trước, Phan Phiên rước hát bội đến hát. Chàng định hát một đêm một ngày. Rạp hát cất cổ lâu, đồ trần thiết mượn toàn đồ Tàu, vàng thêu rực rỡ. Người đến xem đông như kiến. Chủ nhân lựa tuồng Tiểu Giang San để tôn vương xong là bế mạc.

Mặt trời vừa gác núi, tiếng trống chầu trống chiền đã nổi dậy vang lừng. Và trong nhà cúng tế vừa xong thì ngoài rạp bắt đầu khai diễn. Bao nhiêu con mắt đều dồn lên sân khấu. Trống chầu đôi gióng, trống chiền thúc.

Anh kếp đóng vai Khương Linh Tá bước ra giáo đầu. Điều bộ thật khéo. Tiếng châu thường dòn. Nhưng vừa toan cất tiếng xưng danh thì anh kếp liền ngậm miệng, mặt dớn dác, chân bước lui... Vừa vào buồng, bị thôi thúc, anh kếp trở ra lại, nhưng cũng vừa toan cất tiếng thì liền ngậm miệng lại, và hốt hoảng chạy vào buồng. Anh kếp khác ra thay, rồi anh kếp khác ra thay nữa, nhưng anh nào cũng vừa muốn cất tiếng thì liền ngậm miệng, hốt hoảng chạy vào buồng. Ông bầu hỏi duyên do, anh nào cũng làm thính, lấy tay khoát, có vẻ sợ hãi.

Cả rạp đều ngạc nhiên hết sức !

Ông bầu đề nghị cùng chủ nhân cho thay vở tuồng khác, rồi tự mình ra giáo đầu.

Ông bầu đóng vai Quan Công phò nhị tẩu vừa bước ra sân khấu thì liền được khán giả hoan nghênh. Nhưng cũng vừa toan cất tiếng xưng danh thì liền ngậm miệng lại bước lui mấy bước, rồi cũng hốt hoảng chạy vào buồng. Ngoài rạp nhao nhao... Hai vị phụ lão cầm châu quảng dùi đứng dậy bỏ về. Chủ nhân vừa lo ngại vừa tức giận vào cụ bầu hát. Bầu hát không nói không rằng, chỉ hối thúc con em lo dọn gánh rút lui.

Thế là đám hát bị tan rã.

Cho là đêm xấu, Phan Phiên đâm đơn kiện người bầu hát đã làm mất thể diện mình.

Đế Ly Tuy Viễn lúc bấy giờ là quan huyện họ Tàu, có tiếng là công bình chính trực. Đêm trước hôm Phan Phiên đâm đơn kiện, Tào Công đang ngồi đọc sách dưới đèn, thì một người Tàu vào đặt ngay thư án một chiếc quả sơn đỏ, rồi vái hai vái mà lui. Công mở quả xem thì thấy một trái cam chín thắm. Công toan cầm cam lên ngửi thì một con quạ bay đến, lấy chân quắp tha đi, Công vội đuổi theo thì vấp ngã... Giật mình tỉnh dậy thì là một giấc chiêm bao. Vì vậy sáng hôm sau nhận được đơn của Phan Phiên, Công đoán chắc có sự liên quan giữa giấc chiêm bao và vụ kiện. Công sức trác dồi đoàn hát bội đến và tự mình lấy khẩu cung.

Ông bầu gánh cùng mấy người kếp đều khai giống nhau, rằng khi ra tuồng, chúng vừa toan cất tiếng thì một người Tàu cầm quả cam chín thắm nhét vào miệng không cho nói. Sợ quá chúng phải bỏ cuộc rút lui.

Tào Công ngẫm nghĩ :

- Thật là kỳ ! Cũng chú Tàu, cũng quả cam chín thắm ! Nhất định có điều gì bí ẩn chi đây. ,

Công cho đoàn hát bội về nhà, rồi cùng một viên thuộc hạ lên thẳng Vĩnh Thạnh. Đến nhà

Phan Phiên, Công không đề cập đến vụ kiện chỉ truyền đưa đi xem quanh vườn.

Vườn rộng chừng nửa mẫu, cau chuối xanh tươi, chim se sẻ từng đoàn bay kêu riu rít. Không thấy chỉ lạ, Công toan trở vào nhà xét xem, thì nơi góc vườn bỗng nghe tiếng quạ kêu náo nức. Lòng sanh nghi hoặc, Công lần bước theo tiếng quạ kêu. Đi được vài mươi bước thì Công dừng ngay lại : một cây cam xanh tốt đứng choán một góc vườn nhưng trên cành sum sê chỉ có vòn vẹn một quả chín thắm. Thấy quả cam trên cành giống quả cam trong mộng, Công đứng ngẩn người. Đương tàn ngẩn suy nghĩ thì một con quạ bay đến đậu nơi cành cam, kêu mấy tiếng náo nức, rồi lấy mỏ mổ vào quả cam đoạn cất cánh bay mất... Liên đó một vòi huyết từ quả cam quạ mổ vụt phun ra... Viên thuốc hạ hết hồn. Phan Phiên sợ run cầm cập. Tào Công lấy làm kinh dị tự nhủ :

- Nhất định có kẻ bị chết oan.

Bèn sai đào gốc cam lên.

Cây cam vừa ngã thì bày ra một bộ xương khô ! Phan Phiên hải hùng, hét lên một tiếng rồi cầm đầu chạy trốn.

Tào Công một mặt cho tẩn liệm bộ xương và chôn cất tử tế, một mặt cho bắt giải Phan Phiên đến huyện đường.

Đến huyện đường, không cần tra tấn, Phan Phiên quỳ cung :

- Bộ xương ấy là của Tàu Dư.

- Tàu Dư đến buôn bán tại Vĩnh Thạnh rất phát đạt. Thấy y chơn chất và không vợ con, tôi bèn làm mối cô em vợ tôi cho y. Y bằng lòng, bàn cùng tôi tậu ruộng nương, cất nhà cửa tử tế rồi lo việc gia thất. Tôi tán thành, y về Qui Nhơn lo thu xếp công việc.

Một đêm tôi vừa thiu thiu ngủ thì nghe tiếng Tàu Dư gọi cửa. Lúc bấy giờ vợ con tôi đã ngủ say. Tôi dậy mở cửa. Y gánh vào một cặp bầu cũ kỹ, ngó quanh quất rồi thẳng vào buồng nhà trong. Y chỉ cặp bầu nói cùng tôi :

- Tài sản của tôi có chừng nấy.

Đoạn mở bầu lấy ra hai chính sành, một chính đựng toàn vàng nén, một chính đựng toàn bạc nén. Chưa bao giờ thấy của giàu như thế, mắt tôi hoa lên ! Tàu Dư nói :

- Không nên để trong nhà. Hãy đem chôn ngay ra sau vườn.

Tôi lấy cước thưởng rồi cùng Tàu Dư khuân hai chính vàng bạc ra sau vườn. Tôi cước đất, Tàu Dư xúc đổ. Vừa làm việc tôi vừa nghĩ đến hai chính

vàng bạc... Cảnh giàu sang hiện ra trước mắt tôi, lòng tham của tôi bùng bùng nổi dậy. Thấy Tàu Dư đương chú ý vào việc xúc đất thuận tay tôi trở đại cước xáng mạnh xuống đầu, y vỡ sọ chết tức khắc. Sấn hầm đào đã sâu, tôi liền lấp xác chết. Rồi bứng cây cam bên cạnh trồng lên trên. Từ trong nhà đến người ngoài không một ai hay biết.

Rồi để che mắt thế gian, tôi bỏ nghề bán bánh bèo, bắt chước Tàu Dư đi mua hàng về bán tết... Tôi trở nên giàu có. Năm năm trôi qua, không còn ai nhắc nhở đến Tàu Dư, cũng không hề thấy ai đàm luận đến sự giàu sang của tôi, tôi liền rước hát bội về hát để tạ ơn kẻ khuất mặt đã phù hộ. Nào ngờ...

Tào Công quảng bút thờ dài ! Đoạn truyền đem giam Phan Phiên vào ngục thất. Chợt nhớ đến quả cam, Công sai người thắng ngựa đi lấy. Ngựa chưa kịp thắng, thì một con quạ bay đậu trước huyện đường kêu inh ỏi. Công trông ra : một quả cam chín thắm từ chân quạ rơi xuống mặt sân. Sai lượng lên xem là quả cam nơi vườn Phan Phiên, nhưng ruột trống rỗng, mà nơi quạ mổ vẫn còn vết máu tươi.

Công hội ý, ra lệnh tịch biên gia sản Phan Phiên, trích ra một số tiền làm chay cầu siêu cho Tàu Dư, ba ngày ba đêm. Đêm thứ ba, giờ tý, hồn Tàu Dư hiện đến, lạy trước bàn Phật ba lạy rồi

biến mất, và trên không một con quạ vừa bay vừa kêu.

QUÁCH TẤN

"Chân như cực lạc bởi duyên lành,
Túc trái luân hồi do nghiệp khổ..."

Quan Âm Thị Kính

Ngày xưa ngày xưa, có một người trải qua nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào dạng thành Phật.

Đến kiếp thứ 10, người này được thác sanh ở nước Cao Ly làm con gái một nhà họ Mãng, có tên là Thị Kính. Nàng có vẻ người đầy đặn, mặt mũi dễ coi, tính tình điềm đạm. Lớn lên, nàng thờ cha mẹ hết lòng, việc nhà việc cửa chăm lo rất đảm. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho một anh chàng học trò họ Sùng tên là Thiện Sỹ. Cũng giống như nhà vợ, bên nhà chồng cũng chẳng khá giả gì. Thấy chồng chăm học, không chơi bời, Thị Kính không ao ước gì hơn, nàng càng ra công tần tảo cho chồng dốc lòng nấu sữ sôi kinh.

Một đêm, bên cạnh án thư, Thiện Sỹ ngồi đọc sách, Thị Kính cũng ngồi may một bên, hai người chung nhau một ngọn đèn dầu. Chồng học mãi

thấy mệt mỏi, bèn ngã lưng xuống giường, kê đầu lên đầu gối vợ chuyện trò một chốc rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính cố giữ yên lặng cho chồng yên giấc. Nàng có thì giờ ngắm nghía kỹ khuôn mặt tuấn tú của chồng. Bỗng nàng nhận ra ở cằm chồng có một sợi râu mọc ngược. - "Ồ, sao lại có sợi râu xấu xí thế này, người ta bảo râu mọc ngược là tướng bạc ác. Ta phải lên nhổ đi cho chàng mới được !" Nghĩ vậy, sẵn con dao nhíp trong thúng khâu dụng đồ may. Thị Kính liền cầm lấy mở ra định nhổ sợi râu, không ngờ lưỡi dao sáng loáng vừa đưa đến gần thì Thiện Sỹ cũng vừa chợt tỉnh, trông thấy vợ tay cầm dao chia vào mặt trong lúc mình chợt ngủ quên, Thiện Sỹ nghĩ ngay đến chuyện đen tối, liền vùng dậy nắm cổ tay và la lên : "Chết thật ! Nàng định cầm dao giết ta lúc đang ngủ ư?" Thị Kính đáp : - "Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược, thiếp định tâm lên nhổ nó đi kẻo trông xấu xí lắm !". Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không tin như vậy. - "Thôi thôi ! Đừng khéo chống chế. Làm sao có chuyện nhổ râu khi ta đang ngủ. Muốn nhổ thì đợi ta tỉnh dậy, hoặc ban ngày ban mặt có hay không ?".

Giữa lúc ấy, người mẹ Thiện Sỹ nằm ở buồng bên cạnh nghe cãi nhau cũng xô cửa bước ra. Vừa

nghe con trai kể lại chuyện, bà đã mồm loa mép giải : - "Trời ơi ! Con này to gan thực ! Dám đang tay làm những việc tày trời, may mà con ta trở dậy kịp, không thì còn gì tánh mạng". Thị Kính nước mắt giàn giụa cố gắng phân trần : - "Mẹ nghĩ xem, con có thù vơ oán chạp gì mà phải làm như vậy. Chẳng qua con muốn làm cho chồng đẹp mặt..."

"Rõ ràng mày định tâm giết chồng, bị bắt hai năm rõ mười mà còn chối leo lẻo". Người mẹ Thiện Sỹ chẳng ưa gì nàng dâu nên một mực đổ riết. Thị Kính thấy giải bày mãi không ăn thua, nên ngồi xuống cúi đầu nức nở. Câu chuyện từ bé xé ra to. Cuối cùng gia đình họ Sùng không muốn con cháu có nòi ác nghiệt, nên Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ.

Buồn chán cho số phận éo le, một hôm nàng cải trang thành một chàng trai, nhân đêm tối bỏ nhà, khăn gói ra đi. Nàng đi đi mãi, cố tìm trú ngụ một nơi cho thật xa quê hương để xóa bỏ những ký ức đau xót. Sau cùng đến một tỉnh khác, ở đây có chùa Vân, nàng tìm đến xin cạo đầu quy y. Sư cụ không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt là Kính Tâm. Sự đời đã tắt lửa lòng, từ đây nàng yên tâm bạn cùng kinh kệ.

Nhưng tu hành ở chùa Vân chưa được bao lâu thì một việc mới lại xảy đến với nàng. Tuy ăn mặc

nâu sòng, nhưng vẻ mặt của chú tiểu mới đã làm cho nhiều trái tim của các cô gái làng thôn thức. Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, những ngày lễ chùa thấy tiểu Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm nhớ thầm. Hai ba phen bị khước từ, Thị Mầu càng si mê càng cố tìm cách quyến rũ. Sau đó, tuy cá chẳng cắn câu, nàng vẫn không sao quên được chú tiểu. Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đầy tớ trai trong nhà. Qua nhiều phen đi lại, không ngờ bụng ngày một lớn. Bị làng phạt vạ, cô gái nghĩ rằng nếu thú thật thì chẳng hay ho gì bèn đổ riết cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm cũng bị làng đòi đến khảo tra. Nhưng dù bị đánh tới tã, nàng cũng không dám nhận liều cũng như không để lộ mình là gái. Sư cụ chùa Vân thấy tiểu bị đòn đau thì thương tình kêu xin với làng nộp vạ, bảo lãnh cho tiểu được tha về. Nhưng sợ miệng thế gian mai mỉa ô danh chốn thiền môn, nên sư bắt tiểu phải chụm một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Nàng cam tâm nhận sự hành hạ này, cắn răng không hề van xin hay than thở.

Thị Mầu sau đó sinh được một trai. Đã trót đổ vấy cho tiểu Kính Tâm, nên nàng lại đem đứa con bỏ ở cửa tam quan. Kính Tâm lại thêm một phen bối rối. Nhận lấy đứa bé thì không khác gì một

hành động thú tội, mà không nhận thì làm ngơ sao đành trước một đứa bé vô tội thế kia. Nhưng những tràng khóc oa oa của đứa trẻ sơ sinh đã khiến nàng mất hết ngại ngần. Lập tức nàng bế đứa bé vào lều chăm sóc, và từ đó ngày ngày một công việc mới choán hết thì giờ và tâm trí của nàng, nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm. Mặc cho dân làng kẻ cười người chê đến rất cả mặt, nàng vẫn âm thầm chịu đựng, tuyệt không có lấy một lời oán thán.

Cứ như thế sau sáu năm, nàng trông nom con người như con đẻ. Trong khi đứa bé ngày một sỡn sơ khôn lớn, thì sức nàng trái lại ngày một mòn kiệt quệ. Một hôm biết mình không thể sống được nữa, tiểu Kính Tâm bèn viết một phong thư để lại cho bố mẹ đẻ, trong đó nàng thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhần nhục bấy chầy. Lại dặn dò đứa bé sau khi mình chết thì trao thư lại cho Sư cụ trên chùa.

Khi khâm liệm, mọi người mới hay tiểu Kính Tâm là đàn bà, và ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực. Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân bèn cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sanh tịnh độ. Dân làng còn bắt Thị Mầu phải để tang và bắt phải trả mọi chi phí ma chay. Hôm cử hành

đàn chay, thì trên trời, giữa một đám mây năm sắc, Đức Phật Thiên Tôn hiện ra phán truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm.

Ngày nay, để chỉ cho mối oan to lớn, người ta thường bảo : "Oan Thị Kính" là từ truyện này mà ra.

NGUYỄN ĐỒNG CCHI
(*Truyện cổ Việt Nam tập VI*)

"Ai nhẫn được những điều khó nhẫn,
Làm được những giới hạnh khó làm,
Người đó chắc chắn được thành Đạo quả".

Nhân quả của sự bố thí

Thuở Đức Phật còn ở đời, giáo hóa chúng sanh, có một vị Trưởng giả rất giàu, kho tàng đầy đầy, tôi tớ đông đảo, Trưởng giả ấy là em của Ngài Đại Mục Kiền Liên.

Một hôm, Tôn giả Mục Liên đến nhà em, bảo rằng : "Tôi nghe chú không ưa bố thí, điều ấy rất không tốt" Đức Thế Tôn thường dạy : "Người nào hay bố thí, sẽ được hưởng phước báo không lường". Nay chú được giàu sang như thế này, là do công đức huệ thí từ kiếp trước. Nếu chú cứ ôm lòng lẩn tiếc chẳng những hưởng phước không được bao lâu, mà đời sau do nghiệp bòn xén sẽ mang thân ngựa quỳ, khốn khổ vô cùng.

Nghe lời anh dạy, Trưởng giả mở rộng kho tàng, cúng dường Tam bảo châu cấp cho kẻ nghèo thiếu. Trong khi ấy, ông lại cất thêm kho vừa mới, ý muốn thu chứa, những của cải, mình sẽ được do phước bố thí, nhưng chưa được bao lâu thì tiền của

tiêu mòn, kho cũ đã hết, mà kho mới cũng trống trơn, trưởng giả sanh lòng ảo não, đến thưa với Ngài Mục Liên rằng : Khi trước anh bảo : "bố thí sẽ được nhiều phước báo" tôi không dám trái lời dạy, đem tất cả ra làm việc phước đức, nay kho tàng đã hết sạch, nhưng phước báo đâu không thấy, hay là tôi đã bị lừa lạc vì anh chăng ?"

Tôn giả Mục Liên bảo : "Chú chớ nên nói lời ấy ! Chớ nên gây tà kiến cho những kẻ ngu mê ! Nếu phước đức đều có hình tướng, thì cảnh giới hư không, dung chứa vào đâu cho hết. Tuy nhiên, nếu chú muốn, tôi có thể chỉ cho thấy một phần ít quả báo của sự bố thí. Nói đoạn, ngài Mục Liên dùng sức thần thông đem em lên đến một phương vực ở cõi trời. Nơi đây, một bầu trời thế giới tràn kỳ hiển hiện : Lầu các rộng rãi bao la, cảnh trí vui tươi sáng suốt, ao thất bão gió thơm thanh khiết, hoa Mạn Đà vẽ đẹp thần tiên ! Trưởng giả mục kích sững sờ, ngơ ngẩn, nhìn đông quên tây, lại thấy từ trong cung điện lộng lẫy, chậm rãi đi ra một đoàn ngọc nữ. Trưởng giả liền hỏi anh rằng : "Đây là cảnh nào mà phong cảnh xinh tươi như thế ? Sao tôi chỉ thấy toàn là người nữ, không có nam nhơn ?" Tôn giả Mục Liên bảo : "Chú hãy đến hỏi ngay mấy nàng kia, sẽ được biết rõ". Trưởng giả đem những lời ấy hỏi, thiên nữ đáp : "Đây là cung trời Đạo Lợi, chúng

tôi ở chốn này đã lâu hưởng phước tự nhiên, những thức ăn mặc tùy niệm hiện ra, không cần phải nhọc sức tạo tác. Bao nhiêu cung điện và tất cả sự trang nghiêm tốt đẹp nơi đây, cho đến sắc thân thanh khiết xinh tươi của chúng tôi, đều là kết quả của sự bố thí. Ngài muốn biết ngài trượng phu của chúng tôi ư ? Người ấy không ai xa lạ, chính là những vị nào siêng tu phước đức. Hiện nay, ở cõi nhân gian, về xứ Ca Tỳ La Vệ, Tôn giả Mục Liên vị đệ tử thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có một người em ưa bố thí, người ấy không bao lâu mạng chung, sẽ thác sanh lên đây và sẽ là người chủ quản của chúng tôi sau này".

Nghe thiên nữ nói, trưởng giả bỗng nhiên vui mừng khắp khởi, cảm phát lòng lành, liền trở về chỗ Ngài Mục Liên thuật lại mấy lời ấy. Tôn giả mỉm cười, hỏi gạn lại : "Thế nào ? Sự bố thí có phước báo hay không ?" Trưởng giả hồ thẹn, sấm hối. Sau khi trở về nhân gian, ông lại càng bố thí nhiều hơn và khuyến khích người khác làm theo, không lúc nào biết chán nản.

*

Thuở xưa, ở thành Xá Vệ có Vị trưởng giả, một ông tên là Tối Thắng, một ông tên là Nan Hàng. Cả

hai đều rất giàu có, bảy báu đầy đủ, voi, ngựa, xe cộ, tài trai, tở gái đông đúc, ruộng vườn sự sản vô cùng to tát. Nhưng, về tánh tham lam, bòn xén của hai ông này, ở trong nước thật không ai hơn. Trưởng giả Tối Thắng cũng như Nan Hàng, mỗi ông đều xây tường thành cao, làm bảy lớp cửa, dặn gia nhân đừng cho kẻ ăn xin vào nhà. Chưa lấy thế làm đủ, hai ông còn sắm những tấm lưới sắt che giăng khắp trên sân, vì sợ loài chim bay xuống mổ lúa thóc. Cho đến các kho vựa, cũng đều làm bằng sắt, quyết không để loài chuột xoi khoét vào cắn phá đồ vật.

Nghe tiếng hai ông trưởng giả keo bần, năm vị đệ tử lớn của Đức Phật tuần tự nhau dùng phép thần thông, phân thân đi đến mỗi nhà, từ dưới đất bay lên, thuyết pháp giáo hóa. Nhưng kết cuộc, hai ông trưởng giả chẳng nghe lời giảng dạy. Sau rốt, Đức Phật cũng dùng phép phân thân đi đến, hiện thân lục, ngồi nằm giữa hư không, phóng ánh sáng rực rỡ soi khắp mọi nơi, nói ra pháp màu nhiệm, hai vị trưởng giả tai nghe, nhưng còn chưa hiểu thấu đều tự nghĩ rằng : "Nay Đức Thế Tôn đã đến nhà, ta không nên để cho Ngài về không" nghĩ như thế, mỗi ông tự vào kho lấy vải để đem ra cúng Phật. Vì còn nặng lòng tham tiếc, hai ông định lựa vải xấu, nhưng lấy làm phải thứ tốt, khi trở vào đổi, lại lấy thứ khác tốt hơn. Bây giờ, cả hai tâm

ý phân vân, nửa muốn đem ra, nửa muốn cất vào, băn khoăn không nhất định.

Lúc ấy, Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy chư thiên đang đánh với A Tu La, khi được hơn khi bị thua, kia là quả báo của tâm trạng hơn kém trong khi bố thí. Đức Thế Tôn lại quán sát, đến tâm của hai vị trưởng giả, thì thấy có lúc tâm bố thí hơn, tâm bòn xén thua, có lúc tâm bòn xén hơn, tâm bố thí thua, Ngài liền nói bài kệ rằng :

"Bố thí như chiến tranh

Điều ấy Phật không khen

Khi thì là khi đánh

Hai việc ấy đồng nhau".

Hai vị trưởng giả nghe xong, trong lòng hồ thẹn, cho rằng Đức Phật đã nói ngay tâm trạng của mình, mỗi vị đều đem vải tốt ra dâng cúng Phật. Cúng dường xong, cả hai tâm trí sáng suốt, đều chứng được đạo quả.

TRÍ HIỀN

"Làm gì có sự lũng đoạn về kinh tế, người bóc lột người, một khi nhân loại đã thật hành tài thí".

Túi tham không đáy

Vào thời quá khứ xa xưa, ở Diêm Phù Đề có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên Ma Đa Tu ngự trị. Ngài oai quyền tột bậc, thống lĩnh cả bốn châu thiên hạ, gồm có tám muôn bốn ngàn vị tiểu vương chư hầu.

Tuổi thọ của chúng sanh thời ấy đến vô số năm. Đức vua lại có quyền phép thần thông biến hóa không lường, ngài chỉ cần vỗ tay nhẹ thì mưa bảy báu rơi xuống ngay.

Thuở ấu niên hoa mộng, Đức vua nô đùa thỏa thích trong vòng tám muôn năm, đến khi trưởng thành vào khoảng tám muôn bốn ngàn tuổi được vua cha giao quyền nhiếp chính. Giữ chức nhiếp chính hết tám muôn bốn ngàn tuổi thì được chính thức đăng quang lên ngôi Chuyển Luân Thánh Vương thật thụ.

Trải qua một thời gian dài, tám muôn bốn ngàn năm đăng đẳng ngự trị trên ngai vàng,

nhưng đức vua Man Đa Tu luôn luôn cảm thấy không hài lòng với hiện tại, một hôm ngài phán hỏi các cận thần :

- Nay chư hiền khanh, có nơi nào có nhiều lạc thú đặc biệt hơn những gì trăm đang tận hưởng không ?

Các quan đồng tâu rằng :

- Muôn tâu Hoàng Thượng, những thú vui ở trần gian quả thật không có bao nhiêu để bề hạ tận hưởng xứng đáng với ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương. Duy chỉ có cung trời Tứ Đại Thiên Vương đặc biệt hơn cả có đủ mọi lạc thú thần tiên thật xứng đáng để bề hạ tận hưởng.

Đức Vua Man Đa Tu khi đã nghe qua các quan đồng tâu như thế rất đẹp ý, liền lấy vòng Chuyển Luân Thánh Vương đưa lên ba lần. Lại thay, đức vua cùng bá quan trong nháy mắt đã hiện trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Chư thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương thấy đức Man Đa Tu ngự đến bèn mang lễ vật hoa hương đến cúng dường, đồng thời kính dâng lên đức vua tất cả cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.

Đức vua Man Đa Tu ngự trị và tận hưởng lạc thú thần tiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương rất lâu vào khoảng tám muôn bốn ngàn năm của thế gian.

Tuy vậy Đức vua cũng chưa cảm thấy đủ với những lạc thú ở cõi Tứ Đại Thiên Vương. Một hôm, đức vua gọi Tứ Đại Thiên Vương vào hỏi :

- Nay Đại Thiên Vương còn có nơi nào có nhiều lạc thú đặc biệt hơn cõi mà ta đang hưởng đây không ?

Tứ Đại Thiên Vương đồng tâu rằng :

- Muôn tâu Đại Vương của bốn châu thiên hạ, nơi đây những lạc thú chẳng khác chi cõi người, chỉ có những thú vui nơi cung trời Đao Lợi mới tuyệt vời gấp trăm, gấp ngàn lần cõi này.

Đức Vua Man Đà Tu rất đẹp lòng liền cầm vòng Chuyển Luân Thánh Vương đưa lên ba lần trong phút chốc đức vua Man Đà Tu và triều thần đều ngự lên cõi trời Đao Lợi.

Đức Đế Thích thấy vua Man Đà Tu đến, bèn mang hương hoa cúng dường, đồng thời xin cống hiến phân nửa cõi trời Đao Lợi cho vua.

Nơi đây, vua Man Đà Tu trị vì tận hưởng mọi lạc thú thần tiên một thời gian gần như vô tận, trải qua ba mươi sáu đời Đức Đế Thích, nhưng ngài vẫn tỏ ý chưa hài lòng.

Một hôm, đức vua nảy sinh tà tâm, ngài thầm nghĩ rằng : "Nếu ta giết Đức Đế Thích thì một

minh ta sẽ ngự trị trọn vẹn cảnh trời Đao Lợi này mới xứng đáng địa vị Chuyển Luân Thánh Vương thì ta tha hồ tận hưởng".

Một ý nghĩ độc ác dù chỉ thoáng qua bỗng nhiên Man Đa Tu cảm thấy những triệu chứng bất thường : Suy yếu, mỗi mệt, sức lực kiệt quệ, như cây đèn sắp tắt, không thể chung sống lẫn lộn cùng các chư tiên được nữa. Thế là Đức vua phải giáng trần ngay vườn thượng uyển của mình khi xưa.

Người giữ vườn bỗng nhiên thấy Đức vua Man Đa Tu ngự trong vườn một mình, vô cùng ngạc nhiên, vội vã vào triều phi báo tỵ sự.

Đức vua trưởng giòng họ khi hay tin vua Man Đa Tu trở về lấy làm hoan hỷ, lập tức thân hành đến vườn thượng uyển cùng với tám muôn bốn ngàn tiểu vương chư hầu mang long xa và long sàng đến đón rước đức vua về triều đình.

Đức vua từ từ trỗi dậy ngự trên long sàng, tuyên bố với mọi người rằng :

- Ta không rời chiếc long sàng này được nữa. Vậy xin các ngài hãy lưu ý rằng sự tham muốn của con người thật vô bờ bến, không bao giờ chấm dứt được. Nếu sau này có ai hỏi khi đức vua sắp thăng hà có trỗi lại những gì không thì các ngài hãy

truyền lại lời ta rằng : "Ta đã được bảy báu, đã được bốn châu thiên hạ, đã được ngồi chung với trời Đao Lợi, cai quản một nửa cung trời, nhưng khi chết lòng tham vẫn chưa thỏa".

Đức vua tuyên bố xong liền thăng hà được thọ sanh nơi lạc cảnh.

Vào thời quá khứ xa xăm, tiền kiếp của vua Man Đa Tu là một người may mắn và thuê rất nghèo túng. Thuở ấy, thời giáo pháp của Đức Phật Tỳ Bà Thi, rất được quảng đại quần chúng qui ngưỡng, chùa chiền bảo tháp vô cùng nguy nga tráng lệ được xây dựng và hộ trì hết sức nghiêm cẩn.

Hàng vạn Phật tử cùng nhau đến chùa nghe pháp, trai tăng rất long trọng. Chàng thanh niên may thuê thấy mọi người thi nhau đến chùa làm phước lòng rất nôn nao muốn góp phần công đức, nhưng xét đi xét lại không thấy món chi xứng đáng nên chỉ biết than thầm.

Một hôm, buổi trai tăng được đến với chư Tỳ kheo tăng, dưới sự chứng minh tối cao của Đức Phật. Gã thanh niên cơ hàn, cầm lòng không đậu, cất tiếng than rằng :

- Than ôi ! Ta là người bạc phước nhất trên thế gian này, ta chẳng có một vật mọn nào để cúng dường Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng để gieo

duyên lành. Nhưng đây cũng là dịp may hiếm có để thử thách ta, nếu ta không dũng mãnh phát tâm thì biết bao giờ mới có đủ nhân duyên như thế này. Kiếp này ta đã khốn khổ, nếu không chịu tích trữ phước đức dành cho kiếp sau thì biết bao giờ ta mới thoát khỏi cảnh khốn cùng.

Ngày hôm ấy, anh cố gắng nỗ lực may vá không ngừng, dành dụm được vài chục đồng, thì giờ trai tăng đã đến. Gã không biết cách nào hơn chạy vội đi mua một nắm hạt đậu và một nắm hạt mè, lòng tràn ngập hoan hỷ, trong ý định sẽ để vào từng bát để cúng dường đến Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng.

Trên đường đi đến nơi Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng đang ngự, bỗng gã cảm thấy tủi thân khi nhìn thấy những bộ y phục sang trọng cùng những mâm lễ vật quý giá đến để bát, ai ai cũng hơn hờ tươi cười, chỉ riêng anh là buồn rười rượi. Anh cố gắng đến gần nơi chư Tăng nhận vật thực với hy vọng sẽ dâng cúng đậu và mè vào bát chư Tăng, nhưng chỉ hoài công, mọi người không cho chàng vào vì nghĩ rằng chàng thanh niên này quá nghèo. Thật tấn thối lương nan, dừng lại một lát anh than thầm rằng :

- "Thế là hết, ta đã mất đi cơ hội ngàn năm một thuở, vậy ta cứ đứng đây ném vào từng hạt nếu chỉ

rơi vào bát của một vị thôi ta cũng hữu duyên lắm rồi".

Suy tư xong, gã bắt đầu ném từng hạt, kỳ diệu thay, phi thường thay do tâm thành khẩn, do nguyện lực vĩ đại, những hạt đậu, hạt mè đều rơi vào bát của chư Tỳ kheo tăng và Đức Phật.

Khi được nhìn thấy hiện tượng kỳ diệu ấy, anh phát tâm trong sạch gấp trăm ngàn lần hơn nữa, lập tức quỳ xuống phát nguyện rằng :

- "Do oai đức của sự cúng dường này, trong kiếp vị lai, con nguyện sẽ trở thành một vị Chuyển Luân Thánh Vương để tận hưởng mọi lạc thú trên cõi đời, nếu con vô nhẹ tay thì mưa bảy báu sẽ rơi xuống ngay, con xin đừng sai nguyện bao giờ".

Gã thanh niên ấy, sau khi hết tuổi thọ được sanh về cõi trời rất lâu, cho đến khi vào sơ nguyên kiếp này được thọ sanh làm hoàng tử con vua Ka Ba Ya Na Ra Đa, mang tên là Man Đa Tu vậy.

Thật : Sự tham lam của con người vô cùng tận.

GIỚI ĐỨC

"Người có tiền rùng bạc bể mà vẫn còn ham muốn, họ chính là người "Nghèo". Trái lại, người tuy có ít tiền bạc, nhiều khi túi rỗng không, nhưng cảm thấy mình đầy đủ, người này chính là người "Giàu".

Chiếc gương soi trong tráp báu

Thuở xa, ở một làng cách xa đô thị, có anh chàng rất nghèo, tên là Ngốc. Danh từ "Ngốc" ấy, xét ra cũng có phần phù hợp với tánh nết của anh nhưng có lẽ vì anh quá nghèo, khi đi vay hỏi, người trong làng thường khinh mắng, xua đuổi, mà anh vẫn lặng thinh như thằng ngốc, nên do đó thành danh chứ làm cha mẹ ai nỡ đặt tên cho con cái tên xui xẻo như thế bao giờ ! Tuy trong làng xóm cho đến người thân thuộc đều chán sợ khi thấy dạng anh lù lù đến nhà, song vì anh nài nỉ van xin lắm lời, cũng có kẻ động lòng thương cho mượn. Nhưng, một khi mượn thì quyết không trả nổi, cho nên anh mắc công nợ khắp đó đây. Vì thế, anh lại được thêm một tên nữa là ông "Tổ nợ".

Một ngày nợ, các chủ nợ đến đòi hỏi ráo riết quá, người thì thét mắng, kẻ thì nhẩy bổ lại xé rách cả quần áo, song anh vẫn ngồi ỳ ra đó mà

chịu, không nói năng được nửa lời. Đêm ấy, anh nằm gác tay lên trán, hết thương thân túi phận, lại chán cảnh, sợ đời ! Thôi ! "Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn ?" Suy tới nghĩ lui, liệu ở nán lại chắc không tiện, anh liền thu xếp áo quần và chút ít lương thực rồi vội vã trốn đi, trong lúc trời chưa rạng sáng. Ngày đi đêm nghỉ, lặn lội vượt qua miền gió cát, ba hôm sau, anh đến một vùng nước non thanh tú, và nhất định ở đây suốt đời. Nơi đây, anh thấy an nhàn, vui vẻ, đôi ăn trái rừng, khát uống nước suối, riêng tiêu dao trong khoảng trời mây, cây cỏ, cuộc đời kể cũng đã thần tiên lắm ! Có những buổi chiều, khói mù giăng ngang sườn núi, chim hôm xao xác về rừng, anh ngồi thần thờ như ôn lại quãng đời dĩ vãng ! Có những đêm trăng khuya bằng bạc, gió lá rì rào, anh thức giấc lặng nhìn mấy dãy non xa in bóng qua nền trời mờ xám, như những búp măng non, mà thấy mình như vượt khỏi trần ai tâm trí vô cùng thanh thoát ! Phong cảnh nơi đây thật là đẹp ! Xa xa, dòng suối róc rách trong khe, như tiếng cười chào hỏi. Và đây, trăm thứ hoa đua nở khoe tươi, như ân cần đón rước, tất cả ngần ấy làm cho anh thỏa thích, xóa tan bao nỗi khổ nhục trong thời gian qua. Nhưng một buổi sáng, cảm thấy trong lòng phiền muộn, chàng Ngốc thơ thần dạo chơi. Cảnh thiên nhiên tươi đẹp như dẫn dắt người, anh vui

chân bước mãi, bất ngờ đi đến một động đá, trông vào đấy, Ngốc thấy một vật gì đen dài điểm sáng phản chiếu dưới ánh nắng trời mai. Anh lại gần nhìn xem, thì là một cái tráp bằng gỗ, có khảm bạc. Tánh tọc mạch, háo kỳ, xui cho Ngốc loay hoay tìm cách mở. Một hồi lâu, sau khi mở được cái tráp ra, bỗng anh hoa mắt, sững sốt, vì trong ấy chứa đầy những vòng vàng, châu ngọc quý giá, anh mân mê, hết cầm viên ngọc này, đến nắm xâu chuỗi khác, say sưa nhìn ngắm ! Lần lượt xem hết từng món sau cùng, Ngốc thấy dưới đáy tráp có cái gì tròn đẹp, chung quanh khảm vàng, khoảng giữa long lanh chói sáng. Đây là một chiếc gương soi, nhưng vốn là kẻ tối tăm quê dốt, Ngốc vẫn ngờ nghệch không hiểu biết. Cầm chiếc gương lên xem, anh thấy trong ấy có người râu tóc rậm đen, gương mặt xấu xa ra dáng hung dữ lắm ! Không biết người trong gương chính là bóng của mình. Ngốc bỗng dâm ra luống cuống sợ hãi, tưởng vị hung thần nào, vội chấp tay lạy bấp nói : "Tôi tưởng chỉ riêng một mình tôi, không ngờ lại có ngài ở đây coi giữ những của báu này, tôi "thật tình" không dám tham lấy, xin ngài đừng nổi giận bắt tôi tội nghiệp !".

Nói xong, tưởng như mình đã phạm một lỗi nặng đối với thần, không kịp thu xếp đồ đạc,

chàng ta vụt đứng dậy chạy bán sống bán chết
không dám quay đầu trở lại...

TRÍ HIỀN

"Đời là mộng sao ta còn mê mãi
Tấm thân này do tứ đại hóa duyên
Đưa ta vào trong biển khổ triền miên
Mà cứ tưởng sống trên đường hạnh phúc !"

Đức Phật vào xem một gánh hát xiệc

Bên Ấn Độ, về thời xưa cũng như hiện nay, thường có những buổi họp chợ, những cuộc lễ Tôn giáo và những trò xiệc ngoài trời. Đó là những dịp cho đàn ông, đàn bà và con trẻ, chài chuốt trong những bộ cánh đẹp nhất, hội nhau để dự vào các cuộc lễ tôn giáo, hoặc để mua vui và tiêu khiển với những trò biểu diễn về sức mạnh và sự lanh lẹ. Đó cũng là những dịp để tô điểm đôi chút cuộc đời phẳng lì của họ, vừa hiến cho họ cơ hội gặp gỡ bạn bè, trao đổi tư tưởng và sống những giờ vui vẻ ngoài trời.

Thành Vương Xá (Rajagaha) từng bùng, nhộn nhịp. Một gánh "Xiệc" dạo đã đến đây, với một đoàn người nhào du danh tiếng. Dân chúng tụ họp cả ngàn để xem những trò biểu diễn lạnh xương sống của các nghệ sĩ ấy. Trong đám khán giả, có một thanh niên giàu có tên là Uggasena. Cũng

như mọi người chàng đứng xem mê các trò của gánh xiếc và nhìn mãi không chán những thân hình cân xứng, đẹp đẽ của các nghệ sĩ. Nhưng điều làm cho chàng để ý nhất là cuộc biểu diễn của một thiếu nữ, mà vẻ thùy mị và dịu dàng đã làm cho chàng xiêu lòng. Chàng tự bảo : "Thời rồi ! Giờ phút này, phải chăng tôi đã trở thành một con nai, luôn luôn bị những ước vọng theo đuổi như một đoàn chó săn hung tợn ?".

Ước vọng đó không những theo đuổi chàng mà còn bùng bật hơn trăm lần trong khi chàng uể oải lần bước trên con đường về nhà. Thế rồi cái nhà êm ấm của chàng không còn êm ấm nữa, cái giường mà bấy lâu chàng nằm xuống là ngủ thẳng một giấc, không còn duyên dáng và êm thấm nữa. Trước cử chỉ thay đổi bất thình lình của chàng, cha mẹ chàng đâm ra hoảng hốt. Lần lần nỗi lòng thầm kín của chàng được tiết lộ. Cha mẹ chàng tìm đủ phương kế làm cho chàng đổi sầu ra vui, nhưng vô hiệu quả. Rốt cuộc, chàng cưới cô đào hát và theo gánh xiếc trôi nổi giang hồ.

Về sau, vợ chồng ăn ở với nhau được một mụn con. Lần hồi sự khăng khít buổi đầu giảm bớt. Thấy chồng không làm gì được cả, bà vợ không ngớt trách móc và ngạo báng. Không thể chịu nổi nữa những tiếng bác giọng chì và tình phai lạt của

vợ. Về sau, chàng tập nghề nhào du và trở nên một nghệ sĩ trứ danh. Chàng bèn tự tay lập một gánh xiếc dạo và đi từ thành này đến thành khác diễn trò.

Một hôm có tin đồn chàng Uggasena và đoàn xiếc của chàng sẽ đến diễn một buổi tại thành Vương Xá. Lúc ấy, Phật đang trú tại tịnh xá Vehivana, trong thành này, như thường lệ, Ngài nhập định và phóng quang soi khắp tam thiên thế giới. Ngài chiếu thấy căn cơ của Uggasena là bậc có thể lãnh thọ giáo pháp của Ngài có hiệu quả. Thế rồi, sáng hôm ấy, Đức Phật cùng các hàng đệ tử sắp hàng vào thành khát thực. Dọc đường, thấy công chúng đang nhóm nhau xem gánh xiếc của Uggasena biểu diễn, Ngài bèn dừng bước lại. Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn vào Ngài, quên xem hát. Uggasena rất ngạc nhiên và phần uất. Chàng tưởng cho tài nghệ đã đến lúc xế chiều, vì chàng đang diễn cái trò hay nhất của chàng, nhận thấy những ý niệm đang quay quần trong đầu óc chàng, Đức Phật bèn đọc một bài kệ :

*"Hãy xả những việc sẽ đến, hãy xả những việc
đã qua.*

*Hãy xả những việc trong hiện thời, hãy bước
sang bờ bên kia.*

*Nếu lòng người được giải thoát mọi nỗi ràng
buộc*

*Người không còn trôi giạt trong dòng sanh tử
nữa".*

Nghe kể xong, Uggasena ngộ đạo và được Phật
cho nhận vào hàng đệ tử...

**Dại Đức SHANTI BHADRA
(Tịch Lan)**

**"Đời ngũ trược con thề vào trước
Dù gian nguy chí cả không sờn
Cứu chúng sanh là báo Phật thâm ân
Lời vàng ngọc con hằng ghi dạ".**

Mượn có xin sữa hàng phục ngoại đạo

Tại nước Duy Da Ly, có một người Phạm Chí tên là Ma Da Lợi, nhà rất giàu có mà theo ngoại đạo, hàng ngày công kích Phật Giáo. Một ngày kia, Phật muốn làm cho tên Ma Da Lợi sanh lòng kính ngưỡng, mới sai ông A Nan đến nhà ông ấy mà xin sữa.

Ma Da Lợi tự nghĩ rằng : "Ta với Phật khác hẳn tôn giáo, nếu ta cho sữa thì người ta tưởng rằng ta đã từng phục, chỉ bằng ta chỉ con bò cái dũ mà có tính hay húc người cho A Nan vắt lấy sữa để nó húc chết cho nhục đạo chơi". Nghĩ như vậy rồi, Ma Da Lợi sai con dẫn ông A Nan đến chỗ con bò dũ hay húc người.

Khi ông A Nan đến gần con bò cái, ông tự nghĩ rằng : "Thầy ta đã dặn rằng phạm đà là Sa Môn không nên dùng tay vắt sữa, nay ở đây không có ai vắt giúp thì ta biết liệu làm sao ?".

Đương lúc ông A Nan ngấm nghĩ như vậy, bỗng đâu có một vị Đế Thích hóa làm người Phạm Chí tuổi trẻ đứng bên con bò cái, ông A Nan liền nói : "Xin ông nặn giùm tôi thì tôi cảm ơn !" Phạm Chí tức thì tiếp lấy cái bình bát, lại bên con bò dữ mà nặn lấy sữa, con bò đứng yên không dám làm gì cả.

Ông A Nan được sữa, cảm ơn Phạm Chí, từ tạ Ma Da Lợi rồi vui mừng cầm bình sữa đem về dâng Phật.

Ma Da lấy làm lạ nghĩ rằng : "Bò của ta lâu nay thật là dữ tợn, vì sợ nó húc nên không ai dám lại gần nó cả, có gì mà nay lại hiền lành như vậy, đây chắc là nhờ đức của mấy môn đệ Phật cảm hóa nó ra thế hẳn. Đạo đức của môn đệ mà còn như vậy, huống chi là cái đức thần thông của Phật chắc còn rộng lớn biết là nhường nào ?".

Từ đấy về sau, Ma Da Lợi mới vui mừng tín ngưỡng theo Phật.

Khi Phật dùng sữa rồi mới giảng rằng : "Con bò mà A Nan mới lấy sữa về cho ta đó, nguyên ngày trước là người si mê chẳng tin Phật pháp, thường khinh rẻ các Sa môn, nên khi chết rồi, phải đọa làm thân con bò trải đã 16 kiếp rồi, nay mới nghe danh hiệu của Phật mà chịu cho người vắt sữa để

cúng Phật. Do nhân duyên ấy, rồi nó sẽ thoát khỏi mọi sự khổ báo trong ba đường ác, và được làm người tu hành, tinh tiến trải qua nhiều kiếp rồi sẽ thành Phật hiệu là Nhũ Quang Như Lai.

TÂM MINH

"Hạnh phúc thay cho chúng ta, sống không hận thù giữa những người hận thù."

Gieo gió gặt bão.

Hồi ấy, cách đây hơn 2500 năm, người ta tính trên trái đất Ấn có đến 96 học thuyết và giáo phái. Tôn giáo nào cũng tự hào lý thuyết mình là đúng, là hay rồi tìm mọi phương để bành trướng. Trong số có một phái tôn thờ quỷ thần, thủ lãnh là một bà mập mạnh, có giọng nói oang oang, lại thêm có tài hùng biện. Nhờ thế mà phái ấy làm chủ được một vùng khá rộng.

Hôm nọ, một tin rung động từ xa đưa đến : Thái tử Tất Đạt Đa đã chứng thành đạo quả ở gốc cây Bồ Đề, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Hiện Ngài đã bắt đầu đi truyền giáo. Người theo Ngài rất đông. Lý thuyết Ngài dạy là hề gây nhân nào là hưởng quả ấy. Cuộc sống của mọi người đều do bàn tay của họ sáng tạo. Con người không thể là trò chơi của các đấng thần linh. Hay tin ấy, bà thủ lãnh rất dỗi lo sợ. Bà lo vì ảnh hưởng của đức Phật càng lan rộng tất đạo của bà sẽ hết người tôn thờ. Am đền của bà sẽ trở nên "huơng tàn bàn lạnh". Bà sẽ hết đất để

sinh nhai. Nhưng lo cũng không khỏi, cái gì đến tất sẽ đến, tín đồ của bà hướng về Đức Phật mỗi ngày mỗi đông. Ăn ngủ không yên, bởi dòng suy tưởng chi phối. Bà mong có phương pháp thần hiệu để hạ uy tín đức Phật.

Đêm hôm ấy, trần trọc mãi không ngủ, bà đánh thức các môn đồ dậy lo cho bà ăn thật sớm.

Thấy nổi thắc mắc và lo toan hiện rõ trên nét mặt của bà, các môn đồ hỏi lý do. Bà cho hay là sáng ngày bà sẽ đi si nhục Đức Phật. Bà khuyên môn đồ giữ vững đức tin. Bà hứa với họ rằng, bà sẽ cầu xin đấng thần minh ban phước cho bà triệt hạ uy tín Đức Phật.

Cơm nước xong, không gian đang mù tóa ban đêm, bà hăm hở lên đường trong niềm hy vọng. Vài giờ sau, mặt trời vừa xuất hiện, soi sáng trần gian bà đã đến nơi Đức Phật thiên định, bà la rầy khiêu khích dùng lời thô tục mắng nhiếc Đức Phật.

Mặc cho bà quát tháo, Đức Phật vẫn ngồi yên lặng. Thật là hai thái cực !

Thấy Phật không trả lời, bà nghĩ là Ngài đã thua cuộc và chứng tỏ rằng ngài quá ương hèn trước áp lực của người khác. Như thế, Ngài là người không đáng cho mọi người kính trọng và

tôn thờ. Do đó bà càng làm già hơn nữa. Nhưng lúc mặt trời vừa đứng bóng, bà mệt lả, vì bụng đói, khát nước và rất cổ. Bà ngồi phịch xuống đất và suy gẫm. Sau cùng thua buồn thua kiện, bà đến hỏi Đức Phật.

- Ông kia, sao tôi la rầy ông từ sáng sớm đến giờ mà ông không nói gì cả. Thường thường tôi mắng ai, tôi một thì họ mười. Trái lại tôi chưa gặp ai như ông, mặc cho người khác nguyên rủa.

Cơ duyên đã đến, Đức Phật xuất định, dịu dàng cất tiếng :

- Ta xin hỏi người một điều này : một hôm nọ, nhà người có giỗ, người mang bánh cho hàng xóm, nhưng họ không nhận, thế thì bánh ấy về ai ?

-Ồ ! Nghe thiên hạ đồn, ông là bậc giác ngộ, trí tuệ tuyệt vời, song giờ đây nghe ông hỏi, tôi nghĩ buồn cười quá, tôi mang cho hàng xóm, nhưng họ không nhận vậy thì tôi mang về. Tôi giữ lại cho gia đình tôi ăn chứ nó về ai nữa mà hỏi. Ông thật là điên rồ !

Vấn bình tĩnh, dịu dàng, Đức Phật lại nói :

- Người mang bánh cho hàng xóm nhưng họ không lấy thì người mang về, cũng như thế, từ sáng đến giờ người biểu ta không sót một tiếng gì

nhưng ta không lãnh, vậy những cái ấy tự trở về với người tất cả. Điều ấy có khác gì kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất sẽ cháy tay, kẻ đứng ngược gió với bụi tất sẽ lấm mình, hoặc kẻ ngửa mặt lên không trung mà nhỏ nước miếng tất nước miếng sẽ rơi vào mặt.

Suy gẫm một hồi, bà ta xác nhận rằng, mình hai người, tội lỗi về sau phải chịu đó là thứ vô hình mình không thể thấy, song hiện tại mình quá ư lỗ lã. Xưa nay mình không ăn sáng, nay phải mất một bữa cơm, đó là điều lỗ thứ nhất. Sáng nay bỏ mất một buổi làm ăn, đó là điều lỗ thứ hai. Khát nước, bụng đói, rất cổ, nhưng trưa nay về không thể nuốt được cơm nước, đó là điều lỗ thứ ba. Với sự mệt mỏi, dầm sương phơi nắng từ khuya đến giờ, thế nào cũng mang bệnh. Nếu bệnh tất phải bỏ làm ăn tốn thuốc men, phiền lụy đến thân thuộc, đó là điều lỗ thứ tư. Sau phút suy gẫm bà cảm thấy Đức Phật là một bậc có sức mạnh vô song khôn hơn mọi người, bà hết sức khâm phục và trở nên hòa dịu. Bà đến quỳ trước đức Phật cầu xin sám hối lỗi lầm, xin quy y làm môn đệ và nguyện sau khi trở về sẽ dẹp thần tượng, hướng dẫn môn đồ trở về con đường chân chánh.

Trên đường về, người đệ tử của đức Phật - bà thủ lãnh của đạo quý thần miên man nghiệm lời

Phật dạy. Để dần sự hung bạo quen thói của mình, đồng thời để nói lên ý nghĩa của lời Phật dạy, bà ta lặp đi lặp lại :

"Gieo gió, gặt bão".

MINH TUỆ

"Mặt trời còn mọc, quả đất còn xoay, thì Đức Từ Bi Trí Tuệ bao giờ cũng thắng bạo tàn độc ác ... Chân lý sẽ đánh tan tà thuyết, bóng tối sẽ tiêu diệt trước ánh sáng huy hoàng của bình minh".

Truyện chàng Lương Cầu

Đời nhà Minh, ở tỉnh Quảng Đông, làng Huỳnh Cang, có một danh sĩ tên là Lương Cầu, cha mẹ mất sớm, già tư chỉ có hai khoản đất đủ tự cung cấp.

Ngày đêm ông chuyên đọc kinh sử và dạy học, kiếm được bao nhiêu tiền thì mua chim cá phóng sanh, cư xử đúng câu châm ngôn của ông là "HÀNH THIỆN CHỈ ÁC, GIỚI SÁT CẤM DÂM" mà ông viết trên giấy và dán bên chỗ ngồi.

Có người bảo ông theo đạo Phật. Ông cãi nói : "Đạo nho cũng giới sát và cấm dâm như đạo Phật vậy". Xưa vua Thang đi săn, mở lưới một mặt cho cầm thú, vua Văn Vương vét áo thả cá và lập vườn nuôi chim, Đức Khổng Tử chỉ câu làm vui chó không thêm móc lưới, còn Thầy Mạnh cấm lưới chài, chẳng cho bắt cá trong hồ ao. Đó là về giới sát, còn về cấm dâm, thì sách nho há không nói : "Vạn ác dĩ dâm vi thủ", "Lên án tội dâm, tức là cấm đó".

Có người lại hỏi vặn : "Không gần đàn bà thì không con nối hậu" nhà Nho không sợ bất hiếu sao ? Lương Cầu đáp : "Xưa Sào Phủ, Bá Di, Thúc Tề, Hứa Do đều vô hậu cả" nhưng đến nay thiên hạ còn khen, hoặc xưng "Ty thế cao hơn" hoặc xưng "Thanh phong thiên cổ". Còn vua Nghiêu, vua Thuấn có con mà là những con ngỗ nghịch, thì thử hỏi chỗ nào hiếu, chỗ nào không hiếu".

Đến đời Khương Hi năm thứ 9, tháng 6, đêm mùng 8, ông chiêm bao thấy quỷ sứ đến bắt. Ông nói : "Tôi không sợ chết và cũng chẳng tiếc thân". Nhưng sách có nói : "Nhân Từ giả thọ" người có lòng nhân từ thì sống lâu tôi là người dứt ác làm lành, không sát sanh mà còn lại phóng sanh, có sao tuổi tôi mới 41 mà phải chết ? Vậy xin phien hai ngài về tấu với Diêm Vương coi ngài định lẽ nào ?".

Hai quỷ sứ nghe lời ra về, rồi cách vài bữa sau trở lại cho Lương Cầu nằm mộng và đáp rằng : "Diêm Vương phán thế gian chỉ biết lẽ "Thiện ác quả báo" trong một đời hiện tại mà thôi, chớ biết lẽ "Thiện ác quả báo" trong ba đời là quá khứ, hiện tại, và vị lai. Vì chỗ đó cho nên Phật có dạy : "Muốn biết kiếp trước tạo nhân thế nào, thì xem quả báo đời này, còn muốn biết quả báo kiếp sau thế nào, thì xem những nhân tạo ở đời này".

Lương Cầu kiếp trước không có làm lành, chỉ tạo những tội sát sanh, nên kiếp này chỉ hưởng thọ chừng đó thôi."

Lương Cầu nghe mấy lời, bèn theo quỉ sứ đi. Trong chốc lát thấy đường gai gổc, chỗ cao chỗ thấp, thực nguy hiểm gấp ghềnh, ông hỏi quỉ sứ có đường nào khác dễ đi hơn không ? Quỉ sứ đáp chỉ có một đường dễ đi mà lại gần, tên là "Bảo oan cảnh", nhưng người có tội đến đó sẽ bị cầm thú làm trở ngại và sách nhiễu, e không tiện. Nghĩ mình vô tội, Lương Cầu xin dẫn đi đường ấy. Quả thật, khi đến nơi, cầm thú trông thấy Lương Cầu thì lật đật nhường đường tránh, con thì ngoắt đuôi, con thì chộp cánh, tỏ vẻ hoan nghênh còn những ai phạm giới sát sanh thời bị chúng lấy sừng mà chém, lấy chân mà đạp, hay mổ mắt, xé da, rút thịt v.v...

Qua khỏi nơi đây là một cái chợ, kẻ bán người mua nhộn nhịp như cảnh thế gian. Quỉ sứ dẫn ông vào quán và mời ông ăn gọi uống rượu. Ông từ chối nói không quen uống rượu. Quỉ sứ khen ông là bậc thiện sĩ.

Ra khỏi chợ là trời vừa tối, chợt thấy một tòa cổ miếu rất tôn nghiêm, bông hoa rực rỡ, thực là thắng cảnh. Trước cửa có treo một bảng vàng khắc mấy chữ "Sắc phong Long Mẫu miếu".

Quý sứ đất Lương Cầu vào đó nghỉ. Đến độ nửa đêm ông thấy một nàng ngọc nữ, tay trái xách một lồng đèn, ngọn sáng ngũ sắc, tay phải cầm một cái kim bài đề hai chữ "Thỉnh nhập". Ngọc nữ cất tiếng truyền "Lịnh Thánh Mẫu mời thiện sĩ vào hậu viện dạy việc". Lương Cầu vâng lời đi theo vào đến sau thì thấy một vị Thánh Mẫu cho phép ngồi và hỏi : "Bình nhật Thiện Sĩ ở trên dương thế học đạo nào và tập nghề gì ?".

Lương Cầu thưa : "Tôi học đạo Nho và dạy học trò, làm điều lành lánh điều dữ và giới sát cấm dâm, chỉ bấy nhiêu đó thôi".

Long Mẫu khen nhưng hỏi tại sao đã giữ giới được như thế mà không qui đầu về Phật pháp. Lương Cầu xin cho biết lợi ích của Phật pháp.

Long Mẫu đáp : "Đạo Phật là một đạo tối tôn vô thượng, kẻ nào không biết qui về Phật pháp ví chẳng khác con voi lội xuống bùn, càng lội xuống càng sâu. Còn người nào biết theo về với Phật thì chẳng khác mặt trời mọc trên biển, càng cao càng sáng, chẳng những khỏiọa vào nghiệp Tam đồ, mà còn thoát khỏi miền Tam giới".

Lương Cầu bèn than : "Nay Diêm Vương đã tróc mạng tôi xuống đây, làm sao trở về dương thế mà tu hành cho được ?"

Long Mẫu dạy : "Như người có lòng quy đầu về Phật pháp thì đứng giữa đây, chấp tay niệm "Nam Mô A Di Đà Phật, nguyện cho kiên cố, rồi đến điện Diêm Vương phải trần tình thiết tấu, thì chắc Ngài hoan hỷ mà cho người cải tử hoàn sinh".

Lương Cầu nghe lời, bèn đứng dậy chấp tay niệm Phật. Long Mẫu khen và lấy chén vàng, rót nước trong bình lưu ly, sai thị tỳ phụng cho Lương Cầu uống. Bà lại khuyên : "Người uống chén nước đó thì tâm thần khỏe khoắn trí tuệ mở mang, coi đâu nhớ đó, thiết nên lợi ích". Lương Cầu tiếp chén nước uống vào quả nhiên tinh thần sáng khoái, quên đói quên mệt.

Khi ấy, trước viện đã rụng sáng, quí sứ vào giục đi. Ông đứng dậy từ tạ Long Mẫu, rồi theo chân quí sứ. Đi một hồi lâu, thấy một tòa thành quách nguy nga, lâu đài quảng diêm. Quí sứ dắt ông vào thì đây là điện vua Diêm Vương, hai bên tội nhân chật ních, kẻ gông người xiềng, ra dáng khổ cực không kể xiết.

Bỗng đâu ông nghe có tiếng dạy dẫn ông đến trước Diêm Vương, bảo tra sổ bộ thì Phán Quan thừa Lương Cầu được 41 tuổi, trong bộ ác thì chỉ có hai việc nhỏ nhất, còn trong bộ thiện thì đủ 10 điều lành. Vua khen : "Như thế thì thật là người thiện nhân đáng sanh về thiên giới. Vậy dẫn

chàng đến tạm trú nhà Thiên Đường, đợi trên Đào Lợi sai tiên Đồng, Ngọc nữ xuống rước".

Lương Cầu nghe phán, quì xuống tâu rằng :
"Nay tôi chưa được 41 tuổi thì tôi cũng được an mạng, nhưng tôi còn có một đại nguyện chưa xong, xin Đại Vương mở lượng từ bi cho tôi cải tử hoàn sinh đăng về dương gian làm cho mãn nguyện, rồi tôi sẽ xuống. Vua hỏi chuyện chi, Lương Cầu đáp : "Nguyện quy đầu Phật Pháp".

Vua cười : Người ở dương thế đã 41 năm, sao không tu, để nay xuống âm ty rồi lại xin trở về ? Lương Cầu đem sự thật trình bày là lúc ở thế chỉ học đạo Nho mà chưa hiểu đều công kích đạo Phật, chỉ mới đây nhờ Long Mẫu dạy bảo mới hiểu Phật Pháp là con đường duy nhất nên theo.

Vua phán : "Thế thì phúc đức nhà ngươi lớn lắm. Người đã phát nguyện quy đầu Phật Pháp thì chư Phật và Bồ Tát đều hoan hỷ. Ta đây cũng hoan hỷ luôn, tặng thọ cho ngươi một giáp nửa đăng về dương gian mà tu học.

Lương Cầu tạ vua rồi theo Phán Quan dạo khắp các tư hình, lật án này, dỡ bộ nọ, xem đâu nhớ đó, không quên một chữ, không sót một câu. Xong xuôi, Phán quan giao ông cho quì sứ dắt về dương gian.

Hồn nhập vào xác, Lương Cầu ngồi dậy, tinh thần khỏe khoắn, dường như chiêm bao mới tỉnh.

Cách vài bữa sau, ông sắm đủ trà và hoa quả, bèn thiết một đàn tràng giữa nhà mà tạ ơn bà Long Mẫu, rồi cạo đầu nhuộm áo, bỏ nhà vào núi ẩn tu. Sau ông thành một vị Cao Tăng, sống thêm được 52 năm nữa, ở tu tại tỉnh Quảng Đông. Do việc của ông mà trong làng Huỳnh Cang, nguyên quán của ông, có câu tương truyền : Bỏ nhà theo Phật.

MINH TỊNH

"Ta đã chết nhưng chẳng bao giờ mất
Theo luân hồi cũ, mới bấy nhiêu thân ?
Trong lục đạo nghiệp duyên qua xứ xứ
Lành hay hung tùy những nghiệp xoay vần".

Hạt cơm cúng Phật

Ngày xưa, ngoài thành Xá Vệ có một nhà nữ Phật tử thuần thành, nhưng bà ta lại gặp một người chồng, không tin có đạo đức, nhân quả, tội phước, dù bà ta nhiều lần giảng giải.

Một hôm Đức Thế Tôn, mang y ôm bát đến nhà bà khát thực, gặp lúc chồng bà vắng nhà, bà mang đồ ăn ra cúng dường Đức Thế Tôn, rồi đánh lễ dưới chân Thế Tôn, Đức Phật chú nguyện cho bà : "Gieo một gặt mười, gieo mười gặt trăm, gieo trăm gặt ngàn. Nhờ công đức bố thí bát cơm này, thí chủ sẽ được vô lượng phước báu".

Trong lúc Thế Tôn đang thuyết giáo, thì người chồng từ thành Vương Xá trở về. Nghe Đức Phật nói như vậy, chẳng hiểu nghĩa lý gì cả, anh sẵn tới trước Đức Phật :

- Này Sa Môn Cù Đàm, làm gì mà được nhiều như vậy ? Sa Môn nói láo, Sa Môn nói không thật ! Sa Môn hãy đi khỏi chỗ này đi.

Dù anh ta ăn nói lỗ măng, nhưng Đức Thế Tôn vẫn mỉm cười. Ngài ôn tồn bảo :

- Này anh, anh từ đâu, mà về đây ?

- Từ trong thành về.

- Anh đi ngang qua khu rừng, có thấy cây Ni Câu Loại không ?

- Thấy.

- Anh thấy nó bao cao ?

- Cả hàng trăm thước.

- Mỗi năm nó cho được bao nhiêu trái ?

- Ồ không kể hết, chỉ có đem thúng mà lường thôi.

- Này anh, đầu tiên chỉ có một hạt bé tí mà sanh ra cây Ni Câu Loại cao hàng trăm thước, cành lá sum suê chiếm một khoảng rừng rộng lớn, mỗi năm nó cho ta hàng trăm ngàn quả. Này anh, đó là loài vô tri còn như vậy huống là thí chủ hoan hỷ cúng dường cho Như Lai một bữa ăn, phước đức ấy không thể đo lường được.

Nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng, anh chàng hồ đồ ấy trong tâm bừng tỉnh, rất lấy làm ăn năn hành động thô ác của mình vừa rồi, liền đến quỳ dưới chân Thế Tôn cầu xin sám hối.

- Kính bạch Thế Tôn, kính mong Thế Tôn từ bi tha lỗi cho con, từ đây con xin quy y Phật, Pháp và Tăng mong Thế Tôn nhận cho con làm Ưu Bà Tắc.

- Lành thay cư sĩ !

Ngay tại chỗ, hai ông bà đều chứng quả Dự Lưu.

GIỚI ĐỨC

"Cái gì tôi đã tiêu xài, bây giờ không còn nữa.

Cái gì tôi đã mua sắm, bây giờ tôi phải để lại cho người khác.

Chỉ có cái gì tôi đã cho là còn thuộc về của tôi".

Vakkali

Vakkali là một thanh niên Bà La Môn ngụ tại thành Xá Vệ. Thời niên thiếu và thanh xuân của chàng trôi qua bình thản trong tình yêu của cha mẹ và các bạn hữu đồng trang lứa. Cho đến một hôm, tâm tư của chàng trẻ tuổi bỗng dưng bị xáo động vì hình bóng của một Sa Môn áo vàng. Tư thái uy nghiêm, cốt cách cùng tướng hảo vô song của vị tu sĩ khiến chàng trai vô cùng kinh ngạc. Vakkali đứng ngầy người ra chiêm ngưỡng phong cách vị tu sĩ và cảm thấy lòng nhen nhúm một niềm yêu kính vô bờ đối với con người xa lạ đó. Chàng nghĩ thầm :

- Quái lạ ! Không ngờ trong cõi đời này, lại có người đẹp trai lạ lùng đến thế. Ôi ! Ước gì ta được ở kề cận bên người để nhìn cho thỏa thích.

Vakkali dò hỏi và được biết rằng vị Sa Môn ấy xưa kia là một ông Hoàng vương giả, đã từ bỏ ngai vàng đi tầm đạo và đã giác ngộ. Người ta thường

gọi Ngài là Sa Môn Cồ Đàm và hàng đệ tử thì cung kính gọi Ngài là Thế Tôn.

Vakkali bèn xin xuất gia vào Tăng đoàn sống đời khất sĩ. Vì mục đích xuất gia của chàng không lấy gì làm cao xa cho lắm nên hàng ngày, ngoài những giờ đi bát cần thiết, Tỳ kheo Vakkali luôn luôn tìm một chỗ ngồi thuận tiện để được chiêm ngưỡng từ dung đức Đạo sư cho thỏa thích. Thầy chẳng quan tâm gì đến việc học kinh tọa thiền hay những bổn phận của một chú tiểu sơ cơ. Đấng Đạo sư biết rõ tâm niệm của Vakkali nhưng Ngài vẫn im lặng chờ đợi, như chờ đợi ngày trăng đến rằm thì tròn vậy. Và ngày ấy đã đến.

Một hôm Đức Đạo sư quay lại bảo Vakkali, khi chàng đang say đắm nhìn Ngài :

- Này Vakkali đâu có gì thích thú khi nhìn ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân ta ? Chỉ khi nào Vakkali nghe lời Như Lai dạy, thấy được pháp sinh diệt thì mới được gọi là thấy Như Lai.

Nhưng bất kể lời khuyên của Phật, Vakkali vẫn giữ nguyên tâm niệm và thái độ cũ, chàng không thể nào buông tầm mắt khỏi Đức Đạo sư. Cuối cùng Đức Đạo sư đành rời Xá Vệ và cấm không cho Vakkali đi theo.

Ba tuần trăng trôi qua, Vakkali không được nhìn thấy hình bóng và nghe pháp âm của đấng Đạo sư lòng sâu khổ vô hạn, chàng tự nghĩ rằng :

"Minh đã từ bỏ gia đình đổi lớp áo cao sang của một chàng công tử danh gia để vào cuộc sống bần hàn khất sĩ, chỉ với một mục đích duy nhất là được gần gũi chiêm ngưỡng đấng Đạo sư. Thế mà Ngài lại hất hủi ghét bỏ mình, trong khi Ngài rất mực từ bi dịu dàng đối với tất cả chúng sinh chỉ đến con sâu cái kiến.

Một hôm quá sầu não, Vakkali nảy ra ý định quyền sinh. Chàng leo lên một đỉnh núi cao, định buông mình xuống vực sâu cho rãnh nợ đời. Biết được ý định ngông cuồng của người đệ tử trẻ tuổi, Đức Đạo sư hiện thân đến gần Vakkali và cất tiếng gọi :

- Này Vakkali hãy đến đây với Như Lai.

Vakkali run lên vì vui mừng :

- Có thật chăng ? Có thật là Thế Tôn gọi con, Ngài không xua đuổi con nữa ư ?

Và dưới bóng mát của một cội cây rừng bên tảng đá, Đức Đạo Sư ôn tồn bảo :

- Này Vakkali ! Tại sao con có ý định quyền sinh ?

- Bạch Thế Tôn ! Vì con cảm thấy quá sầu não, quá phiền muộn. Con không tìm thấy niềm vui nào trong đời sống khát sĩ đạm bạc này, ngoài việc chiêm ngưỡng tướng mạo phi phạm của Thế Tôn.

- Này Vakkali ! Niềm vui nào rồi cũng phải úa tàn. Sắc thân của Như Lai, dù là phi phạm đi nữa rồi cũng phải chịu sự chi phối của già, bệnh, chết. Bất cứ pháp gì trên đời này có sinh đều phải có diệt. Đó là một định luật đương nhiên. Nếu biết rõ điều ấy, ta có nên đặt hết lòng hy vọng bám víu vào những pháp sinh diệt ấy, để mưu cầu một hạnh phúc vĩnh cửu không bị tàn phai chăng ?

Vakkali im lặng cúi đầu, lắng Đạo sư giảng trạch thêm cho chàng về tính chất phù du, tạm bợ của cái hợp thể gọi là sắc thân Ngài. Sau thời pháp Vakkali xúc động thưa :

- Bạch Thế Tôn ! Con đã hiểu rồi. Từ lâu con đã chạy theo những bóng dáng phù du do tâm thức con phóng chiếu ra, lấy đó làm niềm vui độc nhất của mình. Khi nguồn vui ấy bị cản trở con đâm ra buồn phiền, sầu khổ. Con quá si mê không biết rằng cái gì có sinh cũng phải có diệt. Sắc thân Như Lai tuy đẹp đẽ vô song thật, nhưng trước kia không nay có thì thế nào cũng sẽ trở về không. Nguồn vui của con cũng chỉ là một cảm xúc nhất thời nếu không được nuôi dưỡng thì nó cũng phải

lụi tàn. Con đã hiểu rồi và con cũng xin hứa với Thế Tôn là từ nay Vakkali chỉ thực hành những lời giáo huấn của Như Lai thay vì chiêm ngưỡng từ dung của Ngài như dạo trước.

- Hay lắm ! Này Tỳ kheo ! Nếu lòng con đầy hỷ lạc đầy niềm tin nơi lời dạy của Như Lai thì chẳng bao lâu con sẽ đạt được hạnh phúc tối thượng.

Và thế rồi, Vakkali từ giả Đức Đạo sư độc cư thiền định ngay trên đỉnh núi mà chàng định quyền sinh đạo nọ. Đúng như lời tiên đoán của đấng Đạo sư, chẳng bao lâu Vakkali đắc quả A La Hán. Từ đó Đức Thế Tôn xếp Vakkali vào hàng môn đệ có lòng tin chân thật nhất. Lời dạy của Ngài cho Vakkali trên đỉnh núi đạo nọ cũng được kết tập vào Kinh tạng, thành câu Pháp Cú 381, lưu truyền cho đến ngày nay :

*" Thầy Tỳ kheo nào tâm đầy hoan hỷ,
Thành tín theo lời Phật dạy
Sẽ đạt đến cảnh giới tịch tĩnh an lạc
Giải thoát khỏi các hành".*

"Bởi giấc mơ tiên con lỡ say
Lòng con mến Phật tự bao ngày.
Đêm nay chuông gọi hồn con tỉnh
Phủ sạch trần ai con đến đây."

Đi biển tìm vàng

Thuở xưa, có một đoàn lái buôn nghe đồn ở ven biển nọ có rất nhiều vàng. Ai cũng nô nức quyết chí thả buồm đi tìm, gạt nổi đường lối xa gần, Bắc Nam phương hướng, không một người am hiểu. Trong lúc băn khoăn lo nghĩ, một khách lạ đến, tự xưng là biết nẻo, và xin làm người dẫn đạo. Cả đoàn đều hoan hỷ, hấp tấp sắp đặt cuộc viễn hành, trong lòng mọi người đều chứa chan hy vọng.

Ngày ra đi đã đến, nét vui sướng càng hiện trên mọi mặt. Nhưng lúc chia tay với gia đình, sự hăng hái không khỏi bị giảm vài phần.

Thuyền nhổ neo, kẻ dưới trông lên, người trên dòm xuống, lời chúc may, tiếng giã từ, tạo thành một bức tranh trên đó những nét tươi sáng pha lộn với những điểm âm u. Nhưng can gì ? Chỉ một phen xa cách để rồi đoàn tụ trong cảnh giàu sang ! Vì vậy mà tay chèo, tay lái, người người đều sung sướng reo hò.

Thuyền đã ra khỏi biên thù, đã công ra lệnh trương buồm, thả xuôi theo làn gió. Cảnh trời nước mênh mông làm cho khách trên thuyền thấy tâm hồn thư thối, như cất được gánh nặng ngàn cân. Được rảnh tay, kẻ trầu người thuốc, quây quần bàn chuyện tương lai. Anh định tậu ruộng, anh muốn cất nhà, mỗi người mỗi ý, nhưng không ngoài cái tham vọng tô điểm đời sống, để cho gia đình thêm phần no ấm, vui tươi.

Thuyền sắp vào eo biển, một bên là đất liền, bãi cát trắng phơi màu dưới ánh mặt trời đã xiên, còn một bên là bãi đá chập chờn, sóng tung đổ bọt.

- Quái ! Ai lại cắm bả ngoài khơi, tiếng anh cầm lái thốt lên trong tiếng gió dịu mềm. Ai biết chữ đọc thử xem nào ?

Thật, lưng chừng một cái đảo con, một tấm bảng to tướng được cắm chặt xuống đất, trên mặt có mấy giòng chữ nét đậm ở xa rất dễ nom : "Phải nạp một mạng người lễ Thần mới được đi ngang qua đây".

Ban sơ, hình như không ai lấy làm quan tâm, có người còn cho là lời hăm dọa của kẻ thích khôi hài. Nhưng ngọn gió xem chừng lần lần thổi mạnh, trong khi xa xa vài đám mây đen lơ lửng trên nền trời xám sạm. Đà công lo lắng :

- Có lẽ giông đến anh em nên đề phòng.

- Giông tố gì, anh khéo lo ! - một người trong thuyền nói.

- Anh không nghe tiếng gió càng phút càng rít lên, và kia là những cụm mây đen đang đùn cuồn ?

Cả thuyền im lặng, nghe ngóng và trông ra xa. Anh đã công có lý. Tình trạng biển cả có phần thay đổi hiểm nghèo. Trước không ai để ý chỉ vì mắc bàn chuyện tương lai. Cái vui xây đắp trong mộng bỗng tan như bột nước, nhường chỗ cho một cái lo âu.

- Thế là Thần linh thật.

Câu nói vừa thốt ra ở cửa miệng, một người lớn tuổi nhứt trong đoàn, làm cho tất cả dâm chiêu nghĩ ngợi. Ai là người chịu hy sinh cho toàn thể ? Xem đi xét lại, tất cả đều là quyến thuộc, tay chặt tay há lại không đau ? Lại nữa, khi về đến quê nhà, sẽ ăn làm sao, nói làm sao với vợ con người bạc phúc ?

Một tiếng thì thảo :

- Thôi thì đành vậy, chúng ta hãy nhờ ông dẫn đường cứu độ cho. Ông đã già mà tông tích không ai biết, có tiến cho Thần thì cũng là một việc phúc

đức, ông để về sau cho con cháu... nếu ông có con cháu.

Một người cái :

- Rồi ai chỉ đường dẫn nẻo cho ta ?

- Khó gì, tiếng kia đáp lại. - Ông đã chỉ cho chúng ta đi hướng này, thì cứ theo đó mà tiến, ắt phải gặp nơi bòn vàng.

Vụt một cái, gió thổi mạnh vào mảnh buồm làm thuyền nghiêng hẳn một bên, be gần chấm nước. Mọi người xanh mặt. Tiếng thì thảo lúc nãy, trở nên to lớn, và quyết liệt :

- Sống chết trong lúc này, không còn bàn dùng nữa. Các anh hãy nghe tôi. Kịp đi.

Nghe động, cụ lão dẫn đạo trong mũi chui ra, chưa kịp hỏi gì thì cả bọn bu quanh cụ, miệng la : "Cụ cứu cho". Rồi những bắp tay lực lưỡng túm lấy cụ và liệng quách xuống nước đang nổi sóng.

Thuyền lắc lư lướt tới, để lại sau một đồng bọt trắng dấy lên rồi tan mất, như khói đốt đồng. Đoàn lái buồm quì xuống chấp tay khẩn niệm, xin Thần bỏ cơn lôi đình mà nạ lễ cho. Tất cả đều tin tưởng Thần sẽ làm cho gió lặng sóng êm, nhưng lạ thay và cũng kinh hãi thay, phong ba càng lúc lại càng mạnh, thuyền hụp xuống trời lên, bị vờ ở

mũi, bị đánh ở hông, làm cho khách trong thuyền đầu mình ướt đầm, lật qua ngã lại, phải bám vào cột chèo vào then hãm mới giữ được thế quân bình. Tiếng van vái to hơn lúc trước đầu rằng mỗi người đều cổ khô, giọng lạc. Bỗng, ầm một cái, một ngọn sóng to chụp lấy thuyền như mãnh hổ vồ lấy hươu con, giữa tiếng kêu cứu thất thanh.

Rồi sóng cứ gào, gió cứ thét...

TRÍ TÁNII

"Hỡi người muốn vượt biển khổ thế gian để tìm vàng hạnh phúc ! Chớ bắt chước đoàn lái buôn kia tiếc thân giả tạm mà hy sinh người dẫn đường cho ma quỷ đục lặc. Người dẫn đường bây giờ là Giới luật vậy. Giới luật mất rồi, nên tin chắc rằng trầm luân không bao giờ ra khỏi".

Nan sư Nan đệ

Ngày xưa có một vị thầy tu hành ngồi mãi mà không nằm. Thầy trụ trì một ngôi chùa lớn. Nhiều đệ tử theo học rất đông, nhưng không ai học được cái khổ hạnh của thầy là chỉ giữ ba oai nghi : Đi, đứng, ngồi - không nằm. Mặc dù vậy, khổ hạnh của thầy cũng ảnh hưởng sâu rộng trong hàng tứ chúng khiến cho không một ai còn lòng dạ nào buông lung, biếng nhác.

Một hôm có một Sa di tới xin nhập chúng. Thầy bằng lòng. Chú xin hầu cận bên thầy để học cái hạnh tinh tấn. Thầy chấp nhận, nhưng hằng đêm, khi thầy ngồi suốt tới sáng thì chú cũng nằm suốt tới sáng. Thầy để ý nhiều lần như vậy, nhưng xét ra vị Sa di này không phải hạng tầm thường : chú ngủ rất tỉnh, một cái động nhẹ của thầy cũng làm cho chú thức dậy để đáp ứng những sai bảo. Cho nên thầy không có lý do gì rầy chú. Chỉ có một điều thầy lấy làm tiếc, là một chú đệ tử thông minh tận tụy như thế, mà cứ nằm dài suốt đêm

một cách... "tinh tấn". Cuối cùng, thầy phải nói cho chú biết không nên tu cái hạnh "nằm" như vậy.

- Này Sa di, chú nằm mãi coi chừng thành rắn đó.

Chú thưa :

- Bạch Thầy, Thầy ngồi mãi con cũng sợ Thầy thành cóc thôi !

Vị thầy nhân đó mà ngộ đạo.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Đang sống ngồi không nằm
Chết rồi nằm không ngồi
Chỉ là cái xác thôi
Có gì công với tội ?"

Hẹn cùng sống chết

Thiếu Sanh mãi miết xem sách, chàng cố xua đuổi tất cả ý niệm tạp nhạp, để chăm chú vào những điểm cốt yếu của bài vở, vì chàng nghe người ta bảo kỳ thi này khó lắm, ông chánh chủ khảo quá nghiêm khắc, nếu tự lực không vững khó lòng đậu. Thế rồi chàng miên man nghĩ : "Chao ôi ! Nếu mình đậu, đậu Trạng nguyên thì oai biết mấy, nào là bộ áo mào thêu rồng, buổi yến linh đình tại đại nội, vua sẽ trao tận tay chàng chén rượu vàng để thưởng tân khoa, và nhất là một nàng công chúa, ò con vua thì phải biết rồi chứ thế, cả cuốn phim sang quý tuần tự diễn lần trong tâm tư người hàn sĩ. Thành thử chàng định xua đuổi bao ý nghĩ vẩn vơ, mà trái lại ý nghĩ vẫn kéo đến òn ào làm chàng chẳng đọc được trang sách nào cả. Chợt nhớ lại thật tở, Thiếu Sanh đứng dậy vươn vai mỉm cười : Chà bấy quá !

Bỗng nghe xa xa có tiếng trẻ con la lên : "ren, ren, ren, ren ngựa en (anh) đã về, cật cò bồ đề cho ngựa en

ăn". Chàng nhìn vọng ra xa, thì quả có tiếng nhạc ngựa thật, tiếng nhạc ngựa gần lẫn, rồi dừng lại trước ngõ và rõ ràng một mỹ nhân trên bạch mã nhẹ nhàng bước xuống. Chao ôi ! Người đàn bà nào mà đẹp thế ? Sang thế ? Nét đẹp như Hằng Nga, phục sức như tiên nữ. Mỹ nhân khoan thai tiến vào trước sân, chàng vội vàng sửa áo ra tiếp người khách lạ.

Nhìn mỹ nhân bờ ngõ, vì thật chàng không quen, cũng chưa hề gặp mặt.

Mỹ nhân biết ý chào trước : thưa tiên sinh nếu thiếp không lầm, thì chàng là Lý công tử người thiếp muốn gặp ?

- Vâng, tôi là Lý Trọng Hiên, xin mời tiểu thư quá bước vào nhà.

Song chàng không khỏi ngỡ ngàng khi thấy nhà mình không có một chỗ xứng đáng để người ngọc ngồi, chỉ một bộ trường kỷ kê giữa nhà là vật gia bảo còn lưu lại, nhưng lâu nay mãi lo đèn sách để bụi bám đầy. Thiều Sanh lấy vội khăn lau qua, rồi mời mỹ nhân ngồi.

Nàng khép nép ngồi vào một góc trường kỷ, sau khi chủ nhơn đã an tọa.

- Thưa, chẳng hay tiểu thư tìm Trọng Hiên tôi có việc gì ạ ?

Mỹ nhưn tỏ vẻ e lệ, nàng cúi đầu mân mê chiếc quạt trên tay, rồi lại ngẩng nhìn chàng : Thưa công tử ! Thiếp được nghe danh công tử là bậc hiền tài nên mới tìm đến...

Chàng nghĩ thầm : tài thì thật ta chưa có, còn hiền thì cũng không hiền chi, nhưng được nghe lời xưng tụng từ miệng mỹ nhưn thốt ra, chàng cũng cảm thấy khoan khoái.

Chàng khiêm tốn : Dạ Tiểu thư quá khen, tôi không dám, mong tiểu thư cho biết nhã ý của người muốn tìm tôi ?

Nàng nhỏ nhẹ lặp lại câu nói trên : Thiếp vì trọng mến hiền tài đã lâu, hôm nay thiếp đánh bạo đến đây định thưa với công tử một...

Thiếu Sanh hồi hộp, chàng lặng lòng chờ nghe, song khi mỹ nhưn nói nửa chừng, thì bỗng đâu một tiếng ré lên, chàng hoảng hốt nhìn ra... Ồ quái lạ, một đống lù lù ngồi ngay trước sân, cách nhà chừng 4, 5 thước. Không biết trên trời rớt xuống, hay dưới đất đục lên rặng chừ, mà dễ sợ thế ? Một con người, một con người ta thật sự. Nếu không có cái búi tóc rẽ tre lớn bằng củ hành tây, búi ngược lên xoáy thượng, vàng lốt như râu bắp, thì chàng cũng không biết là đàn bà, áo xống rách như xơ

mướp, người ta ngồi khoanh tay rế, mặt úp vào bụng. Không biết người ta non hay tra, già hay trẻ ? Nhưng toàn thân của người ta cũng đủ cho chàng biết, đó là một người hủi, lác, vì sau lưng áo rách lòi ra một màu da nổi vảy, và lấy lựa cả nước...

Người ta khóc ré lên giữa khi mỹ nhơn nói nửa chừng, nhưng lúc Thiếu Sinh bước ra thì người ta lại làm thính, cứ ngồi một đống y si.

Chàng có ý khó chịu, đến bên : Này tiền đây đứng dậy mà đi kiếm nhà khác. Nhưng không biết điếc hay câm, nghe hay không, mà cứ ngồi lỳ lỳ, không trả lời trả vốn chi cả. Thiếu Sanh xích lại gần một chút, nói to hơn : này tiền đây đứng dậy, cầm lấy, đứng dậy đi, tiền đây !

Người ta vẫn bất động và cứ khóc rì rì. Chàng hơi bực mình, nhất là câu chuyện mỹ nhơn đang nói dở mà chàng cần nghe. Chàng cố nhẫn, nói đi nói lại hai ba lần : Này đứng dậy, tiền đây nì, đứng dậy cầm lấy mà đi nhà khác chứ.

Nhưng người ta cứ làm thính, cũng không chịu ngẩng mặt lên. Bực mình, chàng để người ta ngồi đấy rồi vào với khách.

Mỹ nhơn không lấy làm lạ, cũng không đá động chi đến vấn đề người ta cả, nên chàng cũng giả lơ,

rồi nhả nhận đề khởi lại câu chuyện lúc nãy.

Người đẹp cầm quạt phe phẩy nhẹ nhẹ, chiếc kim thoa cài trên mái tóc rung rinh những hạt kim cương quý giá, lóng lánh, càng tăng vẻ yêu kiều diễm lệ bội phần.

Thiếu Sinh say sưa nhắc : xin Tiểu thư cho tôi cái hân hạnh được nghe tiếp câu chuyện Tiểu thư định nói.

Mỹ nương nhỏ nhẹ : Thiếp đến đây với mục đích là xin tiên sinh cho thiếp được... Người ngọc nói chưa dứt, thì người ngoài sân ré lên, lần này to hơn lần trước nhiều, làm át cả tiếng mỹ nhân.

Thiếu Sinh tức quá. Thật không biết quái vật ở đâu hiện ra lừng lừng, mà báo đời thế ? Đành bỏ dở câu chuyện, chàng xin lỗi mỹ nương rồi đứng dậy ra sân, nhìn trước nhìn sau không có một bóng người để mượn họ kéo cục nợ ra khỏi cửa, tức quá, lại khổ một nỗi nó lại ngồi ngay chính chắn trước mặt mỹ nương mới khen mình đó. Chàng giả dò đứng xây lưng vào nhà để bớt thái độ hung hăng của mình. Rồi chàng trợn mắt, bậm môi cúi đầu vào tai người ta : Tiền hí, áo hí, cơm hí ? Ứng chi ? Ứng chi ??? Tiếng chàng tuy nhỏ nhưng bao nhiêu cảm tức đều dồn vào tiếng nói tuôn ra nên nghe rít lên dễ sợ.

Nhưng điếc không sợ súng, người ta cũng không chịu trả lời ưng chi, và cũng không khóc ré lên như lúc nãy, mà cứ khóc thút thít.

Song có thể gì gần người ta được, vì hơi quá, lơ lỏi khắp người thế kia, đụng đến thì gớm chết. Chàng đứng thẳng rồi lại cúi xuống : Nì ưng chi ? Tiên hí, áo hí, gạo hí ? - Người ta vẫn bất động, vẫn khóc thút thít.

Đứng lâu với cục nợ này, thì lại bỏ khách ngồi một mình và nhất là câu chuyện mỹ nhơn, cứ bị con ma le này làm đứt đoạn, nên chưa biết ngã ra ngã vào ? Chàng sửa lại cử chỉ cho điềm đạm rồi đi vào. Thấy mỹ nhơn vẫn thản nhiên với vấn đề cục nợ ngoài sân, chàng yên tâm và cầu cho người đẹp đừng để ý đến.

Thiếu Sinh xoa hai tay lấy lại bình tĩnh : Xin Tiểu Thư cứ dạy tiếp ý định của Tiểu Thư. Lần này thận trọng hơn, chàng cúi đầu lóng hết tâm tư để nghe tiếp câu chuyện của mỹ nhơn sắp nói.

Người đẹp càng đẹp hơn, với dáng điệu dịu dàng e lệ. Nàng xếp chiếc quạt ngà lại, và lần này nàng lại nói nhỏ hơn, có lẽ là một vấn đề quan trọng cho đời nàng, vì thế nàng không thể có gan nói to được.

- Thưa tiên sinh, đã hai lần câu chuyện bị đứt ngang, nay thiếp xin thành thật nói lại, nghĩa là thiếp đến đây với mục đích xin...

Nhưng tức ôi ! Vẫn như hai lần trước, người đẹp vừa nói đến đấy, thì ngoài sân người ta lại ré lên thất thanh.

Sự bất quá tam, không thể nhẫn được nữa, thôi thì tam bành lục tặc tuôn ào như luồng gió lốc, chàng bước mạnh ra sân, và lần này thì không dằn được, chàng đến xô mạnh người ta : Đồ yêu báo đời, ưm chi ? Xin chi ? Sao không nói ? Khóc a ? Khóc ư ?...

Té ra không cam, cũng không diếc, người ta chờ đựng đến mới khóc lóc kể lể : Chị ơi ! Sao chị để cho người ta đánh em mà chị ngồi làm thinh ?

- Ai là chị người ? Chị người là ai ? Nói mau ! Gian xảo báo đời người ta hoài !... Người ta chỉ ngay vào mý nhơn : Chị tôi ngồi đó, chị tôi ngồi kia kia...

Chàng ngơ ngác nhìn vào, thì mý nhơn khoan thai cầm quạt bước ra :

- Thưa tiên sinh, em thiếp thật đấy ! Thiếp là Phước đức thiên nữ, em thiếp là Tai họa nữ, hai

chị em thiếp cùng một cha mẹ sinh ra và rất thương yêu nhau" Hẹn cùng sống chết" theo nhau như bóng với hình, nên chỗ nào thiếp đến thì em thiếp theo, và thiếp thề " nếu thiếp lập gia đình thiếp cũng không rời xa em thiếp được".

Thiếu Sanh sửng sờ, ngao ngán khi nghe người đẹp kể niềm đầu đuôi.

Chàng nghĩ : Mỹ nhân đến đây nói ba lần đều dứt đoạn. Chàng nhấm lại lời nàng nói : Thiếp đến để thua với tiên sinh một... Tiên sinh cho thiếp được.. và mục đích là xin... thì chắc nàng muốn kết nghĩa trăm năm với ta. Mỹ nhưn đẹp lạ, sang quý tốt bụng nhưng sao cô em gái lại gớm ghiếc thế kia ? Nội một cái biệt hiệu "Tai họa nữ" cũng đủ chết người ta rồi, nếu ta nhận lời người đẹp, khi nàng về với ta mà nàng na nà cục nợ ấy về cho ta nữa, thì ta cũng chết.

- Thôi thôi ta cự tuyệt dứt khoát cho rồi. Bao nhiêu nhân lực lúc này là vì mỹ nhưn, nay đã không cần mỹ nhưn nữa nên chàng cương quyết : Thôi thôi tôi xin Tiểu thư, tôi xin tiểu thư, đừng chàng đừng thiếp đừng một... đừng được... đừng xin... chi cả, mời đi mời đi !

Chủ đuôi ba cờ một quạt, khách kéo nhau đi không kịp ngoái lui.

Chàng hăm hăm ngồi phịch xuống ghế : "Hừ, chàng chàng thiếp thiếp đồ yêu báo đời !...".

THÍCH NỮ THẾ QUÁN

"Thế gian chênh lệch này quả không tươi đẹp như cánh hoa hồng. Nó cũng không tuyệt đối gai góc như cây hồng. Hoa hồng dịu dàng, đẹp đẽ, và mùi thơm ngào ngạt, nhưng cái cây sanh ra nó thì mình đầy gai góc. Hoa là hoa. Gai là gai. Cái gì thuộc về hoa là của hoa. Cái gì thuộc về gai là của gai. Không vì hoa mà ta lao mình vào gai, cũng không vì gai mà xa lánh hẳn hoa hồng".

Nghệ thuật tuyệt vời

Một hôm Đức Phật đi ngang qua khu rừng vắng, Ngài ngồi nghỉ dưới một gốc cây, sắc thái ung dung, nét mặt trầm tĩnh. Bỗng có hơn ba mươi người thanh niên tuần tú đi vào. Ngài để ý nhìn họ.

Một thanh niên nhìn quanh quất như muốn tìm ai rồi thấy Ngài liền tiến đến hỏi :

- Thầy có thấy một người thiếu nữ đi qua đây không ?

Đức Phật trả lời : Không, ta không thấy. Vậy các ngươi là ai và tìm người ấy để làm gì ?

Chúng tôi là nhạc sĩ, cùng đi vào thành với một người thiếu nữ. Người đó thừa lúc chúng tôi ngủ bên đường, trốn đi và mang theo tất cả hành lý của chúng tôi.

Đức Phật vẫy các chàng thanh niên, lại gần, Ngài nói dịu dàng : Này các em ! Các em nên đi tìm thiếu nữ ấy hay là các em nên tự đi tìm các em.

Các thanh niên ngơ ngác không hiểu. Và đồng cất tiếng cười. Đức Phật chỉ vào một người cười to hơn hết và bảo : Em hãy thổi sáo đi ! Chàng đó liền lấy sáo ra thổi. Giọng sáo réo rắt, lúc trầm lúc bổng, chứng tỏ một tài nghệ tuyệt vời. Khi chàng thanh niên thổi xong một khúc, Đức Phật bảo chàng đưa ống sáo cho Ngài. Ngài thổi sáo lên. Các thanh niên nhạc sĩ ấy lấy làm lạ lùng, họ chưa bao giờ nghe một giọng sáo hay như thế. Rừng xanh lắng tiếng, trời êm như ru, muôn vật nín thở, im lặng. Tiếng sáo đi trong lá xanh, lướt trên ngọn cây, rồi bay lên cao vút. Âm thanh tuyệt vời như đang quẩn quanh sao Ngưu sao Đầu và trong lúc ấy, gió bắt đầu rì rào trong cây tiếng gió như thì thảo như chúc tụng phur ca ngợi... như để hỗ trợ, để nâng tiếng sáo huyền diệu lên cao lên cao mãi...

Ngài đã bỏ ống sáo xuống rồi mà hơn 30 chàng thanh niên còn đương ngơ ngẩn, tâm hồn chìm trong âm thanh để vương vấn ở mấy tầng mây.

Đến khi họ trở về với thực tại, thì họ nhận thấy đôi mắt dịu hiền của nhà tu đang trầm tĩnh nhìn họ.

Tất cả đồng thanh : "Bạch thầy ! Chúng con còn non nớt lắm trên đường nghệ thuật. Xin thầy nhận cho chúng con làm học trò và truyền dạy cho chúng con."

- " Các người chưa đạt đến chỗ tối cao của nghệ thuật là vì các người chưa tìm thấy ngay trong tâm hồn các người nguồn gốc sâu xa của tất cả nghệ thuật. Các người cùng một bản thể với vũ trụ bao la, vũ trụ có thể có bao nhiêu âm thanh tuyệt kỳ cũng như có thể có bao nhiêu hình sắc linh diệu, thì chính tâm hồn của các người cũng có đủ như thế. Vậy cần tìm hiểu ngay tận gốc tâm hồn các người có thể đạt đến nghệ thuật tối cao. Vừa rồi ta bảo các người nên tự tìm lấy các người là ta muốn nói như thế đó ". - Nói xong Ngài giảng cho các thanh niên nhạc sĩ ấy về giáo lý vô thường vô ngã, trong bọn có một người lớn tuổi tên là Ca Diếp đến sụp lạy trước mặt Ngài.

- " Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho anh em chúng con được xuất gia theo đạo ".

Đức Phật nhận lời.

HOÀNG HOA

" Làm việc với hai bàn tay trơn là người lao động, làm việc bằng tay và bằng trí óc là người thợ khéo, vừa làm việc bằng tay, bằng trí óc mà cũng vừa làm với tất cả tâm hồn đó là nhà nghệ sĩ."

Giữ giới trong sạch được nhiều phước báo

Ông trưởng giả họ Quách, ở đất Phong Châu đời nhà Tấn, sanh được một người con trai đặt tên là Hữu Chí, có tánh hiếu học lắm. Sau mười năm đèn sách, Hữu Chí luyện nghề văn cũng được tiếng tăm, nhưng sở nguyện chưa thỏa mãn người bèn tìm thầy chuyên thêm nghiệp võ.

Thấy con mình văn võ đã kiêm toàn, ông trưởng giả mới lo đôi bạn cho con. Cưới vợ rồi, Hữu Chí thường ở nhà lo đọc sách triết lý và tôn giáo. Nhận thấy chánh pháp của Phật rất lợi ích cho đời sống của nhân loại, gã thanh niên hiếu học ấy đến chùa cầu thầy cho thọ Tam quy và trì Ngũ giới. Nhà sư giảng dạy cho người mãn phần Ưu Bà Tắc rõ tất cả sự lý Tam quy và chỉ rẽ rành rẽ thế nào là khai, giá, trì phạm của Ngũ giới. Hữu Chí từ đây quý trọng đạo Phật lắm, nhất là giữ giới rất kỹ lưỡng,

chuyên lo tu niệm đường tình ái có phần chừng mực. Trái lại, người vợ chàng, nhan sắc thì quá lộng lẫy, tánh tình thì cực kỳ phóng dãng, ưa xa hoa nay tiệc mai tùng... Lần hồi tình yêu chồng phai nhạt, tâm chán ghét bức bối hận thù tăng lên đến nỗi nàng dám tính mưu này chước nọ hãm hại chồng để thỏa mãn lòng dạ của mình.

Một hôm, Hữu Chí được tin bạn đồng học là Tuấn Anh, con của một quan tổng trấn ở biên thùý mời chàng sang dinh chơi, nhân tiện người bạn ấy sẽ tiến dẫn với cha chàng thầu dụng Hữu Chí vào giúp việc quân chính.

Hữu Chí thưa cho cha mẹ hay và bàn tính với vợ sẽ vắng nhà một thời gian để đến dinh quan Tổng trấn thăm bạn học cũ, vợ chàng thừa cơ hội ra tay : ác phụ làm năm cân mứt chuối trong đó có trộn thuốc độc. Nàng vò viên để vào hộp kín đáo, ngoài dán nhãn đề : "Thuốc giải lao thần hiệu" tặng cho chồng món quà hộ thân, lúc đi đường xa vất vả.

Hôm sau, giã từ cha mẹ và vợ, Hữu Chí mang hành lý cỡi ngựa lên đường. Cứ ngày đi đêm nghỉ, trải qua làng mạc, đồng nội, núi non... người kỵ mã thấy trong mình mỗi mệt quá, nên khi trời vừa tối đến một cụm rừng già đầy đầy cổ thụ, chàng

bèn xuống ngựa mở yên, để hành lý dựa gốc đa, rồi trèo lên cháng ba rộng lớn nằm nghỉ.

Vì đi đường ròng rã mấy ngày cực nhọc, Hữu Chí nằm ngủ một giấc ngon lành từ đầu hôm đến sáng, không hay sự gì đã xảy ra dưới cội cây, trong đêm tối ở giữa rừng hoang. Sự việc là như thế này : trong đêm ấy, tại dinh quan Tổng trấn bị một mẻ trộm lớn, mất nhiều rương quần áo, bạc vàng. Bọn cướp, sau khi ăn hàng trúng mồi xong, kéo nhau vào rừng, đến gốc đa chúng dừng lại nghỉ. Gặp hành lý của Hữu Chí để dựa cội cây, chúng nó lục soát thấy hộp "Thuốc giải lao thần hiệu" liền mở ra xem. Đánh hơi thuốc có mùi thơm ngọt, chúng nó bắt thềm, sẵn mồi mẹt và dãi khát, chúng chia nhau ăn thuốc và uống nước không chừa lại một viên nào. Một chặp sau, bọn cướp ấy, tất cả 50 đứa đều trúng độc chết hết.

Vì thế, nên khi trời sáng, lúc Hữu Chí từ trên cháng ba cây đa tuột xuống đất. Anh ta hết sức ngạc nhiên thấy nhiều thầy ma nằm ngổn ngang. Chung quanh đầy dẫy những rương, xe, quần áo và vàng bạc. Dòm lại gói hành lý của mình, thấy bị mở ra và hộp "Thuốc giải lao thần hiệu" đã sạch trơn, mà xác chết người nào cũng bầm đen một màu, môi, miệng, sưng vù, anh ta lấy làm băn khoăn, nghi ngại, sợ hãi.

Đứng trước một đám chết khá to, không biết nguyên do vì đâu, với của cải từ ruộng này qua xe ngựa, một người Phật tử tại gia chân chánh như Hữu Chí bao giờ cũng thương xót và kính nể. Thương vì chẳng rõ ai đành giết hại một lần cả 50 người không sợ tội ! Kính vì của cải rất nhiều nhưng không phải của mình nên không dám nhận. Chàng mần phần Ưu Bà Tắc liền bắt ngựa, gác yên lên lưng, buông cương cho chạy nước lớn tìm nhà chức trách địa phương báo cáo. Đi gần được hai mươi dặm đường, Hữu Chí trông thấy ở phía trước mắt mình có một toán quân rầm rộ kéo đến. Chàng xuống ngựa, đứng nép một bên, chực chờ trình báo.

Tuấn Anh người cầm đầu toán quân, là con quan Tổng trấn, nhận ra bạn thân của mình liền hỏi : "Anh Hữu Chí ! Đi đường thế nào coi anh có vẻ kinh nghi quá vậy ?.

Hữu Chí thuật lại việc rừng rợn vừa thấy dưới gốc đa, chỗ chàng tạm làm nhà trọ một đêm và mời bạn dẫn toán quân đến đó điều tra tường tận. Chàng nhẩy lên ngựa, quày lại dẫn đường Tuấn Anh và đoàn quân nối gót theo sau. Đến rừng tại gốc đa thì trời vừa đứng bóng, con quan Tổng trấn nhìn tất cả tài vật của mình đã bị cướp đêm hôm qua, chỉ còn thiếu ít con ngựa nữa là đủ số. Tài gia

một mặt dạy quân lính đào một cái hầm to, chôn 50 tướng cướp, một mặt truyền kẻ tùy tùng gom góp của mất lại. Công việc sắp xếp xong, Tuấn Anh mời bạn hiệp cùng quân lính đi thẳng về dinh quan Tổng trấn. Về đến nơi thì trời đã hoàng hôn, Công tử phúc trình lại đầu đuôi, sự tìm được của và việc gặp bạn hiền cho cha mẹ nghe. Tuấn Anh yêu cầu thân phụ trọng thưởng Hữu Chí là người có công thứ nhất trong vụ tìm được của mất trộm. Quan Tổng trấn liền bổ dụng Hữu Chí làm thiếu úy vệ binh. Phần đông các quan cũ đều bất bình vì thấy Hữu Chí mới đầu hôm sớm mai mà làm được thiếu úy nên sanh lòng ganh ghét.

Một thời gian sau, ở làng kế cận ải biên thù có nạn ác thú khuấy rối : một con sư tử khát máu người đón đường nhiều hại bộ hành làm cho dân chúng khủng khiếp. Như cơ hội ấy, một nhóm quan liêu cũ có ý ngầm hại Hữu Chí, nên đồng có ý kiến xin quan Tổng trấn cử tân Thiếu úy đi trừ ác thú, cứu nạn lương dân. Quan Tổng trấn chấp thuận lời yêu cầu. Ngài hỏi quân lính có ai tình nguyện đi theo giúp sức tân Thiếu úy hay không ? Ai nấy đều nín thinh. Hữu Chí buộc lòng phải can đảm một mình phụng mạng đi trừ ác thú.

Dọc đường chàng tự suy nghĩ : mình đã phát tâm thọ Tam quy và trì ngũ giới, mà ngày nay vì

phận sự bắt buộc phải giết thú để cứu người. So bề lợi ích thì có phần hơn, nghĩ đến chỗ phạm giới thì hổ thẹn, còn nhớ đến luật hơn quả lại càng sợ hãi. Chỉ bằng nhân dịp này mình trở về quê vui với cảnh gia đình còn hơn. Mãng dương suy tính, so lường, cân nhắc phân vân trong trí, tân Thiếu úy đã đến gần ác thú ẩn núp mà chẳng ngờ. Sư tử đánh hơi người, phấn kích rống học vang rền dường như sấm sét. Vì không muốn sát sanh, Thiếu úy thót lên cây, leo tuốt đến ngọn, rút độc kiếm cầm tay tự vệ. Sư tử ở dưới đất nhảy dựng toan vồ Hữu Chí, nó há miệng ngược đầu, hai chân trước chồm lên và gặm thét inh ỏi. Ngồi trên cây lâu mỏi tay. Thiếu úy buông rơi lưới kiếm lọt ngay vào miệng sư tử đứt họng dẫy dựa chết liền.

Một chập, Hữu Chí leo xuống mang xác sư tử về dâng cho quan Tổng trấn. Ngài rất hài lòng, hết lòng thân mật khen ngợi Thiếu úy có tài và muốn cho dân chúng tán thán công lao ấy, Ngài truyền lệnh đặt bày một tiệc trước dinh khao thưởng Thiếu úy.

Vài hôm sau, quan Tổng trấn dâng sớ về trào vua xin ân tứ chức tước xứng đáng cho Hữu Chí. Chẳng bao lâu, Thiếu úy được chiếu triệu về kinh, sung chức Trung úy, bổ vào vương cung trọng dụng.

Vậy mới biết, phạm là đệ tử Phật, bất cứ ở địa vị nào, hễ giữ giới trong sạch thì được hưởng nhiều phúc báo.

TRƯỜNG LẠC

"Phật tử tuy ở xa ta nghìn dặm mà cố giữ giới luật của ta, quyết sẽ đắc đạo; ở bên cạnh ta mà phạm giới, người ấy chẳng bao giờ thành đạo cả".

Vợ chồng đánh nhau

Ngày xưa, có một đôi vợ chồng làm chủ một tiệm bán bánh. Họ sống với nhau trong một bầu không khí thuận hòa, nhưng đôi khi họ cũng sanh chuyện xích mích và thường gây lộn với nhau.

Một hôm, vì một sự bất hòa chi đó họ bắt đầu cãi nhau, lúc đầu họ còn nói nho nhỏ nhưng sau dần dần càng sinh to chuyện. Cuối cùng, người vợ thét lên lanh lảnh :

- Giết tôi hả ? Tôi không sợ anh đâu !

Người chồng nói :

- Được rồi ! Nhất định tao giết mày !

Hai người đánh nhau rất kịch liệt.

Ông già bên hàng xóm vội chạy sang khuyên can họ, ông nói :

- Này hai bác ơi ! Làm gì mà đánh nhau dữ vậy ? Có việc gì không nên không phải hai bác

hãy bình tĩnh mà chỉ bảo nhau, chứ đừng nên làm thế người ngoài sẽ chê cười.

Nhưng họ không thềm nghe lời ông già. Người vợ lại nói :

- Cứ giết tôi đi !

Người chồng trả lời :

- Hôm nay nhất định tao không nhượng bộ đâu, không giết mày không được !

Ông già thấy lời khuyên can của mình không có hiệu quả, ông liền đến trước cửa tiệm bánh của họ thu tất cả những bánh trong tiệm rồi đem phân phát cho những người đang bu lại xem họ đánh nhau. Hai vợ chồng thấy thế lập tức không đánh nhau nữa, vội chạy ra hỏi :

- Ô kìa ! Ông làm cái gì vậy ? Nhà người ta buôn bán sao tự nhiên ông lại đem lấy của chúng tôi cho không mọi người.

Họ trừng mắt nhìn ông già và hấp tấp ngăn cản ông, không cho ông lấy bánh nữa.

Ông già thân nhiên nói :

- Vừa rồi bác nói bác nhất định sẽ giết bác gái, mà giết bác gái rồi tôi tương sau này bác cũng không thể nào sống được. Vậy cả hai người sẽ đều

chết và tiệm bánh này cũng sẽ vô dụng, vì thế cho nên tôi đem bố thí hết các thứ của hai bác để gây chút công đức cầu siêu cho hai bác đó.

- Không được, nếu đem hết các thứ trong tiệm tôi mà cho người ta rồi ngày mai chúng tôi lấy gì mà ăn đây.

Thôi chúng tôi không đánh nhau nữa đâu !

Q.D.

"Sự giận dữ là cơn gió lớn làm tắt ngọn đèn thông minh".

Người gieo mạ

Một buổi bình minh, ánh nắng vàng trải trên những thảm cỏ xanh non bao trùm những vườn cây tươi tốt, muôn chim líu lo trên cành, mọi người sửa soạn ra đồng làm việc.

Đức Từ Tôn mặc y nghiêm trang, ôm bát khoan thai đi vào xóm để khất thực, lúc Ngài đi ngang qua nhà của ông Bà La Môn giàu có và danh tiếng nhất trong xứ tên là Ba Ra Va Da, Ngài bèn dừng chân lại trong lúc lão Bà La Môn mang lễ vật ra sân để cúng thần Nông.

Trước dung mạo trang nghiêm và đầy vẻ từ bi của Đức Phật, mọi người đều tỏ vẻ kính trọng Ngài, người thì chấp tay cúi đầu, kẻ thì nghiêng mình, người lại đánh lễ sát đất. Trước khung cảnh uy nghi ấy đã không phát tín tâm Ba Ra Va Da còn phát sanh lòng sân hận, lão hét lên :

-Ồ, này Sa Môn kia, tại sao còn khỏe mạnh, tay chân đầy đủ lại đi xin ăn, sao lão không chịu làm

lụng như bao nhiêu người khác. Ta phải chịu cực khổ đầm sương giải nắng cày cấy, gieo mạ hôm nay mới có cơm ăn. Nếu lão chịu khó làmụng như ta, thì lão cũng có cơm ăn vậy.

Đức Phật bèn từ tốn trả lời rằng :

- Ta đây cũng cày cấy gieo mạ, ta cũng có lúa ăn như người vậy.

Ba Ra Va Da cướp lời :

- Lão dám mạo nhận là một người nông dân sao ?

Đức Thế Tôn yên lặng không trả lời.

Người Bà La Môn cất tiếng cười ngạo nghễ hỏi tiếp :

- Vậy chớ trâu, bò, cày, bừa và lá lúa giống của lão ở đâu ?

Đức Phật bình thản giảng giải :

- Hột giống của ta gieo là Đức tin, những việc lành là mưa thuận gió hòa thấm nhuần cho lúa càng ngày càng tốt tươi. Ý chí đồng mãnh và nhẫn nại là cái cày, sự tinh tấn là con bò, trí tuệ là sợi dây dẫn, còn Ta cầm cán cân giới luật.

Ta cày cấy dặng trừ tuyệt cỏ xấu đang đâm chồi nảy lộc trong tâm của chúng sanh.

Lúa của Ta gặt là nơi an vui tuyệt đối bất sanh, bất diệt đại niết bàn, nơi dứt tất cả sự thống khổ. Vốn là một người thông minh và đã tạo nhiều thiện duyên từ nhiều kiếp trước, Ba Ra Va Da nghe những lời giảng giải của Thế Tôn xong được thấm nhuần như tắm vải trắng sạch nhuộm ăn màu, như người bị ngã được đỡ đứng dậy, như ngọc quý bị giấu kỹ bỗng nhiên được phát hiện trí tuệ, Ba Ra Va Da cung kính bạch Đức Phật rằng :

- Tiếng đồn thật không sai, Đức Từ Tôn quả là ngọn đuốc sáng để đưa chúng sanh từ chỗ tối tăm đến chỗ sáng suốt.

Nói xong, Ba Ra Va Da vội lấy đĩa bằng vàng, đựng cơm đề hồ (cơm nấu bằng sữa) đến thành kính sốt vào bát của Đức Phật và nói rằng :

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ nhận lấy lễ vật mọn này để con được gieo duyên lành cho kiếp vị lai.

GIỚI ĐỨC

"Tam bảo là ruộng phước phì nhiêu cho chúng sanh gieo giống".

Chuỗi Anh lạc

Ba Lợi là người con trai rất chí hiếu, nội trong thôn xóm anh ở ai cũng mến thương. Mồ côi cha ngay khi còn nhỏ, lớn lên anh lại theo nghiệp của phụ thân làm nghề hàng hải, là một nghề nhiều nguy hiểm hơn an toàn. Nên mỗi lần ra đi, anh từ già mẹ già thì mẹ anh không lần nào quên dặn con phải luôn luôn chí tâm kêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm. Lần này bà đeo vào cổ cho con một tượng Bồ Tát bằng ngà và cũng dặn con lúc nào gặp nguy hiểm thì phải niệm Ngài cho chí thiết.

Quả nhiên chuyến đi này thuyền anh bị lạc hướng bởi một cơn gió dữ thành linh. Trong thuyền 8, 9 người chơi vơi giữa biển khơi đã hai ngày, nguy ngập nhất là khát nước. Giữa biển mênh mông chỉ trời với nước, thế mà trong thuyền khát nước đến gần nguy. Anh bình tĩnh bảo cả thuyền đều phải nhất tâm kêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn cho, thì may đâu từ xa xa có một chiếc thuyền đang hướng về

thuyền anh chèo đến, khi hai thuyền xáp nhau anh hỏi xin nước uống. Người thuyền chủ đưa cả hũ nước ngọt cho thuyền anh. Uống xong anh hết sức cảm tạ. Người thuyền chủ hỏi anh, nước ở biển nhiều hay ở hũ nhiều ?

Anh đáp : nước trong hũ nhiều, vì nước biển tuy nhiều song không thể uống được, nước ở hũ ít nhưng cứu được sự khát ngọt cho người thì phước đức vô lượng.

Thuyền chủ tán thán câu trả lời lý thú của anh, rồi tặng cho anh một chuỗi ngọc châu quý giá và bảo : "Ta thưởng cho người con chí hiếu". Nói xong thì không thấy thuyền và người đâu cả. Những người cùng thuyền anh rất cảm động và tin tưởng mãnh liệt vào sự linh ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Về nhà, anh thuật chuyện cho mẹ nghe, và dâng chuỗi ngọc châu cho mẹ.

Thân mẫu anh bảo : Chuỗi ngọc châu này là của vô giá, con nên đem dâng vua, đừng bán.

Vâng lời mẹ, Ba Lợi đem dâng vua.

Vua Ba Tư Nặc được chuỗi ngọc châu quý giá rất mừng, tạ anh nhiều vàng ngọc khác.

Cách mấy hôm sau vua liên triệu tập các cung

phi đến, ý vua nghĩ để ta xem trong số cung nhưn người nào đẹp nhất hôm ấy ta sẽ thưởng.

Mấy nghìn cung phi nghe vua đòi, ai nấy đều lo sửa soạn trang sức cực kỳ lộng lẫy.

Thoạt nhìn, không thấy Mạc Lợi phu nhưn (*) Ba Tư Nặc liền hỏi : Sao không thấy đệ nhất phu nhưn ?

Các cung phi thưa :

Hôm nay là ngày rằm, ngày của phu nhưn thọ giới" Bát quan trai" nên không đến được.

Vua có ý giận, hỏi :

Thọ Bát quan trai mà dám trái ý trăm ư ?

Vua cho đòi ba phen. Mạc Lợi phu nhưn sợ, phải đến yết kiến. Song vì trong ngày trai giới nên nàng không trang điểm gì cả, và chỉ mặc một thứ hoại sắc.

Nhưng nhờ nghiêm trì tịnh giới nên phu nhưn có một nhan sắc thanh khiết tỏa ra sáng chói như muôn ánh nhật nguyệt. Khi phu nhưn vừa bước vào chánh điện thì có hào quang tỏa khắp hoàng cung. Thoạt thấy, vua rất ngạc nhiên, và sanh tâm ái kính bội phần.

* Mạc Lợi phu nhưn là vợ chính thức, vì vua Ba Tư Nặc là vua chư hầu nên vợ chính gọi là phu nhân chứ không được gọi hoàng hậu.

Vua hỏi : Ái khanh nhờ cái đức gì mà hôm nay sắc đẹp lộng lẫy bội phần ?

Phu nhơn thưa : Thiếp tự từ mình bạc phước lại sanh làm thân nữ nghèo hèn(*) may nhờ ơn trạch của Đại Vương nên thiếp được dự phần sang quý. Nhưng thiếp nghĩ : thân mạng vô thường dầu cho hoàng hậu, vương phi châu ngọc đầy mình rồi cũng có ngày già, xấu, lại thêm bệnh hoạn theo liền, khi chết lại bị nghiệp ác dắt dẫn đi vào con đường đau khổ tội lỗi. Vì vậy, thiếp vâng theo lời Phật dạy mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới trong các ngày trai tiết, thiếp nguyện đem công đức ấy để hồi hướng cho nước nhà thịnh trị, muôn dân an lạc, và khi xả báo thân thiếp khỏi bị cái nghiệp phú quý mà sa đọa.

Vua nghe, rất cảm kích và khen ngợi liền đem chuỗi anh ngọc tặng phu nhơn.

Mạc Lợi phu nhơn từ chối không nhận mà nhường lại cho các cung phi.

Vua đáp : Từ hôm được ngọc, trăm đã định hôm nay vân tập tất cả các cung phi xem ai đẹp nhất thì trăm thưởng. Nay thấy ái khanh nhan sắc thù

* Mạc Lợi phu nhơn xuất thân hạ tiện, nhờ sắc đẹp khuynh thành đã tiến cử nàng từ thân tỳ nữ lên đến đệ nhất phu nhân.

thắng hơn các cung phi, thật hiệp ý trăm nên trăm chỉ để tặng ái khanh.

Phu nhơn thưa : Thiếp nay thọ trì giới cấm của Phật giữ mình thanh tịnh nên không ưa trang sức những thứ xa hoa, đây là các nhân gây ra tham lam tội lỗi. Vậy nay thiếp có ý kiến là Đại Vương nên đem chuỗi ngọc dâng lên Đức Thế Tôn, nhân dịp được lãnh lời giáo hóa của đức Từ Phụ để về bổ túc thêm cho việc an dân thì phước đức vô lượng.

Vua rất hoan hỷ liền sắc nghiêm sức xe giá, vua cùng Mạc Lợi phu nhơn và cả cung phi đồng yết kiến Như Lai. Hôm ấy là ngày rằm, ngày chúng tăng thuyết giới vừa xong, vua vào bái yết Đức Thế Tôn rồi đem dâng chuỗi ngọc anh lạc lên Đức Phật và bạch cùng Đức Phật về việc trì giới không thọ chuỗi anh lạc của Mạc Lợi.

Đức Thế Tôn hoan hỷ đoãn nạp(*) liền thuyết bài kệ rằng :

Người đời ưa trang sức

Cho ngọc châu là quý

Người cầu đạo giải thoát

Đức Phật là đệ nhất phước điền (làm ruộng phước để cho chúng sanh gieo công đức vào) nên ai cúng gì Đức Phật cũng không từ chối, dù một chuỗi ngọc quý giá của vua chúa cũng như một nắm đất của em bé nghèo hèn.

Lấy giới luật làm hơn
Dù ngọc ngà châu báu
Cùng các thứ hoa thơm
Không sao bằng giới luật
Có năng lực đưa người
Đến tận bờ ly dục
Trường từ ba cõi khổ
Quyết định được an lạc

THÍCH NỮ THIẾ QUÁN

"Giới luật là an lạc vô giá, trang nghiêm giáo lý vô thượng Phật đà".

Giành làm lớn

Ngày xưa, sau khi Đức Phật nhập niết bàn không lâu, tại một khu rừng nọ có một con rắn thật to, nhân dân trong xứ ấy ai cũng sợ. Một bữa nọ, đầu và đuôi rắn ta tranh luận với nhau :

Đầu bảo đuôi : - Ta đây thật đáng làm lớn.

Đuôi nói lại : - Chính ta mới thật là lớn.

Đầu nói : - Ta có tai để nghe, có mắt để thấy, có miệng để ăn đây đủ trí hiểu biết, lúc nào nên đi, lúc nào không nên đi, chỗ nào nên tiến, chỗ nào nên thoái và khi nào ta cũng đi trước. Còn mày, mày làm sao có những điều kiện đó mà đòi làm lớn vậy ta làm lớn mới đúng.

Đuôi không chịu nghe, cãi lại :

- Như mày nói tao không có những điều kiện ấy, thì thôi cũng đành được đi, nhưng mày nên nhớ rằng khi nào tao khiến mày đi thì mày mới được

đi, chứ đâu phải mày muốn là được. Nếu không muốn đi, tao dùng thân tao quấn chặt vào cây luôn 3 ngày, thì xem mày có bỏ đi và tìm thức ăn được không, hay bị đói khát mà chết khô, rồi bị người ta xách đầu về ăn thịt.

Đầu nghe đuôi ngụy biện lớn lối như vậy, không biết phải nói như thế nào để đuôi hiểu cho phải, nên buồn rầu bảo đuôi :

- Này đuôi, thôi mày nói thế tao xin chịu thua. Vậy tao cho mày làm lớn mày hãy đi trước đi.

Đuôi nghe đầu chịu thua, lòng mừng phấn khởi, ngoắt đuôi phóng ngay nhưng vì chẳng thấy đường nên cứ bò quàng, bò xiên bậy bạ không đường lối, cuối cùng bị rơi xuống hầm lửa chết tươi.

Cũng vậy, như trong chúng tăng, có hàng trưởng thượng đạo cao đức trọng, đủ trí tuệ để phán quyết mọi việc, nhưng gặp phải hàng hậu học sơ cơ ngu muội lại tự thị cho mình là trí tuệ hơn người, nên tỏ ra khinh khi bậc trưởng thượng tôn túc, không chịu nghe lời dạy bảo. Đến nỗi các ngài buồn phiền nói : "Thôi thôi tôi xin lỗi, các vị tự ý muốn làm gì thì làm".

Vì vậy, những kẻ thiếu trí ngu si tự do làm theo

**ý mình tạo các điều bất thiện, khi mạng chung
đều dọa vào địa ngục.**

GIỚI ĐỨC

**Chỉ có ngọn đèn dẫn đường cho chúng ta tới chỗ thành
tựu là ngọn đèn của kinh nghiệm.**

Sự tích Cá He (cá heo, cá nước)

Ngày xưa, có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa thành chánh quả. Sư bưng bảo dạ : - "Phải đến đất Phật một phen mới có hy vọng thành Phật". Nghĩ vậy, sư ta mới quyết chí tìm đường sang Tây Trúc.

Đường đi từ nước nhà sang Tây Trúc ngày đó chưa có cách nào cho thuận lợi. Việc giao thông hầu hết là đường bộ, mà đi bộ thì thật là muôn vàn nguy hiểm. Nhưng nhà sư trẻ tuổi quả quyết nhằm hướng tây tiến bước.

Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt rét, nhưng nhờ được giúp đỡ nên đều qua khỏi, và chàng cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Một hôm, sư đến một khu rừng thì trời đã

chiều. Sư cố bước dồn, hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng gặp một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi của một bà cụ già bước xuống sân. Sư tỏ ngay ý định của mình là xin ngủ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rồi rít.

- Đi mau lên ! Mau lên ! Con ta mà về thì không còn tính mạng.

Sư đáp :

- Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được bước nữa. Nếu không cho nghỉ thì cũng đành nằm liều trước cửa đây thôi.

Bà cụ bảo :

- Chao ôi ! Con ta vốn là Ác Lai hay ăn thịt người. Có đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó.

Nhưng sư đã vứt tay nải, nằm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay y lôi đến một cái hầm đá lớn. Sau khi đẩy vào, bà cụ bảo y phải cố giữ cho thật im lặng để tránh một cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chất củi phủ lá rất kín đáo.

Trời tối hẳn thì Ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang, hẳn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mũi. Hắn nói :

- Có mùi thịt mẹ ạ !

Mẹ hấn đáp :

- Thì chả là thịt mày mang về đây là gì ?

- Không phải. Thịt người. Con biết lắm. Có thịt người.

Bà cụ chưa kịp cản thì hấn đã quẳng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hấn đã lôi được nhà sư bất tỉnh nhân sự từ dưới hầm về nhà mình.

Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy Ác Lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hấn quát :

- Mày đi đâu ?

Sư nhìn kỹ thấy hấn cũng không khác gì người thường, bèn tỉnh táo đáp :

- Tôi đi tìm Phật.

- Tìm để làm gì ?

Sư bây giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hấn. Sư nói mãi, kể lại bao nhiêu ngày gian khổ của mình dọc đường, và niềm mong muốn cuối cùng là làm sao được nhìn mặt Đức Phật để được thành đạo. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con Ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi. Sư

cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên "vô sinh vô diệt", sẽ sống một đời sống vô cùng sung sướng trên niết bàn, nếu họ kiên quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi mác ở tay Ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác lúc này bây giờ dịu lại.

Sáng hôm sau, khi Sư sắp lên đường thì mẹ con Ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho chàng. Họ lại tiễn đưa Sư đi qua một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt Ác Lai hỏi :

- Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây ?

Sư đáp :

- "Tâm tức thị Phật. Phật tức thị tâm". Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ.

Sư không ngờ Ác Lai đã rút mũi mác, nhanh như cắt tự rạch bụng mình lòi ra cả một mớ ruột gan đưa cho sư và nói :

- Nhờ Hòa thượng đưa hộ dâng lên Đức Phật.

Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì Ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ còn biết làm thế nào đây. Cuối cùng Sư ta đành nhìn vào cặp mắt của Ác Lai, gật đầu nhận lời rồi gói bộ lòng của người đáng thương đó lại và quảy lên đường.

Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, biến lộ ra trước mặt mênh mông bát

ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng Sư thì chẳng vui một tí nào. Món lễ vật của Đức Phật dè nặng trên vai. Nếu chỉ có thế thì không có gì là ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối trong bộ lòng kia xông ra khó tả. Sư đã bọc nó ba tầng bốn lớp mà mùi thối vẫn nồng nặc. Sư lẩm bẩm : - "Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình". Qua ngày hôm sau, không thể chịu được nữa, Sư bèn vứt bộ lòng Ác Lai xuống biển.

Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây Trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đắc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo chàng : "Còn thiếu một vật nữa mới thành chánh quả". Sư rất đỗi ngạc nhiên, cố ngược mắt nhìn lên một tí. Trên cao vọi vọi, Sư thấy Đức Phật ngự giữa tòa sen sáng chói, sau lưng có bóng dáng hai người tựa hồ như hai mẹ con Ác Lai. Sư bỗng hiểu hết : Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi, còn mẹ con Ác Lai nay đã thành chánh quả chỉ là nhờ sự ngộ đạo đột ngột và chân thành trong phút chốc. Sư nằm phục vị hồi lâu, trong lòng thẹn thò vô kể.

*

Nhà sư ta sau đó trở về chốn cũ để tìm lại bộ lòng. Tuy biến mệnh mông và sâu kín, nhưng cũng cố lặn hụp để mong thấy lại món quà dâng Phật mà Ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con Ác Lai và hy vọng gần gũi tòa sen Đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hóa làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he, cũng gọi là cá nước hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó con nào con nấy có cái đầu trọc như đầu ông sư, và vẫn làm cái việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn không chịu nghỉ.

Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gọi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm cho đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi reo hò thì chúng nó sẽ lặn xuống nổi lên nhiều lần cho mà xem.

NGUYỄN ĐỒNG CHÍ
Truyện cổ Việt Nam tập II

"Những người không giữ đức "Thành tín" thì chỉ lừa gạt mọi người được trong một thời gian nào đó thôi, tai hại nhất là sau dù nói thật người ta cũng không tin"

Tôn giả Nan Đà

Tôn giả Nan Đà là người em trai cùng cha khác mẹ với đức Đạo sư. Tôn giả xuất gia ngay trong ngày hôn lễ, trong một phút bốc đồng hơn là phát tâm cầu đạo. Vì thế chỉ được vài hôm đầu, Tôn giả cảm thấy nhớ nhung nếp sống vương giả và nhất là vị tân nương mới cưới. Tôn giả nhất định hoàn tục nên tìm đến Đức Phật ngỏ ý :

- Bạch Thế Tôn ! Con không thể nào tiếp tục sống đời xuất gia trong sạch như vỏ ốc được. Bất cứ lúc nào và ở đâu, con cũng nhớ đến hình bóng diễm lệ của tân nương. Con còn nhớ rõ, lúc con theo Thế Tôn ra khỏi kinh thành, nàng hối hả chạy theo, tóc mới chải được một nửa, lệ tuôn đầy má, kêu thất thanh :

- Hỡi Hoàng tử yêu quý ! Mau về với em, không có chàng thì em sẽ chết mất... con lo ngại cho nàng quá.

Để khuyến khích người em trẻ tuổi, đức Đạo sư bèn dùng thần thông, khiến Nan Đà được trông

thấy hình bóng của một số tiên nữ trên cung trời Đâu Suất. Sau đó Ngài hỏi sư :

- Này Nan Đà ! Những tiên nữ này có đẹp bằng Tân Nương hay không ?

Tôn giả bối rối :

- Bạch Thế Tôn ! Tân nương Ka Ly A Ni của con tuy là hoa hậu của thành Ca Tỳ La nhưng so với tiên nữ trên, nàng vẫn kém xa.

- Vậy thì, này Nan Đà, nếu em cố gắng tu hành, không đòi hoàn tục nữa... thì khi nào đắc đạo, Như Lai sẽ đền bù cho em 500 tiên nữ xinh đẹp như thế. Còn Tân Nương em chớ bận tâm về nàng ta nữa. Phụ hoàng và đình thần sẽ sắp xếp cho Ka Ly A Ni tìm chỗ trao thân gởi phận xứng đáng cả rồi.

- Bạch Thế Tôn ! Con rất an tâm khi được chuẩn hứa như thế. Con sẽ ở lại tinh cần tu tập để được 500 tiên nữ... không đòi về Hoàng cung nữa.

Và Tôn giả Nan Đà ở lại, tinh cần tu tập, không bao lâu Ngài đắc A La Hán quả. Khi về gặp đức Đạo sư để báo tin thành quả tốt đẹp của mình, Tôn giả cung kính thưa :

- Bạch Thế Tôn ! Xin ngài hủy bỏ lời hứa đền bù cho con 500 tiên nữ cõi trời.

- Lành thay Nan Đà ! Như Lai rất hoan hỷ khi được hủy bỏ một lời hứa như vậy.

Trưởng lão kệ còn ghi lại bài thơ của Tôn giả đã làm sau khi đắc đạo như sau :

*"Có một thuở nào - Vừa dễ nuôi vừa nông cạn
Tâm trí của ta - Chỉ chăm chú vào lòng can
đảm được biểu hiện bên ngoài.*

*Ta thật nhẹ dạ và nông nổi
Tất cả những tháng ngày đều bị tiêu phí trong
nhục dục phóng dăng và si tình".*

Nhưng :

Nhờ lòng từ bi quảng đại của Đức Thế Tôn

Ta đã được dẫn dắt

Từ Hoàng cung đến đời sống cao này.

Nhờ thế :

*Ta được thoát ra khỏi vòng sinh tử triền miên
và chứng đạt Niết Bàn".*

*"Đường về cõi Phật rộng bao la
Con nguyện cầu xin Đức Phật Đà
Chỉ nẻo cho con tìm ánh Đạo
Tránh niềm tục lụy lấm phong ba".*

Chuyện nàng Xơ Ri Ma Ti

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm, Ngài ngự cùng chư Tỷ kheo gần thành Vương Xá trong vườn tre.

Lúc ấy, trong thành Vương Xá, vua Tần Bà Ta La đương trị vì. Đất nước của vua sung túc, phú cường, dân chúng an cư lạc nghiệp, không tranh chấp, không làm hại lẫn nhau, chẳng hay bệnh hoạn đau đớn. Cây trái thanh mậu, thú vật sanh sôi nẩy nở. Vua là bậc minh chúa, ưa đạo đức, mến phong hóa và lấy đức công bình trị dân. Hay Phật ngự đến, vua và quần thuộc quy y thọ giáo, và nhờ đó thấu đạt chân lý.

Nhằm tiết xuân sang, trăm hoa đua nở. Trong rừng, các loài chim thi nhau ca hát vui mừng. Vua và Hoàng hậu, có cung phi mỹ nữ theo hầu, xuất hành ngự đến vườn hoa trong Rừng Tre. Cung phi tâu :

- "Tâu bệ hạ, ban ngày chúng tôi không thể đến hầu Phật. Vậy xin bệ hạ cho lập trong cung một

ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Đức Thế Tôn. Chúng tôi sẽ được vọng bái thường thường và cúng dường Phật các thứ bông hoa, hương thơm, tàn lọng, cờ phướn.

Vua Tần Bà Ta La bèn đến bạch Phật : " Cúi xin Ngài ban cho chúng con tóc thừa và móng tay dư để thờ. Chúng con định xây một ngọn Tháp trong cung để phụng thờ Thế Tôn. Đức Phật ban tóc và móng tay cho vua. Rồi đó, vua Tần Bà Ta La và các bà phi rất cung kính, cho xây một ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Phật, ở ngay giữa Hoàng cung. Từ đó, các bà phi thường vào Tháp dùng đèn, hương hoa, cúng dường Đức Phật.

Kịp đến khi Thái tử A Xà Thế, vì nghe theo lời xúi bẩy của Đề Bà Đạt Đa mà giết cha là Tần Bà Ta La và soán ngôi, thì sự thờ cúng trong Tháp bị cấm ngặt. Tần vương ra chỉ thị : "Không ai được cúng gì trong Tháp thờ Thế Tôn". Từ đó trở đi, đến ngày Rằm, không một ai quét dọn trong Tháp cũng chẳng ai đốt đèn, thắp hương và dâng hoa. Trước cảnh điêu hiu lạnh lẽo ấy, những người trong cung, chạnh nhớ đến Tiên vương Tần Bà Ta La, đồng khóc kể rất đau thương : "Bạc phước thay cho chúng ta ! Vì đức vua Pháp (chỉ Tần Bà Ta La) mất đi cho nên chúng ta mới chẳng tạo được công đức". Tuy vậy, trong đám cung phi có một cô tên

Xơ Ri Ma Ti không kể mạng mình, một lòng niệm nhớ đức Phật, can đảm vào Tháp và dọn quét.

Lúc ấy A Xà Thế, đứng trên nóc đèn bằng thẳng, trông thấy ánh sáng rực rỡ, phán hỏi : "Gì lạ thế". Một bà phi đáp : "Ánh sáng ấy do cô Xơ Ri Ma Ti thắp đèn trong Tháp thờ tóc và móng tay Phật ánh ra". Vua cho đòi thể nữ đến : - Sao người dám cãi lệnh ta ? Thể nữ đáp : Tôi đành cam cãi lệnh ngài, nhưng tôi làm theo lệnh vua Pháp, đức Tần Bà Ta La. Vua giận dữ, liền ném vào đầu thể nữ một cái đĩa sắt. Thể nữ chết ngay. Trong khi thác, lòng đang hoan lạc tưởng niệm Đức Thế Tôn nên thể nữ được sanh lên cõi tiên, miền Đào Lợi.

Tiên nữ thấy rằng sở dĩ được phước là nhờ cúng dường Đức Phật. Nàng bèn định đến hầu Phật. Trang điểm thanh tịnh, đeo đồ trân bảo, ướp chiên đàn và trầm thủy, mặc đồ đẹp trên cánh thượng tiên, lại bọc thêm hoa Mạn Đà La, nàng hiện thân đến châu Phật. Hào quang Tiên nữ chói khắp cảnh vườn, chỗ Đức Thế Tôn ngồi. Nàng rải hoa mừng Phật và làm lễ ngồi trước Phật nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn giảng cho nghe vừa với sức hiểu biết của nàng. Tiên nữ rất vui mừng, hân hạnh được thêm phước đức, như người buôn bán được lợi. Nàng lay chào Phật và lui về Tiên cảnh.

Đêm ấy, chư Tỳ kheo thức tham thiền, bỗng thấy hào quang chói cả rừng tre. Sáng lại các ngài hỏi Phật. Đức Thế Tôn giải rằng : "Hào quang ấy của một Tiên nữ, nguyên là cung phi trong đền vua Tần Bà Ta La. Chẳng tiếc thân mạng, nàng đã vi phạm lời ngăn cấm của vua A Xà Thế, vào Tháp thấp đèn cúng dường Như Lai, vì lòng niệm nhớ công đức Phật. Vua A Xà Thế nổi giận giết nàng. Trong khi thác, nàng không quên niệm tưởng Phật nên được sanh làm Tiên tịnh lạc nơi miền Đạo Lợi.

Hồi hôm này, Tiên nữ đến hầu ta, được nghe ta thuyết pháp và thấu hiểu chân lý. Xong, nàng mới trở về Tiên cảnh.

- "Này chư Tỳ kheo, vậy các người phải biết điều này : Nên tôn trọng, tán thán, cúng dường Phật, sống đời mà thờ Phật".

Phật thuyết xong, chư Tỳ kheo lấy làm vui mừng, hoan lạc.

TRÍ GIẢI

"Máu ai đổ xuống đất này

Để cho đạo pháp đêm ngày nở hoa"

Vua Quang Minh

Về đời quá khứ lâu xa đã trải qua vô số a tăng kỳ kiếp, bấy giờ ở cõi Diêm Phù Đề này, có một ông vua tên là Đại Quang Minh, vua là người rất phước đức thông minh trí tuệ, có đủ vương tướng. Lúc ấy ở biên cảnh, có một vị quốc vương là người đối với vua Quang Minh rất mực thân hậu, nên mỗi khi ở trong nước đó có thứ gì thiếu thốn vua Quang Minh cũng cho người đem qua tặng, để đáp lại, vua nước biên cảnh kia, hễ trong nước có thứ gì quý, cũng lại đem sang biếu cho vua Quang Minh.

Một hôm vua nước biên cảnh kia, đi săn được một con voi con rất đẹp, sắc trắng như pha lê, trong lòng rất vui mừng, và tự nghĩ : "Ta sẽ đem biếu cho vua Quang Minh". Nghĩ như thế rồi, vua lấy các thứ châu báu như vàng bạc trân bảo, trang sức cho voi, xong rồi, sai người đem đến tặng vua Quang Minh.

Vua Quang Minh xem thấy, lòng rất vui mừng, liền bảo Quân tượng tên là Tán Xà : "Nay ta giao

cho nhà người trông nom dạy bảo con voi này, khiến cho nó được điều thuận".

Tân Xà phụng giáo. Không bao lâu voi đã được điều thuận. Tân Xà đến tâu vua : "Nay tôi dạy voi đã được điều thuận rồi, xin vua ra xem thử". Vua nghe nói thế, tâm rất vui mừng, hạ lệnh đánh trống, hội họp các quần thần, để vua xem thử voi.

Khi đại chúng đã tụ họp đông đủ rồi, vua liền bước lên cỡi voi, trông oai nghiêm rực rỡ như mặt trời mới mọc. Vua cùng với thần dân, đồng ra ngoài thành du ngoạn, toan đến thí trường, nhưng lúc ấy, vì voi khí lực cường tráng, vừa trông thấy đằng xa một đàn voi đang ăn ngó sen dưới ao, dục tâm phát động, tức thì chạy lồng lộn đuổi theo những con voi cái trong bầy. Đoàn voi chạy vào rừng sâu, voi bạch đuổi theo làm cho áo mũ của vua bị rách nát, rơi mỗi nơi mỗi mảnh, còn vua thì đầu tóc mặt mày đều bị những cành cây đâm cà xầy xước chảy máu. Vua đâm lo hỏi Quân tượng : "Ta này liệu có cách gì sống thoát được không ?" Quân tượng đáp : "Nếu vua thấy có cành cây nào có thể bám được, vua hãy bám lấy, rồi leo xuống đất, thì mới có thể sống được". Vua liền bám được cành cây, rồi leo xuống đất ngồi, tự thấy áo mũ mất hết, thân thể bị thương tích, đau đớn nhức nhối, thêm

ở giữa chốn rừng sâu, không còn biết phương hướng để tìm lối ra nữa.

Nhưng sau đó, Quân tượng cũng bám được cành cây, và thoát khỏi tai nạn, trở lại tìm vua. Khi thấy vua ngồi một mình sâu nảo thê thảm, Quân tượng khấu đầu tâu vua : "Xin đại vương chớ nên buồn rầu, con voi ấy khi dục tâm đã hết, lại chán những thứ cỏ hôi nước đục, nó sẽ nhớ lại những thức ăn uống ngon ngọt trong sạch ở nơi vương cung, tự nhiên nó sẽ trở về.

Vua bảo quân tượng : "Ta nay không muốn nghĩ đến người và con voi ấy nữa, vì con voi ấy mà tính mạng ta gần nguy hại".

Khi ấy các quần thần đều lo sợ cho vua, bèn cùng nhau tiến vào rừng, theo dõi dấu vết tìm vua, hoặc có người nhặt được áo mũ của vua, hoặc thấy những giọt máu rơi, lần hồi mới gặp thấy vua, rồi họ đem một con voi khác để vua cỡi trở về cung. Khi về tới nơi, nhân dân trong thành, thấy vua mắc phải tai nạn đau đớn như thế ai cũng buồn rầu !

Bấy giờ con cuồng tượng ấy ở ngoài đồng, ăn những thứ cỏ hôi, uống nước dơ bẩn, thì dục tâm tự tắt, nó bỗng nhớ đến những thức ăn uống ngon ngọt ở trong vương cung, rồi nó đi như bay trở về

chỗ cũ. Quán tượng thấy voi trở về, đến tâu vua :
"Tâu Đại Vương, con voi mất khi trước, nay nó đã trở về, xin vua ra xem". Vua nói : "Ta không dùng người và con voi ấy nữa". Tản Xà tâu vua : "Vua không dùng tôi và voi ấy, nhưng xin vua hãy xem qua phương pháp tôi điều phục voi thôi". Vua bằng lòng, và cho người bày tòa ngồi ở đó, chứng kiến phương pháp điều phục voi của Quán tượng.

Tin ấy được truyền đi, tất cả nhân dân trong nước nghe tin Quán tượng muốn cho vua thấy phương pháp điều phục voi đều nô nức kéo đến thí trường đông đúc như ngày hội lớn. Lúc ấy, vua cùng đại chúng theo hầu ra ngoài thành, và tiến đến tòa ngồi. Quán tượng Tản Xà đem con voi đến hội trường khiến thợ làm bảy viên sắt, nung đỏ, tự nghĩ nếu con voi ấy nuốt những viên sắt này, quyết định sẽ chết, Quán tượng mong vua đổi ý nên mới tâu vua : "Con bảo tượng này, chỉ vua Chuyển Luân Vương mới có mà thôi, nay nó mới có một lỗi nhỏ, không nên làm cho nó chết thì thật quá uổng ! Vua bảo Tản Xà : Voi nếu chưa được điều phục, chẳng nên để ta coi, và nếu nói đã điều phục tại sao lại xảy ra sự tình như thế ? Nay ta không dùng người và cũng không dùng con voi ấy nữa !". Quán tượng tâu vua : "Vua không dùng tôi, tôi cũng đành cam chịu, chứ con voi này mà vua

không dùng thì thật là đáng tiếc lắm. Lúc ấy, đại hội ai nghe thấy thế cũng đều chảy nước mắt, chăm chú nhìn con voi sẽ bị hành tội kia mà trong lòng chứa chan niềm thương xót ! Quan tượng ra hiệu bảo voi phải nuốt hết những viên sắt nung đỏ này, nếu không ta sẽ dùng búa bổ vào đầu người cho đến chết. Voi đoán biết được ý của quan tượng, nó tự nghĩ : "Ta thử nuốt viên sắt này mà chết, còn hơn để chết bằng những lưỡi búa, khổ đau khó nhẫn; như người tự thắt cổ mà chết chứ chẳng muốn để cho người khác thiêu đốt mà chết !". Voi liền quì hướng về chỗ vua, nước mắt chảy ròng ròng, tỏ mong vua thương hại tha thứ, nhưng vua lại càng thêm phần nộ, ngoảnh mặt trông đi nơi khác, không một chút đoái hoài. Tàn Xà bảo voi : "Cớ sao người lại không chịu nuốt những viên sắt này ?". Lúc ấy con voi nhìn quanh cả bốn phía, và biết rằng không ai có thể cứu sống nó được, rồi nó tự lấy những viên sắt ấy bỏ vào trong miệng mà nuốt, ruột gan bị cháy sém mà chết, chẳng khác lấy chày bằng kim cương, đập vào quả núi pha lê, cho đến khi những viên sắt ấy rơi ra đất cũng vẫn còn đỏ rực. Bấy giờ trong hội thấy thế, ai cũng thương đến chảy nước mắt. Vua trông thấy, rất kinh ngạc, triệu Tàn Xà đến hỏi rằng : "Người điều phục được voi như thế, tại sao khi ở trong rừng lại không chế ngự được nó ?". Bấy giờ người

ở cõi trời Tịnh Cư, biết vua Quang Minh, hợp lúc có thể phát tâm Bồ Đề, liền dùng thần lực, khiến Quân tướng quý tâu với vua rằng :

- "TÔI NAY CHỈ CÓ THỂ ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN VOI, CHƯỞNG KHÔNG THỂ ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC TÂM VOI".

Vua hỏi :

- "VẬY CÓ AI ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN CẢ TÂM KHÔNG ?

Tâu Đại Vương :

- "CHỈ CÓ PHẬT THỂ TÔN, KHÔNG NHỮNG ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN, MÀ NGÀI CÒN ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC CẢ TÂM NỮA".

Vua Quang Minh vừa nghe đến danh hiệu Phật, trong lòng xiết nổi kinh ngạc, chân lòng dựng đứng, bảo với Tàn Xà rằng : "Người vừa nói đến Phật, vậy người có biết Phật thuộc về giòng giống họ nào mà sanh ra không ? Tàn Xà tâu vua : "Phật Thế Tôn từ hai dòng họ mà sanh ra : Một là giòng giống TRÍ TUỆ, hai là giòng giống TỬ BI. Ngài siêng năng làm sáu việc, gọi là lục Ba La Mật, công đức trí huệ đầy đủ nên gọi là Phật, đã tự hay điều phục được mình, lại hay điều phục hết thầy chúng sanh".

Vua nghe Tần Đà nói như thế, trong lòng hớn hở vui mừng, liền trở về cung, tắm gội sạch sẽ, vận y phục mới, lên trên lầu cao hướng lễ cả bốn phương, sanh đại bi tâm thương xót tất cả chúng sanh và đốt hương thệ nguyện : "Nguyện tới ngày nay làm được chút phước đức gì, tôi đều hướng về Phật Đạo cho tới khi nào tôi thành Phật, tự điều phục được tâm mình, cũng sẽ điều phục cho hết thấy chúng sanh, nếu còn có một chúng sanh nào mà bị dọa dầy ở nơi địa ngục chịu khổ, tôi sẽ nguyện vào ở trong đó để cứu vớt, và làm những việc lợi ích cho chúng sanh, thoát khỏi mọi điều khổ não, và tôi thệ nguyện trọn đời không bỏ tâm Bồ Đề.

Khi vua phát lời đại nguyện lớn lao như thế, quả đất đều rung động, nước ở các đại hải đều dâng trào, trên hư không tự nhiên có vô lượng chư Thiên thổi các thiên nhạc, ca ngợi Bồ Tát, mà vương lớn lên rằng : "Như việc làm của Ngài, không bao lâu sẽ thành Phật, khi nào Ngài thành Phật nguyện sẽ độ cho chúng tôi. Khi ấy cũng sẽ có phần được dự vào pháp hội của Ngài.

Phật bảo các vị Tỳ kheo : "Con bạch tượng lúc bấy giờ nay là ông Nan Đà, Quán Tượng nay là ông Xá Lợi Phất, còn vua Quang Minh nay là thân ta

ngày nay vậy. Ta thấy việc điều phục voi mà phát
Đạo Tâm, cần cầu Phật Đạo.

Bấy giờ đại hội, nghe Phật khổ hạnh như thế,
có người chứng được bốn đạo quả, có người phát
Đại Đạo Tâm, có người xuất gia tu hạnh, và ai cũng
hoan hỷ tin kính thực hành theo lời Phật chỉ dạy.

CHÍNH TIẾN

"Làm chủ được thân, tức là làm chủ được ngôn ngữ.
Làm chủ được cái ý, tức là làm chủ được cái tâm. Kẻ
học đạo nào tự chủ được thân tâm, sẽ thoát khỏi mọi
nỗi khổ não".

Con nhèn nhện

Ngày xưa, có một vị sư tọa thiền rất chuyên cần tinh tấn. Trải qua nhiều năm tu tập, một ngày nọ trong lúc tọa thiền, sư thấy một con nhện to bự giăng tơ trước mặt ông. Càng lúc nó càng lớn và xích tới gần ông một chút, cho đến khi nó án ngữ cả vòm trời tâm thức. Tám cái chân của nó giăng ra đe dọa, như sẵn sàng vồ lấy nhà sư mà nuốt chửng. Bốn mắt nhìn nhau quái đản, kinh hoàng. Sư nhiếp tâm chánh niệm, nhưng hình ảnh con nhèn nhện càng rõ hơn. Mở mắt đã thấy rõ mà nhắm lại rõ hơn bội phần. Sư toát mồ hôi hột, định thần quán không quán giả. Nhưng quán không mà con nhèn nhện vẫn có sờ sờ ra đó, quán giả thì đã đành là giả nhưng mà... run vẫn cứ run. Sư bèn đổi pháp môn, quay ra niệm Phật, bắt ấn giữ quyết, trì niệm thần chú cầu chư Phật Bồ Tát, Thiên Long bát bộ đến cứu mình ra khỏi con nhèn nhện ác ôn này. Nhưng, mặc dù sư đã bắt ấn đủ kiểu, mật niệm đủ thứ thần chú nổi tiếng trừ tà

rất linh nghiệm, mà con nhèn nhện vẫn cứ ý ra đây, càng lúc càng gần nhà sư hơn, càng đe dọa hơn. Sư đành phải chịu thua, xả thiền đứng dậy. Hình ảnh ghê rợn của con nhèn nhện trong thời thiền định vẫn ám ảnh sư. Sư trở nên thần thờ suy nhược như người mất hồn. Quá đau khổ, nhà sư đi đến vị thầy trình bày tự sự. Vị thầy hỏi sư :

- Bây giờ ông tính thế nào ?

- Bạch Thầy, con đã làm đủ mọi cách, nhưng con nhèn nhện vẫn trơ trơ ra đó. Con nghĩ rằng, phải giết quách nó đi mới tu hành được, con định bụng, sẽ để sẵn một con dao bén. Chờ nó tới thì con đâm cho nó một dao rồi đời.

- Ông tính vậy cũng được, nhưng trước khi đâm con nhèn nhện, ông hãy gạch dấu chữ thập bằng phấn trắng ở ngay cái chỗ mà ông định thọc con dao. Vào thời tọa thiền kế tiếp ông sẽ đâm nó cũng không muộn.

Vị sư nghe lời, cáo từ thầy trở về tọa thiền. Lần này ông thủ sẵn một viên phấn trắng, chờ con nhèn nhện xuất hiện, ông cầm phấn lên gạch ngay một dấu chữ thập vào bụng nó. Sau khi xuất định, ông trở lại yết kiến vị thầy, bày tỏ ý chí cương quyết giết con nhèn nhện vào giờ tọa thiền kế tiếp. Vị thầy bảo :

- Được nhưng ông hãy vén áo cho tôi xem thử. Vì đệ tử ngạc nhiên nhưng đành phải vâng lời thầy. Ông mở áo ra cho thầy xem, và lạ thay trên bụng mình, ông bỗng thấy một dấu chữ thập bằng phấn trắng... do chính ông đã gạch, ông nhân đó hoát nhiên đốn ngộ.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Thông thường chúng ngại mà ta nghĩ là ở ngoài tới kỳ thật nó ở ngay trong ta. Khi tách biệt nó và ta xem nó như thù nghịch, muốn hủy diệt nó, thì coi chừng ta hủy diệt ngay chính mình".

La Văn Châu

Thuở Phật còn tại thế, có một thầy Tỳ kheo số phận hẩm hiu, từ lúc mới sanh cho tới khi tu hành chứng quả, chưa khi nào thầy được một bữa no lòng. Vì thiếu sinh tố dinh dưỡng, nên người thầy trông ốm o, lều khều, nước da mét mét, trong lòng lúc nào cũng đói meo, thật thiếu náo.

Tuy trong lòng trống trơn như vậy, nhưng thầy vẫn siêng năng tu hành. Mỗi sáng thầy dậy thật sớm, cần mẫn trong công việc của chúng tăng, rồi sau đó thầy đắp y, mang bát vào thành khất thực. Thầy lần lượt đến nhà này đến nhà kia, hết xóm này đến xóm khác, nhưng chẳng ai cúng cho thầy một tí đồ ăn nào cả. Đến đâu họ cũng đóng cửa, hoặc lẩn tránh nơi khác, cho đến khi hết buổi, thầy buồn bã ôm bát trở về. Có khi năm bảy hôm mới được một bữa tàm tạm để cầm hơi. Dù vậy, thầy không bao giờ nản lòng, thối chí, thầy biết do nghiệp lực nhiều đời của thầy đã tạo, nên thầy càng cố gắng nhẫn nại tinh tiến tu hành hơn. Đối với

bốn sư của thầy - Ngài Xá Lợi Phất, thầy hết lòng hầu hạ, đối với các vị Trưởng lão kỳ túc, thầy luôn luôn tôn kính, đối với bậc ngang hàng hoặc nhỏ hơn, thầy luôn luôn từ hòa nhu thuận. Ai cũng mến thầy, nhưng vì nghiệp lực chẳng ai giúp gì được cho thầy.

Một hôm thấy Thầy mệt là vì cơn đói hoành hành. Ngài Xá Lợi Phất sau khi khát thực về dành phần cho thầy, nhưng thương thay, cơm vừa để vào bát liền hóa thành đất bùn. Ngài Mục Kiền Liên thấy thế liền vận thần thông cho cơm vào bát, nhưng oan nghiệt lạ, từ trên không một con chim to tướng bay xót xuống gắp phần cơm đi mất, thần thông của Ngài Mục Kiền Liên cũng không làm sao thắng được nghiệp lực, đành đứng mà nhìn. Đến phiên Ngài Ca Diếp, thương lòng, đem cơm đến và tự mình bốc cơm đưa vào miệng cho thầy, nhưng cơm vừa đến miệng, thì miệng thầy tự nhiên ngậm lại chẳng chịu há ra, nên không ăn được.

Từ nơi Tịnh Xá, Đức Thế Tôn biết được tình trạng của thầy La Văn Châu như vậy, Ngài đi đến và dùng bi lực trao đồ ăn cho thầy, nhờ bi lực của Thế Tôn, đồ ăn ấy trở thành vị cam lồ, thầy vừa đưa vào miệng đã thấy một niềm hoan lạc vô biên. Sau khi dùng cơm xong, Đức Thế Tôn nói pháp

cho thầy nghe, quá cảm xúc tấm lòng đại bi của Phật, thầy thọ nhận pháp vi diệu ấy với cả thân tâm, hoát nhiên chứng quả A La Hán.

Các thầy Tỳ kheo chứng kiến cảnh ấy rất lấy làm cảm kích, bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, La Vân Châu tu hành như vậy, nhưng vì sao mà không khi nào thầy được no lòng cho đến khi chứng quả ?

- Nay các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên La Vân Châu phải chịu đói khát, mà từ vô lượng kiếp, La Vân Châu đã phải chịu rồi. Khi thì làm ngọc quý, khi thì súc sanh, khi thì người, trải qua 500 kiếp không khi nào no lòng, nhưng đến hôm nay, nhờ thầy tinh tấn tu hành, chứng quả A La Hán thầy mới hết nghiệp.

Này các Tỳ kheo, quả báo như thế cũng chỉ vì từ vô lượng kiếp La Vân Châu đã lấy trộm đồ ăn của một vị Bích Chi Phật, do quả báo ấy mà phải chịu đói khổ nhiều đời.

GIỚI DỨC

"Nỗi khổ bị thiếu trong ba đường dữ, nỗi khổ con lạc đà, con lừa chở nặng, nỗi khổ bị đói khát áp bức chưa gọi là khổ. Si mê không học, không biết hướng đi mới gọi là khổ".

Phật ấn với Đông Pha

Tô Đông Pha, quan Hàn Lâm học sĩ triều Tống, nổi tiếng là người học rộng nghe nhiều, tài hoa lỗi lạc. Ý tứ chất thông minh, ông xem mọi người dưới tầm con mắt, thường làm những bài văn với tính cách trào lộng để mai mỉa tình đời. Đối với đạo Phật, ông lại còn tỏ ra thái độ khinh rẻ, không tin, thẳng lời bài bác.

Một độ, nhân di phó nhậm ở Chiết Giang, nghe danh sư Phật Ấn ở đình Vân Cư là bậc học thông ba tạng, Tô Đông Pha liền nảy ra ý định đến viếng cửa thiền, mục đích để trêu chọc lão Hòa Thượng này chơi. Đến đây tôi xin tạm dừng câu chuyện thăm viếng ấy lại, để lược thuật cho quý vị biết tướng mạo và hành vi của vị tăng ở núi Vân Cư ra thế nào ?

Phật Ấn thiền sư, vóc người cao lớn, mập mạp. Trên mặt ngài luôn luôn nở nụ cười, mỗi khi tiếp chuyện với khách. Về ngôn ngữ, Sư nói rất trôi

chảy tài tình, khiến cho người đối thoại phải lặng
thình khâm phục. Sư có nhiều hành động khác
thường, đến như rượu thịt là giới cấm trong nhà
Phật, sư cũng không từ. Nhưng với bao nhiêu cử
chỉ ấy, tất cả Tăng đồ và tín đồ thời bấy giờ không
ai dám bài bác, và nhận thấy ở nơi sư có một cái
gì siêu phàm hay làm cho người đời tỉnh ngộ, mà
kẻ dung thường không thể bắt chước. Cho nên,
hành vi khác lạ của sư được nhiều người ghi chép
bằng nhiều bài thi, trong ấy có những câu : "Viễn
Công cô tửu yêu Đào Linh, Phật Ấn thiếu trư đãi
Tô Chiêm" (Ngài Huệ Viễn mua rượu mời Đào
Uyên, mình sư Phật Ấn nướng thịt đãi Tô Tô
Chiêm. Đây là hành vi của bậc đại triết, đại ngộ,
tùy cơ giáo hóa. Những vị tăng sĩ nào chưa được
như thế, không nên khen ngợi bằng lối bắt chước,
cũng đừng vội chê bai.

Xin tiếp tục câu chuyện trước. Khi Tô Đông
Pha đến non Vân, sư Phật Ấn còn đang ngồi tịnh
trong phương trượng, nghe thị giả thưa : "Có quan
Hàn Lâm học sĩ đến" Sư vui vẻ chào hỏi và mời
khách ngồi. Sau khi đáp lễ xong, Tô Đông Pha liền
mở lời vấn nạn :

- Bạch Hòa Thượng ! Xin cho tôi hỏi một câu :

- Vâng, tôi cũng xin tùy chỗ hiểu biết để hầu
chuyện cùng ngài.

- Bạch, tôi muốn mượn thân tứ đại của Hòa Thượng làm tòa ngồi, có được chăng ?

Một nụ cười nở trên môi, Phật Ấn thiền sư đáp :

- Nếu bàn đạo trả lời không suông, xin theo tôn ý, bằng trái lại, ngài sẽ tính thế nào ?

- Tôi xin đem chiếc đai ngọc, một vật quý của vua ban cho, để đáp tạ Hòa Thượng.

- Bàn đạo tứ đại vốn không, ngũ uẩn chẳng có, vậy ngài lấy chi làm tòa ngồi.

Tô Đông Pha sững sốt hồi lâu, không trả lời được, đành phải mở đai ngọc giao cho Phật Ấn thiền sư. Sư thu nhận, rồi bảo thị giả vào trong đem chiếc áo bá nạp ra tặng cho quan Hàn Lâm học sĩ. Tô Đông Pha gắng gượng tiếp lấy và làm bài kệ trình lên rằng :

Căn tối đành ngơ trước mấy thần

Nặng vì thân bệnh vương đai cân !

Muốn khuyên khát thực nhà ca kỹ ?

Nên mới nhường cho áo núi vân.

Đoạn, hai người cùng nhau tiếp chuyện rất thân mật.

Từ khi được gặp Phật Ấn thiền sư và sau mấy

phen ngài chiết phục, Tô Đông Pha trở nên bạn thân của vị Tăng phi thường ấy. Trong thời gian đó, ông lại được quen với một vị sư khác : ngài Hoành Sơn Cốc. Khi rảnh việc Tô Đông Pha thường mời hai bạn đến nhà thết tiệc khoản đãi, hoặc cùng đi dạo ở những nơi thắng cảnh. Nhưng, trong ba người, chỉ có sư Phật Ấn là mạnh ăn nhất. Vì thế, Tô Đông Pha, Hoành Sơn Cốc thường bị cụt hứng và thường chịu lép trong những cuộc vui.

Một hôm, Đông Pha bảo người nhà sửa sang con thuyền và sắm sẵn gỏi ngon rượu tốt, rồi mời riêng Sơn Cốc thiền sư cùng mình mở cuộc lãng du trên dòng nước. Không dè ngài Phật Ấn hay được việc ấy, lên đến mé sông trước, và đỡ ván ngồi lẳng lặng dưới khoang thuyền. Sơn Cốc, Đông Pha đến sau thờ ơ không hay biết chi cả, bảo trạo phu gay chèo để phát khởi cuộc du trình.

Lúc ấy nhằm ngày rằm. Hoàng hôn đã trở về từ lâu nên mặt sông thu yên tĩnh. Vào khoảng đầu hôm, chị Hằng lộ dáng đứng trên dãy non Đông, như bâng hoâng giữa vầng Ngưu Đâu. Hàng cây bên bờ sông in bóng dài trên bãi cát. Một ngọn gió mát từ đâu thoảng lại, thổi phất phơ tà áo vị thiền sư trí tuệ và trang học sĩ tài hoa. Thuyền từ từ tách khỏi bến ra giữa lòng sông, thả xuôi theo

dòng nước. Đi không lâu, chiếc du thuyền rẽ vào một mặt hồ to rộng, bao la. Bấy giờ, những thức ăn uống được sắp bày trên thuyền, dưới gương ngà tỏa sáng. Trước khi nhập tiệc, Đông Pha bảo Sơn Cốc : "Chúng ta mỗi người hãy làm bốn câu thi tức cảnh, hai câu sau lấy trong sách Tứ thơ và kết cuộc bằng chữ "tai". Nếu ai làm không được phải bị phạt ba chén rượu. Và, bước đầu tôi xin nhường cho Ngài. Lộ về tươi cười, thiền sư đáp : "Thế thì còn chi thú vị bằng ! Tôi xin lĩnh ý".

Bấy giờ con thuyền đang từ từ rẽ nước. Cánh bèo theo gợn sóng tan ra, lộ dáng mấy con cá lội thấp thoáng. Sơn Cốc trông thấy liền ngâm :

Phù bình bác khai

Du ngư xuất lai

Đắc kỳ sở tai !

Đắc kỳ sở tai !

(Bèo nổi tan ra, Dáng cá lội qua

Phải cảnh nó a ! Phải cảnh nó a !).

Đông Pha vỗ tay khen : "Hay ! Hay lắm ! Thật là tuyệt !" Rồi, về mặt trầm ngâm ông nhìn khắp chung quanh để tìm câu gợi tứ. Chợt trông lên trời thấy áng mây trắng bay qua để lộ màu thô bạc, ông liền đọc :

Phù vân bác khai

Minh nguyệt xuất lai

Thiên hà ngôn tai ?

Thiên hà ngôn tai ?

(Mây nổi qua mau, Trăng tỏ lộ màu

Trời nào nói đâu, Trời nào nói đâu ?)

Sơn Cốc cũng vỗ tay khen : "Mấy câu vừa rồi ý nghĩa siêu thoát lắm ! Không biết ngài có nhận được mùi thiền trong ấy chẳng ? Đồng Pha không đáp, yên lặng từ từ cười. Đoạn, hai người cùng rót rượu để tán thưởng cho nhau và sắp sửa vào tiệc. Nhưng, Phật Ấn thiền sư đã dờ ván, từ dưới khoang thuyền chun lên, vừa đọc lớn :

Phù vân bác khai

Phật Ấn xuất lai

Nhơn yên siêu tai ?

Nhơn yên siêu tai ?

(Ván lót dờ cao, Phật Ấn ra mau

Người dẫu được nào ? Người dẫu được nào ?)

Đọc xong sư điềm nhiên ngồi chễm chệ trước tiệc, quơ dũa không mấy chốc, thức ăn đã hết sạch.

Sơn Cốc và Đông Pha dở khóc dở cười, nhìn nhau
ngơ ngẩn.

Những việc trở trêu tương tự như thế, thường
xảy đến với Tô Đông Pha, nhưng cũng do đấy, ông
càng nghĩ càng khâm phục sư Phật Ấn.

Khách đa tài phần nhiều hay đa tình, Đông Pha
có bảy người thiếp rất đẹp. Một hôm, trong cơn
đàm thoại, Phật Ấn thiền sư bảo ông rằng : "Tôi
nghe ngài có nhiều thê thiếp, mà tôi lúc này thiếu
người hầu hạ, không biết ngài có vui lòng cho tôi
mượn một nàng không ?" Đông Pha cười nói :
"Hòa thượng đã muốn, tôi đâu dám chẳng vâng
lời". Sau khi về đến nhà Đông Pha cho gọi thiếp
thứ bảy ra bảo : "Hôm nay, Phật Ấn thiền sư hỏi
tôi mượn một cô hầu. Vậy nàng hãy sửa soạn để đi
đến chùa cho sớm". Người thiếp tỏ vẻ không bằng
lòng, thưa : "Ông ấy đã tu hành, sao còn nói gở như
thế ?" Đông Pha bảo : "Người quân tử đã hứa, tất
phải nhớ lời. Nàng nên vì tôi chịu phiền đi đến
xem Hòa thượng xử sự ra sao ?".

Khi người thiếp đến chùa, Phật Ấn thiền sư ra
tiếp, đưa vào cho an nghỉ một phòng. Đoạn, sư bắt
bảy cái lò gần đấy, quạt lửa than cháy đỏ rồi suốt
đêm bước qua bước lại trên lò. Sáng ra, thiền sư
bảo xa phu gác xe đưa mỹ nhân trở về. Sau khi về
đến nhà, người thiếp thuật rõ lại hành vi của sư

Phật Ấn trong đêm vừa qua. Đông Pha nghe xong, trầm nghĩ : "Đây chắc là thiên sư ngụ ý bảo : ta có bảy ngàn hầu như bảy lò lửa, hành vi bước qua có phải tỏ rằng mình đã thoát khỏi vòng ái dục rồi chăng ?" Nghĩ đến đó, ông dường như tỉnh ngộ.

Về sau, do sự hóa độ của Phật Ấn thiên sư, Tô Đông Pha lần lần hồi tâm trở về với đạo Phật. Khi lớn tuổi, ông muốn thợ vẽ một bức tượng A Di Đà, đi đâu thường mang theo mình. Có ai hỏi, ông đáp : "Bức tượng này là công cứ của tôi đấy".

Giữa Phật Ấn và Đông Pha còn lắm đoạn kỳ quan. Theo lời truyền thuyết ở các sách tâu, Tô Đông Pha là thân sau của giới thiên sư, cũng là bạn đồng tu học của vị tăng núi Vân Cư từ kiếp trước. Trong tiền thân Phật Ấn thiên sư đã đắc đạo. Ngài tái sanh làm vị tăng với mục đích nhắc nhở người bạn tiền duyên trở lại con đường giác ngộ. Điều này, nên tin hay không ở đây không thành vấn đề bàn luận. Chúng ta chỉ nên biết rằng hành vi của Ngài Phật Ấn không những có ý nghĩa với Tô Đông Pha, mà với tất cả bao nhiêu người đồng tâm trạng, cảnh ngộ như ông.

TRÍ HIỀN

*

Một hôm, Tô Đông Pha sáng tác được một bài thi mà ông rất hài lòng, ông bèn cho đem tặng Phật Ấn thiền sư ở chùa Kim Sơn. Thay cho lời khen mà ông Tô Đông Pha mong ước, thiền sư lại phê hai chữ "Phóng thí".(*) Ước lòng, Tô Đông Pha bương bả vượt sông đến Kim Sơn bắt lỗi. Thiền sư lấy bút sửa câu chót, làm cho Tô Đông Pha dở khóc dở cười.

Nguyên văn bài thi của Tô Đông Pha như sau :

Khế thủ thiên trung thiên.

Hào quang chiếu đại thiên.

Bát phong xuy bất động.

Doan tọa tử Kim liên.

Làm để xưng tụng Đức Phật, bài thi ấy thật rất hay, nhưng thiền sư biết tác giả chỉ là người múa văn, chơi chữ, chứ không phải người thâm nhập Phật lý đến mức thực chứng cảnh giải thoát "Bát phong xuy bất động", nên Thiền sư phê hai chữ "phóng thí" để trêu. Quả như Thiền sư tiên liệu : Tô Đông Pha đã nổi nóng, vượt sông đến hỏi. Nhưng sau khi thấy Thiền sư sửa câu chót thành "phóng thí đã quá giang", Tô Đông Pha hổ thẹn vì

* Thí : có nghĩa là lỡ ườn nếu nói theo trong Nam, hay trung tiện nói theo Bắc Trung.

đã để cho một cái "Lỡ tròn đánh bay ngang sông".
Đông Pha bái phục ra về, không nói được một
lời...(*)

Pháp sư SIÊU TRẦN

Tám gió (bát phong) là chỉ những cái ưa ghét
của người đời, hễ một trong những cái ấy đến thì
lòng người bị xao xuyến, như gió thổi nước lay.
Tám gió ấy là : 1. Lợi, 2. Suy (tổn thất), 3. Hù
(chê), 4. Dự (khen), 5. Xung (phong tặc), 6. Cơ
(nói xấu), 7. Khổ (cay đắng), 8. Lạc (vui).

"Rồi đây nguyện được như lời.

Thuyền từ một chiếc thành thoi giữa dòng

Hỡi những ai còn trong bể khổ

Hãy nương thuyền tế độ mà qua

Bến mê vượt khỏi ái hà

Lên bờ giải thoát mới là an vui..."

* Bài thi của Tô Đông Pha có nghĩa : Cúi đầu làm lễ Thần của các vị Thần
mà ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, là đáng mà "tám gió"
thôi không lay và đang ngồi trên hoa sen vàng ư.

Thiếp nguyện hai điều

Túp lều xiêu vẹo ấy, cô lập bên triền đồi thấp, sau đồi là một dãy trường sơn.

Đây là gia đình của hai mẹ con thiếu phụ nghèo, sống với nghề trồng hoa. Nhưng tiếp liền mấy năm hoa bị mất mùa và hư luôn cả giống. Gia đình trở nên túng thiếu, đến nỗi người con gái của thiếu phụ nay đã 16, 17 tuổi mà áo xống không đủ che thân. Người mẹ hy sinh cho con, bà thường xuống núi làm thuê và dẫn con đứng ra đường.

Hôm ấy, vua nước A Kỳ La Nại đi săn, khi ngang qua đồi của Trinh Nữ (tên người con gái) bỗng một con chim ưng rất lớn, đậu ngay trên chồi tranh, tiếng kêu thanh thót, vua giương cung bắn, chim chết rớt ngay vào nhà nàng. Thấy quan quân vào tìm chim, Trinh Nữ hổ thẹn, núp kín trong cửa và cầm chim quăng ra. Trong đám quân hầu, có vị tướng sư khi vào lượm xác chim, thoạt nhìn cánh tay của bần nữ rất đẹp. Ông tấm tắc khen ngợi, biết không phải người thường.

Năm sau Hoàng hậu băng hà, vua sai sứ tìm người đức hạnh bốn phương. Song mãi chưa tìm được người như ý.

Vị tướng sư nhớ ngày đi sẵn vào nhà Trinh Nữ, mới đem việc ấy tâu vua. Vua y lời, sai sứ đến tận nhà nàng. Gặp lúc thiếu phụ đi vắng, Trinh Nữ thấy khách đến xôn xao, nàng lại cả thẹn vào núp trong nhà.

Sứ giả đứng ngoài cửa gọi ba, năm lần, nàng không trả lời, thoáng thấy có bóng nàng, mà gọi không lên tiếng, Tướng sĩ cả giận xẵng tiếng :

- Bần nữ có nhà không, ra đây !

Trinh Nữ ở trong nói vọng ra :

- Các ông là ai ? Dám đường đột vào nhà con gái, đi ra mau.

Sứ thần bảo :

- Quốc vương sai ta đến đòi nàng, nàng là người hèn hạ, sao dám đuổi sứ nhà vua ?

- Quốc Vương đòi tôi có việc gì ? Đòi để trị tội ư ? Tôi tuy nghèo hèn, nhưng không làm gì phạm đến phép nước cả, còn nếu đòi tôi để sung vào tam cung lục viện, thì các ông là bộ hạ của tôi, sao dám thất lễ ?

Không biết làm thế nào, sứ thần về tâu lại. Vị tướng sư tâu vua :

- Bần nữ không phải người thường, thật đáng ngôi mẫu nghi thiên hạ.

Vua sắc trăm quan sắm đủ lễ nghi, và 500 cung nữ đem xe giá đến đón nàng.

Trăm quan đem xe giá, heo dê v.v... đủ lễ, chuông khánh vang đường. Khi đến túp lều tranh, sứ giả xuống xe, vào làm theo lễ Quốc Mẫu.

Bần nữ theo mẹ ra tiếp sứ và nhã nhận :

- "Cảm phiền quan liêu, ngàn dặm đến đây đón tôi. Tôi tự thẹn mình nghèo hèn thô lậu. Sắc không đẹp bằng hoa Mạn đà, hoa Ưu đàm, tiếng không được thanh tao như đàn cầm, đàn sáo, đức độ không bằng Thánh nhân, trí thức tầm thường, nay phiền quan liêu đến đón, tôi thật cảm kích vô cùng". Sứ giả và quan Khâm mạng đem đồ sính lễ ra : vàng bạc, ngọc ngà, gấm, nhung, sô nhiều v.v... 500 thể nữ người dâng áo mào, kẻ mang chuỗi anh lạc và sửa soạn cho nàng xong. Ngắm lại quả là một bậc sắc nước hương trời, lạc loài nơi thôn dã. Phước diện và cử chỉ của nàng thật xứng bậc Mẫu Nghi.

Trình Nữ cùng mẹ lên kiệu hoa. Xe giá rầm rộ kéo đi như một đạo ngự.

Khi xe giá nàng vừa đến cung vua, thì tự nhiên cửa ngõ môn mở rộng, trong chánh điện có hào quang chiếu sáng, mọi người cho là điềm lành của nước.

Vua mặc triều phục, thân hành ra nghinh tiếp, khi thấy bần nữ sắc đẹp lộng lẫy khả ái, vua rất yêu mến và sanh tâm kính trọng. Năm ngàn phu nhơn ra lạy mừng, ai thấy Hoàng Hậu cũng đều sinh tâm kính trọng. Vua sách phong Hoàng hậu cho nàng ngay. Trinh Nữ vào cung bảy ngày bảy đêm, nàng không ngủ, chỉ vui chơi với các phu nhơn và cung nữ. Tâm nàng thanh tịnh không bận chút nhiễm ô, nên đối với đức vua nàng thường lánh mặt. Vua sai người đến thăm hỏi, và xin ra mắt. Nàng bảo các phu nhơn thưa lại :

- Bình sanh tôi có hai điều nguyện : một là được làm Hoàng hậu hai là được gặp Phật. Nay được một, còn một chưa được gặp Phật.

Vua bảo :

- Hoàng hậu cho ta gặp mặt, ta sẽ sai người đi mời Phật cho.

Hoàng hậu :

- Nếu tôi chưa gặp Phật thì tôi chưa thể gặp vua được.

Vua tức mình, thân hành xuống cung Hoàng hậu.

Hay tin vua xuống, Hoàng hậu vào phòng đóng kín cửa.

Vua nổi xung đứng ngoài phòng bảo :

- Người là kẻ hạ tiện, sao dám trái ý trăm.

Hoàng hậu :

- Vẫn biết thiếp là kẻ hạ tiện, nhưng đã về với Quốc Vương thì thiếp cũng là bậc Mẫu nghi. Nghiệt là thiếp đã nguyện được yết kiến Phật trước, mới gặp vua sau. Vậy xin bệ hạ tha tội cho.

Vua càng tức mình :

- Ta đủ oai thế, nếu kẻ nào trái ý ta, thì cứ như phép nước trị tội.

Hoàng hậu :

- Vua là bậc Chí Tôn cầm quyền trăm họ, song trị tội trăm họ cho đúng đạo. Còn nếu chỉ vì ai trái ý mình thì trị tội, ai vừa ý thì ban thưởng, cái ấy thiếp thấy kẻ phàm phu còn chưa làm thay, huống là thiên tử.

Vua giận lắm hét lên :

- Thuận ý ta thì còn, trái ý ta thì chết !

Hoàng hậu cũng không vừa :

- Thiếp cũng có nguyên của thiếp, nếu được như nguyên thì sống, bằng không như nguyên, thì chết cũng không sợ.

Nghe Hoàng hậu nói quả quyết vua người giận và bỏ nhỏ :

- Thế làm sao gặp Phật được ?

Hoàng hậu :

- Đức Phật hiện ở nước Xá Vệ, nếu thỉnh Phật thì qua thỉnh.

- Trẫm sợ bách quan cười trẫm.

- Sao lại cười ? Bệ hạ cứ thỉnh Phật về, Phật thăng tòa thuyết pháp, bách quan được thấy Phật, nghe pháp thì sanh hoan hỷ, đời đời còn được phước đức vô lượng.

- Thôi, Hoàng hậu an tâm, trẫm sẽ sai người sắm đủ phẩm vật để đi thỉnh Phật.

Sắm sửa xong, vua cho người tin với Hoàng hậu để sai người đi. Hoàng hậu bảo :

- Đức Phật là đấng chí tôn chí thượng, thỉnh Phật thì Đại Vương phải thân hành đi, chứ không ai thay được.

Vua tức lộn ruột :

- Nếu ta đi thỉnh thì ta đi, đây người muốn thỉnh thì người đi, chứ ta không đi.

Hoàng hậu :

- Đại vương tuy tôn quý, nhưng thiếp nay là vợ của Đại vương, nếu thiếp đi thỉnh Phật thì sao bằng Đại vương đi, nay Đại Vương cố chấp không chịu đi thỉnh Phật thì thiếp không phải là người của Đại vương.

- Ta với người chưa thành phu phụ, sao gọi là người của ta, ta nhất định không đi.

Biết ý vua đã cương quyết. Nàng làm thỉnh và từ đấy u sầu bỏ ăn bỏ ngủ.

Vua nghe tin, sợ nàng quyền sinh hoặc trốn đi, nên cho người canh phòng cẩn thận, bốn cửa đều có người coi dõ.

Bỗng một hôm, cung nhân hốt hoảng báo tin là Hoàng hậu biến đi đâu mất.

Vua hoảng sợ, cho người bừa tìm khắp nơi. Trong hoàng cung tiếng khóc như rì, náo động cả nước, vì câu chuyện Hoàng hậu mất tích.

Vua rất hối hận, buồn bã bảo các phu nhơn :

- Bởi vì trẫm không chịu nghe lời đi thỉnh

Phật, bây giờ biết sao cho thấy được Hoàng hậu. Thấy vua có vẻ hối hận, đệ nhị phu nhân tâu :

- Hoàng hậu thật không phải người thường. Nên đã biến hình ẩn tích đâu đây, nay sự việc đã như vậy, thì theo ý thiếp, Đại vương nên thân hành đi thỉnh Phật, may ra nhờ oai lực của Phật mà Đại Vương có thể gặp lại Hoàng hậu cũng nên.

Vua đành nghe lời và sắm sửa xe giá lễ vật rồi thân hành qua nước Xá Vệ.

Khi đến nơi, vua đánh lễ, bạch Phật :

- Đệ tử là quốc vương nước A Kỳ La Nại, tên A Ca Đạt Lưu xin đánh lễ yết kiến Đức Thế Tôn.

Đức Phật rất hoan hỷ và hỏi thăm quốc dân, quốc sự được yên ổn thái bình chăng ?

Vua bạch :

- Đệ tử nhờ đức độ của Tiên vương để lại, nên dân sự được yên ổn. Nay đệ tử đến đây yết kiến Như Lai và xin thỉnh Phật từ bi khuất thần qua nước hèn của đệ tử, để cho trăm họ được chiêm ngưỡng.

Đức Phật hứa khă. Vua về rồi, Đức Phật liền vận thần thông qua nước A Kỳ La Nại.

Vua cùng văn võ ra khỏi thành mười dặm, cung thỉnh Phật vào cung lên pháp tòa. Vua cùng đình thần cùng cung nhân nữ đều ra đánh lễ Phật.

Gặp Phật, Vua càng nhớ lại Hoàng hậu, nên tâm hồn vợ vẫn đau đau.

Đức Phật hiểu ý liền hỏi :

- Như Lai thấy được trong lòng Đại vương không vui, phải chăng vì Hoàng hậu mất tích ?

Vua đem sự tình đầu đuôi bạch Phật.

Ngài mỉm cười liền lấy tay chỉ. Vua theo ngón tay Phật thì quả nhiên thấy Hoàng hậu đương phủ phục một bên của Đức Phật : đồng thời mọi người đều thấy. Tất cả hoàng cung rất vui mừng.

Vua và Hoàng hậu cùng thiết trai cúng dường.

Phật thọ trai xong. Vua đánh lễ và bạch :

- Hoàng hậu xuất thân trong gia đình bản tiện, nay lại được làm Mẫu nghi thiên hạ, lại có thần thuật ẩn hiện như các vị La Hán, là do nghiệp báo, và phước duyên gì ?

Đức Như Lai mỉm cười rồi thuật lại tiền kiếp :

- "Hoàng hậu từ kiếp xa xưa, vốn người nước Ca La Việt, là một vị trưởng giả giàu có, sang

trọng vô cùng. Nhưng tánh lại xan lẫn keo kiệt, bà lại bóc lột, lẫn công lẫn của... của kẻ khác, không hề cho ai một đồng nhỏ, lại áp chế hiếp đáp đồng loại v.v... Vì nhân keo kiệt, bóp chặt, lẫn hiếp người nên nay bị quả báo nghèo khổ bần tiện. Song Ca La Việt tánh ưa đọc sách, học hỏi nên nay được trí tuệ hơn người. Sau được gặp chánh pháp mới biết cúng dường, nhưng tâm chỉ ưa cúng dường mà chẳng chịu bố thí, sau nhờ gặp thiện tri thức khuyến hóa lần lần bớt niệm xan lẫn. Ca La Việt và Đại vương là hai người thân thiết, nay thành phu phụ. Đại vương bảy phen sanh loài trời, Ca La Việt bảy phen làm tiên nữ. Đại vương bảy phen sanh vào kiếp nhân gian, Ca La Việt cũng nguyện sanh theo. Hai người kiếp kiếp theo nhau, nguyện đồng sanh tử. Và cuối cùng được gặp Như Lai nên đều được giải thoát.

Vua nghe Đức Phật dạy tiền sự của mình, thì rất vui mừng đánh lễ Phật và phát nguyện thọ lãnh năm điều cấm giới, lấy mười điều thiện để dạy muôn dân.

Hoàng hậu mở ba kho báu giúp dân nghèo, và mở trường dạy phụ nữ những nghề nghiệp thiện, nhất là trau dồi tư tưởng và hành động trong sạch. Những ngày trai tiết Hoàng hậu tu "Bát quan trai"

và luôn luôn tập cho cung nhân tu các hạnh lành, nhờ đức độ của Vua và Hoàng hậu nên ngoài trăm họ được an cư lạc nghiệp, trong muôn lòng hòa thuận tin yêu.

Một hôm Vua cùng Hoàng hậu nhân xem hoa quỳnh nở. Hoàng hậu bỗng giác ngộ thế sự mong manh nên liền xin Vua xuất gia.

Vua bảo :

- Ái khanh là bậc mẫu nghi thiên hạ, nay cạo đầu làm Sa môn, trăm sợ trăm quan chê cười.

Hoàng hậu tâu :

- Trước thiếp đã có vô số bậc mẫu nghi, nhưng khi chết chỉ đem theo một mớ tội lỗi của nghiệp phú quý, thiếp nghĩ mà ghê sợ. Vì vậy thiếp chỉ lo vua Diêm vương không nể mặt, chứ chẳng sợ trăm quan chê cười. Huống nữa, xưa nay kẻ nữ nhân như lửa dữ, như rắn độc v.v... Người trí sợ nữ nhân như rắn độc, lửa dữ, vì sao ? Rắn độc, lửa dữ chỉ hại sắc thân một đời, nữ nhân làm hại muôn kiếp trăm luân, sống thì mất thanh danh, chết thì làm quỷ ô uế. Chính thiếp tiền thân một kiếp xa xưa cũng là nam tử, song chỉ vì mê ly nữ sắc nên vô lượng kiếp trở lại nữ nhân. Nữ nhân thật đáng sợ vậy.

Biết ý chí cương quyết của Hoàng hậu, vua phải bằng lòng.

- Khanh là người tiên cốt, nay lại ngộ được Phật tâm, quyết chí ly trần, trăm xin tùy hỷ. Trăm tự thẹn mình là nam tử, nhưng trót lỡ vương mang ngôi báu bên mình. Vì thái tử còn nhỏ mà quý phi chưa phải là bậc đảm đang quốc sự được. Chứ thật ra huỳnh bào ngọc ấn nặng nề trên phục, làm sao bằng một mảnh cà sa ?

Được lệnh vua cho xuất gia, Hoàng hậu liền triệu tập tất cả Thái tử, quý phi, cung nữ v.v... rồi dịu dàng dạy về ân cần, nhất là việc trau dồi tâm đức, bỏ các việc ác, làm các hạnh lành và thừa sự quốc vương nuôi dạy thái tử v.v... ta nguyện sớm thành Chánh giác sẽ trở về độ các người.

Ba ngàn cung phi đều cảm động, khóc rống lên, tiếng áo náo trong hoàng cung thấu đến cõi trời Đao Lợi, vua Đế Thích thân hành đem cà sa và bình bát xuống cúng dường.

Hoàng hậu tức thời rụng tóc, liền thành Sa môn, thân mặc cà sa vận thần thông giữa hư không.

Tất cả hoàng cung rất đổi kính phục. Vua A Ca Đạt Lưu thấy vậy hoan hỷ kính tán :

- Hoàng hậu phước đức đồ sộ như núi Diệu cao,
trăm rất vui mừng.

THÍCH NỮ THIẾ QUÁN

"Phật động lòng thương kiếp đọa đày
Hóa thân làm tuyết bốn trời bay
Kết hoa sáu cánh sen mười trượng
Giọt tịnh bình xoa dịu đắng cay".

Công đức cúng dường Xá Lợi

Ngày xưa, trong thời kỳ giáo pháp Đức Phật Ca Diếp, lúc ngài đã nhập niết bàn, các Phật tử quyết định kiến tạo một bảo pháp bằng vàng thật vĩ đại, chiều cao một do tuần, để tôn thờ Xá Lợi của Ngài.

Thuở ấy, có một tín nữ ngoan đạo. Nàng sống thật hạnh phúc dưới mái ấm gia đình, tất cả tình thương nàng đều dành cho cô con gái xinh đẹp và ngoan ngoãn của nàng tên là Sê Sa Va Ti. Trong các dịp lễ lớn nàng thường cùng cô con gái đến dâng hương lễ Phật. Một hôm đến chùa thấy thợ bạc nấu vàng cho chảy ra, rồi đúc thành từng viên gạch một, cô con gái lấy làm ngạc nhiên hỏi mẹ :

- Thưa mẹ, thợ bạc đúc vàng thành viên gạch để làm gì ?

Người mẹ đáp :

- Người ta đúc vàng thành gạch, xây cất bảo tháp để tôn thờ Xá Lợi của Phật.

Sê Sa Va Ti nghe mẹ bảo như thế rất hoan hỷ, nàng phát tâm trong sạch với Đức Phật. Nàng thưa với mẹ :

- Thưa mẹ, con muốn hùn phước bằng sợi giây chuyền nơi cổ con để góp phần vào việc xây dựng bảo tháp, mẹ nghĩ sao ?

Nghe con phát tâm bồ đề như thế, người mẹ đáp :

- Lành thay, lành thay, thật quý báu, mẹ vô cùng hoan hỷ trước sự phát tâm của con gái yêu quý của mẹ.

Nàng liền đem sợi giây chuyền đến hùn phước.

Kiếp đó, khi nàng lâm chung, nhờ phước báo cúng dường sợi dây chuyền để xây bảo tháp, nàng được thọ sanh vào cõi trời, hưởng lạc thú nơi tiên cảnh.

Đến thời giáo pháp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nàng giáng trần thọ sanh trong xứ Na Lan Đà tên là Sê Sa Vát Ti. Tuy mới 15 tuổi nhưng dung nhan thật diễm lệ, tánh tình lại ngoan hiền, nàng được mọi người yêu mến.

Cũng tại xứ Na Lan Đà, có một vị Trưởng giả đang giàu có, bỗng trở nên nghèo khổ, vì bao nhiêu

ngọc ngà, châu báu thọ hưởng cha mẹ để lại đều biến thành đá.

Một hôm, ông trưởng giả nghĩ ra phương cách, làm cho những viên đá vô dụng kia sẽ trở thành châu báu như cũ. Ông bèn đem những viên đá ra chợ bán với niềm tin nếu gặp người có phước đức, tất cả những viên đá này sẽ trở thành châu ngọc.

Ngày kia nàng Sê Sa Vát Ti vâng lời mẹ, đi chợ mua dầu. Khi bước vào chợ, cô trông thấy một gian hàng trưng bày toàn vàng bạc châu báu chiếu sáng rực rỡ. Sê Sa Vát Ti bước đến gần để xem cho kỹ và ngạc nhiên cô hỏi người chủ gian hàng :

- Thưa ông chủ, vì lẽ gì mà ông đem vàng bạc, ngọc ngà chất đống trên sập này như vậy. Đáng lẽ, tất cả những của này phải gìn giữ cẩn thận trong tủ, trong kho mới phải.

Ông trưởng giả nghe vậy, lấy làm mừng rỡ, biết rằng đã gặp được người hữu phước. Ông không vội trả lời mà hỏi lại Sê Sa Vát Ti :

- Cô em ở đâu ? Con cháu của ai ?

Sê Sa Vát Ti lễ phép đáp :

- Thưa ông, cháu là con một người nông dân ở xứ này.

Ông trưởng giả vội vàng gom góp tất cả vàng

bạc ngọc ngà cho vào bao, rồi mời Sê Sa Vát Ti cùng về nhà ông. Đến nơi ông mới giải thích với nàng :

- Trước đây, tôi là một vị trưởng giả giàu sang bậc nhất trong xứ này. Những bổng nhiên tôi trở thành nghèo khổ, vì tất cả châu báu của tôi đều biến thành đá cả. Vì thế, tôi mới đem một số đá này ra chợ với hy vọng tìm người hữu phước, tất cả của cải này kể như cho cô em hết, vì cô em là người đầy đủ phước đức, xứng đáng được hưởng tài sản này.

Nói xong, ông trưởng giả hướng dẫn nàng Sê Sa Vát Ti đến kho chứa vàng bạc châu báu cho nàng xem. Khi đến nơi, nàng chỉ nhìn qua, tất cả của cải đều hoàn lại thành châu ngọc lóng lánh muôn màu như cũ.

Sau đó, ông trưởng giả và Sê Sa Vát Ti trở về nhà luôn dịp để diện kiến song thân nàng, ông trưởng giả kể lại cho cha mẹ Sê Sa Vát Ti nghe. Sau cùng ông ngỏ lời xin được chọn nàng làm con dâu. Phụ thân của Sê Sa Vát Ti hết sức hân hoan trước lời cầu hôn của ông trưởng giả nên tán thành. Rồi những thiệp hồng mang tin vui đến thân bằng quyến thuộc. Nhà cửa được trang trí treo đèn kết hoa rực rỡ. Ngày vu quy, Sê Sa Vát Ti lên xe hoa trong tiếng pháo đi đùng.

Nàng sống hạnh phúc bên chồng và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ chồng.

Cũng trong thời gian ấy, dân chúng trong khu vực sông Hằng sống yên vui dưới ánh đạo vàng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nơi đây, đạo nghĩa trọng hơn bạc vàng. Hình bóng của bậc tu hành được tôn kính hơn quyền chức. Trong hàng môn đồ của Đức Phật, có Tôn giả Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử đức hạnh và trí tuệ tuyệt vời.

Một hôm, sau buổi thiền định, Ngài nhận thấy tuổi thọ của Ngài sắp hết. Ngài vào đánh lễ Đức Thế Tôn, từ giả và xin phép về xứ Na Lan Đà để nhập niết bàn nơi đây, đồng thời cũng để tế độ song thân của Ngài hãy còn lầm lạc trong vòng tà kiến ngoại đạo.

Về đến Na Lan Đà, đại đức Xá Lợi Phất sau khi thức tỉnh được song thân trở về với chánh pháp, nương tựa dưới bóng mát Phật, Pháp, Tăng, Tôn giả liền nhập niết bàn ngay trong phòng mà Ngài đã chào đời.

Sau một tuần lễ để cúng dường và chiêm ngưỡng, chư Phật tử quyết định lễ hỏa táng di thể của Ngài Xá Lợi Phất thật long trọng và trang nghiêm.

Khi ấy nàng Sê Sa Vát Ti đã có mang đứa con đầu lòng của nàng hơn chín tháng. Lúc hay tin lễ

hỏa táng nhục thân của vị Tôn giả mà nàng hằng kính mến sắp cử hành, Sê Sa Vát Ti liền xin phép cha mẹ chồng đến tế lễ trước kim quan.

Cha mẹ chồng tìm đủ lý lẽ để cản ngăn vì biết rằng nàng cũng sắp sinh nở. Nhưng Sê Sa Vát Ti có ý chí và đức tin vững mạnh, nàng cương quyết vì tín ngưỡng tham gia cuộc lễ, cuối cùng ông bà trưởng giả phải vị nể tán thành.

Nàng cùng những gia nhân thân tín, mang lễ vật đến hỏa đài, nơi đang quảng kim quan của Đại Đức Xá Lợi Phất.

Khung cảnh hỏa đài lúc ấy rất náo nhiệt, dân chúng chen chúc lễ bái lần cuối cùng trước khi hỏa táng.

Nàng Sê Sa Vát Ti cùng đoàn tùy tùng mang lễ vật đến, nàng được mọi người nhường lối đi, vì trong xứ ai cũng kính mến nàng giàu lòng nhân ái và đức hạnh. Nàng bày lễ vật trước kim quan rồi thành kính dâng cúng.

Nhờ phước báo này, sau khi lìa trần, Sê Sa Vát Ti được thọ sanh vào cung trời Đao Lợi. Nàng hưởng an vui hạnh phúc trong một cung điện bằng vàng cần ngọc vô cùng tráng lệ có hàng chư thiên nữ hộ giá.

Ngày nọ, tiên nữ Sê Sa Vát Ti chợt nhớ đến tiền kiếp của mình, nàng hiện xuống Kỳ Viên tịnh xá, yết kiến Đức Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đang tiếp kiến đại đức Va Bha Sa Gi The Ra, bỗng thấy hào quang muôn sắc, chiếu sáng thật xinh đẹp, rồi tiên nữ Sê Sa Vát Ti xuất hiện đánh lễ Thế Tôn, bà thuật lại đầy đủ chi tiết về tiền thân của mình.

Nhân cơ hội ấy, Đức Thế Tôn thuyết một thời pháp tán dương công đức sự cúng dường Xá Lợi Phất.

GIỚI ĐỨC

"Bố thí là kho châu báu thường theo người.

Bố thí là nhóm điều vui, trừ đau khổ".

Gọi Phật bằng bạn

Một mùa an cư, sau khi mãn hạ, Đức Thế Tôn du hành một mình thăm viếng các trú xứ của những Tỷ kheo, để biết lối sống của họ, việc tu hành tiến thoái của họ. Chính nhân những cuộc du hành này mà đã có lần Ngài tâm sự với thị giả Nàgita :

- Nay Nàgita, mỗi khi đi ngang một làng mạc mà thấy một am cốc của Tỷ kheo, thì dù vị ấy đang ráo riết thiền tọa, Như Lai vẫn không hài lòng về trú xứ của vị ấy. Vì sao ? Vì vị ấy có thể bị phụ nữ, trẻ con, người lớn trong làng đến phiền nhiễu, tán chuyện, làm cho vị ấy không thể chứng đắc những pháp chưa chứng và có thể thối thất những pháp đã chứng. Trái lại mỗi khi trông thấy một vị Tỷ kheo ở trong rừng, dưới gốc cây, thì dù vị ấy đang tựa gốc cây mà ngủ gục, Như Lai vẫn hài lòng, nghĩ rằng : Tỷ kheo này sau khi hết cơn buồn ngủ, có thể tiếp tục tọa thiền không bị ai quấy rối. Y sẽ chứng đắc những pháp chưa chứng đắc.

Trong cuộc du hành chúng ta đang nói đến, khi Đức Thế Tôn đi ngang một làng nọ thì trời đã sấm tối. Ngài ghé vào một nhà thợ gốm xin trú ngụ. Không một ai biết đây là đấng giác ngộ, vì Ngài làm như một vị Tỷ kheo thông thường giản dị, không có tùy tùng thị giả. Ngài ngỏ lời với thợ gốm :

- Nay thợ gốm, tôi có thể nghỉ lại nhà người một đêm không ?

Thợ gốm nhìn Ngài đáp :

- Sa môn muốn ở lại cũng được, nhưng đã có một vị xuất gia đến trước cũng đang nghỉ tại đây. Xin hiền giả hãy ngỏ lời với vị ấy, nếu ông ta đồng ý thì Hiền giả cứ tự nhiên.

Đức Thế Tôn bước vào trong gặp một tỷ kheo trẻ đang ngồi, Ngài hỏi :

- Hiền giả, tôi muốn ở lại đây một đêm, có phiền gì cho người chăng ?

-Ồ thưa Hiền giả, không có gì phiền. Nhà thợ gốm rất rộng.

Thế Tôn bèn trải thảm cỏ, ngồi kiết già. Vị Tỷ kheo cũng ngồi kiết già ngồi tọa thiền cho đến quá nửa đêm. Đức Thế Tôn quán sát cử chỉ của Tỷ kheo thanh niên ấy, lấy làm hài lòng. Ngài nghĩ :

"Thanh niên này có những cử chỉ tín thành. Ta hãy hỏi chuyện y". Và Ngài mở lời :

- Nay bạn, nhân danh ai mà bạn đã từ bỏ gia đình, sống đời khất sĩ ? Ai là thầy của bạn ?

Tỳ kheo đáp :

-Ồ bạn ơi, có Sa môn dòng họ Thích Ca đã từ bỏ ngai vàng để trở thành một ẩn sĩ. Thiên hạ đồn rằng Ngài đã đạt Chánh Giác, được tôn xưng là Phật, Thế Tôn. Chính nhân danh con Người cao cả đó mà tôi đã xuất gia. Bậc Thế Tôn ấy là Đạo sư của tôi. Tôi thích sống như Người.

- Vậy con người cao cả đó, Đức Phật, Thế Tôn ấy, bây giờ ở đâu ?

- Nay bạn, có một đô thị ở phía bắc gọi là Xá Vệ, chính nơi đó Đức Thế Tôn đang ngự tòa.

- Bạn có khi nào thấy đấng Thế Tôn ấy chưa ? Bạn sẽ nhận ra Ngài nếu gặp Ngài không ?

- Bạn ơi ! Làm sao tôi có được cái điểm phúc ấy ? Tôi chưa bao giờ trông thấy Ngài, chỉ mới nghe danh của Ngài thôi. Nhưng chính vì Ngài mà tôi bỏ tục xuất gia, sống đời không nhà. Tôi chưa được gặp Ngài thì làm sao mà nhận ra Ngài được ?

Đức Thế Tôn suy nghĩ : "Thanh niên này đã

nhân danh ta mà xuất gia. Vậy ta hãy thuyết pháp cho y". Rồi Ngài dạy :

- Hỡi khất sĩ, tôi sẽ giảng pháp cho bạn, hãy lắng nghe.

- Được bạn cứ nói đi.

Đức Thế Tôn thuyết pháp cho vị Tỳ kheo ấy về cấu tạo của con người gồm bốn đại, năm uẩn, trong đó không có cái gì là ta hay của ta, toàn là những kết hợp vay mượn bên ngoài, biến chuyển luôn luôn để đi đến hoại diệt. Do nhận thức chân chính ấy, khi mất tiếp xúc với sắc, tai với âm thanh v.v... và những cảm thọ như dễ chịu, khó chịu... vị Tỳ kheo không tham đắm, không ghét bỏ vì quán sát những cảm thọ ấy không phải là ta, không phải của ta. Vị ấy sẽ có thái độ "huệ xả" (giải thoát nhờ trí tuệ) không còn vọng tưởng được sự bất động. Khi dứt được những vọng tưởng như vậy, vị Tỳ kheo ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh.

Đức Thế Tôn dùng âm thanh vi diệu như tiếng hót chim Ca Lăng Tần Già để thuyết pháp cho vị Tỳ kheo ấy, khích lệ ông, làm cho ông hân hoan phấn khởi với những lời pháp của Ngài, như thể được nếm vị cam lồ bất tử. Nghe xong thời pháp của Thế Tôn, vị Tỳ kheo biết ngay đây chính là đấng A La Hán Chánh Đẳng Giác ông đang

ngưỡng mộ tôn thờ. Ông sửa lại y, quì gối chấp tay bạch :

- Bạch Thế Tôn, con thật ngu si đã gọi Ngài là bạn. Xin Thế Tôn cho con sám hối tội lỗi.

- Nay Tỳ kheo, vì người không biết nên không gọi là tội lỗi.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Ai lơ lửng như thuyền nan không bến
Ai hận đời không một chút tình thương
Ai thấy mình sao lạnh lẽo thế lương
Mơ kiếp sống đượm mùi hương giải thoát,

THÌ ĐÂY :

Mắt Thế Tôn nhìn xa ngoài muôn dặm
Lòng Thế Tôn như bể thẳm xanh màu
Tay hiền từ đốt đuốc giữa đêm thâu
Vội pháp như đầy vàng châu cảm mến."

Đạo trời báo phục

(Truyện cổ Phật Giáo Trung Quốc)

Ở đất Tân Châu, thuộc huyện Cổ Thành, có một người họ Trương, tên Thiện hữu, thường ngày ăn chay, niệm Phật, hay bố thí rộng rãi, ai cũng khen là người hiền đức. Vợ ông họ Lý, tên Trương, người ta thường gọi là Lý thị, lại là người tính tình thô bạo, kiến thức hẹp hòi, chỉ thích thu vào mà không muốn bỏ ra một đồng một cắc. Đôi vợ chồng tính tình xung khắc, nhưng ăn ở thuận hòa, biết nhường nhịn lẫn nhau. Họ chẳng có con cái, nhà ít người, nên xài phí chẳng tốn kém gì nhiều. Với huê lợi thu được quanh năm, họ dành dụm để riêng được một số tiền từ hai đến ba trăm quan tiền, đem cho vay lấy lời. Cuộc sống của họ do đó có bề sung túc, chẳng phải lo lắng khổ nhọc.

Ở cách nhà họ chừng mười dặm đường, có một người đàn ông tên Triệu Đình Ngọc, nhà nghèo nhưng ăn ở tốt. Khi mẹ chết, anh ta chẳng có tiền làm đám tang. Anh ta nghe phong phanh

Trương Thiện Hữu là người dư bạc dư tiền, liền có ý nghĩ muốn đến ăn trộm một mớ để lo đám tang cho mẹ.

Anh ta suy đi tính lại, lưỡng lự đến hai ba ngày. Rồi một đêm kia, anh ta lén đến nhà họ Trương đào một lỗ hổng dưới chân tường, lấy được một số tiền năm sáu chục lượng bạc. Về nhà, anh ta nhờ người chọn một ngày lành, làm lễ mai táng mẹ. Anh ta mua gạo, nếp, nhang, đèn, chuẩn bị mọi thứ hết sức đầy đủ, gửi giấy báo tang khắp hết bà con, thân thích, bạn bè, mượn dàn nhạc, nhà giàn. Rồi anh ta tự mình mặc xô gai, làm đám tang mẹ vô cùng trọng thể.

Đôi khi nghĩ lại việc làm bất chính của mình, anh ta cho mình vốn không phải là một tên trộm, mà chẳng qua là không có tiền chôn mẹ, nên trong phút chốc trót quên lời dạy của người xưa "Bần nhi bất khả phú tang" (người con trai nghèo không nên chôn cất theo lối nhà giàu). Dầu sao, anh ta cũng thấy mình đã làm một việc trái với lương tâm và lẽ phải, là đi ăn trộm tiền bạc của kẻ khác !

Trong khi anh ta nghĩ thầm như vậy, thì ở nhà Trương Thiện Hữu, sau khi đêm bị mất trộm, sáng ngày Thiện Hữu phát giác ra, mình đã bị lấy mất năm sáu chục lượng bạc. Ông liền nghĩ thầm :

"Tiền bạc, của cải là phù vân, nay tụ mai tán. Mất phần này, được phần khác, chẳng nên lo rầu !".

Nghĩ như vậy, ông thân nhiên, không buồn giận, tự an ủi lấy mình rằng : "Sự việc phải như vậy thôi ! Lời tục thường nói : "Nếu con không chết của không mất, thì trời cũng giáng hỏa tai hay đạo tặc mà thôi."

Trái lại, vợ ông là Lý thị, với đầu óc cạn hẹp, cứ đau xót trong lòng không nguôi, cần nhằn luôn miệng suốt ngày :

- "Nếu số tiền ấy không bị mất trộm, mình còn làm được bao nhiêu công chuyện. Dem cho vay cũng lời biết mấy, để mất trộm oan uổng như thế này, tiếc ơi là tiếc.

Một ngày nọ, trong lúc bà ta đang cần nhằn, bỗng nghe trước ngõ nhà có tiếng trống đánh vang lên, bà ta nghĩ thầm : " Đây không hẳn là tiếng trống báo thúc thuế, vì tháng này đâu phải là tháng ba hay là tháng 9". Chẳng hiểu ra làm sao, bà ta liền chạy ra ngõ nhìn kỹ thì thấy một nhà sư đi hóa duyên, muốn tìm gặp Trương Thiện Hữu. Bà ta trở vào cho chồng hay. Thiện Hữu bước ra cung kính hỏi han nào là nhà sư từ đâu tới, đến đây có việc gì cần, đi hóa duyên ở đâu về, và làm sao biết đến mình ? Nhà sư đáp :

- Bần đạo tu ở chùa Ngũ Đài Sơn. Từ mấy năm nay, Phật điện bị đổ nát, hết nơi này đến nơi khác tiếp tục sụp xuống. Ngày qua ngày, gió mưa xối xả xuống cả tượng Phật, khiến bần đạo không thể an tâm ngồi ngó cảnh điêu tàn ấy. Nhưng nhà chùa chẳng có lợi tức nào, mà sự tu bổ quá lớn lao, bần đạo không nỡ điếm nhiên ngồi nhìn, bắt buộc phải xuống núi đi khuyến giáo quanh vùng, cầu xin sự giúp đỡ của thiện nam tín nữ quý thiện tâm quân tử, để mong trùng tu lại Phật đường. Bần đạo đã chịu khó lần hồi gom được số bạc một trăm lượng, nhưng vẫn chưa thấm vào đâu. Và lại, còn nhiều tín chủ thành tâm đóng góp mà chưa thu nhận được, cho nên bần đạo phải đi thu hết các nơi ấy cho xong. Hiện nay, với số tiền lớn mang theo trong người, bần đạo sợ bọn bất lương biết được mà cướp đoạt mất. Vì thế, bần đạo muốn tìm một nơi tín cẩn, an toàn để gởi nhờ. Tục ngữ có câu : "Nhân tâm a thổ bì, thập nhân cứu bất tri" (Lòng người thường dấu dưới da bụng, mười người hết chín người không biết rõ) cho nên bần đạo chưa biết ai để gởi số tiền lớn này. Dọc đường đi, bần đạo nghe người ta đồn tín chủ đây là người chí thiện, ăn chay, niệm Phật, phát tâm làm lành, ai ai cũng đều rõ. Bần đạo quyết tâm tới đây gặp tín chủ để gởi nhờ số bạc này tạm thời trong ít lâu. Khi nào bần đạo đã thu góp đầy đủ các nơi, sẽ xin

trở lại lấy đi, hợp với số bạc nợ, bần đạo trở về núi lo tu bổ Phật điện. Bần đạo xin tín chủ cho biết ý kiến thế nào ?

Trương Thiện Hữu đáp :

- Đó là một việc thiện, xin nhà sư chớ ngại. Nếu nhà sư muốn gởi bạc lại đây, điều đó cũng như cất vào tủ của nhà chùa vậy. Tôi xin hứa sẽ giữ gìn chu đáo, không có gì sai suyển cả. Lúc nào nhà sư xong việc, xin cứ trở lại đây mà lấy bạc về.

Nói xong, hai đảng kiểm điểm cân lượng của số bạc, niêm phong cẩn thận. Trương Thiện Hữu bèn gọi vợ ra trao tay bảo cất giữ cho thật kỹ. Họ Trương muốn mời nhà sư ở lại dùng cơm, nhưng nhà sư nói :

- Xin đừng lo việc cơm nước, bần đạo cần phải đi ngay, vì nhiều công việc quá gấp rút.

Trương Thiện Hữu nói :

- Tôi đã trao số bạc cho nhà tôi cất giữ. Khi nào nhà sư trở lại lấy nếu tôi đi vắng, tôi sẽ dặn nhà tôi trao lại cho nhà sư chẳng sai.

Nhà sư cảm ơn họ Trương rồi cáo từ ra đi.

Thế nhưng, khi Lý thị cầm được số bạc này trong tay, mặt ta vui vẻ như nở gan nở ruột, tự bảo thầm :

- Tuyệt quá ! Tuyệt quá ! Thật là hên ! Đêm trước chỉ mất trộm sáu chục lượng, mà nay ông sư này lại mang đến những cả trăm lượng, quả là ta lời gấp bội !

Một hôm Trương Thiện Hữu sắp lên chùa Đông Ngạc hành hương để cầu xin cho sanh được một đứa con trai đầu lòng, gọi vợ ra dặn rằng :

- Tôi đi vắng rồi, nếu có nhà sư chùa ngũ Đài Sơn hôm nọ đến lấy số bạc gởi, dù tôi chưa về đến, bà cũng đem số bạc ấy trao lại cho ông đầy đủ. Nếu ông muốn ở lại nghỉ, bà nên dọn một bữa cơm trưa. Đó là bà làm một việc ân đức vậy.

Bà vợ đáp :

- Tôi đã rõ cả rồi mà !

Dặn dò xong, Trương Thiện Hữu lên đường. Hai ba hôm sau, nhà sư thu tiền xong, trở lại nhà họ Trương, xin được thu hồi gói bạc.

Lý thị nói :

- Nhà tôi đi vắng. Còn tôi chẳng biết, có ai đến gởi số bạc hay không. Thưa lão sư, lão sư có gõ lăm cửa nhà không ạ ?

Nhà sư đáp :

- Cách mấy hôm trước đây, chính tay tôi đã trao

số bạc tận tay ông Trương Thiện Hữu, ông mang vào nhà và nói đã đưa cho vợ ông cất giữ rồi. Sao hôm nay bà lại nói như vậy ?

Lý thị thề nói :

- Nếu chính tôi nhìn thấy số bạc của lão sư thì mắt tôi trào máu ra mà chết !

Nhà sư nói :

- Bà nói như thế là có ý giấu giếm số bạc của tôi rồi.

Lý thị đáp :

- Nếu tôi dấu số bạc của ông, thì xin cho tôi rơi xuống 18 tầng địa ngục.

Nhà sư nghe mục ta thề thốt nặng lời như vậy, biết mục ta là con người xảo quyệt, có ý trở mặt chiếm đoạt số bạc của mình gởi. Người tu hành chẳng lại đi gây chuyện to tiếng với một phụ nữ, không biết xử lý thế nào, nhà sư liền chấp tay than thở :

- Nam mô A Di Đà Phật ! Của bố thí kia, bần đạo đã đi lượm lặt từ chỗ này đến chỗ khác, thu góp lại từng đồng từng chữ, tự nguyện không dám tiêu xài, nhịn ăn, nhịn uống để đem về tu bổ Phật đường. Bần đạo đã đem gởi cho nhà bà vậy mà bà dám làm việc mờ ám cả lương tâm, chiếm đoạt bạc

của bần đạo, chẳng hề xót thương đến một kẻ tu hành già nua tuổi tác ! Dầu bà có giỏi hành động trong bóng tối, con mắt của các thần linh cũng đã soi thấu. Rồi đây, tuần hoàn báo oán, không ai tránh khỏi đâu, bà ơi !

Than thở, kể lể một hồi, nhà sư bỏ ra đi.

Bốn năm ngày sau, Trương Thiện Hữu đi hành hương trở về, hỏi vợ :

- Nhà sư có trở lại lấy số bạc không ?

Lý thị đáp không do dự :

- Sau hôm ông đi một bữa, nhà sư trở lại lấy bạc, tôi đã hai tay nâng túi bạc lên trả cho nhà sư rồi !

Trương Thiện Hữu tin ngay lời vợ. Lời tục có nói : "Lời nói khéo, kéo được lòng", bởi vậy Trương Thiện Hữu còn khen vợ :

- Chu tất như vậy thì hay lắm !

*

Hai năm sau, Lý thị sanh được một đứa con trai, đặt tên là Khất Tăng . Năm sau nữa, lại sinh thêm một trai, đặt tên là Phước Tăng.

Từ ngày sinh con trai đầu lòng, vợ chồng Thiện Hữu làm ăn càng ngày càng phát đạt, tiền bạc

tuôn vào như nước. Khi lớn lên Khất Tăng làm lụng siêng năng, chịu khó thức khuya dậy sớm, ăn xài hết sức tiết kiệm, bòn chắt từng đồng tiền. Chỉ trong mấy năm, cả nhà trở nên khá giả.

Trái lại người con thứ là Phước Tăng tính nết tương phản vô cùng. Anh ta chỉ biết ăn chơi hoang đàng, rượu chè, cờ bạc, xài phí như ném tiền qua cửa sổ, không một chút tiếc nuối. Hằng ngày chủ nợ đến đòi nheo nhéo trước cửa, anh ta vẫn thản nhiên. Thiện Hữu là người biết trọng danh dự, đâu có thể chịu cho người ta đến lăng mạ con trai trước mặt mình ! Ông phải dốc tiền ra bồi thường, trả hết kẻ này đến kẻ khác.

Một ngày nhìn thấy công lao khó nhọc của đứa con cả, một ngày chứng kiến sự hoang phí của đứa con thứ, Thiện Hữu hết sức đau lòng. Ông bèn quyết định chia gia tài ra làm ba phần : một phần cho người con cả, một phần cho người con thứ, còn một phần dành cho hai vợ chồng già. Rồi ai lo phận nấy. Kẻ nào phung phá cứ tự do cho tới khi hết của, khỏi phiền lụy đến kẻ khác.

Khi gia tài được chia xong, Phước Tăng phung phí của cải y như lấy nước sôi dội vào nước đá lạnh, như gió mạnh thổi tan mây. Chỉ non nửa năm tất cả gia sản của cậu ta hoàn toàn hết sạch. Áo quần chẳng còn cái nào lành lặn để mà mặc, không có

một túp lều để ở. Vợ chồng Thiện Hữu thấy tình cảnh con thứ như vậy, vừa quá tức giận, vừa đau lòng, muốn bỏ chết cho rảnh mắt. Nhưng, lời người xưa đã nói : "Hùm dữ không ăn thịt con, hai vợ chồng đành đem phần chia của mình san sẻ dần dần cho con, đến không còn gì hết.

Thế là ba phần gia tài, Phước Tăng đã phá hết hai, lại còn mon men muốn chiếm nốt của anh để xài phá cho sướng tay. Trước hoàn cảnh ấy, Khất Tăng hết muốn gìn giữ gia tài, tức giận không nhịn được, ngã xuống thành bệnh nan y, thầy thuốc không ai chữa được.

Trương Thiện Hữu quá đau khổ, than thở :

- Đứa con giỏi bệnh nặng, đứa con hư lại mạnh khỏe. Trong có mấy năm trời, nhà ta phải đến nỗi này ! Phải chi đứa con thứ thay chỗ cho đứa con cả thì đâu đến nỗi nào !

Chẳng bao lâu Khất Tăng thở hơi cuối cùng. Vợ chồng Thiện Hữu thương khóc đứa con giỏi giang, cần kiệm, buồn khổ chẳng còn làm gì được. Còn Phước Tăng thấy anh chết lại hết sức vui mừng, thầm nghĩ số gia tài rồi sẽ về mình hưởng trọn.

Lý thị vừa thương con cả, vừa giận con thứ, lòng thốn thức ân hận, khóc từ sáng đến chiều,

hai con mắt bật ra máu tươi đầm đề, chẳng bao lâu cũng chết luôn.

Phước Tăng thấy mẹ chết, trong lòng chẳng hề buồn khổ, mà bề ngoài cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt tỏ tình thương xót. Mặc dầu còn đang mặc tang phục sô gai, cậu ta vẫn rong chơi các nơi tiêu遣 trà đình, ngày đêm miệt mài trong cuộc truy hoan. Lần hồi kiệt sức, Phước Tăng mang bệnh lao mà chết.

Trong một thời gian ngắn, phải chịu ba cái tang liên tiếp, Trương Thiện Hữu trở nên suy đại, lắm lúc tự nghĩ thầm :

- Con cái sinh ra tại quái ấy, ắt phải có tiền căn nào mới khiến gia đình gánh chịu chết chóc thảm thương như thế ! Tục ngữ đã có câu : "Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo !" (làm thiện được trả thiện, làm ác được trả ác). Nếu như việc làm thiện hay ác mà chưa thấy trả, đó là tại chưa đến cái giờ để nhận lãnh đó mà thôi ! Hiện tại, cả đời ta chưa hề làm một việc ác nào, mà ngày nay phải chịu trả như thế này ?

Trần trở mãi với cái nghiệp chướng ấy, có lúc Thiện Hữu suy nghĩ :

- Ta đã đi hành hương cầu tự mới sinh được hai đứa con ấy. Thế mà Diêm Vương nỡ rước đi hết

cho đành. Ta phải lên Đông Ngục miếu, tố cáo việc này với thần linh, thử xem sự thực ra sao, kéo lòng ta vô cùng ám ức !

Một hôm, Thiện hữu dậy thật sớm, mua nhang đèn, rồi đi thẳng lên miếu Đông Ngục. Đến nơi, ông vào quỳ mọp trước linh vị, khẩn vái :

- Tôi là Trương Thiện Hữu, tuổi đã già, trọn đời chưa làm hại ai, luôn luôn thờ kính thần Phật, cứu giúp kẻ khốn cùng. Vậy mà Diêm Vương nỡ đang tâm cướp đoạt mạng sống của vợ con tôi, khiến cho tôi hôm nay phải sống cảnh cô đơn, nghèo khó và già nua như thế này. Tôi thật khốn khổ vô cùng tận, xin cúi lạy thần linh giải giùm nỗi oan ức của tôi. Nếu quả như tôi có tội, tôi cam chịu chết.

Khẩn xong, Thiện hữu khóc rống lên, té nhào xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Ông ta nằm yên trong giấc ngủ mê, mơ màng thấy mình đến trước mặt Diêm Vương. Diêm Vương hỏi :

- Này Thiện Hữu, sao lão đến Đông Ngục miếu tố cáo ta ?

Thiện Hữu đáp :

- Vì ngài nhẫn tâm đoạt tính mạng hai đứa con và vợ tôi, khiến tôi ngày nay phải trở trời khốn khổ như thế này ! Bất đắc dĩ tôi phải cầu tôn thần

quang minh chính đại xét xử cho tôi khỏi hàm oan.

Diêm Vương phán :

- Hàm oan hả ? Lão muốn gặp hai đứa con của lão không ?

Thiện Hữu đáp :

- Dạ, tôi hết lòng mong muốn, xin ngài cho phép.

Diêm Vương liền sai quỷ sứ đi gọi ngay hai đứa con của Thiện Hữu. Trong nháy mắt, Khất Tăng và Phước Tăng đến trước mặt cha.

Thiện Hữu vui mừng cực độ, hớn hờ quay qua bảo Khất Tăng :

- Con ơi ! Con hãy theo cha về nhà đi con !

Khất Tăng đáp :

- Tôi nào có phải con của ông đâu, mà về ! Tôi nguyên trước là Triệu Đình Ngọc, vì lấy trộm của ông mấy chục lượng bạc, nên phải thác sanh vào nhà ông để trả món nợ ấy. Tôi đã đền cho ông thập bội rồi ! Tôi với ông có phải là cha con đâu !

Thiện Hữu nghe con cả nói thế, bèn nhẫn nhịn quay qua Phước Tăng nói :

- Anh con đã trở mặt nói nó là người dưng nước
lã, vậy thôi con trở về với cha đi con.

Phước Tăng lạnh lùng đáp :

- Tôi cũng vậy, nào phải con ông đâu ! Tôi là kẻ
đến đòi nợ ông, đòi xong nợ là tôi đi. Có thể thôi !

Thiện Hữu ngạc nhiên to tiếng bảo :

- Mày nói sao ? Cả đời tao có ai vay ai đâu, mà
bảo là tao thiếu nợ ? Tụi bay không muốn về thì
thôi, đừng hòng đặt chuyện !

Phước Tăng cười ngạo mạn :

- Ông có nhớ nhà ông đã đoạt của nhà chùa
đến ngót trăm lượng bạc không ? Nay lại chối
leo lẻo. Nè, sổ sách còn ghi đây ! Ông có biết tôi
là ai không ? Tôi là quý La Sát, trước đây nhà
sư trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, đã bị vợ chồng ông
toa rập cướp đoạt số bạc mà Hòa thượng đã khổ
công thu thập của bá tánh để làm chùa đấy ! Bởi
lẽ đó Diêm Vương cho tôi đầu thai vào nhà ông
đòi lại, và đã phá tan tài sản của nhà ông cho
đúng luật quả báo. Tôi nào phải con ông đâu mà
về ?

Thiện Hữu nghe nói tới đó liền hoảng hốt, run
lẩy bẩy, nói ấp úng :

- Trời ơi ! Tôi lại đi cướp đoạt của nhà chùa

sao ? Để tôi hỏi lại vợ tôi là Lý thị xem sự thật ra thế nào ?

Diêm Vương ngồi trên ngai, biết rõ ý của Thiện Hữu, liền ra lệnh cho quỷ sứ mở cửa hỏa ngục, dẫn Lý thị lên hầu.

Một lát sau, Thiện Hữu thấy Lý thị bước ra, tay chân đều bị xiềng, cổ mang gông, bước chân đi không nổi, bọn quỷ sứ phải nắm dây sắt lôi đi đến trước mặt Diêm Vương.

Thoạt trông thấy vợ, Thiện Hữu kinh hoàng, mồ hôi ra đầm đề, toàn thân nổi da gà, mở miệng hỏi nhỏ :

- Bà đó phải không ? Tại sao bà chịu cực hình khốn khổ như vậy ?

Lý thị bật khóc, nói :

- Ông ơi, hồi ở dương gian tôi đã chiếm đoạt số bạc của nhà sư chùa Ngũ Đài Sơn. Sau khi chết, tôi đã bị liệng xuống dưới 18 tầng địa ngục, chịu xiềng xích, chết lần chết mòn như vậy ! Đau đớn lắm ông ơi !

Nói rồi, mẹ ta nín lấy áo chùng, khóc rống lên rất thảm thiết.

Diêm Vương ngồi trên ngai, cầm cái chày linh đập xuống bàn nghe chát lổ tai. Trương Thiện

Hữu giật mình thức dậy, mới biết là mình đã trải qua một cơn ác mộng. Ông hoàn hồn, bình tĩnh một hồi, rồi lau sạch nước mắt suy nghĩ, hiểu rõ nguyên do nghiệp chướng của mình phải trả đúng theo lẽ báo ứng tự nhiên của trời đất.

Sau đó, Trương Thiện Hữu trở về nhà, thu xếp mọi việc xong xuôi, từ giả xóm làng, ăn mặc nâu sồng, vào chùa tu cho đến lúc trăm tuổi già.

NGUYỄN VĂN Y

Đạo trời báo phục nhà Xuất bản trẻ

1989

Cửa làm ra để trên gác

Cửa cờ bạc để ngoài sân

Cửa phù vân để ngoài ngõ

Ngũ Xú Nương

Thuở ấy tại một xóm nghèo trong khu tồi tàn của xứ Ấn Độ, có một cô gái đến tuổi cập kê (tức là tuổi có thể lấy chồng) mệnh danh là Ngũ Xú Nương vì cô quá xấu. Sắc của cô đủ năm vẻ xấu của mặt mày, hai tay và hai chân nên được mệnh danh là như vậy. Trẻ con mới thấy mặt cô đều phải khóc vì sợ hãi. Nhưng cô có một xúc giác rất êm ái, đến nỗi ai động đến người cô đều cảm thấy khoan khoái vô cùng. Trẻ con thấy cô đều khóc, nhưng được cô ôm lên thì không muốn rời ra nữa, bởi vì sự xúc chạm đến cô gây cho chúng một cảm giác êm ái lạ lùng, không khác gì được ấp ủ trong vòng tay của mẹ.

Tại sao cô lại chịu một số phận kỳ quái như vậy ? Là vì kiếp trước cô là con gái một người thợ gốm nghèo. Một hôm, có vị Tỳ kheo đi khát thực tới nhà, cô đã không cúng dường mà lại xua đuổi vị ấy bằng những lời chua ngoa. Vị Tỳ kheo trước sự ngu si của cô bẻ động lòng từ bi muốn gieo cho cô một ít phước lành của sự bố thí, bảo cô :

- Nếu cô không có cơm để bố thí thì cho bần tăng một ít đất sét vậy.

Cô gái vào lấy một ít đất sét nắn đồ gốm đem ra cho vị Tỳ kheo mà bảo :

- Đó ! Đi cho khuất con mắt cho rồi. Cái ông lý lợm.

Do lời mắng nhiếc và thái độ bức tức của cô khi bố thí, kiếp này cô phải bị quả báo là nhan sắc xấu xí vô cùng. Nhưng do sự bố thí đất sét cho vị Tỳ kheo kiếp này cô được quả báo có một xúc giác êm dịu thần tiên.

Vì quá xấu, nên tuổi đáng lấy chồng mà cô vẫn được nhân nhả rong chơi với bọn trẻ con suốt ngày trong xóm. Bấy giờ đức vua có thói quen giả dạng thường dân đi vào các khu đồng đức để xem xét dân tình mà chỉnh đốn đời sống của họ. Một hôm vua đến xóm Ngũ Xú Nương vào lúc sẩm tối. Ngũ Xú Nương đang chơi bịt mắt bắt dê với tụi trẻ. Nàng bịt mắt quơ tay chụp bọn nhỏ đang hò la né tránh. Đức vua giả dạng đi qua bị nàng quơ trúng. Ngũ Xú Nương hớn hờ reo lên :

- Thăng Cột !

- Không phải !

- Thăng Kèo !

- Không phải !

Nàng tiếp tục gọi tên năm bảy đứa đều trật lất, bèn thả tay ra. Trong lúc đó Đức vua như chết điếng cả người vì sự khoái lạc thần tiên. Ngài chưa bao giờ thưởng thức một sự xúc chạm nào êm ái kỳ diệu như vậy, dù đang sống trong nhung lụa gấm vóc, được đoanh vây bởi vô số cung nữ nhan sắc diễm kiều. Trước sự xúc chạm của Ngũ Xú Nương lần đầu tiên, Ngài bỗng thấy bao nhiêu phi tần đều vô dụng nên cho về vườn hết, Ngài chỉ cần một nàng này là đủ. Nhà vua giả dạng mặc dù đã được Ngũ Xú nương thả ra vẫn đứng trơ như phỗng đá... Không muốn rời chân. Ngài đứng nhìn nàng tiếp tục trò chơi bịt mắt bắt dê trong bóng mờ. Cho tới khi trời tối, bọn trẻ thấm mệt giải tán, Ngũ Xú Nương dừng đình về nhà. Vua leo đèo theo chân cô gái. Vừa đi vừa tưởng tượng nhan sắc của nàng chắc là chim sa cá lặn, vì sự xúc chạm của nàng êm ái như thế. Vua muốn đến tận nhà nhìn cho rõ mặt hơn, nhưng ngài nhất quyết đặt cô gái lên ngôi chánh cung hoàng hậu.

Vừa đi ngài vừa hỏi cô bé (vua vẫn giả bộ thường dân) :

- Nay em, qua muốn hỏi em về làm vợ, em có bằng lòng không ?

Cô bé cười lớn :

- Ha ha ! Ông muốn cưới tôi hả ? Cha mẹ tôi nghèo lắm, không có gì cho ông đâu ! Chưa bao giờ ai hỏi tôi như vậy cả.

- Qua không cần của hồi môn, tiền bạc gia tài chi cả. Qua chỉ muốn sống gần em thôi.

Cô bé vẫn cười nói hồn nhiên, chẳng tỏ chút gì e lệ :

- Ha ha, cái ông này thật kỳ ! Ông hỏi mẹ tôi đi. Tôi không biết !

- Vậy em đưa qua về nhà hỏi mẹ nhé ?

- Được, ông cứ đi theo tôi.

Vua mừng khấp khởi đi theo cô bé về nhà. Vừa bước vô căn nhà lá lụp sụp, cô bé đã gọi lớn :

- Mẹ ơi ! Có cái ông này muốn cưới con về làm vợ đây nè !

- Tốt ! Thằng nào mà nó mê cái nhan sắc của mày đó, chắc cũng là đồ ma chê quỷ hờn, thần sầu quỷ khốc mới thêm vào cái thứ mày !.

Bà mẹ vừa nói vừa bung cây đèn dầu đi ra để giữa nhà. Dưới ánh đèn leo lét, vua thấy ra mặt mày Ngũ Xú Nương, thất kinh hồn vía. Nhưng bùa lực sự xúc của nàng vẫn mãnh liệt nơi vua, vua nhất quyết cưới nàng dù nàng xấu hơn Chung Vô

Diệm. Trong phút chốc, vua đã định đoạt xong chương trình vì say mê nàng quá đỗi. Chương trình ấy là, hằng ngày sau khi công việc triều đình xong xuôi, ngài sẽ cải dạng thường dân về nhà nàng vào lúc chiều tối, sáng sớm mai trở về cung. Như vậy vua được sống với nàng mà khỏi bị chê cười, ngài chắc chắn nếu rước Ngũ Xú Nương về cung, thì triều đình sẽ cho ngài đã loạn trí mới tuyển vào ngôi chánh hậu một Chung Vô Diệm như thế.

Bởi vậy vua đề nghị với bà mẹ như vậy :

- Thưa bác, cháu muốn cưới cô em này, nhưng cháu chưa có nhà riêng xin bác cho cháu tạm "gởi rể". Ban ngày cháu đi làm, tối về nhà vợ. Khi nào đủ tiền sắm nhà cháu sẽ đưa nàng đi.

- Được, nếu ông chịu cưới nó thì tốt lắm, mà nhà tôi nghèo, ông cũng thấy đó, tôi không có đồng xu nào cho nó đâu !

- Không hề gì, thưa mẹ !

Được lời như cởi tấm lòng của hai bên. Từ đó nhà vua tối tối lại về nhà Ngũ Xú Nương. Ngài xem túp lều tồi tàn này còn hơn muôn vàn lầu son gác tía, vì nơi đó ngài được sống với những xúc giác kỳ diệu như ở cõi trời.

Một thời gian khá lâu trôi qua, vua thấy thật bất tiện nếu cứ phải giả dạng lần mò về nhà nàng mỗi chiều như thế. Nhưng ngài không xa Ngũ Nương được. Ngài nghĩ cách đưa nàng về cung lên ngôi hoàng hậu mà khỏi bị ai chê cười là đồ ngu. Bởi thế, ngài bày ra một mưu kế lạ lùng.

Một hôm, Ngũ Xú Nương đang ngồi buồn rầu thì vua về. Ngài hỏi :

- Tại sao em buồn vậy ?

- Tại vì cha em bệnh, muốn ăn một bát cháo tôm cua mà em không tiền mua đồ nấu cháo.

- Tưởng là gì ! Mai anh sẽ gánh về một gánh cháo tôm cua cho cha, muốn ăn bao nhiêu cũng được. Vua nhân cơ hội ấy, mua một nồi cháo tôm cua tại nhà bà bán cháo ở chợ, đặt vào một đầu gánh, đầu kia vua lấy cái vương miện quý giá, gắn đầy hột xoàn năm ly của Ngài gói cẩn thận bỏ vào một cái thùng, trên phủ đầy lá chuối. Rồi gánh về nhà cho cô gái mà dặn :

- Đây, anh mua cháo tôm cua về cho cha đó. Đầu gánh này là cháo tôm cua, đầu kia muốn tôm cua rùa ếch cóc nhái chi cũng có cả. Khi nào cần mua thì cứ lấy ra.

Cô gái được nôi cháo thì mừng quýnh, không vội để ý thúng lá chuối kia. Nàng dọn nó vào một nơi, đem cháo cho cha ăn. Cả nhà cũng được một bữa ăn khoái thích.

Hôm sau trở về cung, vua hô hoán cái vương miện, vật quốc bảo đã biến mất, và ra lệnh các quan phải mở cuộc truy tìm. Triều đình nhón nháo phái người đi tìm lục soát khắp nơi trong hoàng thành đều không có. Vua đề nghị :

- Trong thành không có thì tìm ra ngoài thành, ở những khu tồi tàn xem kẻ gian có tẩu tán tài sản về đó không. Ban điều tra vắng lời, lục soát đến khu tồi tàn của Ngũ Xú Nương. Họ vào đến nhà nàng, lục tới thúng lá chuối tìm được cái vương miện, bèn bắt trời cả ông bà. Hai ông bà một mực kêu oan. Quan điều tra hỏi :

- Vậy thì cái thúng này của ai ?

- Đó là của thằng rể tôi đem tới.

- Thằng rể ở đâu ?

- Không biết ! Hắn nói không có nhà, đi cả ngày tới tối mới trở về đây. Có thể là một thằng trốn lính. Các ông chờ tới tối sẽ gặp.

Ban điều tra ở lại chờ mãi không thấy thằng rể xuất hiện. Bà mẹ cô gái dấm ngực la làng :

- Hẳn có lẽ đã nghe động tĩnh nên chuồn thẳng rồi ! Oan ơi là oan, hỡi trời, hỡi đất !

- Vậy bà hãy tả hình dáng mặt mày thẳng rể cho tôi nghe.

- Làm sao tôi thấy rõ mặt mày hình dáng hẳn ? Nhà nghèo, đầu hôi khan hiếm, tối chỉ thắp một ngọn đèn leo lét một lát là tắt. Thẳng rể tôi thì tối mịt mới về khi tôi đã ngủ. Mà có thức thì tối quá cũng không thấy rõ được, mặt già lem nhem.

Họ bèn hỏi tới Ngũ Xú Nương :

- Còn cô, mặt mũi hình dạng chồng cô ra sao, hãy tả ra nghe.

- Tui cũng không thấy rõ được. Ánh thường về lúc đã tối mịt, đèn lu tui nhìn cũng mờ lắm.

- Vậy thì làm sao cô nhận được chồng cô.

- Sờ người thì biết.

Cả ban cười rộ. Họ không biết giải quyết ra sao nên cho người về tâu vua. Vua phán :

- Vậy thì ta đã có cách bắt thủ phạm. Các người hãy trả tự do cho vợ chồng nhà đó. Vua bàn với các quan rằng, theo lời khai của cô gái, sờ người thì biết được chồng cô. Vậy hãy làm

một cái chòi như cái phòng bỏ phiếu ở giữa công trường cho cô gái đứng vào trong, chứa một lỗ vừa thò bàn tay vào thôi. Xong xuôi, hãy bắt tất cả đàn ông ở tuổi có thể lấy vợ, tới đưa bàn tay vào cho cô gái sờ. Gặp bàn tay nào cô gái cho trúng là chồng cô thì đó là thủ phạm đã đánh cắp vương miện. Đình thần đều cho nhà vua cao kể và thực hành ngay.

Đúng ngày, tất cả nam nhi từ 18 đến 45 tuổi nối đuôi tới đưa tay cho cô gái sờ. Nhà vua cũng dự cuộc. Sau một ngày, cô đã sờ hàng ngàn bàn tay đưa vào, song không người nào trúng (mỗi người khi được cô gái cầm tới tay đều cảm thấy sung sướng vô ngần, không còn ham muốn gì hơn trên đời này nữa). Cuối cùng, khi nhà vua đưa tay vào, Ngũ Xú Nương la lên :

- Đây đúng là tay chồng tôi !

Cả triều đình ngơ ngác. Khi ấy họ mới hiểu ra mưu mẹo của vua, bởi vì ai cũng công nhận cái hạnh phúc tối cao do sự xúc chạm của nàng thì chỉ có nhà vua là xứng đáng hơn cả. Vì chính họ cũng quên mất vẻ xấu xí của nàng sau khi được bàn tay nàng sờ đến.

Triều đình tuân lệnh làm lễ tuyên Ngũ Xú Nương vào ngôi chánh cung, mà không còn bận

tâm đến vẻ xấu xí của nàng, đồng thời cũng không cho vua là điên, sau cuộc thử thách ấy.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Khoái lạc vật chất trong đời sống quả thật vô số kể, vừa êm dịu vừa ngọt ngào và quyến rũ, dưới đủ hình thức dục lạc làm lòng người say đắm, hãy nhận chân hiểm họa của nó.

Đồng thời cũng cho chúng ta thấy : những kẻ có quyền thế thường lạm dụng uy quyền và dùng những mưu mô xảo quyệt để hợp thức hóa dục vọng xấu xa của mình.

Có Niết Bàn không ?

Ngày xưa có một con cá, vì nó là loài ở nước, nên dĩ nhiên cuộc đời chỉ sống trong nước, và ngoài nước ra, nó không biết gì hết.

Một hôm nó đang nhón như bơi lội trong hồ, tình cờ gặp một con rùa mà nó đã quen từ trước, đi du lịch trên đất liền về. Nó liền chào :

- Chào anh ! Đã từ lâu tôi không gặp anh. Vậy xưa rày anh ở đâu ?

- Ô, tôi đi du lịch từ trên đất liền về. Trên ấy mặt đất khô ráo quá !

- Đất khô ! Anh nói cái gì lạ vậy ? Tôi chưa bao giờ thấy nơi nào kỳ lạ như vậy. Lẽ nào lại có đất khô ?

- Xin thề rằng tôi không nói đùa với anh đâu. Nhưng nếu quả tình anh không thể tin được thì tùy anh, không ai ngăn cản được anh. Nhưng dù sao, tôi cũng mới từ đó về.

- Này, anh cố gắng diễn lại cho hợp lý hơn. Tôi nghĩ rằng : cách diễn đạt của anh chưa được rõ ràng lắm. Anh vui lòng cho tôi biết đất mà anh nói đó, nó giống như cái gì trong thế giới chúng ta nào ? Nó có ẩm ướt không ?

- Không, nó không ẩm ướt.

- Thế nó có mát dịu và lạnh không ?

- Nó không mát, không dịu mà cũng chẳng lạnh.

- Thế nó có trong suốt để cho ánh sáng xuyên qua được không ?

- Không, nó không trong suốt và ánh sáng không thể xuyên qua được.

- Thế nó có mềm và dễ bị ép để cho tôi có thể quây vi và đi lại dễ dàng trong ấy không ?

- Không, nó không mềm, không bị dòn ép dễ dàng và trong ấy, anh cũng không thể bơi lội được.

- Thế nó có lưu động và đổ thành thác được không ?

- Không, nó không lưu động và cũng không đổ thành thác được.

- Vậy thì nó có dâng lên để tạo thành những mũi sóng bạc đầu được không ?

- Không, tôi chưa bao giờ thấy nó dâng lên thành làn sóng cả.

Đến đây, con cá vênh vào tự đắc than rằng :

- Tôi đã từng nói với anh rằng đất mà anh nói đó là không phải cái gì cả. Tôi cũng vừa hỏi anh về đất ấy và với câu hỏi nào anh cũng trả lời rằng không. Đất anh nói đã là không phải bất cứ cái gì tôi nêu ra, vậy thì đất hẳn là ngoan không. Anh đừng tìm cách bịp tôi nữa.

- Tốt ! Anh đã quả quyết rằng không có đất liền. Tôi cũng không có cách nào hơn là cứ để anh tiếp tục tin như anh đã nghĩ. Nhưng một mai, có ai khác hơn tôi và đủ sức phân biệt cho anh thấy sự sai khác giữa đất và nước, ngày ấy anh sẽ thấy rằng anh chỉ là một con cá ngọc.

THÍCH THIÊN HOA

"Niết bàn là một cái gì tuyệt đối không dung Ngã. Niết bàn không có hạn lượng, không có nơi chốn, vì Niết bàn vô tướng - Vô tướng nên khó vào. Muốn vào Niết bàn ta cũng phải vô tướng như Niết bàn. Cửa Niết bàn rất hẹp, chỉ bằng tơ tóc, nên ta không thể mang thêm một hành lý nào mà hy vọng vào Niết bàn được cả. Cái thân ta cũng không mang theo được, mà cả ý niệm về tôi, về ta cũng không thể mang theo được. Cái ta càng to thì càng xa Niết bàn. Nên biết rằng : **LIỄU HỮU NGÃ LÀ LUÂN HỒI MÀ VÔ NGÃ LÀ NIẾT BÀN**"

Niết bản

Có một tên ăn trộm bị người ta bắt đem nạp cho nhà Vua. Muốn giam giữ nó nhà vua ra lệnh dỡ nắp rương thả ra bốn con rắn độc. Con thứ nhất quấn tay mặt tội nhân, con thứ hai quấn lấy tay trái tội nhân, con thứ ba quấn ngang hông và con thứ tư quấn ngang cổ nó.

Một người đức hạnh đến gần tội nhân, thấy rõ tình cảnh, liền nói rằng : - Người đã bị người ta giữ gìn cẩn thận, vậy hãy đứng yên, chớ nên cựa quậy mà bị rắn cắn. Nọc con rắn thứ nhất sẽ làm cho thân người cứng đơ như đá, nọc con rắn thứ hai làm cho thân người tiêu ra nước, nọc con rắn thứ ba làm cho thân người tan ra bột và bị gió cuốn đi, nọc con rắn thứ tư sẽ đốt người cháy như ngọn lửa.

Tên ăn trộm trả lời :

- Không phải ! Những con rắn ấy đều là đồ trang sức của tôi. Đây là đôi vòng của tôi, đây là sợi dây chuyền cổ và đây là sợi dây lưng.

Người đức hạnh lại dạy nó từ từ gỡ bốn con rắn

ấy, đem bỏ vào trong rương, đây nắp lại, rồi mau mau chạy trốn.

Nó làm theo.

Hay tin, nhà vua liền truyền lệnh cho năm tên lính đuổi theo bắt tên ăn trộm.

Nó ráng chạy được một đổi, lại gặp người đức hạnh khi nãy hô to :

- Người hãy chạy thật mau lên ! Có năm tên lính đang đuổi theo sau lưng kia ! Chúng lại thả ra bốn con rắn độc để rượt bắt người đó.

Khi đã đuối sức, tên ăn trộm liền dừng chân lại, và thấy phía trước có 6 cái nhà bỏ trống, vừa bị 6 tên cướp vào vét sạch của cải.

Sáu tên cướp lại nhập đoàn với năm tên lính để đuổi bắt nó.

Người đức hạnh lại hô to lên nữa :

- Người ráng chạy mau lên ! Bốn cướp và lính nhà vua sắp đến nơi.

Chúng lại bắt thêm một người bạn thân của người để dụ người trở về trị tội.

Nhưng chạy được một đổi, tội nhân lại gặp một cái biển ngay trước mặt, nên phải dừng chân lại. Nó hết sức lo âu, vì tại đây không có ghe thuyền chi để thoát thân cả.

Người đức hạnh dạy nó lấy tám cành cây khô, kết lại thành bè để bơi đi trốn.

Làm bè xong, nó bơi ra được một đôi thì gặp một hòn cù lao. Nó định ghé lên, nhưng dòm ngoái lại phía sau, thấy quân lính còn đuổi nà theo. Nó cố sức bơi đến một cù lao thứ nhì, rồi thứ ba, và thứ tư. Nhân dân ở chỗ đó liền tôn nó lên làm Vua. Lúc ấy, đoàn người đuổi theo sau nó đều bị tiêu diệt và nó không còn thấy hình bóng đâu nữa !

Nhà vua ám chỉ các nghiệp, tên ăn trộm ám chỉ người đi tìm đạo, người đức hạnh chỉ ông thầy đi dạy đạo, bốn con rắn độc ám chỉ tứ đại, năm tên lính ám chỉ ngũ uẩn, sáu cái nhà bè trống sau khi bị ăn cướp ám chỉ sáu căn, sáu tên cướp ám chỉ sáu trần, tám cành cây kết lại thành bè ám chỉ bát chánh đạo. Bốn cù lao núi ám chỉ bốn bậc thiền định hay bốn quả thánh, lễ tôn vương ám chỉ sự giải thoát. Sự tiêu diệt của đoàn người đuổi theo sau ám chỉ sự tan biến của màn vô minh và sự bể gãy bánh xe luân hồi.

THÍCH THIÊN HOA

Kẻ phạm phu bị màn vô minh che lấp, đắm mê theo vật dục, nhận khổ làm vui, nhận xấu làm tốt, khác gì kẻ tội ăn trộm nhận rắn độc làm đồ trang sức. Nếu nó không nhờ nhà tự hành đức hạnh dạy bảo, thì đâu biết mình bị rắn độc bao vây để chạy thoát, và đâu có gắng sức dẻo dai để bước lên bờ giải thoát.

Ân oán

Hồi xưa tất cả cỏ cây và sinh vật đều biết nghe cũng như biết nói. Con người thì có trí khôn, nên được tôn : chúa tể vạn vật. Núi rừng trùng điệp bao la, là giang sơn của Chúa Sơn Lâm. Cọp, đứng đầu trong các loài thú dữ, mà theo luật cung cầu là "Vật dưỡng nhân". Như thường ngày, Cọp nương theo đường mòn đi dọc về ngang, bất thần một hôm chui đầu vào rọ !... Chiếc bẫy rọ được giương lên, nguy trang khéo léo của nhóm người đi săn - Bẫy sập xuống nhốt gọn Chúa Sơn Lâm. Cọp cố sức vùng vẫy, gào thét, mà không có cách nào thoát ra khỏi bẫy, đánh thu mình nằm trong bẫy rọ, đầu óc Cọp hoang mang lo sợ !... Bất ngờ, nghe tiếng động, từ hướng trước mặt, Cọp giương đôi mắt nhìn.

Ồ kia... may mắn thay, bóng dáng một phật sư, Cọp vội cất tiếng than ! "Ông sư ơi ! Là người tu hành ông làm ơn làm phúc cứu tôi thoát khỏi bẫy rập này, ơn đức ấy muôn đời tôi ghi nhớ !". Xúc

động từ tâm, vị tu sĩ kia vội vàng mở cửa rọ cho Cọp thoát thân. Điều ngạc nhiên hơn, vừa thoát ra khỏi bẫy, Cọp rùng mình gầm rống lên vang dội, đôi mắt như hai tia lửa hung tợn chăm chập nhìn thẳng vào nhà sư hiền từ đức độ... Cọp hẳn học cảm tức lớn tiếng : Loài người các ông ác độc lắm, đánh bẫy định bắt ta ăn thịt. Nay thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng, ta phải giết ông để trả thù, xác ông là miếng mồi ngon cung cấp cho bao tử ta sau hai ngày đói khát... Nhà sư nét mặt bình thản hiền lành trả lời : Thế gian là cõi tạm, sống ở thác về, luân tạo hóa nhiệm mầu, hễ có sanh là lẽ dĩ nhiên phải có tử, nào ai lột da sống hoài mà không chết. Chết là giải thoát kiếp con người trên cõi ô trược này, có điều tôi muốn phân trần với Chúa Sơn Lâm : Ngài lấy ân làm oán. Xác thân này tôi chịu chết bởi móng vuốt của ngài tôi không bao giờ hối tiếc. Chỉ sợ cho ngài mang danh là Chúa Sơn Lâm tiếng tăm lừng lẫy lại giết chết một kẻ tu hành. Vì muốn cứu mạng sống của Chúa Sơn Lâm, kẻ này có lỗi với người thợ săn, mở bẫy thả ngài... Mai sau tôi chết rồi, những sinh vật bé nhỏ hơn nó coi thường việc đối xử hẹp hòi của Ngài, biết đâu ngài không khỏi tủi thẹn với cội cây sông núi...

Cọp nghe xuôi tai nên nói : - Thôi được, tạm để cho ông yên, nhưng ta ra điều kiện thế này : ông

cùng ta đi hỏi xem ba nhân chứng khác nhau. Nếu cả 3 mà đồng ý : "Loài người các ông ác" thì tôi xé xác ông, ông có chịu không ?... Nhà sư đáp : Mô Phật, tôi xin bằng lòng...

Đầu tiên, gặp trâu đang ăn cỏ. Cọp cất tiếng hỏi : - Trâu ơi ! Ta hỏi câu này, loài người hiền hay ác, Trâu trả lời ta nghe thử ?... Trâu nói : Lòng dạ con người độc ác khó đo lường. Người bắt tôi làm lưng suốt ngày hết đi cày đến kéo xe, chở từ hạt lúa cho người ăn. Tôi làm thì nhiều mà người bỏ thí cho một mớ rơm khô để ăn đắp đổi sống qua ngày. Đến khi kiệt sức còn da bọc xương người không thương, tham lợi bán tôi cho lò thịt. Nơi đây tôi chịu cực hình đau đớn họ lột từng miếng thịt để chia nhau ăn, thậm chí đến tẩm da người đem đóng dây bịt trống. Loài người quá ác độc nhân tâm...

- Đến lượt thứ hai, gặp cây me, Cọp hỏi : - Me ơi ! Ta muốn biết tiếng nói chân thật của Me, mi thấy loài người Hiền hay Ác ? - Suy nghĩ giây lâu cây me trả lời : - Loài người Ác Thiện lẫn lộn. Khi tôi còn bé, người vun phân tưới nước tôi đến tuổi tốt trưởng thành. Nhưng tưởng khi lớn lên trả trái cho người để đáp đền ơn săn sóc. Khó thay, trái chưa kịp chín đến thời kỳ cung cấp, người trèo lên bẻ đại bực cần để ăn tươi nuốt sống, làm

cho thân xác ủ ế lá rụng, cành gãy !... Suy đi tính lại, loài người Thiện ít, mà Ác lại nhiều hơn.

- Đến nhân chứng cuối cùng, Cọp gặp chú Khi con... Vì khiếp oai Cọp nên Khi thấp thò nhìn lên !... Cọp gọi Khi lại, hỏi y như hai câu hỏi lần trước, chú khi nhúm mày, nét mặt nhăn nheo khó nghĩ !... Hồi lâu Khi trả lời : - Việc đời khó đo lường, mà cũng khó nói, trời đất đang yên lặng nhưng biết đâu chốc lát giông gió nổi lên, lòng dạ người ta vô cùng khó hiểu. Nhưng tôi muốn biết vì sao Chúa Sơn Lâm lại hỏi tôi câu này ? Khi hỏi ngược lại, Cọp bèn thuật lại việc bị mắc rọ cho Khi nghe, chăm chú nghe xong câu chuyện Khi đáp : - Vừa nghe ngài kể là một việc, còn sự thật có hay không là một việc khác. Vì đầu óc non nớt của tôi, khi nào thấy được tận mắt tôi mới tin là sự thật. Cọp gầm lên : chú Khi không tin thì leo lên lưng ta công chú đến đó cách đây một dặm đường. Khi bằng lòng theo Cọp cùng vị Sư.

Tại đây Cọp chỉ vào bẫy rọ phân trần với Khi. Lúc đó ta bị kẹt trong ấy ! Khi hỏi : - Rồi làm sao mà ngài ra được ? Cọp trả lời : - Chú mày ngu quá. Lúc ấy cái nắp bẫy được giương lên. Khi gạt đầu ra đều hiểu biết : Bây giờ đầu ngài làm lại tôi xem nắp bẫy sập ra làm sao ? Muốn cho Khi thấy tận tường, Cọp nhờ nhà Sư đỡ nắp bẫy lên, đoạn chui

vào bẫy rọ. Nấp sụp lại !. Khổ thay, Cọp bị mắc lừa chứ Khi con bé nhỏ kia... Sự việc xảy ra y như lúc Cọp vừa mắc bẫy, Khi nhìn về nhà Sư hỏi : Còn nhà Sư lúc đó ở đâu ? Cọp cướp lời : ông từ hướng trước kia đi lại. Nghe xong Khi nói : - Giờ đây sự thật đã hiển nhiên rồi, thì giờ rất quý báu. Bậc tu hành thì đường thẳng ông cứ việc đi, xem như chẳng có việc gì xảy ra, lo chi thêm nhiều phiền lụy !... Hướng về phía Cọp, Khi nói : - Phần tôi nhỏ bé lại yếu đuối, không giải quyết được việc gì, phiền Chúa Sơn Lâm chờ dịp may khác, biết đâu lại cũng có người đến cứu ông. Tôi cầu mong trời đất phò hộ ông nhiều sức lực để đương đầu với sư tử, mãng xà, kiêu ông, tôi xin tạm biệt !... Cọp nghe xong nổi giận gầm vang rền cả núi rừng. Mặt trời vừa chen lặn, trả về núi rừng một vẻ âm u.

HUỲNH VĂN BỘI

"Bóng ai hồng hiện trên non vắng

Lẳng thừng trên đài một vị sư

Tu gắng hỏi sư, sư chẳng đoái

Mắt nhìn mây trắng vẫn trầm tư"

Tôn giả Xá Lợi Phất

Trong kinh tạng Pàli, Tôn giả Xá Lợi Phất chiếm địa vị quan trọng hàng đầu, chỉ đứng sau Phật. Nhiều kinh được mở đầu với câu cổ điển "Nhu vậy tôi nghe", mà người thuyết kinh thay vì đấng giác Ngộ, thì lại chính là bậc Thánh đệ tử uyên bác ấy đại lao cho Ngài. Có khi đức Đạo Sư thăng pháp tòa, chỉ trình bày một bài kệ ngắn gọn, rồi lui về am thất của Ngài. Trong những dịp như vậy, chúng ta thường gặp Tôn giả Xá Lợi Phất xuất hiện khai diễn ý nghĩa lời dạy súc tích của Phật và cuối cùng, chính Phật đã xác chứng cho lời giải thích của Tôn giả bằng một câu còn giá trị hơn tất cả những lời khen tặng: "Nếu các ông hỏi ta, ta cũng giải thích như Xá Lợi Phất!".

Tôn giả Xá Lợi Phất (Sàriputra, dịch nghĩa là Thu Tử) là con trưởng trong một gia đình thuộc thế cấp Bà La Môn giàu nhất làng Upatissa, gần Nàlanda ngày nay. Upatissa cũng là tên được đặt cho Ngài khi sơ sinh. Mẹ Ngài tên Sàrì. Trong bốn

người con trai Ngài được mang tên của mẹ, trong khi một người em của Ngài lại có tên của cha là Vagantaputra. Tôn giả có ba em trai và ba em gái, về sau đều theo Ngài xuất gia đắc quả A La Hán. Những tiểu sử của các vị này được tìm thấy trong "Trường lão Tăng kệ" và "Trường lão Ni kệ".

Ba người em trai của Tôn giả có tên tuân tự như sau : Cunda (Thuần Đà) Upasena và Revata (Ly bà đa). Ba em gái của Tôn giả là : Cālā, Upacālā và Sisupacālā. Ly Bà Đa là vị đệ tử thiên định đệ nhất của Phật. Vì Ngài là con út, bà mẹ rất cưng quý, không muốn cho xuất gia nên tìm cách cưới vợ cho Ngài rất sớm. Vào ngày hôn lễ, không may cho hai gia đình, cậu bé tình cờ thấy bà ngoại già 120 tuổi của cô bé, và trực nhận lý vô thường, trong phút chốc cậu đâm ra chán ngấy tất cả cảnh hoa lệ giả dối của cuộc phù sinh, và muốn thoát ly bằng mọi giá. Được anh cả yểm trợ, cậu út chuồn ngã sau giữa lúc đám tiệc linh đình, và trực chỉ đi đến một ngôi tịnh xá, xuống tóc xuất gia. Ít năm sau khi nhập đạo, vào một mùa an cư, trên đường đi bái yết Phật, Tôn giả dừng chân ở một khu rừng cây Kha-di-sa (cây gai) và tại đây Ngài đắc quả, nên ngày sau Ngài được hiệu là "Ly Bà Đa ở rừng gai". Ngài được Phật khen là người xuất sắc nhất trong những vị yếu thích độc cư ở núi rừng.

Em trai giữa Tôn giả là Upasena hay Vagataputta là vị Tỷ kheo được Phật khen ngợi có hạnh hoan hỷ đệ nhất. Ngài từ trần sau khi bị rắn độc cắn, như được ghi trong một kinh của Tương Ưng bộ.

Người em kế là Cunda (Thuần Bà) được mệnh danh chữ tiểu Thuần Bà ngay cả khi thọ giới, vì để phân biệt với Trưởng lão Đại Thuần Bà. Khi Tôn giả Xá Lợi Phất nhập diệt, chính vị này đã hầu cận Ngài và mang di vật của Ngài trở về thông báo với Đức Phật và Thánh chúng.

Ba người em gái của tôn giả cũng xuất gia sau khi đã lập gia đình mỗi người có một người con. Những người con trai này đã theo học với Tôn giả Ly Bà Đa. Chính Tôn giả Xá Lợi Phất, vào một dịp đến thăm người em út của Ngài lâm bệnh, đã gặp các cháu và khen ngợi hạnh kiểm tốt đẹp của họ, như được tìm thấy trong Trưởng lão Tăng kệ 42, phần luận số.

Hạnh - Nhân - Nhục

Mặc dầu cả bảy anh em Tôn giả đều xuất gia theo Phật, bà mẹ của Tôn giả vẫn giữ đạo Bà La Môn, và có thái độ thù nghịch với Phật giáo và tất cả những người liên hệ. Bà thù hận sư môn Gotama đã cướp hết đàn con của bà. Vào một năm

gặp thời đói kém, Tôn giả Xá Lợi Phất đưa 500 vị Tỷ kheo đến khất thực tại nhà bà Sàri, bà vừa bày thức ăn bà vừa làm bầm nguyên rủa. Để thực phẩm vào bát Tôn giả, bà mắng :

- Ngu ơi là ngu ! Nhà cao cửa lớn, ruộng vườn thẳng cánh cò bay thì không chịu ở, lại bỏ mà đi đầu đường xó chợ, ngủ bụi ngủ bờ, ăn cơm thừa cơm cặn của người ta.

Tôn giả vẫn yên lặng cùng Chúng Tăng thọ thực. Ăn xong, Tăng đoàn cũng theo Tôn giả im lặng trở về tịnh xá. Đại đức La Hầu La nhỏ nhất trong Tăng đoàn thốt mách thuật lại cho Phật nghe mọi sự đã chứng kiến tại nhà bà thí chủ nọ. Phật nhân đó thốt bài kệ sau đây, được ghi trong kinh Pháp cú, phẩm Bà La Môn :

*"Đầy đủ đức hạnh không nóng giận,
trì giới thanh tịnh không nhục nhiễm,
thì chỉ ngay thân này là cuối cùng,
không bị tiếp tục sanh nữa,
Người như thế Ta gọi là Bà La Môn.*

(danh từ Bà La Môn ở đây chỉ người cao thượng)

Hạnh nhân nhục của Tôn giả được Phật và

những vị đồng phạm hạnh không ngớt tán dương. Một hôm, một người đang đề cập về các đức tin của Tôn giả.

- Trưởng lão Xá lợi Phất của chúng ta có hạnh nhân nhục chẳng ai bì. Ngài chẳng tức giận ai bao giờ.

Khi nghe thế, một người Bà La Môn lên tiếng :

- Vô lý ! Ai mà khỏi có lúc tức giận. Đây là vì không ai khiêu khích ông ta thôi.

Mọi người phản đối :

- Không phải vậy đâu, cư sĩ.

Người Bà La Môn kia nói :

- Để tôi có cách chọc ông ta tức giận cho coi.

Người ta đồng ý chờ xem. Ngờ đâu, người Bà La Môn ấy chực khi Tôn giả vào thành Xá Vệ khất thực chạy theo đấm một đấm như búa bổ vào lưng Tôn giả. Tôn giả vẫn thản nhiên không quay lui, chỉ lên tiếng hỏi khẽ : "Cái gì thế" và tiếp tục bước. Người kia sanh tâm hối hận, đến trước Tôn giả sụp lạy xin sám hối. Tôn giả hoan hỷ tha thứ ngay. Người kia bạch :

- Bạch Tôn giả, nếu Ngài đã tha thứ cho con, xin thỉnh Ngài về nhà con thọ thực, và hôm nay

trở đi, xin Ngài cho con được cúng dường Ngài thường xuyên.

Nói xong, y đỡ lấy bình bát trên tay Tôn giả và đưa Ngài về nhà. Nhưng có một bọn người đã vây lấy người Bà La Môn ấy, sẵn gây gộc cầm tay, và bạch Tôn giả :

- Bạch Ngài, xin Ngài giao tên ác ôn đó cho bọn con sửa trị một mẻ.

- Tại sao ?

- Bạch, nó đánh Tôn giả ! Chúng con phải bừa đầu nó ra !

- Kẻ ấy đánh các ông, hay đánh ta ?

- Bạch, đánh Tôn giả.

- Vậy thì y cũng đã xin lỗi ta rồi. Các ông hãy đi đi.

Vào một dịp, Phật ngự tại Kỳ Viên tịnh xá, Tôn giả bị một Tỷ kheo vu khống, vì vị này phần nộ bất mãn. Khi các Tỷ kheo đến từ giả sau mùa an cư, Tôn giả luôn luôn gọi tên thân mật từng vị Tỷ kheo, nhưng vị này lại không được Tôn giả nhắc đến tên, do nhân duyên ấy, vị này nổi lên phần nộ và bất mãn, nghĩ rằng : "Tôn giả đã không thăm hỏi ta như những người khác". Đang lúc tức giận, Tôn giả đi ngang lại đụng chéo y vào người ông

một cái, làm cho ông càng thêm tức, đến kiện với Phật.

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá Lợi Phất luôn luôn nghĩ mình là đệ tử số 1 của đấng Đạo sư, đã đánh con một tát gần điếc lỗ tai, thế mà không thêm nói gì, đã bỏ đi một bước.

Đức Phật cho gọi Tôn giả Xá Lợi Phất. Thay vì phủ nhận sự vu cáo, Tôn giả đã rống lên tiếng sư tử giữa hội chúng với một bài pháp hùng hồn xác chứng Ngài đã thoát ly vịnh biển sân hận, có sức chịu đựng những mạ ly phi báng như đất nhận đồ phế thải. Vị Tỳ kheo ngập tràn hối hận, xin Ngài tha thứ tội lỗi. Trước đức Đạo sư, Tôn giả thốt lên những lời đầy khiêm cung :

- Bạch Thế Tôn, con tha lỗi vị đại đức, và con xin vị ấy hãy tha lỗi cho con nếu con có làm gì phật lòng người ấy.

Đức Phật bảo chúng đệ tử đang vây quanh Ngài :

- Nay các Tỳ kheo, Xá Lợi Phất và những người đã chứng đắc như ông không bao giờ ôm lòng hận thù ai. Tâm ông lớn như đại địa, vững như trụ đồng và an tịnh như mặt nước ao thu.

Lòng nhớ ơn

Trước khi xuất gia, Tôn giả đã nhờ Trưởng lão Assaji mà ngộ đạo - đạo lý duyên sanh và tìm đến Đức Phật để tham học. Tôn giả nhớ ơn ấy suốt đời. Khi cùng ở một tịnh xá, Ngài luôn luôn đánh lễ Assaji sau khi đánh lễ đức Đạo sư, và khi Assaji ở chùa khác, Tôn giả thường hướng về ngôi chùa ấy mà đánh lễ sau khi đánh lễ Phật.

Khi Phật ở Xá Vệ trong Kỳ Viên tịnh xá có một người Bà La Môn nghèo khổ làm vườn, quét dọn để kiếm ăn. Phật quán thấy ông ta có thể đắc quả, nên hỏi trong đại chúng có ai nhớ đã chịu ơn của người Bà La Môn kia lần nào không. Ngài Xá Lợi Phất thưa rằng, có lần Ngài khát thực trong thành Vương Xá, người Bà La Môn kia đã sốt cho Ngài một muống đồ ăn của y đã xin được. Phật bảo : vậy ông hãy độ y xuất gia. Dưới sự hướng dẫn của Tôn giả, chẳng bao lâu người này đắc quả A La Hán.

Bậc thiện trí thức

Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thiện trí thức của tất cả mọi người. Ngài được tất cả yêu kính không những vì trí tuệ siêu phàm mà còn vì đức khiêm cung và lòng từ bi hiếm có. Ngài không bao giờ tỏ ra mình là vị bậc thượng thủ trong giáo hội của

Phật. Trong tỉnh xá Kỳ Đà Lâm, Tôn giả luôn luôn vẫn an thăm hỏi những vị thượng tọa già yếu bệnh tật, và mỗi khi ra khỏi độc cư thiền định Ngài thường đi một lượt quanh khu tỉnh xá, quét dọn lại những nơi bừa bãi, để du khách khỏi chê cười đệ tử Phật ở dơ. Mỗi khi theo Phật du hóa một vùng xa, Tôn giả thường đi sau cùng, sau khi thu xếp cho những vị Tỷ kheo yếu bệnh. Cũng vì lẽ ấy mà có bận Tôn giả đến nơi đã định khi quá nửa đêm, không còn chỗ nào dành cho Tôn giả, Tôn giả đành ngồi nghỉ tạm ngoài trời, dưới một gốc cây. Khi Đức Phật rõ biết việc này, Ngài liền chế định, phải dành chỗ sẵn cho những bậc tôn túc trưởng thượng.

Thông thường, những người quá thông minh xuất chúng phải trả giá thiên tài của họ bằng nỗi cô đơn. Nhưng Tôn giả Xá Lợi Phất lại là một ngoại lệ. Ngài có rất nhiều bạn, có thể nói Ngài là bạn của tất cả, kể từ Đức Phật trở xuống.

Nhiều kinh điển Pali đã ghi lại những cuộc luận đàm kỳ thú giữa Tôn giả Xá Lợi Phất với những bậc Thánh đệ tử khác. Chính đức Đạo sư dường như cũng ưa nói chuyện với Tôn giả hơn với những người khác. Ngài thường gọi : "Này Xá Lợi Phất" mỗi khi thuyết pháp. Thật là một địa vị đáng thêm !

Đức tính thứ nhất làm cho mọi người yêu kính là Tôn giả : biết thấy ưu điểm của người khác. Một lần, khi Tôn giả đang thiền định ngoài khoảng trống, có một con quỷ chơi xấu, đến đánh một cú như trời giáng vào đỉnh đầu. Nhưng do định lực sâu xa Tôn giả không bị giao động. Khi Ngài xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên đến hỏi :

- Hiền giả có hề gì không ?

Xá Lợi Phất đáp :

- Không sao cả thưa Hiền giả. Tôi chỉ bị nhức đầu chút ít.

- Kỳ diệu thay ! Thật kỳ diệu thay định lực của Hiền giả. Vừa rồi có một con quỷ đến phá Hiền giả, mặt mày con quỷ hết sức dữ tợn, nó đánh một búa vào đầu Hiền giả, tưởng chừng núi đá cũng có thể vỡ ra !

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp lại bằng một lời khen ý nhị :

- Kỳ diệu thay ! Thật kỳ diệu thay năng lực thần thông siêu việt của Hiền giả Mục Kiền Liên, có thể thấy được mặt mày con quỷ ấy.

Tôn giả Mục Kiền Liên và Tôn giả Xá Lợi Phất là đôi bạn chí thiết từ nhỏ, ra đời cùng một ngày, trưởng thành trong một môi trường sang quý như

nhau. Trong lúc tham dự một cuộc vui huyền ảo kéo dài nhiều đêm, đôi bạn cùng một lúc khởi tâm nhàm chán thế tục với những lớp sơn lừa phỉnh của ngũ dục tạm bợ và cùng nhau đi tìm thầy học đạo. Trước hết, họ theo Sanjaya một tu sĩ ngoại đạo nổi danh ở thành Vương Xá. Với sự gia nhập của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, uy tín của Sanjaya càng tăng gấp bội, và những thanh niên thuộc danh gia vọng tộc cũng nối gót hai ngài đến thọ giáo với Sanjaya. Trong một thời gian ngắn, đôi bạn đã học xong tất cả những gì Sanjaya có thể trao truyền, nhưng vẫn không tìm thấy đâu là con đường đưa đến giải thoát. Họ phải từ giả Sanjaya và sau này, khi được gặp Phật, nghe giáo lý của Ngài, họ sung sướng trở về khuyên Sanjaya theo Phật. Khi ấy Sanjaya nói một câu điển hình của hạng thầy dốt nát như ông :

- Địa vị của ta không cho phép ta làm một người học trò được. Người tốt hơn hết nên ở lại với ta, ta sẽ chia cho một nửa đồ chúng mà lãnh đạo.

Xá Lợi Phất thưa :

- Thưa thầy, tôi không hiềm gì phải làm một học trò suốt đời, bao lâu chưa tìm ra được con đường giải thoát sanh tử. Và một đấng giác Ngộ không thể gì gặp được ! Xin thầy hãy cùng đi với chúng tôi !

- Trong thiên hạ, kẻ ngu nhiều hơn hay người trí nhiều hơn ?

- Thưa thầy, kẻ ngu bao giờ cũng nhiều hơn người trí.

- Vậy thì hãy để những người trí đến với Sa môn Gotama, còn kẻ ngu sẽ theo ta.

Khi đôi bạn ra đi, một nửa đồ chúng của vị thầy cũng đi theo họ đến quy y Phật, hai vị Tôn giả đã trở thành đôi cánh của một con chim đại bàng. Hai vị đối với đấng Đạo sư là hai cánh tay đắc lực trên đường hoằng pháp đến nỗi khi hai Ngài nhập Niết bàn, Đức Phật đã thốt ra :

- "Hội chúng từ nay đối với ta thật trống rỗng".

Qua lời dạy ấy, chúng ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của hai bậc Thánh đệ tử ấy đối với đức Đạo sư và đối với chánh pháp.

Một đức tính khác làm cho Tôn giả Xá Lợi Phất được tất cả đồ chúng của Phật yêu kính là Ngài biết tôn trọng ý kiến của mọi người. Ngài không bao giờ tự cho là trí tuệ đệ nhất để áp đảo kẻ khác bằng lý luận. Trong những cuộc luận đàm Tôn giả thường hỏi ý kiến từng người, để họ tự do phát biểu, và khi có sự bất đồng Ngài rủ mọi người cùng đi đến yết kiến Phật để xin đức Đạo sư giải quyết,

chứ không bao giờ tự cho ý kiến mình đúng, thiên hạ đều sai. Một kinh của Trung bộ III kể, vào một đêm rằm, trăng sáng vàng vạc chiếu xuống khu vườn cây Sa La nơi Tôn giả đang trú ngụ. Đêm khuya, trăng tỏ, hương hoa đang mùa rộ nở cùng với sương đêm tỏa ngát không gian. Cảnh thật xứng với người : một cuộc hội kiến giữa những bậc thượng thủ đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả mở màn cho cuộc pháp thoại bằng một câu hỏi, cũng vừa là một lời chào :

- Đêm thanh, trăng tỏ, vườn Sa La khả ái thơm nức một mùi hương như thiên giới, chư Hiền nghĩ sao, vị Tỷ kheo nào, theo ý chư Hiền, sẽ là người làm sáng chói khu vườn (tức một mẫu Tỷ kheo lý tưởng trong Phật giáo phải như thế nào ?)

Tôn giả A Nan đáp :

- Theo tôi, một vị Tỷ kheo làm sáng chói khu vườn là vị nào đa văn đệ nhất.

Tôn giả Ca Diếp :

- Vị Tỷ kheo sáng chói khu vườn là vị trì khổ hạnh đầu đà đệ nhất.

Tôn giả Mục Kiền Liên :

- Tôi thì cho rằng vị Tỷ kheo làm sáng chói khu vườn, chính là vị nào thành tựu biện tài số một.

Tôn giả Ly Bà Đa :

- Ý kiến của tôi thì, vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn phải là người thiện định bậc nhất.

Khi tất cả mọi người đều cho ý kiến, Tôn giả Mục Kiền Liên giục bạn :

- Hiền giả nghĩ sao ? Ý kiến của người nào đúng ? Và ý Hiền giả như thế nào về một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn ?

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp :

- Vị Tỳ kheo nào chế phục được tâm, không bị tâm chế phục. Vị Tỳ kheo nào, buổi sáng muốn trú tâm như thế nào, có thể an trú tâm như thế ấy vào buổi sáng. Buổi trưa vị ấy muốn an trú tâm nào vị ấy cũng có thể làm như ý muốn vào buổi trưa. Buổi chiều, buổi tối cũng vậy.

Như một vị vua hay đại thần có một tủ đầy áo đẹp, và khi vị ấy sáng muốn mặc áo nào, trưa muốn mặc áo nào, chiều muốn mặc áo nào đều có thể làm theo ý muốn của mình. Cũng thế, đối với một vị Tỳ kheo đã chế phục được tâm ý, không bị tâm chế phục. Một vị Tỳ kheo như thế, này Hiền giả, sẽ làm sáng chói khu vườn Sa La khả ái này. Nhưng này chư Hiền, chúng ta hãy đi đến đánh lễ đấng Đạo sư để thỉnh giáo về vấn đề này.

Khi Đức Phật nghe thuật lại ý kiến của từng vị. Ngài dạy rằng mọi người đều trả lời đúng theo địa vị khả năng của mình. Tuy nhiên, Ngài thêm ý kiến của Ngài theo đó :

- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn chính là vị nào sau khi đi khất thực về, sau khi chánh niệm thọ thực xong, rửa chân rồi trải tọa cụ ngồi thiền cho đến khi nào không còn lậu và móng khởi.

Điểm lý thú trong kinh này là ở chỗ khi mới nghe qua, chúng ta thấy dường như mỗi vị tự đề cao cá nhân vậy, song kỳ thật không thế. Mỗi người phát biểu cái lý tưởng mình muốn đạt, cho nên ngài A Nan, con người ưa đa văn, tôn trọng học vấn, đương nhiên phải cho đa văn là nhất. Ngài Ca Diếp cho hạnh đầu đà là lý tưởng của xuất gia, nên ngài mới chuyên môn hạnh ấy. Mục Kiền Liên yêu thích biện tài, muốn phát triển mặt ấy, nên cho rằng thành tựu biện tài là nhất. Ly Bà Đa chú trọng thiền định cũng thế, vì cho thiền định là lý tưởng. Câu đúc kết của Phật rất ý vị ở chỗ, cái điều Ngài cho là lý tưởng chính là những việc làm rất thường, không có gì quái dị phức tạp, thế mà lại rất khó, chỉ có Phật mới thành tựu trọn vẹn được. Đó là những việc như ăn cơm, rửa chân, trải tọa cụ ra ngồi... những việc Phật làm khi mở đầu kinh Kim Cang. Như vậy, ta thấy rõ Phật muốn

ám chỉ đạo là rất giản dị, đó là cái tâm bình thường (bình thường tâm thị đạo), nhưng đồng thời quả thật cái việc "thường" ấy lại khó khăn gấp bội những việc "phi thường" của các bậc đa văn, biện tài, trí tuệ.

Tôn giả Xá Lợi Phất lại còn một đức tính khá thu hút tất cả những bậc đồng phạm hạnh ấy là khiêm tốn và hãm mộ những tài đức khác. Kinh Trại Xe (TB II) kể, có vị Tôn giả là Phú Lâu Na được Phật và chúng Tỳ kheo ở chung luôn luôn tán thán về giới hạnh không thiếu sót, yêu thích độc cư, tinh tấn, tri túc, thiếu dục, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và là người thường khuyến khích người khác tu những hạnh kể trên. Khi nghe như vậy, Tôn giả Xá Lợi Phất vô cùng hoan hỷ mong muốn có ngày sẽ gặp được Tôn giả. Phú Lâu Na đến yết kiến Phật và lui về ở một nơi lân cận. Các vị Tỳ kheo báo tin cho Ngài Xá Lợi Phất biết để đi thăm. Đến nơi, Tôn giả bắt đầu hỏi chuyện :

- Hiền giả, hiền giả vì mục đích gì mà sống phạm hạnh với đức Đạo sư ? Phải chăng vì mục đích thành tựu giới thanh tịnh ?

- Không phải vậy, hiền giả.

- Vì mục đích kiến thành tịnh ?

- Không phải vậy, hiền giả.
- Vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh ?
- Không, hiền giả, phi đạo.
- Vì mục đích Đạo tri kiến thanh tịnh ?
- Cũng không, hiền giả.
- Vì mục đích Đạt tri kiến thanh tịnh ?
- Cũng không, hiền giả.

Khi ấy Tôn giả Xá Lợi Phất nói :

- Hiền giả, tôi hỏi cái gì hiền giả cũng đáp không phải mục đích ấy mà hiền giả sống phạm hạnh. Vậy thì, hiền giả sống phạm hạnh vì mục đích gì ?

- Hiền giả, với mục đích vô thủ trước Niết bàn.

Xá Lợi Phất hỏi tiếp :

- Có phải Giới thanh tịnh là vô thủ trước Niết bàn ?

Phú Lâu Na đáp không. Hỏi tâm thanh tịnh, cũng đáp không, lần lượt hỏi bảy thanh tịnh, cũng đáp không phải là vô thủ trước Niết bàn. Khi ấy, Xá Lợi Phất hỏi lại :

- Trong bảy thanh tịnh, hiền giả đều nói không có cái gì là Vô thủ trước Niết bàn, nghĩa là làm sao ?

Phú Lâu đáp :

- Hiền giả, nếu Thế Tôn dạy giới thanh tịnh là Vô thủ trước Niết bàn thì Vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với Hữu thủ trước (chấp vào giới), về sáu thanh tịnh kia cũng vậy. Và nếu Thế Tôn dạy cái gì ở ngoài bảy pháp ấy là Vô thủ trước Niết bàn, thì kẻ phàm phu cũng gọi là Bát Niết bàn, vì phàm phu không có bảy pháp ấy. Hiền giả, tôi lấy một ví dụ. Như vua Ba Tư Nặc đi từ Xá Vệ đến Sàveta qua bảy trạm xe. Khi vua đến nơi bằng chiếc xe của trạm thứ bảy, đình thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe này mà vua đi từ Xá Vệ đến hay không. Khi ấy, vua phải trả lời thế nào mới đúng ? Xá Lợi Phất đáp :

- Dĩ nhiên vua phải nói, đã đi từ trạm thứ nhất đến trạm thứ hai bằng một cỗ xe khác, lần lượt đổi xe ở mỗi trạm cho đến cỗ xe cuối cùng này.

- Hiền giả, cũng như vậy với bảy thanh tịnh. Giới thanh tịnh chỉ có mục đích đạt được Tâm thanh tịnh, Tâm thanh tịnh là để đạt đến Đoạn nghi thanh tịnh, Đoạn nghi thanh tịnh là để đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Vô thủ trước Bát Niết bàn.

Nghe xong Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả Phú Lâu Na :

- Tôn giả tên gì ? Các vị đồng phạm hạnh gọi Tôn giả như thế nào ?

- Tên tôi là Phú Lâu Na, các bạn gọi tôi là Di Đa La Ni Tử.

- Thật vi diệu thay hiền giả ! Những câu hỏi sâu kín đã được một bậc đệ tử đa văn của đấng Đạo Sư giải, và vị ấy là Tôn giả Phú Lâu Na. Thật hạnh phúc cho chúng tôi được thân cận thăm viếng Tôn giả.

Khi ấy, Tôn giả Phú Lâu Na hỏi lại :

- Còn hiền giả tên chi, các vị đồng phạm hạnh gọi hiền giả như thế nào ?

- Tên tôi là Tích Sa, các vị đồng phạm hạnh gọi tôi là Xá Lợi Phất.

Một bất ngờ kỳ thú ! Tôn giả Phú Lâu Na muốn bắt ngựa người vì ngạc nhiên, không ngờ này giờ mình múa rìu qua mắt thợ ! Nhưng ông thợ này quá khiêm tốn dễ thương. Ngài Phú Lâu Na ngỡ đi một hồi mới bảo :

- Tôi đang nói chuyện với bậc đệ tử được xem ngang hàng với đức Đạo sư mà không biết ! Nếu tôi biết Ngài là Tôn giả Xá Lợi Phất, thì tôi đã không nói nhiều như vậy.

Những ngày cuối cùng

Sau một mùa an cư ở làng Beluva gần Vesali, Đức Thế Tôn tuần tự trở về Xá Vệ, Tôn giả Xá Lợi Phất đến đánh lễ Đức Đạo sư rồi trở về độc cư thiên định. Khi Tôn giả an lành xuất định, Ngài khởi lên ý nghĩ : "Thông thường các đấng Giác Ngộ nhập Niết bàn trước hay các đệ tử trưởng nhập trước ?". Rồi quán sát nội lực của tự thân, Ngài thấy thân dư báo chỉ còn tồn tại bảy ngày. Kế đó Tôn giả tự hỏi : "Không biết ta sẽ xả bỏ báo thân ở chỗ nào ? La Hầu La thì nhập diệt ở cõi Tam thập tam thiên, Tôn giả Kiều Trần Như ở trên đỉnh núi Hy Lạp. Còn ta, thì chỗ nào ? "Nghĩ đi nghĩ lại, Ngài bỗng nhớ đến mẹ. "Mẹ ta, mặc dù là mẹ của bảy vị A La Hán, bà vẫn không có lòng tin đối với Phật, Pháp, Tăng. Bà còn chút duyên nào để sanh khởi tịnh tín chăng ?" Tôn giả quán sát một hồi và thấy rằng mẹ có thể chứng quả dự lưu. Rồi ngài tự hỏi, do ai mà bà sẽ được chứng quả ? Quán sát bằng thiên nhãn thiên định, Ngài thấy chính do mình mà mẹ sẽ đắc quả. Do đó Ngài quyết định trở về quê cũ để nhập diệt. Tôn giả Thuần Đà em ruột Ngài, cùng với 500 đồ chúng của Ngài được lệnh thu xếp để theo Ngài về Nālaka. Đi đến bái biệt vị Đạo sư lần cuối, Ngài tác bạch :

- Bạch Thế Tôn, xin đấng Thiện Thệ hứa khả cho con : thời gian nhập Niết bàn của con đã đến. Từ đây sẽ không còn luân hồi sanh tử với con. Đây là lần cuối cùng con đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Bảy ngày nữa, con sẽ đặt chân đặt thân này xuống, sẽ quăng bỏ gánh nặng này. Xin đấng Đạo sư hứa khả.

Đức Thế Tôn im lặng. Nếu Ngài tán thành bằng một câu : "Được, ông hãy nhập Niết bàn đi", người ta sẽ cho rằng Ngài khuyến khích sự chết. Nếu Ngài bác bỏ rằng : "Ông đừng nhập Niết bàn" người ta sẽ cho rằng Phật tán thán sự sống. Cho nên Phật yên lặng. Ngài chỉ từ tốn hỏi lại :

- Ông sẽ nhập Niết bàn ở chỗ nào ?

Tôn giả thưa :

- Bạch Thế Tôn, tại xứ Ma Kiệt Đà, trong làng Nālaka, ở ngay trong cái nhà con đã ra chào đời, con sẽ nhập Niết bàn tại đó.

Khi ấy, Thế Tôn dạy :

- Ông hãy làm những gì ông nghĩ là phải thời. Nhưng từ nay các huynh đệ của ông trong Tăng chúng sẽ không còn được thấy một vị Tỳ kheo như ông nữa. Hãy thuyết pháp cho họ một lần cuối cùng.

Tôn giả vâng lệnh, thăng pháp tòa. Với giọng nói trầm tĩnh mà hùng hồn, dung điệu uy nghiêm khả kính, Tôn giả ban bố pháp nhũ cho đại chúng lần cuối cùng. Khi thì Ngài đưa tâm hồn cử tọa lên đến những đỉnh cao tuyệt vời của chân đế, khi thì pháp âm bay lượn là đà xuống tục đế với những thí dụ trước mắt. Khi thì Ngài thuyết pháp bằng cách trực chỉ, khi thì Ngài dùng ẩn dụ. Thuyết xong thời pháp Tôn giả đến đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Ngài ôm chân Phật, bạch rằng :

- Chính vì ước nguyện được đánh lễ đôi chân này mà con đã hoàn thành các pháp ba la mật trải qua vô lượng kiếp. Nguyện ước của con nay đã thành tựu. Từ nay sẽ không còn gặp gỡ, bạch Thế Tôn, nếu con có lời nói hay việc làm nào không vừa ý Thế Tôn, xin Thế Tôn tha thứ cho con. Bây giờ đã đến lúc ra đi.

Phật đáp :

- Ta tha thứ cho ông, Xá Lợi Phất. Nhưng ông không có lời nói hay việc làm nào không vừa ý ta. Ông hãy làm những gì ông thấy phải thời.

Ngay khi Tôn giả đứng lên từ biệt Phật đại địa chấn động, trời nổi sấm sét, một đám mây đen lớn trùm khắp như một chiếc khăn tang của hoàn vũ

và một trận mưa ào ào trút xuống, như òa khóc trước cảnh ra đi của một bậc Chứng Trung Tôn.

Đức Thế Tôn bảo đồ chúng đang vây quanh :

- Bây giờ, các con hãy ra đi đưa tiễn bậc huynh trưởng của các con lần cuối.

Toàn thể tứ chúng đều rời Kỳ Viên Tịnh xá chỉ còn lại một mình đức Phật. Họ đi theo Tôn giả từng đoàn lũ lượt càng lúc càng đông vì dân chúng thành Xá Vệ cũng tiếp theo đoàn đưa tiễn, với đầu tóc nhúng nước rũ rượi (dấu hiệu tang lễ thời ấy), họ theo khóc lóc ta thán. Tôn giả ủy lạo quần chúng đang rên siết :

- Đây là một đoạn đường mà không ai tránh khỏi.

Và Ngài bảo họ trở về. Quay lại Tăng chúng ở Kỳ Viên đang theo đưa tiễn Ngài, Tôn giả căn dặn :

- Bây giờ, chư hiền hãy trở lại Tịnh xá đi. Hãy nhớ chăm sóc đấng Đạo Sư !

Còn lại 500 đồ chúng, Tôn giả tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc du hành kéo dài cả tuần lễ, khiến nhiều người được dịp chiêm bái Tôn giả lần cuối cùng. Khi về đến làng quê trời đã tối. Tôn giả dừng chân dưới một gốc đa đầu làng. Tĩnh cở, một

người cháu của Tôn giả đi mua đồ về, thấy Tôn giả, đến gần chào Ngài, Ngài hỏi :

- Bà ngoại con có nhà không ?

- Bạch Tôn giả, có.

- Con hãy trở về báo tin có chúng ta đến. Thưa bà rằng chúng ta sẽ ở lại trong làng một ngày, và xin bà dọn chỗ cho ta trong phòng ta đã ra chào đời, và sắp đặt chỗ nghỉ cho 500 vị Tỳ kheo.

Cậu bé trở về thuật lại cho thân mẫu Tôn giả. Nghe xong, bà ngẫm nghĩ : "Tại sao con ta lại trở về ? Tại sao y bảo dọn chỗ cho đông người quá vậy ? Sao lại muốn ở trong phòng chỗ chào đời ? Bộ muốn hoàn tục hay sao ? Bao nhiêu câu hỏi xoay vần trong đầu óc bà cụ. Nhưng bà vẫn làm theo lời dặn".

Khi Tôn giả về đến nhà, Ngài vào phòng dành sẵn, và bảo các Tỳ kheo hãy đi đến khu vực dành cho họ. Chúng Tỳ kheo vừa đi khỏi, Tôn giả phát đau bụng dữ dội, quặn thắt cả ruột. Ngài đi cầu không ngót, thị giả đem thùng vào rồi đem ra. Bà mẹ lo âu, thầm nghĩ : "Cha chả, bộ con mình gặp nguy rồi". Và bà cụ cứ đứng như vậy nhìn về phía phòng Tôn giả suốt đêm không dám đến gần. Trong lúc ấy Tứ Thiên Vương bằng thiên nhãn thấy bậc Đại Tuệ Xá Lợi Phất sắp nhập diệt, bàn

nhau xuống trần để viếng thăm Ngài. Giữa đêm khuya, gian phòng sáng rực vì dung sắc của vị Thiên Vương chiếu ra. Tôn giả hỏi :

- Ai thế ?

- Bạch Tôn giả, chúng tôi là những vị trời Tứ Thiên Vương.

- Các ngài đến đây làm gì ?

- Chúng tôi muốn hầu hạ Tôn giả trong cơn bệnh.

- Cảm ơn, tôi đã có thị giả. Các ngài đi đi.

Sau khi Tứ Thiên Vương từ biệt, đến lượt Đế Thích, và sau Đế Thích là Đại Phạm Thiên đến viếng thăm Tôn giả. Tôn giả đều cảm ơn bảo họ lui về. Bà cụ suốt buổi quan sát dung sắc thù thắng của những vị khách cõi trời mà lòng cảm thấy quái lạ. Bà tự hỏi : "Ai vậy ? Ai mà đối với con ta có vẻ cung kính thế nhỉ ?". Rồi, không can nỗi cơn tò mò, bà đến tận cửa phòng Tôn giả. Tôn giả Thuận Đà báo tin cho sư huynh, Tôn giả hỏi :

- Tại sao mẹ đến vào giờ khuya khoắt này ?

- Để thăm con, con ạ ! Này, con hãy nói cho mẹ nghe, những người đến đầu tiên là ai thế ?

- Thưa mẹ, đó là Tứ Thiên Vương.

Bà mẹ trở mặt :

- Ô ra, con còn lớn hơn Tứ Thiên Vương kia à ?

Tôn giả đáp :

- Họ cũng như những người giữ chùa từ ngày Đức Thế Tôn đản sanh, họ đã luôn luôn canh gác đêm ngày, gương đeo lưng lẳng.

- Và kế tiếp họ là ai thế ?

- Đó là Đế Thích, vua của những vị trời.

- Vậy con lại lớn hơn Đế Thích à ?

- Ông ấy cũng như chú tiểu ôm y bát theo hầu các Tỷ kheo. Khi đấng Đạo Sư lên cõi trời 33, chính Đế Thích đã ôm y bát theo hầu Ngài trở về trần thế.

- Ô, còn sau Đế Thích là ai nữa ?

- Đó chính là vị Phạm Thiên mà mẹ thờ.

- Ui chao ! Thế ra con còn lớn cả vị trời Đại Phạm của mẹ nữa sao ?

- Vâng thưa mẹ, vào ngày đấng Đạo Sư đản sanh, chính bốn vị trời Đại Phạm đã đưa lưới báu cõi trời đỡ lấy Thánh nhi.

Khi nghe thế, bà cụ suy nghĩ : "Nếu con ta đã có oai thần như vậy, thì bậc thầy của con ta còn

oai thần đến bậc nào". Và khi nghĩ thế, một niềm hoan hỷ tràn ngập thân tâm bà. Tôn giả quán thấy mẹ mình đã phát tâm sinh hỷ lạc đối với Tam Bảo, và đã đến lúc nên thuyết pháp cho bà. Ngài hỏi :

- Mẹ nghĩ gì thế ?

- Tôi đang nghĩ rằng, nếu con tôi đã oai thần như vậy, thì đấng Đạo Sư của người còn oai thần đến mức nào.

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp :

- Vào lúc đấng Đạo Sư dân sanh, lúc Ngài xuất gia, lúc đắc đạo và chuyển pháp luân lần đầu, vào tất cả những dịp ấy, mười phương thế giới đều rung chuyển. Không có ai sánh được với Ngài về phương diện giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Rồi Tôn giả tiếp tục giải thích cho mẹ nghe vì sao Đức Đạo Sư đã được xưng tôn là đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn. Nghe xong thời pháp, bà cụ đắc quả dự lưu. Bà hỏi Tôn giả :

- Tại sao, này con Tích Sa yêu dấu, tại sao suốt nhiều năm ròng, con đã không ban bố cho mẹ pháp vị cam lồ này.

Tôn giả nghĩ thầm : "Thế là ta bảo đèn ơn dưỡng dục". Và Ngài bảo mẹ :

- Bây giờ tín nữ hãy về nghỉ đi.

Khi bà cụ đi khỏi, Tôn giả hỏi Thuần Đà :

- Bây giờ là khoảng canh mấy ?

- Bạch Tôn giả, gần tảng sáng rồi.

- Hãy triệu tập chúng Tỳ kheo.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Khi chúng Tỳ kheo đến, Tôn giả bảo Thuần Đà :

- Hãy đỡ ta ngồi dậy, Thuần Đà.

Sau khi ngồi dậy, Tôn giả nói với chúng Tỳ kheo :

- Nay chư hiền, tôi đã sống, du hành với chư hiền trong 40 năm. Trong thời gian ấy, nếu tôi có làm gì, nói gì không vừa ý xin chư hiền tha thứ cho tôi.

Tất cả đồng thanh bạch :

- Thưa Tôn giả, không có một điều bất mãn nhỏ nào Tôn giả đã gây cho chúng con, những người theo Tôn giả như bóng theo hình. Nhưng bạch Tôn giả, xin Tôn giả hãy tha thứ cho chúng con !

Kế đó, Tôn giả quán y quanh mình trùm cả mặt, nằm xuống hông bên phải. Rồi, cũng như Đức Thế Tôn đã làm khi Ngài nhập Niết bàn, Tôn giả lần lượt nhập và xuất chín tầng lớp thiền định rồi trở lại nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sau tứ thiền, Ngài hoàn toàn nhập Niết bàn vô dư y. Đó là ngày rằm tháng Kattika tức vào khoảng giữa tháng 10 và 11 dương lịch.

Khi được tin, bà cụ không ngớt than khóc cho tới khi mặt trời mọc. Bà mở kho xuất nhiều tiền bạc để làm tang lễ. Quần chúng khắp làng đến nghe thuyết pháp và đánh lễ thi hài Tôn giả. Bảy ngày sau, lễ trà tỳ được cử hành. Thi hài Tôn giả được đặt trên một giàn hỏa lớn bằng gỗ trầm. Sau khi hỏa táng, Tôn giả A Nâu Lâu Đà rưới nước thơm dập tắt ngọn lửa. Tôn giả Thuần Đà thâu nhặt xá lợi bọc vào trong một mảnh y. Liên sau đó, Tôn giả trở về Xá Vệ báo tin cho Phật, mang theo y bát và xá lợi của vị sư huynh. Đến nơi, Thuần Đà bái yết thị giả A Nan trước và tác bạch :

- Bạch Tôn giả, Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y và bát của Ngài.
- Hiền giả, về việc này ta hãy đi đến đấng Đạo Sư.
- Thừa vâng, bạch Tôn giả.

Rồi cả hai cùng đi đến Đức Phật. Sau khi đánh lễ Phật, họ ngồi qua một phía.

Tôn giả A Nan bạch :

- Bạch Đức Thế Tôn, chú tiểu Thuần Đà nói với con rằng Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y bát của Tôn giả. Khi nghe vậy bạch Thế Tôn, con bủn rủn tay chân vạn vật xung quanh con trở nên mờ mịt. Con không còn trông rõ cái gì ra cái gì nữa, khi nghe tin Tôn giả Sàriputta từ trần !

- Sao vậy ? A Nan. Khi Xá Lợi Phất từ trần, ông ấy có đem theo bớt đi phần giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nào của ông chăng ?

- Không phải vậy bạch Thế Tôn. Khi Tôn giả Sàriputta từ trần, Tôn giả đã không đem theo bớt phần giới định tuệ nào của con cả. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả đối với con là vị hướng dẫn, một bậc đàn anh, một người hướng đạo, một người đã khích lệ con làm con hoan hỷ, phấn khởi, một người giảng pháp không biết mỏi mệt, một người giúp đỡ kẻ đồng phạm hạnh . Chúng con nhớ xiết bao những lời chỉ giáo bổ ích, linh động và thú vị của Tôn giả !

- A Nan há tôi đã không dạy cho ông rằng sớm muộn, chúng ta đều phải chịu sự chia ly với những gì thân yêu gần gũi ? Cái gì đã sinh thành tất phải hoại diệt, tan rã. Không phân ly là điều không thể có. Nay A Nan cũng như cành lớn của một cây đại

thọ vững mạnh đã gãy xuống, Xá Lợi Phất nhập diệt đối với chúng Tỳ kheo thanh tịnh này cũng vậy. Quả thế, A Nan có tự hội tất phải phân ly. Không phân ly là điều không thể có. Bởi thế, này A Nan hãy tự mình làm một hòn đảo, một chỗ nương cho chính mình, đừng tìm chỗ nương tựa bên ngoài. Hãy lấy chánh pháp làm hòn đảo, lấy chánh pháp làm chỗ nương đừng tìm chỗ nương nào khác.

Rồi Đức Thế Tôn đưa tay đỡ lấy di cốt của vị Thánh đệ tử thân yêu, và bảo đại chúng :

- Này các Tỳ kheo, đây là di cốt trắng như vỏ ốc của vị Tỳ kheo cách đây không lâu đã xin phép ta để nhập Niết Bàn.

Vị Tỳ kheo ấy là người thành tựu các hạnh Ba La Mật trải qua vô lượng kiếp. Vị Tỳ kheo ấy là người đã giúp ta chuyển bánh xe pháp. Vị Tỳ kheo ấy là người được chỗ ngồi bên cạnh ta. Vị Tỳ kheo ấy là người trong cõi Tam thiên thế giới không có ai sánh kịp về phương diện trí tuệ, chỉ trừ Đức Như Lai. Vị Tỳ kheo ấy là người có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sáng, có trí tuệ sắc bén, có trí tuệ sâu xa. Vị Tỳ kheo ấy ít muốn biết đủ, thích độc cư, không thích đám đông, đầy nghị lực. Vị Tỳ kheo ấy là bậc khích lệ những người đồng phạm hạnh , sẵn sàng chỉ điểm những lỗi lầm. Vị Tỳ

kheo ấy khi xuất gia đã từ bỏ một gia sản lớn lao có được nhờ công đức tích lũy từ 500 đời trước. Vị Tỳ kheo ấy là người có hạnh nhẫn nhục như đại địa. Vị Tỳ kheo ấy có tâm bất hại, như một con trâu đực đã cưa hai sừng. Vị Tỳ kheo ấy có tâm khiêm hạ như đồng tử.

Này các Tỳ kheo, hãy nhìn đây xương trắng tro tàn của bậc Đại Tuệ, bậc Quảng tuệ, bậc Lợi tuệ, bậc Minh tuệ ấy, con người ít muốn biết đủ ấy, con người ưa thích độc cư, con người đầy nghị lực ấy ! Nhìn đây, xương tàn của một Tỳ kheo đã khích lệ, làm cho phấn khởi đáng Tỳ kheo, sẵn sàng chỉ điểm lỗi lầm cho chúng Tỳ kheo.

Bên bờ sông Hằng, không lâu sau khi hai đệ tử của Ngài nhập diệt, một hôm Đức Thế Tôn đưa mắt im lặng nhìn khắp tất cả đại chúng vây quanh rồi dạy :

- Hội chúng này, hỡi các Tỳ kheo, đối với ta bây giờ quả thật trống rỗng, khi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên không còn !

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Nếu con đòi hỏi mỗi khi đi đến đâu, thiên hạ phải trải chiếu hoa cho bước chân con khỏi bị đau đớn vì gai góc sỏi đá, thì điều đó khó thực hiện. Chỉ bằng hãy mang một đôi hài nhẫn nhục, thì tha hồ mà xông bờ lướt bụi".

Phóng túng

Xưa có một người nghèo khổ, thường dâng đồ cúng dường chư thiên, với lòng mong cầu được giàu có. Trải qua thời gian khá lâu, cảm được lòng thành, chư thiên hiện ra hình người đến hỏi anh ta rằng :

- Ông thường cúng dường chư thiên, với lòng mong cầu gì ?

- Tôi chỉ mong giàu có, đó là sở nguyện duy nhất của tôi.

Khi ấy vị trời cho ông ta một cái bình, nói rằng :

- Đây là bình như ý, ông muốn điều gì thì tự nhiên bình ấy sẽ cung cấp cho ông.

Người ấy được bình rồi tùy theo ý muốn của mình, mọi việc đều như ý. Anh ta muốn có cung điện, xe cộ, vợ đẹp...

Một hôm, anh muốn khoe của, nên mời xóm giềng đến đãi tiệc no say. Đang khi ăn uống, có người hỏi :

- Trước kia ông nghèo khổ, sao bây giờ lại giàu có, tiền của nhiều như thế ?

- Tôi nhờ thường cúng dường chư thiên, nên các ngài cho tôi một cái bình trời, trong bình ấy sẽ cho ra tất cả của cải tùy theo ý của mình nên tôi mới giàu có như vậy.

Mọi người đều khen ngợi chưa từng có, anh ta sanh lòng kiêu căng tự đắc, cầm bình nhảy múa, chẳng may, anh bị trượt té, rơi bình xuống đất bể nát. Anh ta xấu hổ ngồi dậy, nhưng ôi thôi, chung quanh anh, mọi người đang ngồi ngoài đồng trống, áo quần mặc trên thân anh đều tan biến. Nhà cửa ruộng vườn, xe cộ, vợ đẹp đều tiêu tan theo bình ấy.

Kể câu chuyện ấy xong, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng :

- Người giữ giới thì thành tựu được các pháp vi diệu và chí nguyện được viên thành, ngược lại kẻ phá giới, kiêu căng tự thị, phóng túng cũng như người kia vì tự đắc mà bình bể, tài sản đều mất.

Nếu ai muốn được niềm vui cõi trời, hay thường lạc ngã tịnh của niết bàn thì phải kiên trì giới luật đã thọ, siêng năng tu tập cần lao không gián đoạn, đến khi bỏ thân tứ đại, chắc chắn sẽ được phước báo an lành. Còn nếu không lo tu tập, không siêng

năng cần mẫn, ăn rồi cứ rong chơi, bàn luận thể sự, chẳng những không lợi ích gì cho hiện tại mà chồn tam đồ chắc không tránh khỏi.

Này các Tỷ kheo, ví như ở phương tây có một quốc vương, trong vương quốc ấy, không có giống ngựa quý, nhà vua cho người tìm mua về 500 con nuôi dưỡng luyện tập để phòng khi có giặc. Nuôi ngựa đã lâu, nhưng trong nước gặp lúc bình trị, nhà vua tự nghĩ : "Nuôi 500 con ngựa này hao tổn quá mà chẳng có ích lợi gì, thôi ta hãy thả cho nó tự do đi kiếm ăn, không kiềm thúc nữa cho đỡ tổn ngân quỹ của nhà nước". Nghĩ rồi sai quân làm như vậy. Bấy giờ ngựa được tự do chạy nhảy, bao nhiêu nết cũ, ngựa rong ngoài đồng đều sống lại. Chẳng bao lâu sau, trong nước bị ngoại xâm, nhà vua ra lệnh nài nịt cho 500 con ngựa ấy để ra trận. Tướng sĩ phóng lên lưng ngựa, cầm binh khí thẳng tiến về phía giặc, cho roi vào hông ngựa, nhưng ngựa chẳng chịu chạy tới mà quay đầu chạy trở lại, chẳng như ý chủ tướng. Quân giặc thấy vậy liền xua quân đánh úp, chỉ trong chớp nhoáng là chiếm được ngôi vua.

Này các Tỷ kheo, muốn cầu quả báo lành, phải nhiếp niệm thâm tâm, tinh tấn điều phục và sống theo hạnh của bậc thánh, chớ một khi giặc vô thường đến thì khó giữ gìn. Cũng như nhà vua

có bảy ngựa quý mà không biết sử dụng để cho nó tự tình buông lung chạy theo bản tính, khi có giặc đến cướp nước, bảy ngựa chẳng dùng được mà còn mất nước lụy thân. Các thầy hãy gắng tinh cần, nhắc nhở.

GIỚI ĐỨC

"Làm việc ác có hại đến thân, thì người ngu bảo là dễ.
Làm việc thiện được an lạc, thì người ngu bảo là khó".

Đừng ôm lòng cừu hận

Thuở Phật còn tại thế, có một vị Đại đức Trưởng lão tên là Tích Xá, hình như là bà con cô cậu với Phật. Sư xuất gia vào lúc tuổi đã già, và người khá mập. Tất nhiên, Sư tự thấy hãnh diện, vì biết rằng, khi đã xuất gia, y sẽ nhận được sự tán thưởng của Phật, cách ăn mặc của sư cũng rất tươm tất, xứng đáng với sự tán thưởng đó. Sư lại thường hay ngồi ngay giữa Tịnh xá, tại nhà khách.

Một hôm, có một số khách Tăng đến hầu Đức Như Lai. Họ tưởng Tích Xá là một vị Đại Trưởng lão nào đó, nên xin phép phục dịch, dâng các vật dụng để rửa chân cho Sư. Tích Xá ngồi im lặng không nói. Rồi thì, một thầy Tăng trẻ hỏi : "Đại Đức đã được mấy hạ". Nghĩa là hỏi Tích Xá được bao nhiêu tuổi đạo. Tích Xá đáp : "Chưa có hạ nào cả. Tôi xuất gia lúc tuổi đã trọng". Nghe vậy, thầy Tăng trẻ mới nói : "Ông là một sư già hư hỏng, tự cho mình là

quan trọng. Khi thấy các vị Đại Trưởng Lão đây, ông lại không chút lễ độ đối với các ngài. Lúc các ngài phục dịch ông, ông lại đáp ứng bằng sự im lặng. Thêm nữa, ông không tỏ vẻ hối hận về cử chỉ sai lầm của mình. " Nói xong thầy Tăng đó khảy móng tay. Nhưng kiêu hãnh vì giai cấp chiến sĩ của mình, Tích Xá hỏi họ : "Các ông đi kiếm ai ?" - "Chúng tôi đến hầu Đức Đạo sư" - Nhưng đối với tôi các ông lại tự bảo : ông này là ai ? Thế thì tôi sẽ búng tróc cả huyết thống của các ông. Nói như vậy rồi, Tích Xá đi đến Đức Đạo sư, vừa đi vừa khóc lóc, buồn rầu.

Đức Đạo sư hỏi : "Tích Xá, sao ông đến kiếm ta mà buồn rầu, khóc lóc, nước mắt lưng tròng như thế ?".

Các thầy Tăng bấy giờ nói với nhau : "Nếu để ông đó đi một mình, ông ta sẽ gây ra chuyện không hay". Họ cùng bước theo Tích Xá lập tức. Sau khi kính lễ Đức Đạo sư, họ kính cẩn ngồi xuống một bên.

Tích Xá lúc đó trả lời câu hỏi của Đức Đạo sư như thế này :

"Bạch Thế Tôn, những thầy Tăng này chửi con".

- Nhưng ông đang ngồi tại đâu ?
- Ngay giữa Tịnh xá trong Nhà khách.
- Khi các thầy Tăng này đến, ông có trông thấy họ không ?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Ông có cung cấp cho họ các vật dụng thường trụ không ?
- Bạch Thế Tôn con không dâng họ các vật ấy.
- Ông có phục dịch họ, mang nước cho họ uống không ?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Ông có dọn chỗ ngồi cho họ và lau chân cho họ không ?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Tích Xá, ông phải làm các công việc này để hầu hạ các vị sư già, bởi vì ai không làm như vậy thì không được phép ngồi giữa Tịnh xá. Chỉ một mình ông là đáng bị quả trách, ông hãy xin lỗi các thầy Tăng này đi !
- Nhưng, bạch Thế Tôn, họ chửi rủa con, con không xin lỗi họ.
- Tích Xá, đừng làm như vậy, chỉ mình ông là

đáng bị quả trách thôi. Hãy xin lỗi họ đi.

- Bạch Thế Tôn, con không chịu xin lỗi họ.

Các thầy Tăng bạch với Đức Đạo sư :

- Bạch Thế Tôn, ông ấy quả là một nhà sư
bướng bỉnh.

Đức Đạo sư đáp :

- Nay các thầy, đây không phải là lần đầu tiên
ông ấy tỏ ra bướng bỉnh. Trong đời trước ông ấy
cũng đã từng bướng bỉnh như vậy.

- Bạch Thế Tôn, vậy chứ đời trước ông ấy đã
làm gì ?

Đức Đạo sư nói :

- Tốt lắm, các thầy hãy nghe Ta kể.

Rồi Đức Đạo sư kể về chuyện tiền thân của Sãi
mập Tích Xá như sau :

Chuyện Đê Va La và Na Ra Đa.

Thuở xưa, vào lúc một vị vua đang ngự trị tại
thành Ba La Nại, bấy giờ có một đạo sĩ ẩn cư tại
xứ Hy Mã trải qua tám tháng, sau đó muốn đến cư
ngụ gần thành phố cho hết mùa mưa, nên từ Hy
Mã ông trở về để mua trứ muối và giấm. Ông gặp
hai chú bé tại cổng thành, bèn hỏi : "Các nhà sư

khi đến thành phố này thường ngủ đêm tại đâu ?

- "Bạch Đại Đức, tại nhà người thợ gốm".

Thế rồi, Đê Va La đi đến nhà người thợ gốm, đứng lại trước cửa và hỏi : "Này Pháo Ga Va, nếu ông vui lòng thì xin cho bần đạo tá túc tại nhà ông qua đêm nay".

Người thợ gốm trở vào nhà và nói :

- "Tôi không làm việc ban đêm tại căn phòng này, và đó lại là một căn phòng rộng xin ngài cứ tự nhiên ngủ đêm tại đây thưa Đại Đức".

Đê Va La bước vào căn phòng và ngồi xuống chưa bao lâu thì lúc đó cũng có một đạo sĩ khác, tên là Na Ra Đa, từ Hy Mã về thành phố, đến xin người thợ gốm cho tá túc qua một đêm. Người thợ gốm nghĩ thầm : "Vị đạo sĩ đến trước không biết có đồng ý nghỉ đêm chung với vị này không, việc này không phải do mình quyết định". Rồi ông thưa với đạo sĩ :

- "Bạch Đại Đức, nếu vị đạo sĩ đến trước tán thành, xin Ngài cứ việc nghỉ đêm tại đây theo ý muốn của vị đó.

Na Ra Đa bèn đến gần Đê Va La và nói :

- Thưa Thầy, nếu Thầy vui lòng, tôi xin nghỉ lại đây qua một đêm".

Đê va La đáp :

- "Căn phòng này cũng khá rộng, vậy xin mời Thầy vào nghỉ đêm lại đây, ở bên đó".

Na Ra Đa bước vào và ngồi xuống phía sau vị đạo sĩ đã đến trước mình. Cả hai trao đổi nhau những lời chào hỏi thân mật.

Đến giờ ngủ, Na Ra Đa để ý cẩn thận chỗ nằm Đê Va La và vị trí cánh cửa, rồi mới nằm xuống, nhưng khi Đê Va La nằm xuống thay vì nằm ngay ở chỗ của mình, ông lại nằm ngang ngay cánh cửa. Kết quả là khi Na Ra Đa đi ra ngoài, ông đạp nhầm lên chiếu của Đê Va La. Tức thì Đê Va La kêu lên :

- "Ai đạp lên chiếu của tôi đây ?"

Na Ra Đa đáp :

- "Thưa thầy, chính tôi".

Đê Va La nói :

- "Cái ông thầy tầm bậy này, ông ở trên rừng về mà lại đạp lên chiếu của tôi".

- "Thưa Thầy, tôi không biết Thầy nằm ở đây, xin lỗi".

Na Ra Đa đi ra, bỏ Đê Va La ngồi khóc nức nở một mình.

Đê Va La nghĩ thầm : "Ta làm cho y đập lên mình lần nữa khi y trở vào". Rồi ông quay lại và nằm xuống, để đầu về phía mà trước đó ông để chân. Khi Na Ra Đa đi vào, ông nghĩ thầm : "Lần trước mình xúc phạm ông Thầy này, lần này mình đi vòng phía chân của ông". Kết quả, khi Na Ra Đa bước vào lại đập nhằm cổ của Đê Va La. Tức thì, Đê Va La thét lên :

- "Ai đó ?"

Na Ra Đa đáp :

- "Thưa Thầy tôi đây".

Đê Va La nói :

- Cái ông Thầy tầm bậy này, lần trước ông đập lên chiếu tôi, lần này ông lại đập lên cổ tôi. Tôi sẽ rửa xả Thầy.

- Thưa Thầy, không phải lỗi tại tôi. Tôi không biết Thầy nằm theo kiểu này. Khi bước vào, tôi đã nghĩ thầm, lần trước mình xúc phạm Thầy, lần này nên đi vòng phía chân. Xin lỗi !

- Cái ông Thầy tầm bậy, tôi sẽ rửa xả Thầy !

"Thưa Thầy, đừng làm thế".

Nhưng Đê Va La không thềm đếm xia lời nói của Na Ra Đa, cứ vẫn rửa như thường. Ông rửa :

"Mặt trời có một nghìn tia sáng và một trăm ngọn lửa, xua tan bóng tối. Khi mặt trời mọc hừng đông, thề cho đầu thầy vỡ thành bảy mảnh".

Na Ra Đa nói : "Thưa Thầy, tôi đã nói là không phải lỗi tại tôi. Nhưng Thầy không nghe tôi mà cứ rủa xả tôi. Tôi thề cho kẻ nào có tội thì đầu vỡ làm bảy mảnh, và người vô tội thì không. Rồi Na Ra Đa đọc lên lời thề như sau :

"Mặt trời có một nghìn ánh sáng và một trăm ngọn lửa, xua tan bóng tối. Khi mặt trời mọc hừng đông, thề cho đầu của Thầy vỡ thành bảy mảnh".

Bấy giờ Na Ra Đa đã có sức thần thông rất lớn, có thể thấu suốt tám mươi vòng thế gian, bốn mươi vòng về đời quá khứ và bốn mươi vòng về đời vị lai. Ông mới nhận xét xem ai là người sẽ mắc phải lời thề thì thấy rằng chính vị đạo huynh của mình mắc phải, ông cảm thấy thương hại, nên vận sức thần thông can không cho mặt trời mọc.

Khi mặt trời không mọc được, dân chúng kéo nhau tụ tập trước cổng cung điện của vua và kêu gào : "Muôn tâu bệ hạ, mặt trời không mọc, mà ngài là vua, vậy ngài hãy khiến mặt trời mọc lên cho chúng tôi". Nhà vua tự kiểm điểm các hành vi,

các lời nói cũng như các ý nghĩ của mình, thấy không có điều gì làm lỗi, mới nhủ thầm : "Nguyên do tại đâu ? Vua cho rằng có thể là do một cuộc cãi lộn của các nhà sư nào đây, mới hỏi : "có vị Sư nào ở trong thành phố hay không ?" Tàu bệ hạ, tối hôm qua có người đến ngủ lại ở nhà ông thợ gốm". Nhà vua đốt đuốc cầm tay, đi thẳng tới nhà thợ gốm, chào hỏi Na Ra Đa, rồi kính cẩn ngồi xuống một bên, và thưa :

- "Na Ra Đa, dân chúng trong nước Xích Táo không thể làm các phận sự khẩn thiết của mình.

Tại sao thế giới bị phủ đầy bóng tối ? Xin Ngài hãy trả lời tôi câu hỏi này ?".

Na Ra Đa kể cho vua nghe câu chuyện đã xảy ra, và nói : "Vì vậy mà tôi bị vị đạo sĩ này rửa xả. Cho nên tôi cũng rửa xả lại rằng, tôi không có lỗi, xin cho kẻ có tội trong chúng tôi hãy mắc phải lời thề. Nhưng khi tôi rửa xả thầy đó, tôi nhận xét thăm xem ai sẽ mắc phải lời thề, thì thấy rằng đầu của đạo huynh mình sẽ bị vỡ làm bảy mảnh. Do đó, vì thương xót ông ta, tôi không cho phép mặt trời mọc".

- "Nhưng thưa Đại đức, làm cách nào để thầy ấy tránh khỏi tai nạn này".

- "Ông ta có thể tránh khỏi tai nạn nếu chịu xin lỗi tôi".

Nhà vua bèn nói với Đê Va La :

"Hay lắm, Thầy hãy xin lỗi đi".

Đê Va La đáp : "Tâu Đại Vương, ông bạn này đạp lên chiếu và lên cổ tôi, tôi không xin lỗi ông đạo tằm bầy đó".

Thưa Đại Đức, hãy xin lỗi đi. Đừng làm như thế !.

- "Tâu Đại Vương tôi không xin lỗi".

- Đầu Ngài sẽ bị vỡ làm bảy mảnh.

- Mặc kệ, tôi không xin lỗi.

Nhà vua nói : "Tôi chắc rằng Thầy không chịu tự ý xin lỗi".

- Rồi nhà Vua nắm tay, nắm chân, nắm lưng, nắm cổ của đạo sĩ, đè xuống dưới chân của Na Ra Đa.

Na Ra Đa bảo :

- "Thôi, Thầy hãy đứng dậy, tôi tha lỗi cho Thầy".

Rồi Na Ra Đa nói với nhà vua :

- "Tâu Đại Vương, vì đạo sĩ này không chịu tự ý xin lỗi, hãy mang ông đến một cái hồ nào đó đứng xa thành phố lắm, đặt một khối đất sét

lên đầu ông ta, bắt ông ta đứng dưới nước, ngập ngang cổ".

Nhà vua làm y theo. Na Ra Đa mới bảo Đê Va La :

- " Thưa Thầy, tôi sẽ giải tỏa sức thần thông của mình để làm cho mặt trời mọc lên. Lúc đó, Thầy hãy lặn xuống nước, rồi trồi lên ở một chỗ khác, sau đó đi đâu tùy ý".

Ngay khi mặt trời mọc, vừa rọi tia sáng lên khối đất sét, khối đất liền vỡ thành bảy mảnh. Đê Va La lặn ngay xuống nước, rồi trồi lên ở một chỗ khác, và bỏ đi.

Bấy giờ, đức Đạo Sư mới dạy pháp thoại này, Ngài nói :

- "Này các Thầy, nhả vua thuở đó là A Nan Đà ngày nay, Đê Va La là Tích Xá đó, và Na Ra Đa chính là ta đây. Trước kia, ông ấy cũng đã bướng bỉnh như vậy".

Và Ngài giảng cho Trưởng Lão Tích Xá nghe rằng : Này Tích Xá, nếu một Thầy Tỷ kheo cứ nghĩ rằng : "Người ta chưởi rửa tôi như thế này như thế nọ, người ta đánh đập tôi như thế này như thế nọ, người ta lấn lướt tôi như thế này như thế nọ, người ta cướp bóc của cải tôi như thế này như thế nọ, cứ nghĩ thế thì hận thù không bao giờ tiêu

tan được. Nhưng nếu không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, hận thù sẽ chấm dứt". Rồi Ngài nói lên các bài kệ sau đây :

"Nó chửi tôi, nó đánh tôi, nó lấn lướt tôi, nó cướp của tôi : ai ôm ấp ý nghĩ này, hận thù không bao giờ tiêu tan được.

Nó chửi tôi, nó đánh tôi, nó lấn lướt tôi, nó cướp của tôi : Ai không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, hận thù sẽ tiêu tan".

MINH VĂN

"Người chế ngự được sự sân hận, còn cương dũng hơn bậc anh hùng, và người tự chủ được mình còn cao cả hơn viên hổ tướng chiếm đoạt thành trì. Với tâm bình thản, bậc thiện trí đã nói như trên".

Khi công tử chê tiền

Kàla là con trai của nhà cự phú Cấp Cô Độc, một vị Trưởng giả giàu lòng kính tin, đã từng xuất cả kho vàng ra để mua vườn cây của Thái tử Kỳ Đà để xây Tịnh xá cúng dường Phật. Vậy mà công tử Kàla lại không có cảm tình với Phật cùng Tăng chúng tí nào.

Vốn được sinh trưởng trong một gia đình thế phiệt, lại thông minh tài giỏi nên Kàla được vào làm quan cận thần dưới triều vua Ba Tư Nặc ngay khi hãy còn rất trẻ.

Một hôm nhà Vua cùng Hoàng hậu Mạt Lợi thiết trai cúng dường Phật và Chúng Tăng tại Hoàng cung. Toàn thể triều thần cùng hoàng tộc đều hoan hỷ, duy có công tử Kàla là nhún vai bình phẩm lên với các vệ sĩ của chàng :

- Hoàng thượng tiêu xài thật vô lối, chẳng khác gì ông bố của ta. Mấy lão trọc áo vàng kia ăn no nê xong, đi về Tịnh xá đánh một giấc tới chiều. Thật là vô tích sự.

Đức Thế Tôn đoán biết được ý niệm của Kàla nên sau buổi lễ Ngài đọc một bài kệ :

- "Người xan tham không thể sanh lên cõi trời. Kẻ ngu si không ưa việc bố thí. Nhưng người thiện trí thấy bố thí lại sanh lòng tùy hỷ và đó cũng được dự phần an lạc". (PC 177).

Chuyện đến tai vua Ba Tư Nặc, Kàla liền bị đuổi ra khỏi Hoàng cung chàng công tử này nhân chuyện đó, càng tăng thêm ác cảm với Phật và Tăng đoàn.

Kàla thường tìm cách lánh mặt Phật mỗi khi cha chàng thiết trai cúng dường. Trước thái độ của cậu con trai cưng. Trưởng giả Cấp Cô Độc rất lấy làm khổ tâm. Sau nhiều phen rầy la vô hiệu, ông nghĩ ra một diệu kế nên gọi con trai đến, dịu dàng bảo :

- Này Kàla ! Mai này cha bận việc nên không thể đến Kỳ Viên thọ bát quan trai giới được. Nếu con đi giúp, cha sẽ thưởng cho 100 đồng vàng.

Vừa nghe nhắc đến Tịnh xá, Kàla đã cau mày, nhưng số tiền quá hấp dẫn khiến chàng phân vân :

- Mấy cái giới đó có... khó giữ lắm không thưa cha ?

- Dễ ợt ! Tụi con nít trong nhà này còn làm được, huống chi là thanh niên trai tráng như con.

- Đầu cha nói sơ qua cho con nghe thử !

- Có gì đâu. Con chỉ phải giữ vòn vẹn tám điều răn sau đây, chỉ trong vòng có 24 giờ thôi. Đây này :

1/ Không giết

2/ Không trộm cắp

3/ Không dâm dục

4/ Không nói dối

5/ Không uống rượu

6/ Không trang điểm

7/ Không nằm giường cao chiếu rộng

8/ Không ăn quá no

- Đó dễ quá phải không con ?

Kàla chất lưỡi thăm tính :

- Thôi kệ mình chịu ép xác trong một ngày một đêm để lãnh 100 đồng vàng... Ngày mốt ta ăn bù lại cũng được.

Và Càla bằng lòng, không quên mặc cả :

- Nhưng cha phải giữ đúng lời hứa một trăm đồng vàng hăn hoi nhé.

- Được rồi con yên tâm.

Hai cha con đều vui mừng. Sáng hôm sau công tử Kàla cời hết đồ trang sức, khoác một manh áo thô, ăn một bữa điểm tâm thịnh soạn đến căng bụng và gọi gia nhân thắt kiệu đến thẳng Tịnh xá Kỳ Viên. Đến nơi chàng cho kiệu về, tảng lờ như không "nhìn thấy ai hết, kiếm một chỗ mát mẻ trái rơm nằm đánh một giấc cho qua tai nạn".

Tờ mờ sáng hôm sau, Kàla đã về đến nhà khuê cổng ăm ỉ và quát tháo, hối thúc gia nhân dọn điểm tâm. Ăn uống và phục sức đóm đáng xong Kàla đến gặp cha đòi tiền công.

- Con đã hoàn tất nhiệm vụ mà cha giao phó, xin cha cho con số tiền đã hứa.

Tất cả hành động của cậu con không lọt khỏi cặp mắt của người cha tốt bụng, ông Trưởng giả vẫn không nản lòng, trao tiền cho con và diêm tính bảo :

- Nay Kàla tốt lắm ! Con đã làm một việc rất đẹp lòng cha và ngày mai này cha muốn đi nghe Đức Đạo Sư thuyết pháp nhưng lại không rỗi rảnh. Nếu con đi nghe giúp cha, cha sẽ thưởng cho 200 đồng tiền vàng. Con nghĩ sao ?

Kàla nghe nói đến tiền là sáng mắt, chàng vội vã nhận lời và nghĩ bụng :

- Cha mình ngó bộ mê mấy lão đầu trọc đó dữ dội rồi ! Thấy kệ, cớ tới tay ai nấy phát. Đây quả là một cách kiếm tiền lương thiện và khỏe khoắn nhất.

Thế là hết như bữa trước, công tử Kàla lại đến Kỳ Viên, len vào giữa đám thính giả chen chúc trước pháp tòa, dự thời pháp của đấng Đạo Sư. Chàng hết ngoáy mũi đến gãi tai, rung đùi... Không một pháp âm nào lọt được vào đôi tai hờ hững của chàng. Và Kàla được lãnh 200 đồng vàng sau những thủ tục như bữa trước.

Vài hôm sau Trưởng giả Cấp Cô Độc lại gọi Kàla đến bảo :

- Này con ! Độ rày chuyện nhà quá bề bộn khiến cha không thể đến hầu thăm Đức Đạo Sư và nghe Ngài thuyết pháp được. Nếu con có thể đi nghe và về nói cho cha biết, dù chỉ một bài kệ ngắn thôi, cha cũng sẽ thưởng cho con 500 đồng vàng.

Đã có kinh nghiệm qua lần trước KàLa lập tức bằng lòng ngay, vì chàng nhận thấy rằng không có công việc làm ăn nào mau phát tài bằng việc đi thăm khu vườn của mấy ông sư đầu trọc.

Sáng hôm ấy, Kàla đến Kỳ Viên thật sớm định bụng sẽ chỉ nghe và nhớ một bài kệ thôi rồi sẽ trở về đi xem hát.

Với trí thông minh sẵn có, Kàla thuộc lòng ngay một bài kệ mà Đức Đạo Sư vừa đọc, chàng vội vã quay về. Đi được một quãng, Kàla chợt nhớ là mình chưa hiểu rõ ý thú của bài kệ. Không muốn ấp úng trước mặt cha Kàla đành quay lại ngồi chăm chú nghe Đức Đạo Sư thuyết giảng. Như một trái cây vừa chín tới, gặp phải cơn gió giao mùa liền rơi rụng, nhờ những cơ duyên lành đời trước, sau thời thuyết pháp của Đức Đạo Sư, Kàla chứng ngay sơ quả Tu Đà Hoàn. Lần đầu tiên công tử Kàla đến quỳ gối trước Đức Đạo Sư, đặt vàng trán thông minh chưa có một vết nhăn của chàng lên đôi chân trần của Đức Đạo Sư, bày tỏ lòng tri ân vô bờ bến.

Đức Thế Tôn bình thân bảo chàng :

- Nay Kàla, hôm nay cha con có mời Như Lai đến nhà thọ trai... đã sắp đến giờ rồi chúng ta đi thôi.

Kàla cung kính đón lấy chiếc bát của Phật và khép nép đi sau Ngài như một chú thị giả thuần thực chính hiệu.

Cử chỉ của Kàla ngày hôm ấy đã khiến Trưởng giả Cấp Cô Độc đẹp lòng. Ông hoan hỉ mang tiền ra thưởng con trước mặt quan khách :

- Nay con trai cưng ! Thái độ của con làm cho cha vui mừng vô hạn, dù con chưa thuyết giảng lại cha nghe một lời pháp nào của Đấng Đạo Sư cha vẫn sẵn sàng trao cho con 1.000 đồng vàng thay vì 500 như cha đã hứa.

Công tử Kàla thẹn đỏ mặt, cúi đầu nói nhỏ :

- Thừa cha ! Con không cần tiền.

- Hãy cầm lấy ! Tiền thưởng của cha cho con kia mà !

Kàla vẫn khẳng khẳng từ chối. Người cha ngạc nhiên, sững sờ nhìn con rồi quay sang bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn ! Lần đầu tiên, cháu nó mới chê tiền.

Đức Phật mỉm cười : Kàla đã chứng Sơ quả Tu Đà Hoàn. Và kể từ giờ phút ấy, không một của cải trên trần gian này có thể làm lung lạc tâm của chàng ta được.

Ngài đọc bài kệ :

**"Dù là vua cõi đất - Hay là chúa cõi trời - Cũng
không so sánh được quả vị 'Tu Đà Hoàn' (PC 147)**

**"Muôn kiếp sinh linh giệt mình tình mộng
Lời Nam Mô sám hối ngút ngàn sao
Tiếng chuông ngân như sóng bể dập dào
Vội bắt diệt vô lên bờ bến giác..."**

Sợi dây bền nhất

Một thuở nọ Phật ngụ tại Tịnh xá Kỳ Hoàn. Có ba mươi vị Tỷ kheo lên kinh thành để đánh lễ Đức Thế Tôn. Sau một đêm ngồi nghỉ, sáng tinh sương các thầy đã rủ nhau vào thành khất thực và xem cho biết đó đây. Đối với các thầy thành phố đầy đầy những cảnh tượng lạ lùng, nhưng các thầy vẫn không dám sơ thất oai nghi, nghiêm trang theo thứ lớp khất thực.

Khi về đến tịnh xá, các thầy vào bạch Phật, hỏi :

- Bạch Thế Tôn, sáng nay khi đi vào thành khất thực, ngang qua một khám đường, chúng con thấy có nhiều phạm nhân bị trói tay chân nằm co ro vô cùng khổ sở, họ xoay trở còn khó khăn nói gì đến việc tháo cùm chạy trốn. Chúng con tự hỏi không biết trên đời này còn có thứ xiềng xích nào bền chắc hơn loại dây lòi tới sắt đó không ?

Phật dạy :

- Nay các Tỳ kheo ! Những loại dây trói buộc mà các ông cho là chắc đó nào có thấm vào đâu so với sự trói buộc ái dục. Những gông xiềng làm bằng tài sản, mùa màng, vợ con còn bền chắc gấp trăm nghìn lần. Nhưng dù chúng có bền chắc, có khó chặt đứt đến đâu, người thiện chí đều bẻ gãy xa lìa dục nhiễm, tìm nơi thanh vắng để tự giải thoát lấy mình.

Nhân đó, Đức Thế Tôn kể lại một tiền thân của Ngài :

Vào một thuở xa xưa, cũng tại thành Benares, có một chàng trai nghèo khổ nhưng rất hiếu thảo. Đến tuổi trưởng thành, bà mẹ cưới cho chàng một cô vợ trẻ. Chẳng bao lâu bà mẹ mất, chàng bảo vợ :

- Nay em, em hãy tự tìm phương sinh sống, anh muốn xuất gia tìm đạo giải thoát.

- Em đang có mang, xin mình hãy ráng đợi lúc em sinh nở xong xuôi, thấy mặt con rồi mình đi tu cũng chưa muộn.

Người chồng nán đợi, ít lâu sau đứa bé chào đời, chàng bảo vợ :

- Nay em đã sinh nở xong, mẹ tròn con vuông, thôi để anh đi.

- Minh ơi ! Em tay yếu chân mềm con lại còn thơ dại, xin mình hãy nán đợi đến lúc con dứt sữa rồi hãy đi.

Chàng bèn chờ đợi, ba năm sau cậu bé vừa dứt sữa thì vợ chàng có mang. Người chồng thăm nghĩ : "Nếu cứ theo lời của vợ ta thì có lẽ không bao giờ dứt áo ra đi được".

Vào nửa khuya hôm đó, chàng vén màn nhìn vợ hôn con, rồi ra đi vào núi Tuyết sống đời ẩn sĩ. Sau khi ngộ đạo, nhà ẩn sĩ đọc lên một bài kệ, mà bất cứ người xuất gia nào cũng nên học nằm lòng :

"Ta đã gan dạ bẻ gãy cái gông cùm bền chắc nhất : gông cùm dục nhiễm, Ta đã chặt đứt sợi dây ràng buộc bền vững nhất : lòng luyến ái vợ con".

Kể xong Đức Thế Tôn bèn dạy :

Dây làm bằng sắt, gai hay gỗ, vẫn chưa phải là bền chắc. Sợi dây bền nhất là dây trói buộc vào ái luyến vàng bạc vợ con.

(Pháp cú 345)

"Sợi trói buộc ấy thật là bền bỉ : nó trĩu xuống mềm mại, nhưng rất khó gỡ ra, nhưng người thiện

chỉ cắt lìa nó, từ bỏ thế gian và bỏ lại sau lưng mọi
ràng buộc ái luyến".

(Pháp cú 346)

**"Ngàn vạn sợi dây đồng không thể buộc chân người
dũng sĩ, mà chỉ một sợi tóc của mỹ nhân cũng đủ buộc
chặt ý chí phiêu lưu của kẻ anh hùng".**

Chỉ tụng đề kinh Pháp Hoa mà mình và người thoát khổ

Quận Phùng Dực, ông Lý Sơn Long làm chức tả giám môn hiệu úy trong niên hiệu Vô Đức bạo chết, mà trên ngực khoảng bằng bàn tay không lạnh, người nhà chưa dỡ tẩm liệm. Đến ngày thứ bảy sống lại thuật rằng : "Đương lúc chết bị người bắt dẫn đến một dinh quan rất hùng tráng rộng lớn. Trong sân có bốn tù vài nghìn người, hoặc mang gông, hoặc xiềng xích đều đứng xây mặt về hướng Bắc, chật cả sân.

Quân hầu dắt Sơn Long đến dưới dinh. Có một vị Thiên Quan ngồi giường cao kê hầu hạ nghi vệ như hàng vua chúa. Sơn Long hỏi quân hầu : "Quan nào đó ?" Quân hầu đáp : "Vua đấy ?". Sơn Long đến dưới thêm vua hỏi : "Người thuở bình sanh làm phước nghiệp gì ?". Sơn Long thưa : "Mỗi lần trong làng thiết lập trai đàn giảng kinh tôi thường thí của vật đồng như người". - Vua lại

hỏi : "Còn tự thân người làm phước nghiệp gì ?"
Sơn Long thưa : "Tôi tụng thuộc kinh Pháp Hoa hai quyển". Vua nói : "Rất hay ! Được lên thêm". Ông Long đã lên trên nhà thấy phía Đông Bắc có một tòa cao giống như tòa diễn giảng. Vua chỉ tòa nói với Sơn Long rằng : "Nên lên tòa này tụng kinh". Sơn Long vâng lệnh đến bên tòa. Vua liền đứng dậy nói : "Thỉnh ngài pháp sư lên tòa". Sơn Long lên tòa xong. Vua liền xoay về phía tòa mà ngồi. Sơn Long khai kinh tụng rằng : "Diệu Pháp Liên Hoa kinh, tự phẩm đệ nhất". Vua nói : "Thỉnh Pháp sư thôi". Sơn Long liền thôi xuống tòa lại đứng dưới thềm đoái xem trong sân, bọn tù nhân vừa rồi không còn một người. Vua bảo Sơn Long rằng : "Phước đức tụng kinh của ông chẳng những là tự lợi, nhân đến làm cho bọn tù trong sân như nghe đề kinh Pháp Hoa mà đều dặng thoát khổ, há chẳng hay lắm sao ! Nay tha người trở về.

Sơn Long lạy từ. Đi dặng vài mươi bước, vua kêu trở lại rồi bảo quân hầu : "Nên dắt người này đi xem các ngục".

Quân hầu liền dắt Sơn Long đi qua phía đông hơn trăm bước, thấy một thành bằng sắt rất rộng lớn, trên có mái trùm kín. Quanh thành có nhiều lỗ nhỏ, thấy các nam nữ tù dưới đất bay vào trong lỗ liền

chẳng trở ra. Sơn Long lấy làm lạ hỏi quân hầu. -
Đáp : "Đây là đại địa ngục, trong đó nhiều lớp phân
cách theo tội riêng khác. Các người đó theo nghiệp
riêng dữ của mình đã tạo, vào ngục chịu khổ". - Sơn
Long nghe xong buồn rầu sợ xưng: "Nam Mô Phật"
xin quân hầu dắt ra. Đến cửa viện thấy một vạc lớn
lửa mạnh nước sôi, bên vạc có hai người ngồi ngủ.
Sơn Long hỏi dò. Hai người đáp : "Tôi bị tội báo vào
vạc nước sôi này. Nhờ hiền giả xưng Nam Mô Phật
cho nên các người tội trong ngục đềuặng một ngày
nghỉ mệt nên chúng tôi ngủ". Sơn Long lại xưng :
"Nam Mô Phật".



Quân hầu đưa Sơn Long về nhà, thấy hàng thân
thuộc đang khóc, sắm sửa những đồ tấn liệm. Sơn
Long vào đến bên thây thời liền sống lại...

"Nhiệm màu thay kinh Pháp Hoa ! Người tụng
trì được công đức, ngoài Phật ra không ai có thể
nghỉ lường được. Đọa địa ngục, vì tội nghiệp nặng
lên tòa vừa khai tụng đề kinh mà cả mấy ngàn tù
nhân dưới sân đều thoát khổ. Thoát khổ là bởi tội
nghiệp tiêu. Tội nghiệp nặng mà tức khắc tiêu
tan, nếu không phải công đức rộng lớn quyết
không thểặng. Nghe đề kinh Pháp Hoa mà công
đức còn lớn dường ấy, huống là người trì tụng đề
kinh, huống là người trì tụng một phẩm, một

quyển đến toàn bộ, nhấn đến người giải nói, biên chép, ấn tống. Ông Sơn Long được thoát ngục, được vua trọng, được quân hầu kính, phải chăng là do oai lực của kinh Pháp Hoa. Ta đối với kinh Pháp Hoa, thật nên chí thành đánh đỏi, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, nếu ta có chí tự thoát khổ và thoát khổ cho người".

"Chánh pháp sâu xa rất nhiệm mầu
Trăm nghìn ức kiếp dễ tìm đâu.
Phước duyên nay gặp xin trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa lý sâu".

Giữ ý như giữ thành

Khi Phật ở nước Xá Vệ, trong chúng Tỳ kheo tại tịnh xá Cấp Cô Độc có một vị Tôn giả tên Soreyya, đã chứng quả A La Hán. Câu chuyện sau đây được truyền tụng về cuộc đời của vị Tôn giả trước khi đắc quả.

Trong lúc Tôn giả Soreyya còn ở tại gia ngài là con một vị phú hộ ở thị trấn Soreyya. Một hôm Soreyya cùng ngồi trên xe đi tắm với một người bạn thân của chàng có gia nhân đồng dạo đi theo. Khi ra khỏi thành bỗng chàng thấy Tôn giả Ca Chiên Diên, đệ tử của Phật đang ôm bát đi vào thành khát thực. Tôn giả Ca Chiên Diên có một màu da sáng đẹp như vàng ròng, sắc diện uy nghiêm khả kính đến nỗi đoàn người đi tắm chú mục nhìn ngài không biết chán. Thanh niên Soreyya, là người hiếu sắc, thấy Tôn giả bèn nghĩ thầm trong bụng : "Ồ, ước gì vị Tôn giả ấy là vợ ta ! Ước gì màu da cũng đẹp đẽ như vị Tôn giả ấy. Ngay khi tư tưởng ấy vừa khởi thanh niên Soreyya biến thành phụ nữ. Chàng vô

cùng bối rối, vội nhảy ra khỏi xe lẫn vào đám đông trốn biệt. Phụ nữ Soreyya không dám về nhà, đi mãi đi mãi, theo đoàn người tiến ra thành phố cho đến khi gặp một đoàn xe đi về phía đô thị Tắc Ca. Nàng bạo dạn đến gần một xe xin quá giang đến thành Tắc Ca. Những người trên xe là gia nhân của một vị phú hộ ở thành Tắc Ca, trông thấy thiếu nữ Soreyya xinh đẹp họ bằng lòng ngay. Họ bảo nhau :

- Con trai của chủ chúng ta chưa có vợ, chúng ta hãy đưa nàng này về, thế nào cũng được trọng thưởng.

Quả nhiên, khi xe về đến thành Tắc Ca, phú ông Tắc Ca rất vui mừng được cô dâu xinh đẹp, làm lễ cưới ngay cho con trai mình. Thế là thanh niên Soreyya trở thành vợ của thanh niên Tắc Ca, con trai của phú ông ở đô thị Tắc Ca. Đám cưới không bao lâu, nàng mang thai, sau mười tháng sinh ra một thằng con trai bụ bẫm. Dứa con này vừa mới biết đi tập tễnh, nàng lại cho ra đời một thằng con khác. Soreyya trước là nam nhi ở thành Soreyya đã có vợ hai con, bây giờ biến thành phụ nữ lại sinh ra hai đứa con là bốn. Soreyya làm cha hai đứa và làm mẹ hai đứa vậy.

Một hôm thành Tắc Ca có hội chợ, tình cờ Soreyya trông thấy một thanh niên trong đám đông, và nhận ra ngay là người bạn rất thân đã

cùng ngồi xe đi tắm với mình ngày trước, khi chưa biến thành phụ nữ. Bà Soreyya bảo gia nhân ấy đến mời thanh niên ấy về nhà mình. Thanh niên ngạc nhiên, nhưng được người đẹp mời cũng khoái, thấy không có gì hại thì liền theo gót gia nhân về nhà bà Soreyya. Ngồi vào ghế thanh niên mới đánh bạo lên tiếng :

- Thưa bà, có lẽ bà làm chẳng ? Tôi chưa hề trông thấy bà từ trước đến nay, vì đây là lần đầu tiên đến thành phố này.

- Thưa ông tôi không làm đâu, có phải ông là người thành Soreyya.

- Thưa bà chính vậy. Thế ra bà biết.

Soreyya bèn hỏi chàng thanh niên về sức khỏe của ông bà phú hộ cha mẹ mình và hỏi thăm tin tức vợ và hai con đang ở Soreyya. Thanh niên hỏi :

- Thưa bà họ đều khỏe mạnh, tại sao bà biết họ ?

- Thưa ông, tôi biết lắm chớ. Thế còn người con trai của họ, thanh niên Soreyya ở đâu ?

-Ồ, thưa bà đừng nhắc chuyện thương tâm ấy nữa. Bao nhiêu năm nay việc ấy đã thành một vết thương lòng cho những người thân. Số là chúng tôi cùng ngồi xe đi tắm, nhưng khi ra khỏi thành,

không biết chàng biến mất từ bao giờ, người thì đoán chàng xuống tắm bị nước cuốn trôi người thì cho có lẽ bị cá nuốt. Tìm khắp nơi không thấy nên gia đình đã làm chay cho chàng.

- Thưa ông, chàng không chết đi đâu cả, chính tôi là Soreyya ngày trước.

- Thưa bà, bà nói cái gì thế ? Soreyya là bạn rất thân của tôi, tôi biết rõ y là đàn ông.

- Thưa ông vậy mà tôi là Soreyya.

- Sao lại có chuyện kỳ quái như thế ?

- Ông có nhớ lúc ta đi xe ra khỏi thành đã gặp một vị Tôn giả ôm bát vào thành hay không ?

- Vâng, tôi nhớ có gặp vị Tôn giả Ca Chiên Diên ngày hôm ấy.

- Đấy khi tôi trông thấy Tôn giả, tôi nghĩ mong Tôn giả là vợ mình có được làn da mịn đẹp như Tôn giả. Ngay sau khi tôi vừa có ý nghĩ đó, tôi liền hóa thành phụ nữ. Ồ, thưa ông tôi bối rối quá, không thể nói cùng ai tôi nhảy đại ra khỏi xe chạy trốn, và đến thành phố này.

- Ồ bạn ơi, bạn đã làm một việc quá điên rồ. Sao bạn không báo tôi. Thế bạn có sám hối cùng vị Tôn giả ấy không ?

- Không bạn ạ, tôi chưa từng sám hối Ngài.
Nhưng bạn có biết hiện giờ Ngài ở đâu không ?

- Ngài ở quanh quần gần thành phố này.

- Ước chi Ngài đến đây, tôi sẽ cúng dường thực phẩm cho Ngài.

- Tốt lắm, vậy bạn hãy sửa soạn, ngày mai tôi sẽ thỉnh Ngài đến đây để bạn sám hối cùng Ngài.

Rồi người bạn của Soreyya vốn là một người Phật tử thuần thành đi đến chỗ Tôn giả Ca Chiên Diên ở, để thỉnh Ngài về nhà cư sĩ thọ trai.

Tôn giả hỏi :

- Đây thanh niên con đâu có nhà ở đây ? Không phải con là du khách ở thành phố này sao ?

- Bạch Tôn giả việc ấy không quan hệ, xin Tôn giả nhận lời cho ngày mai được cúng dường Tôn giả tại nhà.

Tôn giả im lặng nhận lời. Đến giờ thọ thực hôm sau, Ngài cùng thanh niên đến nhà Soreyya. Sau khi bà Soreyya bày biện các thức ăn thượng vị lên cúng dường, thanh niên bảo bà Soreyya quỳ xuống dưới chân Tôn giả và thay lời nài nỉ tác bạch :

- Bạch Tôn giả, xin Tôn giả tha thứ cho bạn con.

Tôn giả chẳng hiểu ắt gặp gì trước sự tình ấy bèn hỏi :

- Có chuyện gì thế ?

- Bạch Tôn giả, người đàn bà này trước kia là đàn ông và là bạn rất thân của con. Một hôm y nhìn Tôn giả và có ý nghĩ quấy, nên bị biến thành đàn bà tức khắc, xin Tôn giả hãy tha thứ cho y.

- Được ta tha thứ cho người. Hãy đứng lên.

Vừa khi Tôn giả thốt ra những lời ấy Soreyya đứng lên và trở lại thân hình nam nhi như trước. Con trai Tắc ca, chồng của Soreyya, thấy vợ mình mới đó bây giờ đã hóa thành đàn ông liền bảo :

- Nay bạn ơi, vì bạn đã là mẹ của hai đứa con, tôi là cha của chúng thì quả thật chúng là con chung của chúng ta. Bạn hãy ở lại đây với tôi đừng có đi đâu, chúng ta hãy đem tình cảm sắc dục đối ra cầm kỳ (vợ chồng đối thành bè bạn).

Soreyya nói :

- Hỡi bạn, tôi đã hai lần hóa thân ngay trong một đời người. Ban đầu làm đàn ông, sau biến thành đàn bà và bây giờ hóa thành đàn ông trở lại. Ban đầu tôi làm cha hai đứa bé, sau lại làm mẹ hai đứa khác. Tôi còn sống ở đời làm gì nữa ! Tôi muốn xuất gia. Bây giờ bạn hãy săn sóc hai đứa bé này.

Nói xong, Soreyya hôn hai đứa bé, từ giã chúng rồi xin theo tôn giả Ca Chiên Diên. Tôn giả nhận chàng về trong Tăng đoàn. Sau khi truyền giới cụ túc cho Soreyya Ngài đưa Soreyya Tỳ kheo về tịnh xá Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

Câu chuyện đời tư về Soreyya truyền đi rất nhanh khắp thành Xá Vệ. Dân chúng tò mò đến tận nơi để biết rõ thật hư. Suốt ngày Tỳ kheo Soreyya phải bận rộn về những người này. Câu hỏi bất di dịch là :

- Bạch Đại Đức, có phải tin đồn Ngài hóa thân hai lần là đúng không ?

- Đúng.

- Bạch Đại Đức, Ngài đã từng làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa khác, Ngài thương cặp nào hơn.

- Tôi thương cặp con do tôi làm mẹ nhiều hơn.

Cuộc phỏng vấn cứ tái diễn như vậy không biết lúc nào ngưng làm cho Tỳ kheo Soreyya không rảnh phút nào để tham thiền nhập định. Do đó, Đại Đức quyết định rút vào rừng sâu, độc cư thiền định. Sau một thời gian ngắn, nhờ nỗ lực tu tập, Đại Đức chứng quả A La Hán và

trở lại nếp sống bình thường trong Tăng đoàn ở tu viện.

Những người đến thăm lại được dịp phỏng vấn Tôn giả trở lại :

- Bạch Tôn giả, tin đồn rằng Ngài đã làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa khác, có đúng không ?

- Đúng.

- Ngài thương cặp con nào hơn ?

- Không thương cặp nào cả.

Các Tỷ kheo nghe Tôn giả trả lời như vậy, liền đến bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, Tỷ kheo Soreyya phạm tội nói dối. Trước kia vị ấy thường bảo : "Tôi thương hai đứa do tôi làm mẹ hơn là hai đứa do tôi làm cha". Thế mà bây giờ khi người ta hỏi, vị ấy đáp là không thương đứa nào. Bạch Thế Tôn, như vậy là nói dối.

- Nay các Tỷ kheo, Tỷ kheo Soreyya không nói dối đâu. Trước kia ông ấy chưa chứng quả, bây giờ ông ấy đã chứng quả và biết rõ rằng : **"Chẳng phải cha hay mẹ, mà chính là cái tâm khéo điều phục mới đem lại lợi ích cho chúng sanh"**.

Câu nói ấy trở thành pháp cú thứ 46 được lưu truyền.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

* Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến chẳng lo
Hiện tại đừng đem lòng vọng tưởng*.

Định nghiệp khó tránh

Thuở Phật tại thế, có một vị Tỷ kheo số phận xui xẻo mặc dầu thầy tu hành rất tinh tấn, giới hạnh trang nghiêm mà không bao giờ được no đủ. Số "con rệp" ấy đeo đuổi thầy mãi cho tới khi mãn phần, sau khi đã đắc quả A La Hán. Đến ngày lâm chung, nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất, vị Tôn sư của thầy, thầy mới ăn được một bữa no lòng trước khi lìa đời.

Thầy xui xẻo từ khi còn trong bụng mẹ. Chẳng những riêng thầy xui xẻo, mà thầy còn mang sự bất hạnh đến cho tập thể trong đó có hiện diện của mình. Thầy là con của một gia đình đánh cá ở một làng ven biển có 1000 hộ khẩu. Từ khi nhập thai mẹ, cả làng đi biển không đánh được con cá nào suốt cả tháng, mọi người phải ăn rong biển cho đỡ đói lòng. Họ bắt đầu nghi ngờ có một gia đình hắc ám trong làng đã đem đến tai họa cho tất cả. Do đó họ cố tìm cho kỳ được cái gia đình xui xẻo ấy để loại ra khỏi tập thể. Phương pháp họ làm là họ chia hai số

hộ khẩu trong làng thành hai nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình để làm ăn riêng, sinh hoạt riêng. Kết quả là một nhóm bắt đầu khá giả trở lại, một tiếp tục xui xẻo. Nhóm này lại chia hai để biết cái gia đình xui xẻo ấy nằm ở đâu. Khi chia thành hai nhóm nhỏ thì cũng như trước, 250 gia đình bắt đầu khá giả, còn 250 gia đình vẫn còn xui. Lại chia hai lần lượt như vậy để biết gia đình xui xẻo nằm ở đâu, thì cuối cùng họ khám phá ra gia đình của vị Tỳ kheo nọ. Cả gia đình thầy bị loại ra khỏi làng, đi lang thang như những người du mục. Bà mẹ khám phá ra từ ngày mang thai thầy, tai họa mới đến cho cả một làng và cho gia đình, nên muốn thầy chết đi. Tuy nhiên, một người chỉ còn một đời cuối cùng này là giải thoát (chúng quả A La Hán, không còn trở lại cõi đời) thì không ai có thể giết chết được trừ khi chính nghiệp lực của người ấy. Do vậy, cuối cùng mẹ thầy cũng sinh ra thầy và nuôi cho đến biết đi ăn xin. Trong thời gian bà nuôi đứa con mang sự xui xẻo ấy, bà rất vất vả và khốn đốn trong việc kiếm ăn. Cho đến một ngày không chịu đựng được nữa, sau khi đẩy thầy vào xin ăn tại một nhà nọ, bà mẹ tẩu thoát.

Đứa trẻ - vị A La Hán tương lai nọ ngơ ngác khi bước ra không trông thấy mẹ, cũng không có cái gì ăn, bèn đi lang thang đầu đường xó chợ lượm những mẩu bánh người ta vứt bên đường để ăn cho

đồ dối. Trong "cuộc lữ" đó đứa trẻ tình cờ gặp Tôn giả Xá Lợi Phất. Động lòng thương, Ngài hỏi :

- Con cái nhà ai ? Sao gầy sọp thế ?

- Bạch Tôn giả, con là một đứa con mang lại sự xui xẻo cho mọi người, nên không ai chịu nuôi con, con phải ốm dối.

- Con có muốn xuất gia trở thành một tu sĩ không ?

- Bạch Tôn giả con muốn lắm chứ, nhưng ai chịu chứa chấp con ?

- Lại đây, ta sẽ độ cho con.

Đứa trẻ vui mừng đi theo Tôn giả. Tôn giả Xá Lợi Phất dắt về vườn Cấp Cô Độc, tắm rửa sạch sẽ, cho ăn cơm và thể phát quy y cho cậu bé làm Sa môn đui quạ (*) Lớn lên đến tuổi thành niên, Tôn giả cho thầy thọ giới cụ túc thành một vị Tỷ kheo.

Số phần xui xẻo vẫn theo mãi vị Tỷ kheo suốt cả đời. Mỗi khi đi khát thực, người ta vừa để vào bát thầy một muống cơm thì thấy bát đã đầy tràn, làm cho không ai có thể bỏ gì thêm vào nữa. Khi thầy về đến chùa, thì trong bát chỉ có độc một muống cơm

* "Khu ô sa di" là chú tiểu còn quá nhỏ chưa đến tuổi thọ giới (16 tuổi) chưa làm được việc gì ngoài việc đui quạ cho chúng khởi làm ồn ào trong giờ chú tăng tọa thiền."

để cầm hơi cho thầy khỏi chết đói. Cứ như vậy cho đến ngày mạng chung đã chứng quả A La Hán, thầy cũng chưa bao giờ được một bữa no lòng.

Biết thầy sắp mãn phần ở dương gian, Tôn giả Xá Lợi Phất động lòng thương xót nghĩ : "Losaka" (tên của thầy Tỳ kheo xui xẻo) hôm nay sẽ mạng chung. Ta sẽ làm đủ mọi cách giúp vị ấy ăn một bữa cho no trước khi chết.

Với ý định ấy, Tôn giả dẫn vị Tỳ kheo đi vào làng khát thực. Nhưng vì có Losaka, Tôn giả không xin được món gì, Ngài đành phải bảo vị ấy trở về, và đi một mình để xin ăn. Sau khi khát thực đầy bát, Tôn giả đem về cho vị Tỳ kheo Ngài đứng ôm bát trước mặt đệ tử bảo :

- Con hãy ăn đi.

Vị Tỳ kheo ngần ngại không dám ăn trước mặt Tôn sư, và nhất là để Ngài cầm bát, mặt dù thầy rất đói. Tôn giả giục :

- Con đừng ngại, ta phải đứng cầm bát để chờ con dùng bữa cho xong mới được. Vì nếu không có ta ôm bát, tất cả thức ăn này biến mất, và con sẽ tiếp tục đói.

Vị Tỳ kheo vâng lời thọ thực. Nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất vị ấy ăn được một bữa no lòng trước khi xả báo thân chót của một vị A La Hán.

Sau khi thầy Tỳ kheo xui xẻo quá vắng, các Tỳ kheo khác nhóm họp tại Diệu pháp đường trong vườn Cấp Cô Độc hỏi Đức Thế Tôn nguyên nhân vì sao một đời giới hạnh thanh tịnh, tu hành tinh tấn, vị Tỳ kheo bạc phước kia vẫn phải gánh chịu sự rủi ro suốt đời như vậy. Phật dạy :

- Nay các Tỳ kheo, những hành động của chính vị ấy trong tiền kiếp là nguyên nhân sự xui xẻo hiện tại của y. Trong tiền kiếp y cũng là một vị Tỳ kheo, do lòng ganh tỵ, y đã cản trở cư sĩ cúng dường một vị Tỳ kheo khác trong khi vị này đã chứng quả A La Hán. Vì ác nghiệp ấy cho nên dù có tu hành thanh tịnh, y cũng phải thọ quả báo thiếu thốn, xui xẻo trong nhiều đời kiếp cho đến khi chứng quả.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Luật nhân quả không kiếp sau hay kiếp trước, giữa kiếp này vay lại trả rồi vay. Vay oán nhiều nên nợ đời thêm nặng, biết nhân quả cùng ai mau tỉnh giấc mê say".

Sự tích cây nêu ngày tết

Ngày ấy không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng chúng nó bắt người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là "Ăn ngọn cho gốc" Người không chịu, chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt. Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng da bọc xương thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý. Người cơ hồ muốn chết tuyệt.

Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng như Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng trong thể lệ như trước "Ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quý rất hậm hực nhìn thấy gánh khoai núc niu chạy về nhà Người đồ thành từng đồng lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhai nổi, thế lệ đã qui định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được.

Sang mùa khác, Quý thay thế lệ mới là "Ăn gốc cho ngọn". Phạt bảo Người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quý lại hồng ân. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho bọn Quý. Quý tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố : "Ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quý nghĩ : - "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới, Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ.

Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết thì từng gánh ngô đã tiến về chừa từng cót đầy ăm ắp. Về phần Quý lại bị một vố cay chua tức uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quý nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ : - "Thà không được cái gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình".

Phật bảo Người điều đình với Quý cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hể bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó. Ban đầu Quý không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời : - "Ồ ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu". Chúng nó nghĩ thế, hai bên làm tờ giao ước : ngoài bóng che là đất của Quý, trong bóng che là của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn tung áo cà sa bay tủa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u : bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quý không ngờ có sự phi thường như thế, mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất chúng, chúng phải dất nhau lùi mãi. Cuối cùng Quý không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quý Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quý rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Người phải chiến đấu với Quý rất gay go vì quân đội của Quý có đủ một

bầy ác thú như voi, ngựa, chó, ngao, bạch xà, hắc hổ v.v... rất hung dữ . Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người làm cho quân của Quý không tiến lên được.

Sau mấy trận bất lợi, Quý bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì, Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đối với Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quý chỉ sợ độc có mấy thứ : máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.

Lần giáp chiến sau đó, quân của Quý đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vấy khắp mọi nơi. Quân của Quý thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.

Lần thứ hai, quân của Quý lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quý không chịu được mùi tỏi nên cũng cầm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quý lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào quý. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quý chạy không kịp, lại bị Phật bắt đầy ra biển Đông. Ngày Quý già, Quý trẻ, Quý đục, Quý cái cuốn

gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiếu náo. Chúng rạp đầu xuống đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước, Phật thấy chúng khóc văng cả lên mới thương hại, hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quý vào thăm đất liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quý không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có bánh dất mỗi khi gió rung thì tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc nhở bọn Quý nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mở hài để cho Quý sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quý. Có câu tục ngữ :

Cành đa lá dứa treo kiêu (cao)

Vôi bột rắc ngô chó trên mọi nhà

Quý vào thì Quý lại ra

Cành đa lá dứa thì ta cửa mồm.

Ngày xưa người ta còn tin rằng những lúc cần đuổi Quý như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp

mọi nơi cho Quý khỏi quấy. Đàn bà thường buộc
tôi vào giải yếm là cũng có một mục đích gần như
vậy.

NGUYỄN ĐỒNG CCHI
Truyện cổ Việt Nam tập II

* Việt nam là suối
Phật giáo là nguồn
Nguồn làm suối đẹp, nước tuôn hoài hoài.
Từ nguồn ra đến biển khơi
Việt Nam, Phật giáo đời đời bên nhau !"

Một cách cho

Tại thành Xá Vệ, nơi có Tịnh xá Kỳ Hoàn nổi tiếng với Đức Thế Tôn và chúng Tỳ Kheo Tăng thường trú ngụ.

Ngày ngày ánh thái dương chiếu trên những tấm cà sa vàng rực của các vị Tỳ kheo Tăng đi khất thực khắp các nẻo đường, tạo nên cảnh tượng hiền hòa tươi mát đến mọi thôn xóm, mọi gia đình, như đám mưa lành rưới khắp cỏ cây.

Tuy vậy, rải rác cũng có những gia đình thiếu thiện duyên, phước báo, nên hạt mưa pháp chưa thấm đến được, chẳng hạn, gia đình một phú hộ ở cuối thành. Ông chủ nhà này thừa hưởng một gia tài giàu có của tổ tiên để lại, đồng thời cũng thừa hưởng luôn cả cái tánh keo kiệt, hung dữ di truyền. Ông và vợ con ông đã quen nếp sống đó, nên tưởng là đương nhiên chẳng có gì trái đạo. Vì vậy, không ai dám khuyên hóa hay bày vẽ điều hay lẽ phải gì được nếu có thì ông cũng gạt phăng đi

hết. Trong nhà ít khi đầm ấm, chồng không cái với vợ, thì cha cũng gây gổ, mắng nhiếc con. Những câu nói thô tục, trái tai thường xuyên thốt ra, vì vậy mà bà con xóm giềng đã tránh xa không ai thềm đặt bước tới nhà, ngoại trừ mấy người bạn bè cùng tính nết và mấy thầy Tỷ kheo đi khất thực. Theo phép bình đẳng thứ lớp khất thực, thầy Tỷ kheo không lựa chọn nhà sang hèn giàu nghèo. Trên bước đường đi cứ hết nhà này đến nhà khác. Tới trước nhà nào cũng đứng lại năm ba phút im lặng chúc phúc cho nhà đó, rồi lui gót đi sang nhà khác, dù nhận được gì hay không cũng vậy. Khi đến trước nhà ông phú hộ, thầy Tỷ kheo cũng đứng lại ít phút, nhưng thay vì nhận được phẩm vật cúng dường như các nhà kia, thì ở đây các Thầy chỉ nhận toàn những lời nguyện rủa, xua đuổi.

Ngày nào cũng như ngày nào, hễ thấy bóng mấy thầy Tỷ kheo dừng bước trước nhà, thì vợ chồng ra mắng nhiếc xua đuổi.

Thấy vậy, có thầy Tỷ kheo đề nghị chớ đến khất thực nơi nhà ấy nữa. Nhưng thầy khác lại khuyên nên thực hành lời Phật dạy, thầy dẫn ra một đoạn kinh cho các Tỷ kheo nghe về hạnh khất thực : "Này các Tỷ kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực. Như lời

nguyên rủa trong đời, khi người đời nói : "Các người, kẻ khát thực với bình bát trên tay, các người đi chỗ này đến chỗ kia". Nhưng đây là nghề sinh sống mà các thiện gia nam tử chấp nhận, những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích, không phải vì ma cường ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, cũng không phải vì không có nguồn sinh sống như với ý nghĩ : Ta bị chìm đắm trong sanh già chết sầu bi khổ ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ, nên ta tìm con đường tu hành giải thoát và hóa độ chúng sanh.

Thế là các thầy Tỳ kheo vẫn tiếp tục đi khát thực không bỏ qua nhà đó.

Một hôm, thầy Tỳ kheo vừa đến cửa, thì bà phú hộ cũng vừa đi ra, bà vụt miệng nói một câu nhẹ nhàng hơn bao nhiêu lần trước :

"Thưa ông, ông hãy đi nơi khác để xin, ở đây tôi không sẵn lòng cho ông đâu, xin đừng đứng lâu mất thì giờ của ông đó".

Nhưng thầy Tỳ kheo vẫn thân nhiên đứng đủ vài phút rồi tiếp tục đi. Giữa đường chợt gặp ông phú hộ đi ngược chiều trở về nhà. Thấy thầy Tỳ kheo quá quen thuộc ngày nào cũng vào xin nơi nhà mình, ông chặn lại hỏi :

- Này, ông mới vào xin nhà tôi ra phải không ?

Thầy Tỳ kheo trả lời :

- Phải !

- Có cho chi không ?

- Có cho !

Vừa nghe hai tiếng "có cho" ông nổi cơn lôi đình chạy tốc về nhà hỏi vợ :

- Bà kia, ai bảo bà mang đồ cho Sa môn ?

Bà vợ nghe chồng hạch sách đột ngột lấy làm đứng đưng :

- Ai nói ông đấy ?

- Ông Sa môn hỏi nầy chứ ai !

-Ồ, tôi nào có cho ông ấy thứ chi đâu !

- Không cho sao ông ấy nói có cho ?

- Nếu không tin ông chạy theo mà tra soát.

Ông phú hộ lại đuổi theo vị Tỳ kheo đang đi trong dáng khoan thai đếm từng bước, đến nơi ông chẳng nói chẳng rằng liền giựt lấy bình bát thầy Tỳ kheo ra xem, nhưng chẳng thấy chi cả, ông liền ném bình bát xuống đất và mắng :

- Tu hành mà nói dối ! Ai cho gì đâu mà nói có cho ?

Thầy Tỳ kheo ôn tồn đáp :

- "Ông hãy bình tĩnh, tôi sẽ nói ông nghe : bao nhiêu lần đến khát thực nhà ông chúng tôi đều được nhận toàn những lời nguyện rửa tội tục, nhưng sáng nay tôi vừa đến trước ngõ thì bà chủ nhà đã cho tôi một câu nói nhẹ nhàng rằng : "Thưa ông, ông hãy đi nơi khác để xin, ở đây tôi không sẵn lòng cho ông đâu, xin đừng đứng lâu mất thì giờ của ông đó". Và tôi đã nhận lời nói đó như một phẩm vật đặc biệt. Nghe vị Tỳ kheo nhã nhặn trình bày, ông phú hộ thệ thệ cúi xuống lượm bình bát đặt lại trên tay Tỳ kheo rồi lẳng lặng trở về, trong lòng suy nghĩ miên man. Đến nhà ông gọi vợ :

- Này bà, từ trước tới nay, nhà ta có cho những gì các vị Sa môn không ?

- Ông chẳng nhớ sao, các ông đến là mình mắng nhiếc, xua đuổi đi chứ có cho vật gì.

- Thôi, kể từ đây tôi đề nghị với bà rằng, mình đã không cho đồ đạc của cải thì thôi, cũng đừng dùng lời lẽ chua cay mà mắng nhiếc các vị Sa môn ấy nữa. Họ có tội tình gì mà phải nghe lấy những điều sỉ nhục mặt sát của mình. Họ cũng đâu bắt

buộc mình cho cơm áo họ đâu, họ chỉ làm công việc của một kẻ tu hành, của một người khát sĩ xin ăn, làm ruộng phước cho bao nhiêu người gieo trồng cần lành, giống tốt, ai có gieo giống thì họ được gặt quả, còn mình, mình không làm thì thôi cố sao lại mạ nhục họ. Bà thấy không mình phi lý đấy chứ.

Nghe chồng nói một thôi dài, bà vợ im lặng suy nghĩ.

Kể từ khi gặp vị Tỳ kheo hôm nọ, đời sống gia đình ông phú hộ, người ta không còn nghe những lời to tiếng, những trận cãi vợ con, đánh đập tôi tớ, một đời sống thuận hòa trên dưới nhường nhau đã tạo ra một không khí đầm ấm hạnh phúc.

Và cũng kể từ đây, gia đình ông biết ăn ở đối xử với mọi người chung quanh. Nhờ vậy, bà con láng giềng thường hay lui tới bắt mạt làm quen, mỗi tình lân cận càng thêm thắm thiết.

GIỚI DỨC

"Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"

Công Đức thọ Bát quan trai

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn và đại chúng Tỷ kheo ngụ tại Kỳ Viên Tịnh xá của Ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, vườn cây thái tử Kỳ Đà, tại thành Xá Vệ.

Thuở ấy có một thiếu nữ tên Sa Ta, là con gái của một vị thiện tín rất nổi danh tại Xá Vệ. Nàng Sa Ta, tuy tuổi vừa đôi tám, nhưng tư chất rất thông minh, thường đến chùa nghe pháp, nên rất thấm nhuần Phật Pháp.

Năm ấy Sa Ta đến tuổi trưởng thành, song thân chọn nơi môn đăng hộ đối, gia phong lễ giáo của một gia đình danh giá để gả nàng. Một tiệc cưới linh đình dọn ra, hai họ đều là Phật tử thuần thành nên tất cả đều cung thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến cúng dường trai tăng trong sự hoan hỷ tột cùng của mọi người.

Sau tiệc cưới, Sa Ta về chung sống bên gia đình cha mẹ chồng. Vốn là người khéo léo, siêng năng

và tế nhị nên chẳng bao lâu nàng chiếm cảm tình của mọi người trong gia đình bên chồng, nàng tận tâm phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, săn sóc mọi người chung quanh. Sa Ta rất giàu lòng từ bi, thường bố thí thức ăn quần áo cho kẻ ăn người ở và những kẻ khốn cùng.

Đến ngày Bát quan trai, nàng tinh tấn thọ giới, giữ gìn giới hạnh hết sức trong sạch, không hề giải đãi.

Cha mẹ chồng của nàng đều là những người có đức tin Tam Bảo, trước những đức hạnh tuyệt vời của Sa Ta nên cha mẹ chồng càng yêu thương quý mến nàng dâu nhiều hơn nữa.

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, đến khi tuổi thọ đã mãn, do nghiệp thiện đã tạo ở nhân gian nàng Sa Ta được thọ sanh về cõi Tứ Đại Thiên Vương làm ái nữ Đức Thiên Vương, cũng mang tên Sa Ta như lúc ở cõi Ta Bà.

Đức Thiên Vương có năm cô con gái xinh đẹp tuyệt trần : Nàng Sa Ta, nàng Sa Ja, nàng Ba Va Ra, nàng A Chi Mu Ta và nàng Su Tra.

Đến khi các cô tiên trưởng thành, đúng tuổi trăng tròn, Đức Thiên Vương Đế Thích chọn năm nàng về cung trời Đao Lợi để sung vào đoàn ca nhi trong thiên đình của Ngài. Năm cô tiên xinh đẹp

ấy, hằng ngày chỉ ca múa để dâng lên Đế Thích thưởng ngoạn.

Một hôm, năm nàng có sự tranh luận với nhau, một trong năm nàng hỏi rằng :

- Trong chúng ta, ai là kẻ có giọng tốt và vũ đẹp hơn cả ?

Ai cũng tự nhận mình hát hay và vũ đẹp hơn cả, cuộc tranh luận gay gắt, càng lúc càng gia tăng, năm nàng không thể tự giải quyết được, liền đem vấn đề ấy trình lên phụ vương để phân giải giùm.

Năm cô tiên cùng tâu rằng :

- Muôn tâu phụ vương, trong năm chúng con ai là kẻ hát hay và vũ đẹp hơn cả ? Kính xin phụ vương hãy phân giải giùm cho công bằng.

Thiên Vương ít khi trực tiếp nghe con mình hát, sau một chút suy nghĩ mới phán rằng :

- Nay các con yêu quý của cha, nếu các con muốn biết ai hát hay và vũ đẹp hơn cả thì con nên đến ca vũ ngay trước sự chứng kiến của chư thiên trên bờ hồ A Nô Tát Ta, nơi rừng Tuyết Sơn biên quốc thì các con sẽ biết sự thật.

Tuân lời phán dạy của phụ vương, năm nàng tiên bèn tổ chức một buổi trình diễn để trở tài ca vũ cho chư thiên thưởng ngoạn và chấm điểm.

Rừng Tuyết Sơn, vùng đất âm u vắng vẻ, bỗng chốc trở thành ca vũ trường vĩ đại nhất trong lịch sử.

Lúc ấy chư thiên từ bốn phương đồng nhau đến rừng Tuyết Sơn đồng đảo chưa từng thấy, để thưởng ngoạn tài nghệ của năm cô tiên xinh đẹp ấy.

Năm cô lần lượt trở tài trước sự diện kiến của chư thiên. Nàng Sa Ja khởi đầu bằng những bài hát tuyệt vời và những vũ điệu tuyệt kỹ. Tiếp đến cô Ba Va Ra cất tiếng oanh vàng lạnh lót, cùng những vũ khúc vô cùng công phu. Đến lượt A Chi Mu Ta và Su Tra lần lượt biểu diễn tài nghệ trước chư thiên thì chư thiên vẫn yên lặng không chê mà cũng không tán thưởng. Cuối cùng đến Sa Ta cất tiếng bỗng trầm, đây mới thật là cung đàn muôn điệu thật lạnh lót du dương, hòa nhã như tiếng chim Ca Lăng Tần Già.

Nàng Sa Ta lại xoay qua những điệu vũ thật như những cánh bướm lượn trong nắng xuân, như đàn thiên nga bơi lội trên mặt hồ, như tất cả tinh hoa vũ trụ đều tập trung nơi đây.

Tùng tràng pháo tay rộn rã cả khung trời, tán thưởng tài nghệ vô cùng điêu luyện, vô cùng xuất sắc của Sa Ta, những lời hoan hô và chúc lành vang rền cả rừng Tuyết Sơn.

Su Tra, cô tiên út vô cùng thần phục Sa Ta bèn đến hỏi rằng :

- Thưa chị, hồi tiền kiếp chị làm được những công đức gì mà bây giờ có nhan sắc tuyệt đẹp và có giọng hát trong thanh như tiếng chim Ca Lãng Tân Già và được thông minh như thế ?

Nàng Sa Ta dịu dàng đáp :

- Chị có sắc đẹp, giọng hát hay, thông minh như thế này vì kiếp trước chị đã giữ giới Bát Quan trai từ tấm bé cho đến tuổi già không bị phạm giới lần nào cả.

GIỚI ĐỨC

" Phật tử muốn kiến lập Phật Pháp, duy trì Chánh Giáo ở thế gian, cần phải tự mình thọ trì giới luật trước".

Những con ngựa dữ

Phật ví hạng người hung dữ trong môn đệ Ngài, giống như những con ngựa dữ khó điều phục. Đó là :

1 - Hạng người khi được bạn bè chỉ dạy lỗi lầm cứ chối bai bãi, bảo : "Tôi không nhớ, tôi không nhớ !" Giống hệt con ngựa dữ bị tra hàm thiết và quất roi da vào mông, vẫn còn hực hặc không chịu đi.

2 - Hạng thứ hai, khi được chỉ lỗi, bèn đứng làm thính, không nhận cũng không chối, giống như con ngựa dữ đứng dựa gọng xe không chịu đi.

3 - Hạng thứ ba, là vị tu sĩ khi bị chỉ lỗi, liền hỏi trở lại người chỉ lỗi mình : "Huynh cũng phạm như tôi sao dám chỉ lỗi tôi", giống như con ngựa dữ, ngã nhào xuống đất, trầy đầu gối, gãy gọng xe.

4 - Hạng thứ tư, là loại người phản ứng bằng cách quật lại người chỉ lỗi mình : "Đồ ngu, phận huynh còn phải nhờ người chỉ dạy sao dám lên

mặt chỉ dạy tôi", giống như con ngựa dữ cứ thụt lui không chịu bước tới.

5 - Hạng thứ năm là kẻ hay nói trở sang chuyện khác, đem lòng thù hiềm oán hận người nhắc nhở mình. Như con ngựa dữ chạy bừa vào đường hiểm, làm cho xe bể bánh, gãy trục.

6 - Hạng thứ sáu, là kẻ không sợ tội lỗi, không ngăn chúng tăng, không cho ai chỉ lỗi, lấy đồ bỏ đi. Giống như con ngựa dữ bất kể nài và roi, ngậm hàm thiết chạy càn, vô phương kiềm chế.

7 - Hạng thứ bảy, phản ứng cách lộn ngược, y đứng giữa hội chúng khua tay nói lớn : "Ai cho phép mấy người dạy khôn tôi". Như con ngựa dữ dựng ngược hai chân và sùi bọt mép.

8 - Hạng thứ tám, loại dữ dần nhất nói ồng : "Mấy người có cho tôi y bát, tọa cụ thuốc men không mà dám sửa sai tôi ". Nói xong chưa đã giận, còn xả giới, lột y vứt bên đường, nghênh mặt hỏi chúng tăng : "Tôi đã hoàn tục rồi, mấy người vừa lòng há dạ chưa ?" Hạng người này giống như con ngựa dữ nằm bẹp giữa đường.

Kể xong về tám loại người hung dữ, Đức Phật khuyên hàng môn đệ của Ngài nên dễ dạy bình tĩnh khi nghe người ta nhắc nhở mình, dù lời chỉ dạy có đúng hay sai đều giữ lòng bình thản và

chân thật. Riêng người chỉ lỗi cho bạn phải biết đúng thời đúng lúc, nói năng dịu dàng nhỏ nhẹ, và nhất là thật yêu thương muốn giúp đỡ bạn chứ không phải vì ganh tỵ ghét bỏ.

Xong Đức Phật kết luận :

- Này các Tỳ kheo ! Ta đã nói đầy đủ, chẳng kia là các cội cây, các hang trống. Các ông nên đến đó mà tọa thiền, chớ có buông lung mà về sau hối tiếc không kịp. Đây chính là lời nhắn nhủ của Ta đối với các ông.

"Có lỗi đã là một điều lỗi, không chịu nhận lỗi lại là một điều lỗi nữa".

Thế nào là Thượng tọa ?

Thuở ấy, Đức Đạo Sư đang ngụ ở Tịnh xá Kỳ Viên, có mười vị Tỷ kheo từ Câu Thi Na đến yết kiến Ngài. Lúc mới vào Tịnh xá nhóm Sa Môn này gặp một chú Tiểu ra vái chào. Sau khi đánh lễ Đức Đạo Sư xong, đoàn Sa Môn lui ngồi một bên. Phật hỏi họ :

- Sáng giờ các Thầy có gặp một vị Thượng Tọa vừa rời khỏi nơi đây không ?

Các Thầy Sa Môn đồng thưa :

- Bạch Thế Tôn không ạ !

- Các Thầy không gặp ai cả sao ?

- Thưa, chúng con có gặp một chú Tiểu chưa đến hai mươi...

- Nay các Tỷ kheo ! Vị ấy không phải là một chú Tiểu... Đó chính là bậc Thượng Tọa mà ta muốn nói.

- Nhưng... Chú ấy còn trẻ quá. Bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ kheo ! Ta không gọi ai là Thượng Tọa vì tuổi tác, vì họ được ăn trên ngồi trước hay đã xuất thân từ dòng danh giá vọng tộc. Chỉ có người nào thấu đạt Chánh Pháp, cư xử tốt với mọi người, Ta mới gọi vị ấy Thượng Tọa.

Dù tuổi cao mày bạc

Không tịnh hạnh tu trì

Tôn xưng là Hòa Thượng

Danh suông chỗ ích chi (PC - 260)

*

Những ai thấy Chánh Pháp

Tự điều phục thân tâm

Thanh tịnh không nào hại

Mới đáng gọi là Thượng Nham (PC - 261)

Người được ca ngợi

Thời Phật còn tại thế, có một vị Lão Tăng ẩn cư trong rừng sâu, người ta gọi Ngài là Hòa thượng Nhất Cú, vì Ngài chỉ biết đọc nhất có mỗi câu kệ, đó là :

"Sa môn nào với tư tưởng thanh cao, tinh tấn luyện mình trong sự im lặng thì vị ấy sẽ được an tịnh, thông suốt và không còn phiền não".

Vào những ngày Bố Tát, vị lão Tăng chỉ đọc có bài kệ ấy và được Chư Thiên trong vùng tán thưởng bằng những tràng pháo tay vang rền.

Một hôm cũng vào ngày Bố Tát có hai vị Tỷ kheo thông suốt Tam Tạng cùng đi với một hội chúng đông đảo đến khu rừng ẩn cư. Thượng tọa Nhất Cú vui vẻ đón tiếp họ và cầu thỉnh :

- Các hiền giả đến đây thật quý hóa, xin quý vị đọc luật cho tôi và chư vị nơi đây cùng nghe.

Đoàn khách Tăng ngạc nhiên :

- Nhưng... Ngoài Thầy ra, khu rừng này còn ai nữa đâu ?

- Có chứ ! Vào những ngày tuyên giáo, khu rừng này vang dội tiếng vỗ tay của Chư thiên.

Sau khi phân tọa, một vị Tỳ kheo bắt đầu đọc luật và vị kia giảng rộng ra... Nhưng chẳng có ông trời nào vỗ tay cả. Đoàn khách Tăng ngạc nhiên :

- Thế này là thế nào ?

Vị lão Tăng cũng thắc mắc không kém :

- Mấy bữa trước họ đều vỗ tay sao hôm nay lại vậy cả ? Được rồi, thưa các Tôn giả, để tôi đọc thử coi...

Thượng tọa Nhất Cú bèn đọc câu kinh thường nhật và Chư thiên lại vỗ tay vang rền.

Thấy vậy nhiều người bất bình :

- Chư thiên ở vùng này quả là có lòng thiên vị, khi người ta giảng thông suốt về giáo pháp thì họ im lặng, không một tiếng tán dương, còn khi lão Tăng này chỉ đọc có một câu thì họ lại hoan hô ầm ĩ.

Các Tỳ kheo trở về bạch Phật tự sự. Nghe xong Đức Đạo sư dạy :

- Này các Tỳ kheo, ta không gọi ai là người thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đọc nhiều kinh điển. Nhưng kẻ nào, dù chỉ biết một câu, hiểu rõ như thật, theo đó hành trì, ta mới gọi là người thông suốt kinh điển.

- Nói nhiều lời hư vọng thêm huyền hoặc cuồng si.

- Học ít nhưng tâm đặc, mới là bậc hộ trì.
(PC. 259)

"Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thật hành theo, thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa môn, khác nào kẻ chừa bò, chỉ lo đếm bò cho người khác.

Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, trừ diệt tham, sân, si, tâm hiền lành, thanh tịnh, giải thoát, xa bỏ thế dục, thì dù ở cõi này, hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa môn".

Lại Tra Hòa La

Khi Đức Phật du hóa tại xứ Kuru đến thị trấn Thu La, dân chúng đồn đãi kéo đến bái yết Ngài để nghe thuyết pháp. Bấy giờ trong đại chúng có thanh niên tên Lại Tra Hòa La, con trai của một gia đình thượng tộc giàu có nhất vùng, sau khi nghe pháp, suy nghĩ :

- "Như ta hiểu lời Thế Tôn dạy, thì ở nhà thật khó thực hành đời sống phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trong sạch như vô ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Nghĩ vậy xong, sau thời thuyết pháp của Phật. Sau khi hội chúng đã lễ Phật mà lui về, thanh niên ấy đến bên Đức Thế Tôn, xin Ngài xuất gia tu học.

- Bạch Thế Tôn, như con được hiểu lời Thế Tôn dạy, thì tại gia thật không dễ gì sống đời phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trắng bạch

như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy cho con xuất gia dưới sự hướng dẫn của Thế Tôn.

- Nhưng này thanh niên, con có được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia chưa ?

- Bạch Thế Tôn, con chưa được cha mẹ bằng lòng.

- Này thanh niên, Như Lai không cho xuất gia nếu cha mẹ không bằng lòng.

- Bạch Thế Tôn, vậy con phải làm những gì cần thiết để cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia.

Lại Tra Hòa La đánh lễ Phật ra về, xin cha mẹ :

- Thưa ba má, con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình. Xin ba má hãy bằng lòng cho con được xuất gia.

Khi nghe nói vậy ông bà phú hộ bảo :

- Này con, đừng ăn nói đại dột. Con là đứa con duy nhất của ba má được nâng niu như vàng ngọc từ tấm bé, lẽ nào ba má để cho con xuất gia ? Huống chi nhà ta vàng nén, hột xoàn kim cương chất đống, bao nhiêu của chìm của nổi, tài sản mấy đời tổ tiên để lại, tất cả đều dành cho con. Con hãy

ăn chơi thỏa thích, rồi muốn tu thì bỏ thí, làm phước là được rồi. Con chưa biết gì đến sự gian khổ, làm sao ba má để con sống đời khổ hạnh được ? Ba má không bao giờ cho con xuất gia.

Sau ba lần năn nỉ không được chấp nhận, Lại Tra bèn nằm lăn ra giữa nhà, tuyệt thực với ý định : "Ta sẽ chết ở đây, nếu không được xuất gia".

Hai ông bà đưa cơm cháo gì đến, Lại Tra vẫn nằm bất động. Một ngày hai ngày, ba ngày, rồi bảy ngày trôi qua, chàng nhất định không ăn uống, không cựa cựa, mặc cho cha mẹ khuyên lơn. Thân thể chàng đã yếu lả, mắt lơ lơ như người hôn mê sắp chết. Ông bà phú hộ đâm hoảng, đến cầu cứu những người bạn trẻ của con :

- Nay các cháu, Lại Tra Hòa La đòi đi tu, hai bác không cho, nên nó tuyệt thực nằm vạ cả tuần lễ nay chẳng chịu nhúc nhích nói năng gì cả. Các cháu hãy đến năn nỉ nó ăn uống lại giùm. Hãy khuyên nó bỏ ý định xuất gia.

Các thanh niên làm theo lời, đến bên Lại Tra để khuyên nhủ. Nhưng sau năm bảy lần thuyết phục, chàng vẫn bất động. Thấy thế nguy, họ đề nghị với ông bà phú hộ :

- Thưa hai bác, chúng cháu thấy rõ Lại Tra đã nhất quyết theo ý định mình, không thì chết. Vậy

hai bác nên bằng lòng cho anh ta xuất gia, họa may thỉnh thoảng hai bác còn gặp lại được. Nếu không hai bác đành vĩnh viễn mất người con.

Hai ông bà đành phải chấp thuận, đến nói với Lại Tra.

- Thôi, con đã nhất quyết thì ba má cũng chiều lòng. Nhưng đi tu xong phải thỉnh thoảng về nhà thăm ba má và mấy người vợ mới cưới của con, kéo chúng nhớ tội nghiệp.

Lại Tra mở bừng mắt ngồi nhom dậy, trở lại ăn uống. Sau khi lấy lại sức, chàng từ giả cha mẹ ra đi, đến chỗ Phật trú.

- Bạch Thế Tôn, con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Xin Thế Tôn hãy cho con xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật nhận lời cho thanh niên cạo tóc đắp áo cà sa, thọ đại giới, theo Ngài về ở Tịnh xá Kỳ Viên nước Xá Vệ. Tôn giả Lại Tra tinh tiến tu hành, ưa thích đời sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chẳng bao lâu đã đạt đến cứu cánh cao tột của đời phạm hạnh, vì cứu cánh này mà những thiện gia nam tử đã từ bỏ gia đình, ấy là quả vị A La Hán. Vị ấy biết sanh tử đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm xong, không còn phải trở lui lại cuộc đời này nữa.

Một hôm, Tôn giả đến đánh lễ Phật :

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài cho phép, con sẽ xin trở về ngôi làng cũ.

- Đức Phật quán xét biết Tôn giả bây giờ đã có thể trở về, không có gì nguy hiểm cho phạm hạnh, nên Ngài dạy :

- Lại Tra, người có thể làm những gì người nghĩ là phải thời.

Sau khi đánh lễ đấng Đạo sư, Tôn giả Lại Tra thu xếp lên đường. Đến thị trấn Thu La, Tôn giả tuần tự khát thực. Khi đến nhà cha mẹ, Tôn giả ôm bát đứng ngoài cổng. Thoáng thấy bóng chiếc cà sa, ông phú hộ chưa kịp nhìn kỹ, đã nổi trận lôi đình, nghĩ : "Kia là một Sa môn trọc đầu tới xin ăn. Vì những người đó mà đứa con yêu dấu độc nhất của ta đã bỏ nhà ra đi biệt. Nay còn tới đây báo hại cái gì ?" Rồi không thèm nhìn ra, ông quát tháo :

- Này Sa môn trọc đầu kia hãy đi đi ! Ta không muốn nhìn cái mặt mo ấy. Đi cho mau, đi cho khuất con mắt của ta !

Tôn giả lặng lẽ ôm bát tiếp tục đi. Chợt từ ngõ sau nhà, người nữ tỳ bụng nổi cháo đi đổ. Tôn giả nói :

- Này chị, chị bung cái gì thế ?

- Tôi đem nồi cháo ăn còn thừa từ bữa qua đi đổ vào thùng rác ngoài lộ.

- Xin chị hãy đổ vào bát của bàn tăng cũng được, khỏi phải đi xa cho nhọc lòng.

- Càng tốt.

Khi người nữ tỳ đến gần để trút cháo vào bát Tôn giả, cô ta nhận ra đôi chân quen thuộc. Đánh bạo nhìn lên tay, mặt, thì rõ ràng là vị tiểu chủ ngày xưa, không còn làm gì nữa. Nữ tỳ chạy vào nhà :

- Thưa ông bà chủ, tiểu chủ đã về tới ngoài kia !

Bà phú hộ mừng rỡ :

- Dâu, dâu ? Nếu thật như mày nói, thì mày sẽ được phần thưởng xứng đáng, con ạ.

Ông phú hộ cũng chạy ra :

- Con ta đâu nào ?

- Thưa, tiểu chủ đang ngồi ăn cháo thừa đằng kia.

Lúc ấy Tôn giả đang tựa lưng vào một bức tường mà dùng cháo vừa xin được. Bà phú hộ nhìn kỹ là con mình, liền chạy lại khóc :

- Con ơi là con ! Sao con về nhà mà con không vào nhà của con lại ngồi dọc đường dọc sá thế này ! Lại đi ăn cháo vữa cháo thiêu ! Hãy vào nhà, đi con.

- Thưa gia chủ, bàn tăng không có nhà. Bàn tăng có đến nhà của gia chủ, nhưng không nhận được bố thí, chỉ nhận được lời sỉ nhục và xua đuổi.

Ông phú hộ cũng đã nhận ra, bèn tới năn nỉ :

- Này con, con hãy vào nhà. Ba má sẽ dọn đồ ăn ngon lành cho con. Đừng ăn cháo thiêu mà đau bụng.

- Thưa gia chủ, hôm nay việc ăn uống đã xong.

- Vậy thì trưa mai, con hãy nhận lời ba má.

Tôn giả im lặng chấp thuận. Ông bà phú hộ trở vào nhà, bàn mưu tính kế. Ông nói :

- Con ta đã về tới đây, phải làm sao để giữ chân nó lại, đừng cho nó ra đi. Ngày mai, bà với tôi phải hiệp sức mà thuyết phục nó. Trước hết, bà hãy dọn cho nó một bữa ăn ngon lành, có gà nướng, có rượu hảo hạng, đừng thiếu món gì. Rồi còn nữa ? À, hãy đem tất cả vàng bạc, kim cương ngọc ngà châu báu trong kho ra, chất một đống giữa nhà cho thật cao, ngập mặt ngập mây, mà chỉ cho nó nhìn, cho nó biết tài sản của mình là nhiều như vậy. Kế đó là phần việc của mấy đứa con dâu. Chúng nó

đâu rồi, bà hãy gọi chúng nó ra đây, để chúng ta cất công cất việc.

Khi các con dâu đến, ông phú hộ bảo :

- Này các con dâu ! Ngày mai chồng của các con trở về ăn cơm tại nhà đây. Các con phải tận lực hợp sức cùng ba má để kéo nó ở lại, đừng cho nó đi. Các con phải trang điểm cho thật lộng lẫy huy hoàng. Hãy đeo vào đầu, vào cổ, vào tay, vào chân những đồ trang sức mà ngày xưa chồng các con nó ưa nhìn thấy các con đeo. Hãy súc nước hoa, tưới đầu thơm cho thật nhiều vào, trét phấn, thoa son, bôi mi mắt, kẻ lông mày, uốn tóc cho dợn sóng lên, chống lỗ mũi, lỗ tai lên.

Những cô dâu khúc khích che miệng cười :

- Thưa ba, không có chống lỗ tai đâu ạ !

- Vậy thì, các con hãy làm cái gì các con nghĩ là hợp thời để quyến rũ chồng của các con cho bằng được.

Rồi ông bà phú hộ cất đặt cho gia nhân chưng dọn, trang hoàng nhà cửa, ngọc ngà châu báu được đem ra chất giữa nhà một đống, lấy màn che lại. Các cô vợ trẻ trang sức lộng lẫy như đào hát đứng thành một tốp, cũng lấy màn che lại. Phú ông ngắm nghía nhà cửa, vàng ngọc, và người, tỏ vẻ đắc chí, hài lòng :

- Thế là được. Ngày mai cứ như vậy mà thi hành.

Hôm sau, đến giờ thọ trai, Tôn giả ôm bát từ từ tiến vào cổng. Ông bà đón đưa ra mời. Khi Tôn giả vào nhà, ông chỉ :

- Này con, hãy nhìn đây, (ông kéo màn) vàng bạc châu báu cả đống đấy, tất cả đều là của con. Con hãy ở lại mà thọ hưởng, muốn chi cũng được.

- Thưa gia chủ, nếu gia chủ dành cái đồng đó cho tôi, thì xin gia chủ cho xin thêm ít cái bao bố may sẵn, đựng nó vào, và muốn một, hay hai, ba chiếc xe chở ra ngoài sông lớn mà đổ ngay giữa dòng, cho nó chìm sâu xuống đáy nước. Vì sao ? Vì nó là nguồn gốc của tất cả khổ não đến với gia đình.

Ông phú hộ lại kéo cái màn che mấy bà vợ cũ ra. Các nàng chạy đến ôm chầm lấy Tôn giả, khóc ròng kè kè :

- Ôi chàng ôi ! Bộ chàng muốn mấy cô tiên nào trên trời nên đi tu để được lên trên ấy phải không ? Chàng đã bỏ bê chúng thiếp để mơ tưởng lên trên trời với mấy cô tiên. Hù hu, hù hu. Nói đi, có phải vì mấy cô tiên nữ mà chàng xuất gia tu phạm hạnh hay không ? Hù hu.

- Các chị, các chị, không phải vì mục đích được sanh lên cõi trời mà bần tăng xuất gia tu phạm hạnh.

Khi ấy các bà vợ cũ dấm ngực, khóc than thảm thiết :

- Ối, cha mẹ làng nước ơi, chồng chúng ta bây giờ lại gọi chúng ta bằng chị ! Ối trời đất quý thần ơi !

Hồi họ ngã lăn ra giữa nhà, bất tỉnh nhân sự, Tôn giả nói với ông bà phú hộ :

- Thừa gia chủ, gia chủ muốn thí đồ ăn thì bố thí đi, chớ có phiền nhiễu bần tăng.

- Hãy ăn đi, con yêu dấu. Đồ ăn đã dọn sẵn.

Thọ thực xong, Tôn giả đứng lên nói bài kệ :

Mày ngài mất phượng mà chi ?

Tốt tươi rồi cũng một bì xương khô.

Tâm : rừng tham ái sâu lo

Thân : nhà chứa bệnh, nắm mồi chờ ai

Nào đâu mất phượng mà ngài ?

Khi thấy quăng bỏ ra ngoài đồng hoang

Mưa sa gió cuốn phủ phàng,

Đống xương vô chủ vô vàng trắng soi

Đấy da chưa đủ tanh hôi
Lại toan sơn phết ra mồi bành bao !
Kẻ ngu mê lại lẫn vào
Như nai sa bẫy, người nào khác chi !
Ai đã giải thoát sầu bi
Tránh xa lưới ái, tình si đâu còn !
Bầy nào bắt được nai khôn
Lúa ăn vừa đủ, tẩu bôn vô rừng
Thợ săn ngơ ngác hết mừng
Thì đành dấm ngực vấy vũng khóc la.

Đọc xong bài kệ, Tôn giả cáo từ đi đến rừng Lộc Uyển ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Khi ấy, vua xứ Kuru bảo người hầu cận sửa soạn cho vua dạo rừng. Người hầu thấy Tôn giả liền trở về tâu :

- Tâu Đại vương, ngoài rừng Lộc Uyển, có vị Sa môn đang ngồi, chính là con trai của gia đình thượng tộc ở thị trấn này, tên là Lại Tra Hòa La.

- Vậy, thay vì đi dạo rừng, ta hãy đến thăm vị Tôn giả ấy.

Vua cùng người hầu đi đến rừng Lộc Uyển, chỗ Tôn giả đang ngồi. Vua cung kính đưa tấm nệm gấm ra mời :

- Xin Tôn. già hãy ngồi trên tấm này cho êm.

- Đại vương, tôi đã có tọa cụ. Đại vương hãy ngồi trên chỗ của Đại vương.

- Bạc'n Tôn già, người đời thường xuất gia vì bốn sự suy vong : một là lão suy, hai là bệnh suy, ba là tài suy, bốn là thân suy. Như những người lúc trẻ thụ hưởng dục lạc đã đầy đủ chán chê, đến khi già không còn ham muốn gì nữa, và cũng đã hết sức lực mới vô chùa nghỉ. Đó là lão suy. Lại như người mắc bệnh kinh niên không thể lao động sản xuất được, ở ngoài đời không lợi chi cho ai, lại thêm gánh nặng cho gia quyến, nên xin vô ở chùa. Đó là bệnh suy. Rồi có những người làm ăn thất bại, hoặc bị mất mát về tiền bạc, hoặc đánh bài bạc bị phá sản, đổ nợ đổ nần, không thể gầy dựng lại được, bèn chán nản vô chùa xin gởi tấm thân tàn, sống nốt quãng đời còn lại. Đó là tài suy. Cũng có những người xuất gia vì lẽ không còn ai thân thích để nương tựa. Đó là thân suy. Thông thường vì bốn sự suy vong này mà xuất gia. Nhưng xét Tôn già, tuổi còn thanh xuân, tóc đen nhánh, thì không phải lão suy. Da dẻ hồng hào tươi nhuận chứng tỏ sức khỏe không đến nỗi nào, thì đâu phải bệnh suy. Tôn già xuất thân từ một gia đình thượng tộc giàu nhất vùng thì đâu phải tài suy. Song thân còn đủ, các bà vợ đang mong chờ, thì

cũng không thể gọi là thân suy. Vậy Tôn giả xuất gia vì nguyên nhân nào ?

- Đại vương, tôi xuất gia vì bốn điểm thuyết giáo của Đấng Đạo sư mà tôi thấy đúng như thật. Thứ nhất là, Ngài dạy mọi sự ở thế gian là vô thường.

- Nghĩa là sao, xin Tôn giả giải thích.

- Đại vương, như thân thể của Đại vương đó, lúc nào cũng như lúc nào hay mỗi lúc một khác ?

- Như vậy là trăm đã hiểu. Quả thật, thân thể là vô thường, đổi khác luôn luôn, nhất là ở tuổi già như trăm. Năm nay đã khác năm ngoái, nói gì đến tuổi trẻ với lúc già, thật khác nhau trời vực. Còn điểm thứ hai là gì, thưa Tôn giả ?

- Thứ hai là vô hộ, vô chủ : không ai giúp đỡ mình được, không có chủ tể.

- Sao lại không ? Như trăm đây, biết bao nhiêu người phò tá, trăm là chủ cả nước, muốn chi được nấy, làm sao Tôn giả lại nói vậy ?

- Đại vương, Đại vương có thể đem cả tài sản, ngai vàng để thuê mướn kẻ khác đau thay, già thay, chết thay cho Đại vương, không ?

- Cái đó thì không được.

- Ví như Đại vương tạo nghiệp ác, phải đọa địa

ngục, thì đại vương có thể đem tài sản ấy dứt lốt cho Diêm vương để khỏi đọa, hay chính mình làm mình phải chịu ?

- Đúng như vậy, mình làm mình chịu, không ai thay được. Thế là trăm đã hiểu vô hộ. Còn vô chủ thì sao ?

- Đại vương có thể làm chủ cái thân xác Đại vương được chăng ? Bao nó không được bệnh, không được già, không được chết, nó chịu nghe chăng ? Bao cái tay đừng run, cái chân đừng quỵ, mắt đừng lờ, tai đừng lảng, được không ? Đại vương có thể bảo cái thân của Đại vương khi nó đang đau rằng : "Hãy khỏe mạnh trở lại không ? và Đại vương có biết khi nào thì nó đau, khi nào nó chết không ?

- Đúng thế, quả thật trăm không thể làm chủ được cái thân này, dù trăm đang làm chủ cả quốc gia. Còn điểm thứ ba là gì thưa Tôn giả ?

- Thứ ba là trên thế gian không có cái gì của mình.

- Ủa, sao Tôn giả nói vậy ? Trăm có biết bao nhiêu là kho tàng châu báu, giang sơn gấm vóc này thuộc về trăm. Nói gì đến vật, ngay cả đến người, trăm cũng sở hữu từ quan đại thần lớn nhất trở xuống, trăm sai đâu chạy đó, sao lại không sở hữu ?

- Đại vương, khi đại vương nằm xuống, ngài có thể đem theo tất cả kho báu, giang sơn xuống âm phủ để tiếp tục xử dụng, hay phải giao lại cho kẻ khác, còn mình chết thay không ? Đại vương có thể bắt tất cả đình thần, quyền thuộc dân chúng cùng chết theo qua bên kia thế giới để Đại vương tiếp tục làm chủ, hay Đại vương phải ra đi một mình, để người khác thay Đại vương trị vì thiên hạ ?

- Thưa hiền giả, đúng thế. Trẫm không thể mang theo cái gì khi chết và phải chết một mình trôi nổi, để lại giang sơn này cho người khác. Thảm thương thay ! Còn điểm thứ tư là gì, xin Tôn giả hãy giảng ?

- Thứ tư là thế gian này thật thiếu thốn, thêm khát, nô lệ cho dục vọng, tham lam không bao giờ vơi.

- Nói vậy trẫm nghĩ e chỉ đúng với những người thường, chứ trẫm đây mà còn thiếu thốn thêm khát cái gì. Vì trẫm muốn gì chẳng có, đâu còn thèm gì nữa.

- Đại vương, giả như Đại vương bây giờ được tin phi báo của các đội quân tuần tiễu rằng : phía đông có mỏ vàng, phương nam có mỏ bạc, phương tây có mỏ kim cương, còn ở phương bắc hiện có một xứ giàu có, đất đai phì nhiêu mà gặp ông vua trụy lạc bê bối,

cai trị mất lòng dân, nên sự nghiệp phòng vệ rất
lòng lẻo, thì Đại vương nghĩ thế nào ?

- Thưa Tôn giả, trăm sẽ hội họp đình thần, cất
công tác cho vị này phụ trách khai thác mỏ vàng,
mỏ bạc vị kia đào mỏ kim cương. Còn cái xứ giàu
có phi nhiêu dễ chiếm ấy, thì trăm sẽ sai võ quan
cử binh tới chiếm để mở mang bờ cõi.

- Đại vương, đó chính là sự thèm khát, túi tham
không đáy nơi Đại vương. Người đã có một nước
thì thèm chiếm thêm nước khác, cho đến kẻ vô
sản thì thèm bắt con vịt, con gà của hàng xóm về
làm của mình. Đại vương kết tội kẻ trộm vặt, bỏ
tù nó, mà quên rằng mình là kẻ trộm lớn khi mưu
tính như vậy. Do đó mà Phật dạy : thế gian luôn
luôn thiếu thốn, thèm khát, nô lệ cho lòng tham
và dục vọng.

- Hay thay, bạch Tôn giả, quả như lời Tôn giả,
bốn điểm thuyết giáo của Đức Đạo Sư thật vi diệu.
Lành thay Đức Thế Tôn ! Trăm xin quy y bậc A
La Hán, Chánh đẳng giác và xin cáo từ Tôn giả.

- Đại vương, xin từ biệt.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Tôi đã tạo hạnh phúc cho tôi bằng cách hạn chế sự
ham muốn hơn là làm thỏa mãn nó".

Sự tích Cái mố

Ngày xưa, có một vị Hòa Thượng trụ trì một cảnh chùa ở gần bờ sông trong một thôn quê. Mỗi khi có việc ra tỉnh, Ngài quá giang bằng chiếc dò ngang.

Hôm ấy nhằm ngày 13 tháng bảy, Ngài quá giang ra tỉnh để chủ lễ một đàn kỳ siêu. Khi dò ra tới giữa giòng sông cái thì thấy sóng nổi lên ầm ầm làm cho thuyền tròn trĩnh muốn đắm. Ai nấy ở trên dò cũng đều hoảng hốt kinh khủng, thì ngay lúc ấy, bỗng nhiên thấy nổi lên trên mặt nước, một con cá Kinh rất lớn, dương hai mắt dò ngầu mà nhìn chăm chăm vào vị Hòa thượng kia. Nhưng Hòa thượng vẫn bình tĩnh ngồi niệm Phật.

Trong khi đó, con cá liên cất cao cái đầu lên khỏi mặt nước mà lấp bắp cái miệng nói : "Hỡi hành khách ở trên dò ! - Các người muốn được yên lành, hãy liệng lão ác tăng xuống đây cho ta, để

nuốt chửng nó đi cho hả cơn giận. Các người có biết không ? - Ngày trước, ta theo lão tu đạo, lão không chịu giảng dạy chi cả, cứ buông lỏng cho ta muốn làm gì thì làm, không hề kiềm chế. Vì vậy, ta mới sinh ra lười biếng, chỉ lo rong chơi ăn ngủ theo thể tục, không thiết gì tới công phu sám, ăn chay niệm Phật và săn sóc công việc Chùa. Không những thế, mỗi khi có đám tiệc lại để cho ta mang hậu đáp y để khoe khoang với đại chúng và bốn đạo. Vì những tệ đoan như thế, nên sau khi ta chết, phải dọa vào loài súc sanh làm thân cá Kình, đi tới đâu thì ồ ạt tới đó, làm cho những tôm cá chạy tét đi hết, không có cái gì để ăn, phải chịu đói khát, rất nên cực khổ, thiệt khổ còn hơn loài quỉ đói nữa. Vì thế mà ta chỉ oán lão thôi, còn các người đối với ta vô can, ta không muốn làm hại ai cả".

Nghe cá nói xong, Sư Cụ liền mỉm cười mà đáp rằng : "Này nghiệt súc ! - Nhà ngươi nói thế mới thật là thậm ngu. Há ngươi không hiểu câu phương ngôn : Dập gai, lấy gai mà lễ, hay sao ? - Nếu ngươi đã biết vì tạo những tội lỗi như thế mà phải dọa làm thân cá thì nhà ngươi cần phải ăn năn sám hối tội lỗi và tạo duyên lành, ngó hầu mới được tội diệt phước sanh, rồi mới mong thoát khỏi được quả báo. Ta là Thầy ngươi, mỗi khi dạy

người đứng theo giới luật, thì người bảo là quá nghiêm khắc, hay la rầy quở phạt, còn thả lỏng cho người không nghiêm trị, thì người quen tánh mong lung, thành thử mới phải dọa làm loài cá. Một khi bị dọa, người cần phải sám hối và báo cho ta biết để tụng kinh siêu độ và xá tội cho, còn nếu như muốn ăn thịt ta thì lấy ai để cứu người nữa. Đã có tội, không biết ăn năn mà còn kiếm cách đổ lỗi cho người. - Phạm Phật thì có Tăng cứu, còn như phạm Tăng thì Phật không độ. Người có hiểu câu đó chẳng ? Loài súc sanh kia !!!

Sư cụ quở vừa dứt lời, thì cá Kinh kia cũng lặn chìm xuống dưới đáy nước.

Kể đó, sau bảy ngày đêm vang tiếng tụng kinh cầu siêu độ tại chùa, thì cá Kinh liền trời lên mặt nước, lết thẳng tới sân Chùa, nằm dài một đồng và hướng vào trong Chùa mà nói rằng : "Bạch Thầy, mấy hôm nay, nhờ công đức của Thầy và chư Tăng Ni chú nguyện và tụng kinh siêu độ cho, nên con đã được tiêu nghiệp, thoát kiếp cá Kinh và sanh lên cõi trời Dục Giới. Trước khi lên cõi Trời để hưởng sự khoái lạc của chư Thiên, con xin đến đây thành tâm dâng lễ tạ ơn Thầy cùng chư Tăng Ni và con nguyện lưu cái xác thân cá Kinh tại Chùa để mỗi ngày, chư Tăng Ni cầm cây gậy lên đầu con, ngó hầu làm gương cho những vị nào tu

**hành còn biếng nhác, ưa khoe khoang, tự tôn, tự
đại, không chịu khép mình vào vòng giới luật và
cũng là để nhắc nhở cho những vị ấy nhớ tới bốn
phận tu tâm, hành đạo, để khỏi xao lãng công phu
bái sám, niệm Phật tu thiền, thúc liễm thân tâm,
nghiêm trì giới luật.**

**Vì sự tích như đã kể ở trên, mà từ ngày ấy tới
nay, cái mõ mới trở theo hình con cá để làm kỷ
niệm mà thúc tỉnh người tu hành.**

THANH TÂM

**"Em nhớ hôm nào sông nước vắng
Chuông Chùa lay động ánh sương chiều
Lời Kinh, tiếng "Mở" như thầm nhắn
Cái kiếp phù sinh buổi xế chiều".**

Y vương

Trong những năm mới ngoài ba mươi, trên đường du hóa, Đức Phật gặp một ông Bà La Môn giàu có. Thấy Đức Phật chúng ta quá đẹp trai, ông Bà La Môn liền kêu lại, ngỏ ý muốn gả con gái cưng cho, Đức Đạo Sư bèn từ chối và lựa lời giáo hóa ông Bà La Môn tốt bụng này. Thái độ của Phật khiến người đẹp Ma Đăng Già cảm thấy bị tổn thương, vì cô không phải là hạng gái ế ẩm đến nỗi phải đem bán cho.

Với chủ tâm trả thù Phật, ngày hôm sau Ma Đăng Già cho bán tin với Đại Vương thành U Du rằng cô đã bằng lòng. Một tuần sau, cô trở thành Hoàng phi vua U Du, đệ nhất phu nhân vùng Kasambi.

Nhiều năm trôi qua, ngày mà Ma Đăng Già chờ đợi đã đến. Đức Phật cùng A Nan du hóa qua vùng Kasambi. Những tay chửi lộn muốn chua ngoa nhất của kinh thành đều được tụ tập lại, để đón

chào Đấng Đạo Sư. Ngài điềm nhiên đi qua những con đường vang rền âm thanh thô tục như không có chuyện gì xảy ra. Riêng Tôn giả A Nan, tối tăm mặt mũi trước những âm thanh kỳ quái đó, bèn bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, chúng ta đi về thôi !

- Về đâu hở A Nan ?

- Thưa, đi đến một thành phố khác, như thành Đề Xá chẳng hạn.

- Nhớ nơi đấy, cư dân lại đón tiếp thầy trò mình y hệt như nơi đây thì ông tính sao ?

- Thưa, chúng ta sẽ đi qua thành Hoa Thị !

- Và nếu tình trạng của thành Hoa Thị là tương tự như vậy thì con tính sao ?

- Bạch Thế Tôn, chúng ta sẽ đi và sẽ đến những nơi nào mà người ta không bạc đãi mình như thành Vương Xá, thành Tỳ Xá Ly chẳng hạn.

- Này A Nan ! Tại sao dân cư các thành phố đó lại ưu ái và ân cần với thầy trò mình ?

- Thưa, vì họ đã nghe pháp, hiểu pháp, đã có trí tuệ để biết đâu là hạnh lành, đâu là hành động dữ, nên rất khát khao được chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn.

- Và này, A Nan còn dân cư vùng này tại sao đón tiếp Thầy trò mình kiểu này ?

- Vì họ chưa hề biết đến Phật pháp, chưa phân biệt rõ đâu là việc lành hay việc dữ nên họ mới hành động như thế.

Này A Nan, ví như có một đại lương y tài giỏi thương bệnh nhân như con đẻ. Vị lương y này có bao giờ dán bố cáo trước cổng rằng :

"Nơi đây bốn hiệu chỉ nhận chữa bệnh cho những người lành mạnh hoặc ít bệnh, còn ai đau nặng thì xin miễn tiếp hay không ?

- Bạch Thế Tôn, không bao giờ. Vì thầy thuốc hay cần cho bệnh nặng không phải dành riêng cho người mạnh khỏe.

- Này A Nan, cũng thế ! Như Lai ra đời là vì lợi ích cho những chúng sanh si ám, chưa phân biệt rõ thiện và ác, chuyên tạo nghiệp dữ để chiêu vờ những quả khổ trong ba đường ác. Những người bệnh nặng cần lương y như thế nào thì cư dân nơi đây cũng cần đến sự hiện diện của Như Lai như thế đó. Cư dân của thành Tỳ Xá Ly cùng Vương Xá giống như những người khỏe mạnh hay ít bệnh, các đệ tử Như Lai hiện diện nơi đó cũng đủ rồi. Còn nơi đây, nếu Như Lai không đích thân giáo hóa thì còn ai dám thế nữa, hở A Nan ?

- Nhưng bạch Thế Tôn, nơi đây có ai thềm nghe Thế Tôn nói pháp đâu ? Họ đã đón tiếp Thế Tôn bằng những gì thối tha bẩn thiu nhất. Những người bệnh nặng mà không cần thầy thuốc thì dù lương y có sẵn từ tâm, cũng chỉ uống công vô ích mà thôi.

- Nay A Nan, một người bị bệnh nặng, thân và tâm đều xúc não thống khổ, không thể nào có những tâm niệm ngôn ngữ và hành vi như một người bình thường được. Vị lương y phải tận tâm hành nghề, không xao xuyến về cử chỉ và lời nói bất nhã của bệnh nhân. Cho đến bao giờ, thấy rằng cư dân vùng này thật sự không còn cần đến Như Lai nữa, Như Lai sẽ đi ngay.

Ngay lúc ấy, tên chúa trùm du đảng, thủ lãnh các tay anh chị chửi lộn muốn chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư nói riêng, xin được ngỏ lời xin lỗi Ngài cùng ông thầy đây.

- "Qua câu chuyện đối đáp giữa thầy trò của Ngài, chúng con vô cùng hối hận. Vậy xin Ngài Cồ Đàm đừng giận mà hãy ở lại đây dạy dỗ chúng con, những bệnh nhân đang hấp hối".

Một tuần lễ sau, dân chúng thành U du lại cư xử với đấng Đạo Sư hệt như thành Vương Xá, thành Tỳ Xá Ly. Ngày Đức Đạo Sư cùng Tôn giả

A Nan lên đường du hóa nơi khác, dân chúng lũ lượt kéo nhau đi tiễn đưa, rải hoa và khóc than rất bi thiết.

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Đời không đạo, đời vô liêm sỉ !

Đạo không đời, đạo dạy cho ai ?

Con cộp dễ thương

Xưa có một Thiên sư sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc nọ. Trong một dịp tình cờ, Sư nhặt được một chú bé bị bỏ rơi, đem về hang núi nuôi dưỡng.

Chú bé lớn lên dưới sự chăm sóc của nhà sư giàu lòng bi mẫn, giữa những động đá thâm u, dưới những cội tùng xanh lá. Tâm tình chú cũng đơn sơ và bình yên như con nước trong chảy róc rách qua các hòn cuội trắng. Ngoài Sư phụ ra, chú không hề thấy mặt một nhân vật nào khác. Bạn bè thân thuộc của chú là những thú rừng hiền thường doanh vầy quẩn quít chung quanh chú như hươu nai, khi vượn.

Chú Tiểu đã lớn lên giữa khung trời bao la của thiên nhiên... và mãi đến lúc trưởng thành chú vẫn có màu mắt trong xanh như trẻ thơ... chú chưa từng biết buồn lo là gì cả.

Giang san của chú chỉ có một nhân vật đáng đề phòng là con cộp chúa thỉnh thoảng mò ra ven

sưởi, uống nước ngâm trắng và kêu "cà um" inh ỏi. Mỗi lần vị chúa rừng này về, chú thường theo lệnh Thầy rút lên một cội cây cao cho an toàn... Và theo óc tưởng tượng của chú, cội là một con thú có bộ dáng dữ dằn ghê lắm. Nhưng chú chưa từng giáp mặt với nó lần nào... nên rừng núi vẫn còn là một tổ ấm an ổn hờn nhiên che chở cho chàng trai mới lớn.

Cho đến một hôm vị Thiền sư nhận được tin một người bạn cố tri của mình lâm bệnh nặng, Sư liền quảy túi hạ sơn và chú Tiểu cũng được dịp theo Thầy xuống núi để học khôn luôn thể.

Những trần cảnh xôn xao đa diện của thế nhân kêu gọi óc hiếu kỳ của chàng trai hơn là ham muốn. Chàng bỡ ngỡ nhìn ngắm và lắng nghe tất cả với một thái độ lạnh nhạt của người ngoài cuộc. Dòng đời vẫn miên man trôi chảy và chàng đã nhìn nó với cặp mắt xanh của trẻ thơ. Tất cả đều có vẻ lạ lùng đến buồn cười.

Và trên đường trở về hai Thầy trò tình cờ gặp một thiếu nữ bán lụa... Chàng trai kinh ngạc và say sưa nhìn gương mặt của người khác phái mà lần đầu tiên chàng thấy có một sự thu hút kỳ lạ... Thấy vẻ sống sờ của đệ tử, nhà tu vội vàng nắm tay chàng rào bước, chàng trai bỡ ngỡ hỏi Thầy :

- Bạch Tôn sư... đây là con gì vậy ?

Nhà sư buông thông :

- Cọp đó ! Đi lên kẻo mất mạng bây giờ.

Hai thầy trò trở về Sơn động... Vị sư để ý thấy sau chuyến viễn du, người đệ tử của mình đâm ra thần thờ, bỏ ăn, bỏ ngủ... và có một cái gì thay đổi trong tâm tư chàng trẻ tuổi... Và một hôm, sau cơn dẫn vật tột độ chàng tìm đến Thầy thú thật :

- Bạch Tôn sư ! Sao mà con nhớ con cọp hôm ấy quá... thà rằng... còn tìm đến gặp nó, cho nó nhai xương con... cho rồi. Tán thân mất mạng về tay con cọp dễ thương ấy còn dễ chịu hơn là ở đây mà dẫn vật nhớ thương nó... Từ 20 năm qua, chưa bao giờ con nếm phải một sự đau đớn kịch liệt như thế này. Con phải làm sao đây ?...

"Một em bé tóc dài

Đang rình con bướm bay

Bướm hoa màu sắc sỡ

Chập chồn trong nắng mai.

Bướm vừa đậu cành hoa

Em bé mừng lo xa

Đưa tay nhẹ nhẹ bắt

Nhưng bướm vùng bay xa...

Tìm Thánh Tăng

Tại một ngôi chùa Trung Quốc hồi xưa, có một vị sư nổi tiếng về hạnh ở dơ. Thầy lại không đủ điều kiện thân tướng trang nghiêm để thọ giới, vì thế mặc dù ở chùa đã lâu, thầy vẫn giữ chức vụ của chú tiểu là làm các công việc ở nhà vệ sinh và trong bếp, ngoài vườn. Tất cả những công việc nặng nhọc dơ dáy đại chúng đều giao cho thầy phụ trách. Thầy làm tất cả mọi sự với tâm hoan hỷ, không phàn nàn, lúc nào nụ cười cũng nở trên môi. Mặc dù y phục rách rưới dơ dáy nét mặt thầy luôn luôn rạng rỡ, có điều đáng phàn nàn nhất về thầy là mặc dù đã lớn tuổi, không còn bé bỏng gì, thế mà thầy luôn luôn để mũi chầy thò lò như một cậu bé, không chịu lau chùi, không bao giờ rửa mặt. Cho nên, tuy thầy rất dễ thương, cũng ít ai dám đến gần vì nhờm gớm. Mỗi khi các bạn đồng tu đề nghị :

- Xin chú mày làm phúc quét mũi giùm đi. Dơ dáy lắm.

Thầy chỉ cười hề hề !

- Em không có thì giờ quẹt mũi, Sư huynh ạ !

Rồi bỏ đi một nước. Một hôm, nhân ngày lễ Vu Lan, nhà vua thỉnh tất cả chư Tăng trong chùa không chùa vị nào, vào cung để dự trai Tăng. Nhà vua tha thiết yêu cầu vị Hòa thượng đừng để một vị nào ở chùa, vua sẽ cho người đến giữ chùa trong thời gian Tăng chúng vào cung.

Sở dĩ nhà vua muốn như vậy là vì Ngài có dụng ý. Vua vốn là người mộ đạo tha thiết, cầu gặp Thánh Tăng để khai thị cho mình yếu nghĩa bộ kinh Kim Cang. Do lòng chí thành, một hôm vua được thần nhân báo mộng trong ngôi chùa lớn có vị Thánh Tăng, hãy thỉnh về cung thuyết pháp. Tỉnh dậy, nhà vua hoang mang không biết Thánh Tăng ấy là ai, trong ngôi chùa đông cả ngàn Tăng chúng đó. Sau một hồi bàn luận với cận thần, vua được bày một mưu kế hay ho và vội thực hành ngay kế đó để tìm gặp Thánh Tăng. Thế là vua cho sửa soạn một buổi trai Tăng cúng dường toàn thể Tăng chúng trong ngôi chùa nọ.

Về phần Tăng chúng trong chùa, họ bàn nhau :

- Hôm nay vua thỉnh toàn thể Chư Tăng vào cung thọ trai không chùa một vị nào ở lại giữ chùa.

Nghĩa là phải cho cái chú ở dơ của mình đi theo. Chú ấy chưa thọ giới, vậy trong khi chúng ta đắp y đi có hàng ngũ chính tề thì hãy để chú ấy đi một mình sau rốt khỏi mất thể diện chúng Tăng.

Tăng chúng bằng lòng theo sự sắp đặt ấy và báo tin cho chú ở dơ sửa soạn theo hầu chư Tăng vào cung dự lễ. Họ không quên dặn chú làm phúc quét mũi dùm trước khi ra đi. Chú cười hề hề :

- Dạ được rồi, quý huynh đừng lo. Lần này em xin lau mặt mũi sạch sẽ để theo hầu quý sư huynh.

Vua và đình thần đứng xếp thành hàng rào danh dự đón chư Tăng đông đủ uy nghi từ từ bước qua cổng chính để vào cung. Mặt nhà vua hơi lộ vẻ thất vọng khi thấy gần hết chư Tăng đều điềm nhiên bước qua cổng lớn. Khi người cuối cùng của hàng dài Tăng chúng đắp y đã đi qua cửa cung, sắp có lệnh đóng cửa, thì một vị sư không đắp y, ăn mặc dơ dáy ở đâu nhảy bổ tới, lộn nhào hai ba vòng để tránh dẫm chân lên ngưỡng cửa, vừa lồm bồm nói một mình :

- Chết chưa ! Ai dám dẫm chân lên pháp bảo của Như Lai.

Vua và đình thần quỳ mọp xuống trước vị Thánh Tăng, dâng bộ y quý giá :

- Ngưỡng bách Hòa thượng, đệ tử xin cung thỉnh người thăng pháp tòa, để chúng con được ân triêm pháp nhủ.

Thánh Tăng bước lên pháp tòa dành sẵn, giảng kinh Kim Cang như nước chảy hoa bay cho tất cả đại chúng và triều đình. Đến đoạn "*Ly nhứt thiết chư tướng tức danh chư Phật*" nhà vua thoát nhiên đại ngộ.

Sau thời thuyết pháp nhà vua quỳ sám hối trước đại chúng. Vì lòng tha thiết cầu gặp Thánh Tăng, nhà vua buộc lòng phạm đến pháp bảo bằng cách chôn một quyển kinh Kim Cang ngay lối vào cung điện. Với kế đó, nhà vua đã tìm ra vị Thánh Tăng trong hơn nghìn Tăng chúng, ấy là vị có thần thông biết được chỗ chôn kinh và tránh dẫm chân lên Pháp bảo bằng cách lộn nhào qua cửa ngõ môn.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Nhạn lướt mặt hồ không để bóng,
Gió lượn khóm trúc chẳng lưu vang".

MỤC LỤC

	Trang
Tấm gương đạo hạnh muôn đời còn ghi	5
Hương trình công chúa	14
Tôn giả Bạt Đà Lợi	30
Mở mắt chiêm bao	39
Đại bố thí	43
Người làm mặt nạ	64
Người chặn bờ	67
Chỗn và sư tử	71
Chim bồ câu và chàng đặt bẫy	77
Quả cam oan nghiệt	81
Quan âm Thị Kính	89
Nhân quả của sự bố thí	95
Túi tham không đáy	100
Chiếc gương soi trong tráp báu	107
Đức Phật vào xem một gánh hát xiệc	111
Mượn có xin sửa hàng phục ngoại đạo	115
Gieo gió gặt bão	118
Chuyện chàng Lương Cầu	123
Hạt cơm cúng Phật	130
Vakkali	133
Đi biển tìm vàng	138
Nạn sư Nạn đệ	143
Hẹn cùng sống chết	145
Nghệ thuật tuyệt vời	154
Giữ giới trong sạch được nhiều phúc báo	157
Vợ chồng đánh nhau	164
Người giao mạ	167
Chuối Anh lạc	170
Giành làm lớn	176
Sự tích cá He (cá Heo, cá Nược)	179
Tôn giả Nan Đà	185

Chuyện chàng Xơ Rì Ma Ti	188
Vua Quang Minh	192
Con Nhăn nhện	200
La Văn Châu	203
Phật ẩn với Đồng Pha	206
Thiếp nguyện hai điều	216
Công đức cúng dường Xá Lợi	229
Gọi Phật bằng bạn	236
Đạo trời báo phục	241
Ngũ Xú Nuong	257
Có Niết Bàn không	267
Niết Bàn	270
Ăn oán	273
Tôn giả Xá Lợi Phật	278
Phóng túng	310
Dùng ôm lòng cầu hận	314
Khi công tử chầu tiên	326
Sợi dây bền nhất	334
Chỉ tụng đề kinh Pháp Hoa mà mình và người thoát khổ	338
Giữ ý như thành	342
Định nghiệp khó tránh	351
Sự tích cây nêu ngày tết	356
Một cách cho	362
Công Đức thọ Bát quan trai	368
Những con ngựa dữ	373
Thế nào là Thượng tọa ?	376
Người được ca ngợi	378
Lại Tra Hòa La	381
Sự tích cái mõ	397
Y vương	401
Con cạp dễ thương	406
Tìm Thánh Tăng	409

TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO

do MINH CHIEU sưu tập

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ấn hành



- Chịu trách nhiệm ấn hành : TT. THÍCH GIÁC TOÀN
- Biên tập kỹ thuật : ĐĐ. THÍCH THIÊN MINH
ĐĐ. THÍCH ĐỒNG BỒN
- Sửa bản in : MINH THANH
- Kỹ thuật in & trình bày bìa : PHÁP TUỆ — TÂM CAO



In tại nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng. Số lượng : 5.000 cuốn.
Do Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
Giấy phép số 81/XBNT - GP ngày 2-4-1992
của Sở Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

佛教古代故事